

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ VINH

XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG
TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY
(QUA KHẢO SÁT TẠI BÌNH DƯƠNG)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI – 2025

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THẾ VINH

**XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG
TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY
(QUA KHẢO SÁT TẠI BÌNH DƯƠNG)**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: CHÍNH TRỊ HỌC
MÃ SỐ: 9310201**

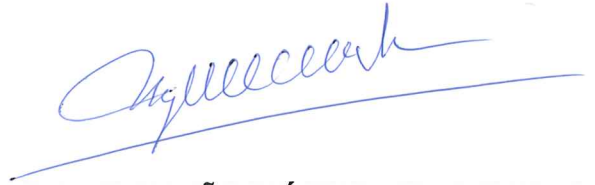
Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Vũ Hoàng Công

HÀ NỘI – 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực, có nguồn trích dẫn rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu của luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả



Nguyễn Thế Vinh

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI	5
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu ngoài nước về đô thị và chính quyền đô thị.....	5
1.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước về đô thị và chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.....	13
1.3. Đánh giá những kết quả đạt được và những vấn đề cần tập trung nghiên cứu	28
Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ... 33	
2.1. Khái niệm đô thị và thực trạng phát triển đô thị ở Việt Nam hiện nay	33
2.2. Chính quyền đô thị ở Việt Nam	40
2.3. Chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.....	43
2.4. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị trên thế giới và những gợi ý cho Việt Nam	67
Chương 3. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY (QUA NGHIÊN CỨU Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT	75
3.1. Hiện trạng đô thị và chính quyền của các đô thị ở Bình Dương.....	75
3.2. Thực trạng xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh Bình Dương.....	82
3.3. Hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết.....	113
Chương 4. QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ	129
4.1. Quan điểm xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.....	129
4.2. Giải pháp xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong giai đoạn tiếp theo	136
KẾT LUẬN	158
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	160
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	161
PHỤ LỤC.....	176

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

HĐND	: Hội đồng nhân dân
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
UBKT	: Ủy ban Kiểm tra
UBMTTQ	: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
UBND	: Ủy ban nhân dân
VN	: Việt Nam
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG

Trang

Bảng 3.1. Quy hoạch và quản lý đơn vị hành chính của tỉnh Bình Dương qua các giai đoạn từ 2017 - 2024	76
Bảng 3.2. Kết quả tinh giản biên chế đội ngũ cán bộ các cấp.....	84
Bảng 3.3. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thành phố Thủ Dầu Một.....	86
Bảng 3.4. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thành phố Tân Uyên	86
Bảng 3.5. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên.....	87
Bảng 3.6. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên.....	87
Bảng 3.7. Đánh giá chỉ số tính minh bạch của chính quyền và sự tham gia của người dân ở tỉnh Bình Dương từ năm 2017 - 2023.....	93
Bảng 3.8. Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành nhà nước thời gian 2017-2022.....	103

DANH MỤC BIỂU ĐỒ, HÌNH

Trang

Biểu đồ 3.1. Kết quả thực hiện đào tạo nguồn nhân lực ở thành phố Thủ Dầu Một	89
Biểu đồ 3.2. Trình độ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Thủ Dầu Một	90
Biểu đồ 3.3. So sánh xếp hạng PCI của Bình Dương với các tỉnh Đông Nam bộ năm 2022 và 2023	101
Biểu đồ 3.4. Tình hình thu hút FDI trong Quý IV/2024 theo lĩnh vực đầu tư	105
Biểu đồ 3.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi số ở thành phố Thủ Dầu Một	109
Biểu đồ 3.6. Kết quả thực hiện chuyển đổi số ở phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên và thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên	110
Hình 3.1. Tỷ trọng thu hút FDI tính trong Quý IV/2024 theo hình thức đầu tư	104

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới, phát triển đất nước đã dẫn đến quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, nhất là từ năm 2000 đến nay. Việt Nam hiện là một trong những quốc gia có tốc độ đô thị hóa nhanh nhất Đông Nam Á, với tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42,7% vào cuối năm 2023 và dự đoán sẽ tăng lên trên 50% vào năm 2030. Hiện nay, toàn quốc có 902 đô thị và sẽ có 1.000 đến 1.200 đô thị vào năm 2050 [112].

Để quản lý và phát triển đô thị đáp ứng sự nghiệp phát triển đất nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 và Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH, ngày 16/12/2019 về Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định các đô thị được quản lý theo mô hình chính quyền đô thị, khác với chính quyền nông thôn.

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền, trong đó có chính quyền đô thị, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 “Một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” [5], tiếp đó là Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức” [9]. Đồng thời với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết trên, các tỉnh, thành phố trong cả nước cũng triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về “Ban hành chương trình cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030”, và đã có những kết quả bước đầu rất tích cực. Tại Phiên họp Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh “Tiếp tục hoàn thiện mô hình của hệ thống chính trị tinh gọn, tổ chức bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Tinh thần là không để ảnh hưởng đến công việc thường xuyên, đột xuất, không thể bỏ rơi chức năng nhiệm vụ nào của Nhà nước và của bộ máy hệ thống chính trị” [152].

Bình Dương là một tỉnh có tốc độ đô thị hóa nhanh chóng. Năm 1997, tỉnh chỉ có 4 đơn vị hành chính cấp huyện với tỷ lệ đô thị hóa 24%. Đến tháng 7/2020, tỉnh có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (3 thành phố, 2 thị xã, 4 huyện). Năm 2021,

tỷ lệ đô thị hóa đạt hơn 82%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ bình quân cả nước là trên 40%. Một số đô thị tiêu biểu như thành phố Dĩ An và thành phố Thuận An đã đạt tỷ lệ đô thị hóa lần lượt là 83% và 84% [61]. Dự kiến đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh sẽ đạt 87% và khoảng 90% vào năm 2030 [10].

Ngày 03/8/2024, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 790/QĐ-TTg “Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”. Mục tiêu đặt ra là Bình Dương sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là trung tâm phát triển năng động và bền vững tại khu vực Đông Nam Á, dẫn đầu về công nghệ và đổi mới sáng tạo. Để hiện thực hóa những mục tiêu này, tỉnh đã tích cực triển khai thực hiện nhiều chính sách, pháp luật trên các mặt, trong đó có Luật chính quyền địa phương 2015 và các Nghị quyết của trung ương Đảng về sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Song giống với nhiều tỉnh, thành phố khác trong cả nước, việc sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương còn nhiều hạn chế, khó khăn. Đó là: thiếu quyết tâm từ một số cơ quan trong việc thực hiện nghị quyết; chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan; quy định thể chế còn thiếu rõ ràng và dài hạn; thiếu cơ sở pháp lý để phát huy vai trò người dân và doanh nghiệp trong quản lý đô thị vv...

Từ tình hình chung của cả nước và cụ thể của tỉnh Bình Dương, việc nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là rất cần thiết. Đó là lý do nghiên cứu sinh chọn đề tài ***“Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay (qua khảo sát tại Bình Dương)”*** cho luận án tiến sĩ chính trị học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Từ góc độ chính trị học, cung cấp những luận cứ khoa học về Chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam và quan điểm, giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục tiêu nghiên cứu, đề tài đặt ra những nhiệm vụ sau:

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.

Hai là, khái quát lý luận về đô thị và chính quyền đô thị, xây dựng khung lý thuyết về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, làm rõ thực trạng xây dựng chính quyền đô thị hiện nay ở Việt Nam (tập trung phân tích trường hợp các đô thị tại Bình Dương) - kết quả và những vấn đề cần giải quyết.

Bốn là, đề xuất quan điểm và giải pháp để thúc đẩy quá trình xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Địa bàn nghiên cứu: các đô thị trong cả nước, tập trung vào các đô thị ở tỉnh Bình Dương với ba loại đô thị chủ yếu: thành phố thuộc tỉnh, phường thuộc thành phố thuộc tỉnh và thị trấn thuộc huyện. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn xây dựng chính quyền đô thị (trọng tâm là các đô thị cấp tỉnh và trực thuộc tỉnh) hiện nay.

- Thời gian nghiên cứu: từ 2017 đến nay (tức là từ khi Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW “Một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”).

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận chung: Chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác-Lênin. Phương pháp luận này được tác giả sử dụng trong toàn luận án với tính cách là quan điểm, phương pháp luận nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Thống kê và phân loại: Phương pháp này tác giả sử dụng để nghiên cứu về sự phát triển của các đô thị ở Việt Nam hiện nay được thể hiện trong Chương 2 của luận án.

- So sánh: Tác giả sử dụng phương pháp này nhằm so sánh chính quyền đô thị giữa Việt Nam với chính quyền đô thị ở một số quốc gia có mô hình chính quyền đô thị tiến tiến trên thế giới như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản và Cộng hòa Liên bang Đức trong Chương 2.

- Phân tích, tổng hợp, khái quát hoá. Phương pháp này được tác giả sử dụng trong Chương 1, Chương 2 và Chương 3 để phân tích tổng hợp các số liệu từ các nguồn đã công bố chính thức, từ nghiên cứu riêng của tác giả, từ đó khái quát hoá thành các quan điểm lý luận làm cơ sở đưa ra quan điểm và giải pháp cho luận án.

- Phỏng vấn sâu: Trò chuyện, trao đổi với cán bộ lãnh đạo, chuyên viên các cơ quan chính quyền đô thị để nắm thông tin liên quan đến xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên địa bàn đô thị. Phương pháp này sử dụng ở Chương 3 của đề tài.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

5.1. Ý nghĩa khoa học

Từ góc độ khoa học chính trị, làm rõ khuôn khổ lý thuyết của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn

Cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tại tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung.

6. Đóng góp mới của Đề tài

- Về mặt lý luận: Cụ thể hoá tiêu chí chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện Việt Nam, với các tiêu chí sau:

- + *Tiêu chí về tinh gọn của chính quyền đô thị*
- + *Tiêu chí về hiệu lực của chính quyền đô thị*
- + *Tiêu chí về hiệu quả của chính quyền đô thị*

- Về mặt thực tiễn: Luận án đưa ra được 4 quan điểm và 5 giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện Việt Nam hiện nay.

7. Kết cấu của Đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục luận án có kết cấu gồm 4 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN TỚI ĐỀ TÀI

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ

1.1.1. Các công trình nghiên cứu về đô thị

Bước vào thế kỷ 21, xu hướng đô thị hóa toàn cầu diễn ra mạnh mẽ, ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế, xã hội và đời sống người dân. Có hai xu hướng phát triển chính của đô thị được xác định:

Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu: Nhiều quốc gia đang chứng kiến sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, dẫn đến tăng nhanh dân số đô thị. Đặc biệt, khu vực Châu Á đã trở thành tâm điểm đầu tư và tăng trưởng, với số lượng đô thị lớn trên 10 triệu dân ngày càng gia tăng. Theo Ngân hàng Thế giới, con số này đã tăng từ 20 thành phố năm 2005 tăng lên 36 vào cuối năm 2016.

Phát triển hệ thống đô thị vệ tinh: Để giảm áp lực lên các thành phố trung tâm, nhiều quốc gia đã xây dựng đô thị vệ tinh nhằm khai thác tiềm năng của đô thị nhỏ hơn, đồng thời cải thiện kết nối giao thông giữa chúng. Chính phủ đã thực hiện các chính sách đầu tư hạ tầng và phân bổ ngành công nghiệp để giảm bớt sự tập trung tại các đô thị lớn.

Sự kết hợp của hai xu hướng này không chỉ hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế mà còn giúp quản lý tốt hơn sự phát triển đô thị trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng. Với hai xu hướng phát triển đô thị phổ biến trên thế giới, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề này, cụ thể như:

Về phát triển đô thị ở Mỹ, nghiên cứu “*The Nature of Metropolitan Governance in Urban America: A Study of Cooperation, Conflict, and Avoidance in the Kansas City Region*” (Dịch: Bản chất của quản lý đô thị ở đô thị Hoa Kỳ: Nghiên cứu về hợp tác, xung đột và tránh né ở khu vực thành phố Kansas), của tác giả Curtis H. Wood (2005), trình bày tại Hội nghị Tạo dựng Cộng đồng Hợp tác được tổ chức tại Đại học Bang Wayne, Detroit, MI, từ ngày 31 tháng 10 đến ngày

01 tháng 11 năm 2005 đã chứng minh rằng mô hình quản lý đô thị chủ đạo ở khu vực thành phố Kansas trên 46 thành phố và 28 dịch vụ công là một trong những hợp tác liên chính phủ. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, hiện nay các thỏa thuận dịch vụ liên chính phủ tăng lên khi một đô thị chuyển giao dịch vụ cho một tổ chức công khác hoặc một đô thị chuyên về dịch vụ khu vực [161].

Nhóm tác giả Brenner, Neil, David J. Madam và David Wachsmuth (2011) trong công trình “*The politics of urban assemblages*” (Dịch: Chính trị của các tổ hợp đô thị) [175] đã cho thấy việc hình thành các đô thị lớn là cần thiết nhưng nó cũng gặp khá nhiều thách thức như: năng lực cung ứng các dịch vụ công đô thị và tình trạng tội phạm ở đô thị diễn biến rất phức tạp.

Nhóm tác giả Brenner, Neil và Christian Schmid (2012), trong nghiên cứu “*Planetary urbanization*” (Dịch: Đô thị hóa hành tinh) [158] còn chỉ ra rằng các thách thức và cơ hội của xu hướng đô thị hóa mà các quốc gia phải vượt qua còn là sự mở rộng đáng kể về không gian và dân số của các khu vực siêu đô thị lớn [178]. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển quá nhanh của các đô thị và quá trình quản trị ở các đô thị trên thế giới hiện nay.

Cùng với hướng nghiên cứu về sự phát triển của các đô thị trên thế giới, có thể nhận thấy các lý thuyết về đô thị hết sức đa dạng và thậm chí xung đột nhau giữa các mô hình tổ chức, phát triển đô thị ở các quốc gia. Một nghiên cứu điển hình của Simon Parker (2015) “*Urban Theory and the Urban Experience: Encountering the city*” (Dịch: Lý thuyết đô thị và trải nghiệm đô thị: Gặp gỡ thành phố) đã cho thấy việc tập trung các chuỗi đô thị lớn chưa hẳn là tốt, đặc biệt là khi chưa có sự đồng thuận của người dân, sự thay đổi mô hình sản xuất và thói quen không phải là điều dễ dàng [181].

Cũng tiếp cận dưới góc độ các thách thức của đô thị, khi tiến hành khảo sát lý thuyết đô thị qua các thành phố lớn, các tác giả Ash và Nigel Thrift (2018) trong công trình “*Seeing Like a City*” (Dịch: Nhìn như một thành phố) [182] chỉ ra thách thức của quá trình hình thành các chuỗi đô thị lớn là tình trạng ô nhiễm môi trường, năng lực tự quản lý và mối quan hệ với chính quyền trung ương và khả năng tài chính để phát triển đô thị.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu về chính quyền đô thị

Hiện nay, nhiều thành phố trên thế giới đang tiến hành đa dạng hóa các mô hình tổ chức chính quyền đô thị nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ tốt hơn cho người dân. Có nhiều mô hình chính quyền đô thị hiện đại có thể áp dụng cho Việt Nam. Do đó, việc nghiên cứu các công trình về xây dựng mô hình chính quyền đô thị từ các nhà khoa học và nghiên cứu là cần thiết để tạo ra một chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả tại Việt Nam. Một số công trình quan trọng đã được khái quát trong nghiên cứu này như sau:

Nghiên cứu *“Ideology and practice in municipal government reform: A case study of Austin”* (Dịch: Ý thức hệ và thực tiễn trong cải cách chính quyền thành phố: Nghiên cứu trường hợp của Austin), tác giả Frank Staniszewski (2007) đã trình bày mô hình chính quyền đô thị qua trường hợp Austin. Theo tác giả, để mô hình chính quyền đô thị hoạt động có hiệu quả thì phải phát huy một cách tốt nhất các nguồn lực từ dân cư vào giải quyết vấn đề cung ứng dịch vụ công. Sự tham gia rộng rãi và đảm bảo tính tự chủ cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết các vấn đề cộng đồng trên cơ sở phân cấp mạnh mẽ là nhân tố quan trọng để đảm bảo cho chính quyền hoạt động hiệu quả [164].

Việc thực hiện các giải pháp xây dựng chính quyền đô thị ở các quốc gia trên thế giới rất đa dạng. Với mức độ phổ biến ngày càng rộng rãi của học thuyết phân chia quyền lực, rất nhiều quốc gia đã áp dụng mô hình phân chia chính quyền thành các cơ quan lập pháp, hành pháp, thậm chí tư pháp tại đô thị trực thuộc trung ương của mình. Và ở mỗi thành phố, tùy thuộc vào đặc điểm lịch sử hình thành, vị trí địa lý, mật độ dân cư... sẽ lựa chọn giải pháp xây dựng chính quyền riêng phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý địa phương.

Về giải pháp xây dựng chính quyền đô thị ở Trung Quốc, Li Hezhong (2012) trong nghiên cứu *“Studying the structure and size of local government in China, Beijing”* (Dịch: Nghiên cứu cơ cấu và quy mô chính quyền địa phương ở Trung Quốc, Bắc Kinh) đã khái quát Trung Quốc là nhà nước đơn nhất, bộ máy nhà nước được tổ chức theo mô hình năm cấp từ trung ương đến địa phương. Nếu chỉ tính riêng chính quyền địa phương thì có bốn cấp, bao gồm: tỉnh, địa khu, huyện, hương. Quan điểm cải cách chính

quyền địa phương hiện nay ở Trung Quốc là bỏ đơn vị hành chính cấp địa khu, thực hiện nguyên tắc “tỉnh quản huyện”, tức là tạo sự liên thông trực tiếp giữa cấp tỉnh và cấp huyện, bỏ khâu trung gian là cấp địa khu. Hiện nay, một số địa phương của Trung Quốc như Phúc Kiến, Quảng Đông, Sơn Tây đã và đang thực hiện thí điểm mô hình này [174].

Trong tác phẩm “Arthur Schopenhauer” của tác giả Bernd Stöver, Berlin được phân tích như một cộng đồng thống nhất và độc đáo sau sự thống nhất của nước Đức vào ngày 03/10/1990. Sau khi trở thành thủ đô của toàn Liên bang Đức, Berlin không chỉ thực hiện vai trò chính trị mà còn tổ chức hành chính với tính chất đặc biệt: “Thành phố 3 trong 1”, tức vừa là thành phố, bang, và đơn vị hành chính lãnh thổ [179]. Berlin được chia thành 12 Bezirk (quận), mỗi quận được trang bị một bộ máy hành chính riêng và các văn phòng tiếp dân. Hiến pháp Berlin quy định rằng Quốc hội tiểu bang gồm các nghị sĩ từ nhiều đảng phái khác nhau, trong khi chính quyền tiểu bang được điều hành bởi Thị trưởng cùng 08 nghị sĩ. Thành phố có xu hướng giảm cấp đơn vị hành chính, tập trung vào tính gần gũi với người dân và quyền tự quản địa phương.

Mô hình tổ chức chính quyền đô thị trên thế giới rất đa dạng, phản ánh đặc điểm lịch sử, địa lý và mật độ dân cư của từng quốc gia. Các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp được phân chia theo nguyên tắc phân chia quyền lực. Sự tham gia của người dân và doanh nghiệp trong quản lý cộng đồng là yếu tố thiết yếu để chính quyền hoạt động hiệu quả. Việt Nam cần nghiên cứu các mô hình này để lựa chọn phương án phù hợp với tình hình thực tế của đất nước và từng địa phương, xem xét các yếu tố như quy mô dân số, phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa truyền thống. Thí điểm một số mô hình mới tại những địa phương cụ thể có thể giúp đánh giá tính khả thi trước khi áp dụng rộng rãi. Ngoài ra, cần đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương trong quản lý đô thị, khuyến khích sự chủ động, sáng tạo, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý công cũng rất quan trọng. Đồng thời, đảm bảo người dân có tiếng nói trong quản lý đô thị và thúc đẩy tính minh bạch. Cuối cùng, một cơ chế giám sát và đánh giá khách quan, công bằng là cần thiết để đảm bảo hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị.

Cuốn sách “*Governing Cities: Asia's Urban Transformation* (Routledge

Advances in Regional Economics, Science and Policy)” (Dịch: Quản lý các thành phố: Chuyển đổi đô thị của Châu Á (Những tiến bộ của Routledge trong Kinh tế, Khoa học và Chính sách khu vực)) của nhóm tác giả Kris Hartley, Glen Kuecker, Michael Waschak, Jun Jie Woo, Charles Chao Rong Phua (2020) đã trình bày nghiên cứu về ba vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt đối với các thành phố ở châu Á: quản trị, khả năng sống và tính bền vững. Những vấn đề này đề cập đến những xu hướng nổi bật được xác định trong quá trình đô thị hóa ở Châu Á. Xem xét các quá trình và ý nghĩa của đô thị hóa ở châu Á, cuốn sách đan xen các trường hợp thực tế với lý thuyết và tính chính xác thực nghiệm, đồng thời đưa ra cái nhìn sâu sắc và phức tạp về những thách thức to lớn của quản lý đô thị [172].

Bên cạnh đó, xây dựng đô thị thông minh là một xu hướng tất yếu trên thế giới, được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố và mang lại nhiều lợi ích cho các thành phố và cư dân. Việc nắm bắt xu hướng này và triển khai các giải pháp đô thị thông minh phù hợp sẽ giúp các thành phố giải quyết các thách thức hiện tại, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Tương lai của đô thị chính là đô thị thông minh, và các thành phố cần chủ động thích nghi và đổi mới để đón đầu xu hướng này. Với ý nghĩa đó, nhiều nhà khoa học đã có những công trình nghiên cứu về đô thị thông minh như:

Nhóm tác giả Houbing Song, Ravi S. Srinivasan, Tamim I. Sookoor, Sabina Jeschke (2018) trong nghiên cứu “Smart Cities: Foundations, Principles, and Applications” (Dịch: Thành phố thông minh: Nền tảng, Nguyên tắc và Ứng dụng) đã cho rằng: Thế giới đang đẩy mạnh phát triển và ứng dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư ở các đô thị thông minh mà nền tảng là internet kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT), dữ liệu lớn (Big Data), robot và trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), điện toán di động, cảm biến mọi lúc mọi nơi, hệ thống kết nối thực - ảo,... giúp cho năng suất lao động tăng lên nhanh chóng, cơ cấu lao động biến động mạnh, chất lượng cuộc sống được nâng cao, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với phương thức quản lý, lãnh đạo của các quốc gia, doanh nghiệp,...

Trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc xây dựng và phát

triển thành phố thông minh (Smart City) đã trở thành ưu tiên hàng đầu cho nghiên cứu và phát triển toàn cầu. Một thành phố thông minh không chỉ là kết quả tất yếu mà còn là công cụ giúp đạt được các mục tiêu như giá trị sống cao, thân thiện với môi trường, khả năng phục hồi sau thảm họa, và phát triển bền vững. Các kế hoạch phát triển thành phố thông minh đã bắt đầu biến từ lý thuyết thành thực tiễn, mở ra cơ hội trong nhiều lĩnh vực như tăng trưởng kinh tế, hạ tầng, giao thông, môi trường, chăm sóc sức khỏe và năng lượng. Tuy nhiên, sự chuyển mình này cũng đặt ra nhiều thách thức cần giải quyết, từ thiết kế đến quản lý, nhằm đảm bảo tính hiệu quả và thông minh của các đô thị [165].

Các tác giả Mike Barlow và Cornelia Lévy-Bencheton (2020) trong cuốn sách “Smart cities, smart future” (Dịch: Thành phố thông minh, tương lai thông minh) đã cho rằng trong vòng 20 năm tới, 70% dân số thế giới sẽ sống trong các đô thị. Những thay đổi theo cấp số nhân sẽ làm cho con người thấy choáng váng. Công cuộc thiết kế và vận hành những đô thị thông minh hơn không chỉ là một trào lưu - nó là mô hình tất yếu của tương lai và nền văn hóa mà ta có khả năng cùng chung tay vun đắp. Cần cả một hệ sinh thái - gồm chính phủ, công dân, doanh nghiệp và giới học thuật - để bảo đảm rằng chúng ta tiến hành công cuộc đó cho đúng và đều cùng nhận trách nhiệm, không trừ bên nào [176].

Công trình nghiên cứu của Tan Yigitcanlar và các cộng sự (2021), mang tên “Responsible Urban Innovation with Local Government Artificial Intelligence (AI): A Conceptual Framework and Research Agenda” (Dịch: Đổi mới đô thị có trách nhiệm với trí tuệ nhân tạo (AI) của chính quyền địa phương: Khung khái niệm và chương trình nghiên cứu), tập trung vào việc ứng dụng công nghệ AI trong chính quyền địa phương nhằm giải quyết các vấn đề đô thị hóa. Nghiên cứu chỉ ra rằng, dù công nghệ kỹ thuật số tiên tiến có thể làm giảm bớt những thách thức trong đô thị hóa, song nó cũng có thể tạo ra hoặc làm trầm trọng thêm các vấn đề cũ. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc áp dụng các nguyên tắc đổi mới đô thị có trách nhiệm để đảm bảo đạt được kết quả mong muốn cho tương lai đô thị. Nghiên cứu cung cấp một tổng quan về tài liệu hiện có, đề xuất một khuôn khổ khái niệm và xác định cần thiết phải cân bằng giữa chi phí, lợi ích, rủi ro và tác động của hệ thống AI.

Nghiên cứu này không chỉ đưa ra những hiểu biết mới mà còn xác định các câu hỏi nghiên cứu tiềm năng cùng hướng đi cho các học giả, từ đó hỗ trợ các nhà hoạch định chính sách và quản lý hiểu rõ hơn về vai trò của AI trong việc thúc đẩy đổi mới đô thị có trách nhiệm [183].

Nghiên cứu cho thấy xu hướng đô thị hóa là một phần không thể tránh khỏi trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự tập trung dân cư vào các đô thị lớn mang đến nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức như cung cấp dịch vụ công, an ninh trật tự, ô nhiễm môi trường và quản lý hiệu quả. Đặc biệt, sự phát triển nhanh chóng của các siêu đô thị tạo áp lực lên hệ thống quản trị đô thị. Việc xây dựng mô hình chính quyền kết hợp các chuỗi đô thị được coi là giải pháp quan trọng để cải thiện chất lượng sống. Một trong những hướng đi chủ đạo là phát triển đô thị thông minh bền vững với sự hỗ trợ từ công nghệ cao như IoT, Big Data và AI, nhằm giải quyết các thách thức đô thị hóa và hướng tới một môi trường sống thân thiện và bền vững hơn.

Đô thị hóa là xu hướng phát triển tất yếu của các quốc gia trên thế giới, tuy nhiên trong quá trình đô thị hóa ở mỗi quốc gia đều tồn tại những vấn đề nội tại phát sinh cần phải giải quyết, thậm chí là những mâu thuẫn xảy ra trên nhiều lĩnh vực. Các nghiên cứu trên cơ bản đã chỉ ra những vấn đề đó và có nhiều định hướng, giải pháp để khắc phục những mâu thuẫn, tồn tại, hạn chế trong quá trình đô thị hóa.

Ngoài ra, trên thế giới, các nghiên cứu về vấn đề quản trị đô thị đã được nhiều tác giả tập trung nghiên cứu trong nhiều thập kỷ qua. Trong đó có thể kể đến các công trình nghiên cứu tiêu biểu như:

Cuốn sách “*Local and Urban Governance*” (Dịch: Quản lý địa phương và đô thị) của tác giả Carlos Nunes Silva (2017) đã nghiên cứu những đổi mới trong phương thức quản lý lãnh thổ với các chủ đề như: Chính quyền địa phương và khu vực, Quản trị đô thị và đô thị, Quản trị lãnh thổ đa cấp, Quản trị địa phương thời hậu thuộc địa, Cải cách sáp nhập thành phố, Hợp tác liên đô thị, Quy hoạch không gian chiến lược, Sự tham gia của người dân vào các chính sách của địa phương, Quản trị địa phương, công bằng không gian và quyền đối với thành phố, Dịch vụ công cộng địa phương, Chính sách phát triển kinh tế địa phương, Quản trị địa

phương thông minh,...[160]. Cuốn sách này là một công trình nghiên cứu khá công phu, toàn diện về vấn đề quản trị địa phương, trong đó có những vấn đề về quản trị ở khu vực đô thị.

Cuốn sách “Năng lực chính quyền đô thị và hiệu suất kinh tế: Phân tích các thành phố Trung Quốc” của Jiejing Wang (2020) nhấn mạnh rằng năng lực quản lý của chính quyền đô thị ảnh hưởng lớn đến khả năng huy động nguồn lực và phát triển kinh tế của các thành phố. Tác giả phân tích tầm quan trọng của cấu trúc quy mô năng lực chính quyền giữa các thành phố lân cận, cho rằng chúng tạo ra nhiều tác động ngoài phạm vi quyền hạn. Nghiên cứu được thực hiện dựa trên dữ liệu vào năm 2010, nhằm đo lường trực tiếp năng lực chính quyền đô thị đối với hiệu quả kinh tế của từng thành phố và khả năng tương tác giữa các thành phố lân cận. Kết quả cho thấy, năng lực chính quyền đô thị có tác động tích cực và đáng kể đến hiệu suất kinh tế, đặc biệt là ở những khu vực mà một thành phố dẫn đầu về năng lực quản lý [168].

Cuốn sách "Urban Governance in Transition" (Dịch: Quản lý đô thị trong quá trình chuyển đổi) của tác giả Hongshan Yang (2021) nghiên cứu về quản trị đô thị ở Trung Quốc trong bối cảnh hiện đại. Tác giả đã xác định bốn phương thức quản trị cơ bản, bao gồm: Phương thức chính phủ toàn năng, Phương thức quản trị tự trị, Phương thức quản trị tích hợp, Phương thức quản trị hợp tác. Ngoài việc mô tả các phương thức này, cuốn sách còn phân tích các chủ đề nóng trong quản lý đô thị hiện nay, như: Phát triển thể chế quản lý đô thị, Quan hệ giữa thành phố và quận, Quản trị xuyên biên giới, Phối hợp liên ngành, Quản lý đường phố, Cung cấp dịch vụ cộng đồng. Yang cũng làm rõ một số hiểu lầm thường gặp trong thực tiễn quản lý đô thị, đồng thời chỉ ra rằng mô hình quản trị tích hợp hiện tại đang gặp nhiều vấn đề. Để khắc phục những rủi ro này, tác giả nhấn mạnh cần thiết phải phát triển các cơ chế thể chế mới dựa trên nguyên tắc quản trị hợp tác, nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các thành phố tại Trung Quốc [166].

Một điển hình về xây dựng chính quyền đô thị ở châu Âu được nghiên cứu trong cuốn sách “*Local Government and Governance in Germany*” (Dịch: Chính quyền địa phương và quản lý ở Đức) của Carlos Nunes Silva (2024) nhằm mục đích

phác thảo các đặc điểm chính trị, chức năng, hành chính và tài chính quan trọng của hệ thống chính quyền địa phương của Đức và đặt chúng vào một góc độ so sánh (Châu Âu). Khi theo đuổi cách tiếp cận “theo chủ nghĩa thể chế”, cuốn sách tập trung vào việc thảo luận xem bằng cách nào và tại sao vị trí và hoạt động của chính quyền địa phương trong cơ chế liên chính quyền (“đa cấp”) đã thay đổi trước nhiều thách thức và khủng hoảng [162].

Cuốn sách “*Urban Governance in Southeast Asia*” (Dịch: Quản lý đô thị ở Đông Nam Á) của tác giả Carlos Nunes Silva (2024) đã dựa trên lý thuyết điều tiết để giải thích các chính sách và kết quả quy hoạch đô thị ở Đông Nam Á như một chức năng của cơ cấu và quy trình quản trị. Cuốn sách tìm cách chứng minh vai trò của các chính sách và khung thể chế thực hiện tương xứng trong việc tính toán các động lực quan trọng trong lĩnh vực đô thị hiện đại trong khu vực. Khi phân tích khuôn khổ thể chế về quy hoạch và quản lý đô thị, cuốn sách đã nghiên cứu một chủ đề cho đến nay vẫn bị bỏ quên, cụ thể đó là chính quyền trong quản lý đô thị ở Đông Nam Á. Vì vậy, cuốn sách nhằm mục đích thừa nhận tầm quan trọng của thể chế trong việc quyết định sự thành công của các chính sách phát triển đô thị [163].

1.2. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC VỀ ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

1.2.1. Những công trình nghiên cứu về đô thị và chính quyền đô thị

Ở Việt Nam, quá trình biến đổi, phát triển đô thị được sắp xếp, phân tích và đánh giá theo từng giai đoạn lịch sử, phân tích những luận điểm để chứng minh từng quá trình phát triển đô thị cần lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm trên cơ sở vận dụng lý thuyết các cực tăng trưởng. Trên cơ sở đó có thể kể đến các công trình nghiên cứu về đô thị chủ yếu như:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Việt Nam cũng như các quốc gia châu Á đang chứng kiến những thay đổi quan trọng ở cả khu vực nông thôn và đô thị. Việc nghiên cứu biến đổi đô thị trong mối liên hệ với nông thôn, địa phương với quốc gia và toàn cầu, cũng như quá khứ và hiện tại, mang lại ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Cuốn sách “Toàn cầu hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam

ương đại” do nhóm tác giả Phạm Quang Minh, Nguyễn Văn Sửu, lên Ang và Gay Hawkins (Chủ biên) (2016) đã làm rõ những diễn biến đô thị qua các bối cảnh không gian và thời gian khác nhau. Nhóm tác giả thảo luận về nhiều khía cạnh biến đổi của đô thị, bao gồm dân số và di cư, sinh kế, tôn giáo, tín ngưỡng, thực hành văn hóa và các vấn đề xã hội, môi trường. Các nghiên cứu trong sách yêu cầu cách tiếp cận cộng tác, tích hợp và liên ngành để hiểu rõ hơn về những biến đổi này trong tiến trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa [74]. Đây là những vấn đề rất quan trọng cho sự hình thành, phát triển của bất kỳ một đô thị nào trên thế giới.

Trên quan điểm coi những thay đổi về dân cư - lao động là một phần tạo nên đô thị hóa, Nguyễn Viết Định trong bài viết “Di dân từ nông thôn đến thành thị - Một số khuyến nghị chính sách” đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước (online), ngày 22/12/2020 [37], đã phân tích mối quan hệ giữa nông thôn và đô thị thông qua dòng di cư tự phát từ nông thôn đến các đô thị lớn ở Việt Nam. Đồng thời, bài viết chỉ ra những thách thức lớn cần phải giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình di dân từ nông thôn đến thành thị. Do đó, cần có sự quan tâm của Nhà nước và chính quyền địa phương từ góc độ chính sách đối với vấn đề di dân từ nông thôn đến thành thị.

Đô thị hóa nhìn từ góc độ địa lý kinh tế - xã hội đã thu hút sự chú ý đặc biệt tới mối quan hệ giữa nông thôn và đô thị. Sách "Giáo trình quản lý đô thị" của tác giả Nguyễn Hữu Đoàn (2003) sử dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí để đánh giá mức độ đô thị hóa, nhằm phát triển các quan điểm cho đô thị Việt Nam đến năm 2020. Đô thị hóa với tốc độ nhanh chóng được coi là xu thế tất yếu của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Các đô thị được xem là hạt nhân quan trọng trong sự phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Mặc dù hiện tại, đô thị Việt Nam còn nhỏ bé so với thế giới, nhưng cũng đối mặt với nhiều vấn đề phức tạp tương tự như các đô thị phát triển. Dự báo trong tương lai, đô thị Việt Nam sẽ phát triển mạnh mẽ nhờ vào xu hướng toàn cầu và sự hợp tác quốc tế [36].

Ngoài ra, trong những năm gần đây, các ngành khoa học xã hội và nhân văn cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu về đô thị hóa Việt Nam. Đó là các nghiên cứu về tác động kinh tế - xã hội môi trường của quá trình đô thị hóa với các vùng

nông thôn xung quanh các đô thị lớn. Những đề tài này cũng đã cung cấp những cơ sở khoa học cho các cơ quan liên quan đến việc hoạch định chiến lược, kế hoạch và quá trình phát triển đô thị, mối quan hệ phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, việc nghiên cứu về vấn đề đô thị hóa là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng nhằm phục vụ cho việc xây dựng các mô hình, chính sách quản lý đô thị ở các địa phương ở Việt Nam.

Đô thị hóa là quá trình chuyển đổi từ không gian nông thôn và nông nghiệp sang xây dựng đô thị, bao gồm nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học - kỹ thuật. Quá trình này đánh dấu sự chuyển mình từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Để đạt mục tiêu trở thành quốc gia có nền công nghiệp hiện đại vào năm 2030 và nước phát triển vào năm 2045, Việt Nam cần thúc đẩy phát triển đô thị một cách nhanh chóng và hiệu quả. Việc nghiên cứu thực trạng phát triển đô thị ở Việt Nam rất quan trọng, giúp nhận diện các vấn đề trong quá trình đô thị hóa và đưa ra giải pháp quản lý hiệu quả cho chính quyền và đời sống xã hội tại các địa phương.

Luận án tiến sĩ kinh tế của Nguyễn Hữu Hoàn *“Vận dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí đánh giá mức độ đô thị hoá nhằm góp phần xây dựng các quan điểm phát triển đô thị ở Việt Nam đến năm 2020, lấy Hà Nội làm ví dụ”* (2009). Tác giả luận án đã phân tích Đô thị hóa là biểu hiện của sự phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện qua việc chuyển đổi từ hình thức sống ít văn minh sang hình thức sống hiện đại hơn. Quá trình này không chỉ thay đổi mối quan hệ giữa con người trong sản xuất và sinh hoạt xã hội, mà còn làm tăng mức độ tập trung dân cư, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng. Đô thị hóa phải dựa trên sự phát triển kinh tế, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ, thúc đẩy sự phát triển và tích lũy nguồn lực cho xã hội. Mối quan hệ giữa đô thị hóa và phát triển kinh tế- xã hội là biện chứng; khi lực lượng sản xuất chưa phát triển, đô thị hóa phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên và kinh tế. Ngược lại, khi lực lượng sản xuất phát triển cùng với khoa học, đô thị hóa sẽ có ảnh hưởng rõ rệt đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Tại Việt Nam, hệ thống đô thị đã được phát triển từ Bắc vào Nam, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế. Tuy nhiên, vẫn tồn tại nhiều vấn đề trong quản lý đô thị, cùng những

hạn chế trong nhận thức và đánh giá đô thị hóa, gây ra sự thiếu đồng nhất về chủ trương phát triển đô thị ở quốc gia này [56].

Nghiên cứu trong cuốn sách “*Chủ trương chính sách của Việt Nam chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*” của Ban Kinh tế Trung ương (2019) do Nguyễn Văn Bình (chủ biên) đã chỉ ra rằng, trong thế kỷ mới, khoa học và công nghệ, trong đó đặc biệt là sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ thông tin, công nghệ số sẽ tác động to lớn tới tăng trưởng kinh tế, nhất là ở các đô thị do tạo ra những ngành kinh tế, lĩnh vực kinh doanh, phương thức sản xuất mới như ngành chuỗi khối, vật thể bay, y tế từ xa, thực tại ảo [9]...

Cùng với mục tiêu đánh giá mức độ phát triển đô thị ở Việt Nam, hai tác giả Vũ Trọng Lâm - Nguyễn Thị Diễm Hằng (2021), trong bài viết “*Phát triển đô thị ở Việt Nam hướng tới mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” đăng trên Tạp chí Cộng sản (online), ngày 05/5/2021, đã đánh giá những kết quả đạt được trong quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam. Qua đó, nhóm tác giả cũng đã nêu ra những khó khăn, hạn chế trong phát triển đô thị ở Việt Nam trong thời gian qua, như: *Một là*, tốc độ đô thị hóa nhanh nhưng chất lượng chưa cao. *Hai là*, nhiều đô thị có tốc độ tăng dân số cao, gây áp lực lớn đến hệ thống kết cấu hạ tầng, làm ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ công cộng. *Bốn là*, các đô thị đối mặt với một số vấn đề có tính toàn cầu như: Hội nhập quốc tế, cạnh tranh đô thị, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, ... nhất là các vấn đề phức tạp của quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị như dịch cư, chênh lệch giàu nghèo, nhà ở, lao động, việc làm, phát triển vùng ven đô, liên kết đô thị - nông thôn,...[65].

Ngoài ra, trong quá trình đô thị hóa ở Việt Nam, công trình “*Một vài nghiên cứu về kinh nghiệm phát triển đô thị thích ứng với các yếu tố bản địa*” cũng là một trong những vấn đề quan trọng, bởi vì các hoạt động trong quy hoạch phát triển và xây dựng kiến trúc đô thị luôn gắn liền với việc con người tác động tới các yếu tố bản địa như: môi trường, cảnh quan thiên nhiên, văn hóa và tôn giáo ở các quốc gia nói chung và các địa phương nói riêng. Đây cũng chính là chủ đề chính được thể hiện trong bài viết của nhóm tác giả Nguyễn Việt Huy, Nguyễn Quốc Thông và Vũ Thị Hương Lan đăng trên Tạp chí Kiến trúc, số tháng 5/2023[47].

Không nằm ngoài xu hướng đô thị hóa trên thế giới, với tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, Việt Nam cũng đã hình thành nhiều đô thị, siêu đô thị và vùng đô thị. Trong quá trình đó, đô thị hóa ở Việt Nam nói chung và từng đô thị nói riêng luôn tồn tại và nảy sinh nhiều vấn đề cần giải quyết như: an ninh trật tự, cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội,... Đây đều là những vấn đề mà các tác giả, nhà khoa học trong nước đã đề cập đến đối với nghiên cứu quá trình đô thị hóa ở Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình này đều chưa chỉ ra được những vấn đề mang tính điển hình có thể tồn tại, phát sinh cần giải quyết ở từng loại hình đô thị cụ thể ở Việt Nam hiện nay.

Quản trị đô thị là hệ thống quản lý và điều hành các hoạt động trong một đô thị, bao gồm cả chính quyền địa phương, các tổ chức, cộng đồng và cá nhân. Quản trị đô thị đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng, phát triển và duy trì một đô thị hiện đại, bền vững, nơi mọi cư dân có cuộc sống chất lượng cao và hài lòng. Ở Việt Nam, về quản trị địa phương nói chung và quản trị ở đô thị nói riêng đã có nhiều công trình nghiên cứu như:

- *Nhóm công trình nghiên cứu về chính quyền địa phương:*

Chính quyền địa phương là một tổ chức hành chính có tư cách pháp nhân được hiến pháp và pháp luật công nhận sự tồn tại vì mục đích quản lý một khu vực nằm trong một quốc gia. Tại Việt Nam, theo khoản 1 Điều 4, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND và UBND được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

Cùng với việc phân tích cơ quan quyền lực ở địa phương có bài viết “*Một số vấn đề cần hoàn thiện trong tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân các cấp*” của tác giả Bùi Xuân Đức đăng trên Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 7/2000. Tác giả cho rằng trong điều kiện đẩy mạnh phân cấp quản lý cho chính quyền địa phương đòi hỏi HĐND phải đổi mới tổ chức, hoạt động có hiệu quả hơn, chuyên nghiệp hơn. Với việc phân cấp quản lý nhiều hơn cho chính quyền địa phương, HĐND tỉnh sẽ phải quyết định nhiều hơn các chủ trương, biện pháp để thực hiện nhiệm vụ được giao. Để tự giải quyết tốt các vấn đề của địa phương, đòi hỏi HĐND phải tăng cường và nâng cao chất lượng giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn. Đi đôi với

tăng cường phân cấp quản lý, cần có cơ chế kiểm tra, giám sát của chính quyền trung ương đối với chính quyền địa phương hạn chế tình trạng vì lợi ích địa phương mà ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia [34].

Trong cuốn sách “Tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương” của Vũ Thu xuất bản năm 2019 đã cho rằng trong một quốc gia, quyền lực nhà nước được tổ chức trên phạm vi toàn quốc, với sự thiết lập chính quyền trung ương và chính quyền địa phương trên các đơn vị hành chính - lãnh thổ. Trong các nhà nước hiện đại, tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương đi theo hướng phân quyền, phân cấp hợp lý, vừa thể hiện được tính phổ quát, vừa phản ánh được tính đặc thù quốc gia; đồng thời, quyền lực được thực thi với các đặc tính về dân chủ, minh bạch, có trách nhiệm, pháp quyền, hiệu quả [125].

Về sách chuyên khảo, có các công trình đáng chú ý như: *"Những vấn đề lý luận và thực tiễn về chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay"* do Lê Minh Thông và Nguyễn Như Phát chủ biên; *"Đổi mới nội dung và hoạt động các cấp chính quyền địa phương trong kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế"* của các tác giả Nguyễn Ký, Nguyễn Hữu Đức và Đinh Xuân Hà; *"Chính quyền địa phương với việc đảm bảo thi hành Hiến pháp và pháp luật"* của Trương Đắc Linh; *"Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay"* của Bùi Xuân Đức; *"Tổ chức chính quyền nhà nước ở địa phương (lịch sử và hiện tại)"* của Nguyễn Đăng Dung; *"Một số vấn đề về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương trong giai đoạn hiện nay ở nước ta"* của Bùi Tiến Quý và Dương Danh My...

- Nhóm nghiên cứu về chính quyền đô thị nói chung có các công trình như:

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ về *"Thiết lập mô hình tổ chức chính quyền đô thị"* Mã số 2001-54-057 của tác giả Phạm Hồng Thái (2003). Nội dung đề tài nghiên cứu về mô hình tổ chức chính quyền đô thị bao gồm hình thức tổ chức HĐND và UBND ở đô thị, đặc biệt là những đô thị lớn ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu, tác giả đã đặt ra nhiệm vụ: chỉ ra những nhân tố trực tiếp ảnh hưởng tới mô hình tổ chức bộ máy nhà nước; các đặc điểm, chức năng của đô thị; sự điều chỉnh của pháp luật đối với tổ chức chính quyền đô thị ở nước ta từ năm 1945 tới nay, xem xét mô hình tổ chức chính quyền đô thị một số quốc gia

trên thế giới để so sánh; phân tích các quan điểm khác nhau về mô hình tổ chức chính quyền đô thị [114].

Tác giả Lê Cẩm Hà (2020) trong nghiên cứu *“Chính quyền đô thị ở Việt Nam - Từ góc độ thực tiễn quản lý”* đã cho rằng

Xây dựng chính quyền đô thị là nội dung quan trọng và khó khăn trong quá trình cải cách hành chính ở Việt Nam. Hiện tại, mô hình tổ chức chính quyền địa phương bao gồm: HĐND và UBND ở các đô thị còn có nhiều ý kiến khác nhau. Việc cho phép thí điểm tổ chức chính quyền địa phương ở đô thị hướng đến sự phân biệt những đặc thù riêng biệt là hoàn toàn phù hợp cả về lý luận và thực tiễn. Mỗi thành phố, tùy thuộc đặc điểm địa lý, số lượng, mật độ dân cư để đề xuất, lựa chọn mô hình chính quyền riêng, phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý địa phương [38].

Bài viết của tác giả Nguyễn Thị Thủy (2020) về “Định hướng xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay” trên Tạp chí Khoa học Chính trị, số 8/2020, bài viết tập trung luận giải nội hàm khái niệm về chính quyền đô thị, tìm hiểu thực tiễn triển khai việc xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay; đồng thời, đề xuất định hướng để thực hiện tốt hơn việc xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam trong thời gian tới [123]. Cùng hướng nghiên cứu về định hướng xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ ở Việt Nam có bài viết *“Thực trạng và giải pháp xây dựng hiệu quả chính quyền đô thị ở nước ta hiện nay”* của tác giả Lê Anh Tuấn trên Tạp chí Cộng sản năm 2020 đã xác định lộ trình, cách thức triển khai phải được nghiên cứu nghiêm túc, toàn diện để hướng tới xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp, thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của đất nước trong giai đoạn mới [113].

Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền đô thị là một vấn đề quan trọng trong việc định hình bộ máy, cơ cấu tổ chức chung cho chính quyền đô thị ở Việt Nam. Với ý nghĩa này, bài viết “Tổ chức bộ máy chính quyền đô thị ở các thành phố lớn ở Việt Nam” của tác giả Lê Thị Thu Hường (2022) đăng trên Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương, số tháng 8/2022 đã nêu một cách khái quát tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, cũng như thực trạng xây dựng chính quyền đô thị tại các thành phố lớn ở

Việt Nam hiện nay. Qua khảo sát mô hình chính quyền đô thị ở ba thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, tác giả đã nêu bật 4 vấn đề thực trạng chung của chính quyền đô thị hiện nay như: *Một là*, mô hình chính quyền đô thị ở cả ba thành phố đều có điểm chung là bộ máy được tổ chức tinh gọn, không thực hiện tổ chức HĐND ở một số cấp nhằm mục đích tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với đặc điểm ở đô thị. *Hai là*, chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy HĐND và UBND đã được sắp xếp, điều chỉnh theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017, 2019) và của chính quyền thành phố phù hợp hơn với đặc điểm quản lý, tổ chức ở đô thị. *Ba là*, phương thức hoạt động của HĐND và UBND từng bước được đổi mới, hoàn thiện theo hướng bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, nhanh nhạy trong hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền đô thị. *Bốn là*, trình độ, năng lực, trách nhiệm, phong cách,... của đội ngũ cán bộ, công chức chính quyền đô thị đã có những tiến bộ đáng kể [58].

Ngoài ra, trong xu thế xây dựng chính quyền đô thị hiện nay, việc xây dựng chính quyền đô thị thông minh là một yêu cầu tất yếu trong tình hình mới nhằm đáp ứng có hiệu quả nhu cầu ngày càng của người dân, doanh nghiệp và của chính các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương. Với ý nghĩa đó, Luận án tiến sĩ “*Chính quyền đô thị thông minh cấp tỉnh tại Việt Nam giai đoạn hiện nay*” của Phạm Tiến Luật (2022) đã nêu rõ thành phố thông minh hay đô thị thông minh đang trở thành một trong những xu thế phát triển mạnh mẽ của thời đại, là một cuộc cách mạng về quản lý đô thị và Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế đó. Trong một đô thị thông minh, hoạt động quản lý nhà nước của bộ máy chính quyền đóng vai trò chủ đạo và đó cũng chính là nhiệm vụ của chính quyền đô thị ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam. Luận án cũng đã chỉ ra những hạn chế, bất cập trong quá trình xây dựng chính quyền đô thị thông minh là: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin và truyền thông chưa hoàn thiện, đồng bộ, các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin triển khai trong hoạt động quản lý nhà nước ở đô thị và cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa được đồng bộ kết nối liên thông 4 cấp, từ Trung ương đến cấp xã; nhận thức về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của các cấp lãnh đạo tại các đơn vị vẫn còn hạn chế [67].

Để hoạt động quản lý của chính quyền đô thị được thông suốt, hiệu lực, hiệu quả phải tính đến các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý đô thị ở nước ta. Bài viết “Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý đô thị ở nước ta hiện nay” của PGS.TS Hoàng Xuân Lâm (2023), đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 01/2023 đã chỉ ra những yếu tố mang tính phổ biến và những yếu tố mang tính đặc thù ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị. Tác giả đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản trị của chính quyền đô thị, đó là: Yếu tố không gian, lãnh thổ và điều kiện tự nhiên; Yếu tố dân cư; Yếu tố về cấu trúc đô thị; Yếu tố về kinh tế; Yếu tố cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội; Yếu tố chính trị; Yếu tố văn hóa, lịch sử; Yếu tố xã hội; Yếu tố an ninh, quốc phòng; Yếu tố quy hoạch, xây dựng, kiến trúc, cảnh quan [66].

- Nhóm nghiên cứu về chính quyền đô thị ở các địa phương cụ thể gồm có các công trình như:

Xây dựng chính quyền đô thị là một vấn đề còn mới ở nước ta, vì vậy, Quốc hội đã ban hành nhiều nghị quyết để thực hiện thí điểm xây dựng mô hình này ở những địa phương trọng điểm như: Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội: Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội; Nghị quyết 131/2020/QH14 tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết 119/2020/QH14 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Từ đó đã có nhiều công trình nghiên cứu về chính quyền đô thị tại các địa phương này, cụ thể như:

Bài viết "Thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội - Kết quả bước đầu và nhiệm vụ trong thời gian tới" của tác giả Trần Phương Hoa (2023) đăng trên Tạp chí Tổ chức nhà nước tháng 5/2023, đã tổng hợp thực trạng triển khai mô hình chính quyền đô thị ở Hà Nội và đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo. Bài viết nêu rõ sự cần thiết phải tiến hành những nhiệm vụ để xây dựng và phát triển chính quyền đô thị tại Hà Nội một cách hiệu quả và bền vững: Tiến hành đánh giá công tác lãnh đạo và kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết liên quan; Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế để tận dụng ưu điểm của mô hình chính quyền đô thị; Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức

phường để đảm bảo thí điểm diễn ra hiệu quả; Đổi mới quản trị đô thị, thúc đẩy cải cách hành chính và chuyên đổi số; Thay đổi phương thức làm việc để đồng bộ với việc xây dựng và chỉnh đốn Đảng; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về kết quả đạt được sau khi triển khai mô hình; Sớm có hướng dẫn sử dụng, quản lý cán bộ để đảm bảo sự đồng bộ giữa quy định của Đảng và luật pháp Nhà nước [46].

Cùng với việc tổ chức thí điểm xây dựng chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, các thành phố lớn khác như Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng cũng đã tổ chức thực hiện thí điểm mô hình này trong thời gian qua và đạt được nhiều kết quả quan trọng đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn. Cụ thể có các công trình nghiên cứu như:

Luận án *“Phương hướng, giải pháp xây dựng mô hình tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”* của tác giả Nguyễn Thị Liên Phương (2023) đã hệ thống tổng quan các các công trình nghiên cứu, chỉ ra những vấn đề liên quan đến chính quyền đô thị tại Việt Nam mà các nghiên cứu trước chưa đề cập một cách đầy đủ. Làm rõ cơ sở lý luận về chính quyền đô thị (quan niệm, đặc điểm, mô hình, mối quan hệ giữa chính quyền đô thị với chính quyền trung ương, quản lý nhà nước của chính quyền đô thị, kinh nghiệm tổ chức chính quyền đô thị của một số thành phố trên thế giới và rút ra bài học trong tổ chức chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay...). Bên cạnh đó, nghiên cứu đã làm rõ cơ sở chính trị - pháp lý, đặc điểm của chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (chỉ ra căn cứ chính trị, pháp lý cho việc thiết lập chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; các đặc điểm về kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến quản lý nhà nước); từ đó tiến hành khảo sát thực trạng, chỉ ra các ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề cần khắc phục trong mô hình tổ chức chính quyền đô thị Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời đề xuất phương hướng và giải pháp tổ chức mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm của Thành phố Hồ Chí Minh [83].

Bài viết *“Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và kiến nghị”* của hai tác giả Tiêu Thị Trang Ngân và Nguyễn Minh Hưng (2023), đăng trên Tạp chí Công thương, tháng 2/2023. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị có sức phát triển mạnh mẽ, dẫn đầu cả nước trong nhiều lĩnh vực, bao gồm lĩnh vực cải

cách hành chính, vì thế, tất yếu sẽ là địa phương đi đầu xây dựng chính quyền đô thị tại Việt Nam. Nhóm tác giả đã chỉ ra thực trạng, những hạn chế, khó khăn trong việc tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các kiến nghị đóng góp cho sự hoàn thiện của mô hình chính quyền đô thị [78]. Ngoài ra, bài viết “*Mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh*” của tác giả Đỗ Thị Hiện trên Tạp chí điện tử Lý luận Chính trị đã làm rõ kết quả, hạn chế và những yêu cầu thực tiễn đặt ra trong xây dựng chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh, hướng tới thực hiện mục tiêu xây dựng Thành phố trở thành trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, là đầu tàu kinh tế của cả nước, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc [52].

Ngoài Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh là hai siêu đô thị, Đà Nẵng cũng là một trong năm thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị loại I trong cả nước nên việc tìm hiểu mô hình xây dựng chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng rất quan trọng cho việc rút kinh nghiệm để thực hiện xây dựng mô hình chính quyền đô thị chung cho cả nước. Bài viết “Triển khai thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng - Kết quả bước đầu và giải pháp trong thời gian tới” của tác giả Vũ Xuân Thủy, đăng trên Tạp chí Tổ chức nhà nước, tháng 3/2023 đã khái quát một số kết quả chủ yếu trong việc triển khai thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù để quản lý chính quyền đô thị ở Đà Nẵng, qua đó đưa ra những giải pháp nhằm triển khai mô hình chính quyền đô thị đạt hiệu quả trong thời gian tới [126].

Ngày 09/12/2020, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 thành lập thành phố Thủ Đức, trở thành thành phố duy nhất ở Việt Nam hoạt động theo mô hình chính quyền đô thị thuộc Thành phố trực thuộc Trung ương. Việc nghiên cứu mô hình chính quyền đô thị tại Thủ Đức sẽ cung cấp thêm lý luận và thực tiễn cho các địa phương khác trong cả nước. Bài viết “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền thành phố Thủ Đức trong giai đoạn hiện nay” của Tô Văn Hòa, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp tháng 01/2023, đã nêu rõ mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị ở Thủ Đức với các chỉ tiêu phát triển cụ thể như: Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 10-12% hàng năm; Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 8% hàng năm; Đảm bảo 100% hộ dân sử dụng nước sạch;

Mật độ giao thông đạt 9 km/km²; Diện tích nhà ở bình quân 29 m²/người; Diện tích cây xanh đô thị 1.5 m²/người; Tỷ lệ bác sĩ 21 bác sĩ/10.000 dân. Các chỉ tiêu trên rất quan trọng để thúc đẩy quá trình xây dựng chính quyền đô thị thành công ở các địa phương [45].

Ngoài ra, khi nghiên cứu về xây dựng chính quyền đô thị cần phải nghiên cứu các yếu tố tác động đến xây dựng chính quyền đô thị. Các yếu tố ảnh hưởng đến xây dựng chính quyền đô thị có thể kể đến như: Vai trò lãnh đạo của Đảng trong chính quyền đô thị; Việc phân cấp, phân quyền ở chính quyền đô thị; Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Sự tham gia của người dân vào quy trình quản lý chính quyền đô thị;... Đối với vấn đề này có thể kể đến các công trình nghiên cứu, bài viết: *“Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phân cấp giữa chính quyền đô thị và chính quyền địa phương”* của tác giả Nguyễn Văn Minh, đăng trên Tạp chí Quản lý nhà nước, tháng 5/2018 [76]; bài viết *“Xây dựng chính quyền đô thị trong công cuộc cải cách thể chế hành chính”* của tác giả Lâm Quang Sinh, đăng trên Tạp chí Công thương, tháng 3/2022 [100]; bài viết *“Sự tham gia của người dân Thành phố Hồ Chí Minh vào quy trình ngân sách nhà nước trong bối cảnh áp dụng mô hình chính quyền đô thị”* của tác giả Lương Thị Thu Hương, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 3/2022 [48]; bài viết *“Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý đô thị ở nước ta hiện nay”*, của Hoàng Xuân Lâm - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 11/2022 [66]; bài viết *“Hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”* của tác giả Nguyễn Thị Hương, đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, tháng 4/2023 [57]; bài viết *“Tăng cường hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện thực hiện chính quyền đô thị”* của tác giả Bùi Phương Thảo, đăng trên Tạp chí Khoa học chính trị, tháng 4/2023 [124]; bài viết *“Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng các cấp trong thực hiện thí điểm chính quyền đô thị ở Việt Nam”* của tác giả Lê Thị Hà, đăng trên Tạp chí Cộng sản, tháng 6/2023 [39].

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị đã đóng góp nhiều đề xuất, kiến nghị và mô hình cải cách. Tuy nhiên,

với sự phát triển nhanh chóng của đô thị ở Việt Nam, nhiều vấn đề mới chưa được các công trình này đề cập đầy đủ. Đặc biệt, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào các siêu đô thị, thành phố trực thuộc trung ương như Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng mà ít chú trọng đến những đô thị cấp tỉnh có quy mô tương tự như Bình Dương, Bắc Ninh, Đồng Nai, Huế, và Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu mô hình chính quyền đô thị ở các địa phương cấp tỉnh để bổ sung lý luận cho việc xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về định hướng, giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả có thể kể đến như:

Bài viết *“Hà Nội xây dựng mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”* của tác giả Việt Anh đăng trên Tạp chí Cộng sản, ngày 26/11/2018 đã khẳng định: Trong quá trình điều hành, quản lý theo mô hình chính quyền đô thị, việc đổi mới và tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các cấp chính quyền ở thành phố Hà Nội là nội dung được đặc biệt quan tâm nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đô thị, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong bối cảnh đô thị hóa và quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ [1].

Ngoài ra, trong bài viết *“Thành phố Hồ Chí Minh: Chính quyền đô thị được tiến hành khẩn trương, tinh gọn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động”* của tác giả Long Hồ (2018) trên Trang tin Điện tử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Từ thực tiễn xây dựng chính quyền địa phương trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua, tác giả đã đề xuất những định hướng, phương phát triển chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động như: Tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý chính quyền đô thị; Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho chính quyền đô thị [42].

Tác giả Hồ Tấn Sáng và Mai Thị Hồng Liên (2018) với bài viết *“Tổ chức bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam - Yêu cầu và giải pháp”*

đăng trên Tạp chí Tổ chức nhà nước tháng 12/2018. Trong bài viết này các tác giả đã khái quát lý luận về xây dựng thể chế chính trị, thể chế Nhà nước hợp lý, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Từ đó, đưa ra ba gợi ý về tổ chức bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam hiện nay, đó là: tập trung vào tập trung nguồn lực; tạo lập môi trường, điều kiện và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thích ứng với môi trường văn hóa dân chủ, hiện đại [99].

Đề tài nghiên cứu mang tên “Tinh gọn tổ chức bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp thành phố Hà Nội” do TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền thực hiện vào năm 2019 tại trường Đại học Luật Hà Nội. Đề tài chỉ ra những mặt tích cực và hạn chế trong quá trình xây dựng chính quyền đô thị ở Hà Nội. Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hoạt động quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, từ đó phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Thành phố sẽ tiếp tục triển khai các giải pháp theo hướng “người dân và doanh nghiệp” là đối tượng phục vụ chính. Đề xuất các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động dựa trên sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp. Đề tài đã nêu lên các giải pháp cụ thể: Tăng cường cải cách hành chính, đặc biệt là cải cách thể chế; Thực hiện phân cấp, phân quyền, ủy quyền trong quản lý hành chính nhà nước; Áp dụng mô hình chính quyền điện tử phù hợp với đặc điểm đô thị; Nâng cao năng lực và chất lượng phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức; Tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc thực thi công vụ. Đề tài góp phần định hướng cho việc cải thiện hiệu quả quản lý đô thị, đáp ứng kịp thời nhu cầu của xã hội trong bối cảnh phát triển ngày càng tăng của thành phố Hà Nội [59].

Cuốn sách *“Thực trạng thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng, nhà nước và một số chức danh đảng, chính quyền cấp tỉnh, huyện ở nước ta hiện nay”* do PGS. TS Vũ Hoàng Công (2020) chủ biên đã góp phần đánh giá, tổng kết thực tiễn các địa phương thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XII, gắn với phát triển lý luận về phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới. Từ việc nghiên cứu lý luận của C. Mác, V.I. Lênin và của Đảng ta về đảng cộng sản, về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là những tìm tòi đổi mới hệ thống chính trị trong hơn 30 năm qua; từ nghiên cứu kinh

nghiệm của các nước có mô hình hệ thống chính trị giống Việt Nam, cũng như thí điểm bước đầu ở một số địa phương gần đây, tác giả khẳng định sự cần thiết của việc đề ra chủ trương thí điểm. Bên cạnh đó, tác giả cho rằng: Để việc thí điểm đạt kết quả, cần thực hiện các giải pháp cụ thể phân rõ trách nhiệm, quyền hạn của trung ương và địa phương, trong đó có việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương, ban hành nghị quyết hoặc văn bản pháp lý cần thiết cho các địa phương thực hiện thí điểm, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ... [18].

Tác giả An Trân (2020) với bài viết *“Tinh gọn, hiệu quả từ chính quyền đô thị”* trên tờ báo Nhân Dân đã cho rằng: Triển khai thí điểm mô hình chính quyền đô thị, thành phố Hà Nội đã thực hiện việc "cắt giảm" tổ chức hội đồng nhân dân cấp phường tại các quận và thị xã Sơn Tây. Mặc dù việc này có thể tạo áp lực lên các bộ phận khác trong chính quyền địa phương, nhưng thực tế cho thấy rằng sự tinh gọn này đã mang lại nhiều hiệu quả tích cực trong công tác quản lý, đặc biệt là trong việc giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả này được coi là bước đệm quan trọng để Hà Nội tiến tới một xã hội số trong tương lai [131].

Nghiên cứu về *“Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay”* của tác giả Lê Ngọc Duy (2021), trên cơ sở chỉ ra kết quả đã đạt được, bài viết phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị; đồng thời nêu ra một số hạn chế, bất cập trong tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị theo quy định của pháp luật hiện hành. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay: Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan để ban hành, sửa đổi văn bản pháp luật phù hợp với Hiến pháp, tạo hành lang pháp lý chắc chắn cho chính quyền đô thị; Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cho phù hợp, đảm bảo sự linh hoạt trong quản lý đô thị; Cán bộ cần có trình độ chuyên môn cao và kỹ năng mềm, đáp ứng nhu cầu quản lý đô thị hiện đại; Nâng cao vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc, người dân và các đoàn thể để đảm bảo việc thực thi chính sách là minh bạch, hiệu quả; Ban hành quy định và triển khai phát triển đô thị thông minh, huy động nguồn lực, xây dựng hệ thống thông tin liên lạc tốt hơn giữa Nhà nước và công dân. Các giải pháp này không chỉ giúp nâng cao tính hiệu quả của

chính quyền đô thị mà còn hướng tới mục tiêu phục vụ người dân một cách tối ưu, góp phần vào sự phát triển bền vững của đô thị trong tương lai [23].

Bài viết *“Tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”* của đồng chí Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đăng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông, ngày 04/10/2021 đã khẳng định những kết quả bước đầu trong xây dựng bộ máy hành chính nhà nước thời gian qua theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII. Để thực hiện thành công nhiệm vụ trọng tâm này, đòi hỏi Đảng và Nhà nước có những giải pháp tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Hoàn thiện hệ thống pháp luật đảm bảo tính minh bạch, hiệu lực và phục vụ tốt nhất cho người dân; Tổ chức lại các bộ, ngành để giảm chồng chéo và nâng cao hiệu quả hoạt động đồng thời tập trung vào phát triển lâu dài; Phân cấp và phân quyền rõ ràng, xác định trách nhiệm giữa Chính phủ, các bộ và chính quyền địa phương nhằm nâng cao hiệu quả quản lý; Nghiên cứu tổ chức lại các đơn vị hành chính phù hợp với thực tiễn và khả năng quản lý ở các cấp; Thúc đẩy kỷ luật trong công vụ, khuyến khích sáng tạo và có cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, tăng cường trách nhiệm nêu gương. Tất cả những giải pháp này phải đi đôi với sự phát triển Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhằm củng cố niềm tin của Nhân dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước theo hướng xã hội chủ nghĩa [129].

1.3. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.3.1. Những kết quả đạt được

Nhìn chung, các nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị hiện nay, đánh giá những hạn chế, bất cập và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Các công trình nghiên cứu về chính quyền đô thị ở Việt Nam đều nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh mới. Các nghiên cứu đã đề xuất nhiều giải pháp

cụ thể, từ cải cách hành chính, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đến ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng chính quyền điện tử. Có thể nhận xét các đề tài, công trình, bài viết nêu trên đã phân tích khá toàn diện cơ sở lý luận - thực tiễn cũng như bước đầu đề xuất các quan điểm, phương hướng, giải pháp đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và của chính quyền đô thị nói riêng, với những thành công cơ bản sau đây:

(1) Cung cấp những kiến thức căn bản, bao quát về vấn đề nghiên cứu xây dựng chính quyền đô thị. Đó không chỉ là những quan điểm, lý luận trong việc xây dựng chính quyền đô thị, mà còn là thực tiễn xây dựng chính quyền đô thị tại một số quốc gia trên thế giới cũng như tại một số địa phương ở Việt Nam.

(2) Khẳng định vai trò quan trọng của việc xây dựng đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên thế giới cũng như tại Việt Nam.

(3) Đã đưa ra quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, định hướng phát triển đối với chính quyền đô thị hiện đại tại các đô thị cấp tỉnh ở Việt Nam.

(4) Những công trình nghiên cứu trên đã chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng, những vấn đề phát sinh, thậm chí là những mâu thuẫn trong quá trình xây dựng chính quyền đô thị ở các quốc gia trên thế giới và cả Việt Nam. Những vấn đề này cần được nghiên cứu giải quyết để thống nhất xây dựng bộ máy và cách thức hoạt động, quản lý ở chính quyền đô thị hiện nay.

(5) Đề xuất được các giải pháp về phát triển, hoàn thiện khung pháp lý, hoàn thiện mô hình, xu hướng phát triển chính quyền đô thị hướng đến chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đó là

- *Đổi mới mô hình tổ chức chính quyền đô thị*: Tinh gọn bộ máy tổ chức. Giảm bớt cấp trung gian, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để tránh chồng chéo, trùng lặp. Không tổ chức HĐND ở cấp phường (như mô hình tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), tập trung quyền lực và trách nhiệm vào UBND quận/huyện, nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm giải trình. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, đảm bảo mỗi cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, tránh chồng chéo.

- *Tăng cường phân cấp, phân quyền và ủy quyền*: Phân cấp mạnh mẽ cho chính quyền đô thị, tăng quyền tự chủ trong quản lý, điều hành, tạo điều kiện cho

các đô thị phát triển linh hoạt, phù hợp với đặc thù địa phương. Ủy quyền cho cấp dưới nhằm giảm tải công việc cho cấp trên, tăng hiệu quả giải quyết công việc tại cơ sở.

- *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức*: Nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, đạo đức công vụ. Thu hút nhân tài, khuyến khích cán bộ, công chức làm việc hiệu quả. Tinh giản những cán bộ yếu kém, không đáp ứng yêu cầu công việc.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử*: Triển khai dịch vụ công trực tuyến, giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, quản lý dữ liệu hiệu quả, hỗ trợ công tác ra quyết định. Phát triển đô thị thông minh gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giao thông, môi trường, an ninh trật tự.

- *Tăng cường sự giám sát, tham gia của người dân*: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thông qua giám sát hoạt động của chính quyền, phản biện xã hội. Tạo điều kiện cho người dân tham gia quản lý nhà nước qua các kênh góp ý, phản ánh, đề xuất. Công khai các quyết định, chính sách để người dân nắm bắt và giám sát.

- *Hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp lý*: Ban hành văn bản pháp luật đồng bộ tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị. Thí điểm và nhân rộng mô hình mới: Rút kinh nghiệm từ các địa phương thí điểm để hoàn thiện mô hình.

- *Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành*: Đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, chuyển từ quản lý hành chính sang quản lý phục vụ. Nâng cao năng lực kiến tạo phát triển chính quyền đô thị không chỉ quản lý mà còn định hướng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo liêm chính, chống tham nhũng, lãng phí, xây dựng bộ máy trong sạch, vững mạnh.

Việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là một nhiệm vụ cấp thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh mới. Để thực hiện thành công, cần có sự quyết tâm chính trị cao, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cùng với sự tham gia tích cực của người dân và cộng đồng doanh nghiệp

Những nghiên cứu này vừa có giá trị khoa học, vừa là tư liệu tham khảo, học tập trong quá trình triển khai Luận án.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung nghiên cứu

Mặc dù có những thành công trên nhưng hầu hết những nghiên cứu của các tác giả trên được thực hiện thời điểm Việt Nam mới ở giai đoạn đầu của việc xây dựng chính quyền đô thị và còn khá ít các công trình nghiên cứu về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, nhất là các đô thị thuộc các tỉnh ở Việt Nam. Vì vậy, việc nghiên cứu thực tiễn xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong giai đoạn hiện nay là hết sức cần thiết, để đảm bảo tính cập nhật của vấn đề đang rất được quan tâm này. Hơn nữa, các đề tài nghiên cứu mới dừng lại ở các thành phố cụ thể, do đó chưa có tính khái quát trên phạm vi cả nước. Do vậy, đề tài hướng đến nghiên cứu việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tại các đô thị ở các tỉnh Việt Nam để có được cái nhìn khái quát về vấn đề này, từ đó rút ra được những điểm chung cũng như điểm riêng biệt trong việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh (thành phố, thị xã thuộc tỉnh). Cụ thể, trong Luận án này, tác giả tiếp tục tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Một là, làm rõ khái niệm, đặc điểm của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả;

Hai là, làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý và những nhân tố tác động đến xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở đô thị của các tỉnh tại Việt Nam;

Ba là, xây dựng khung đánh giá chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay;

Bốn là, khảo sát, phân tích thực trạng xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh tiêu biểu về quá trình đô thị hóa tại Việt Nam là tỉnh Bình Dương. Chỉ ra các yếu tố còn hạn chế và các vấn đề đặt ra để xây dựng đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay;

Năm là, nêu ra quan điểm và đề xuất giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở các đô thị thuộc các tỉnh ở Việt Nam.

Như vậy, thực hiện công trình nghiên cứu này tác giả hướng đến hệ thống hóa đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn và đề xuất giải pháp về xây dựng Chính quyền

đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở các đô thị thuộc các tỉnh tại Việt Nam hiện nay.

Tiểu kết Chương 1

Trong nội dung Chương 1, tác giả đã nghiên cứu, tìm tòi các bài viết, công trình nghiên cứu trong, ngoài nước liên quan đến mảng đề tài xây dựng chính quyền đô thị và xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Trong quá trình nghiên cứu các công trình của các nhà khoa học trong và ngoài nước, tác giả đề tài luận án đã có những đánh giá khái quát về những điểm nổi bật, những nội dung mà các công trình nghiên cứu, bài viết đã làm được, đồng thời rút ra những vấn đề đặt ra cho luận án cần tập trung nghiên cứu, cụ thể như:

Một là, làm rõ khái niệm, đặc điểm của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả;

Hai là, làm rõ cơ sở chính trị, pháp lý và những nhân tố tác động đến xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở đô thị của các tỉnh tại Việt Nam;

Ba là, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá việc thực hiện chính quyền đô thị ở cấp tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay;

Bốn là, khảo sát, phân tích thực trạng xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh tiêu biểu về quá trình đô thị hóa tại Việt Nam là tỉnh Bình Dương. Chỉ ra các yếu tố còn hạn chế và các vấn đề đặt ra để xây dựng đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hiện nay;

Năm là, nêu ra quan điểm và đề xuất giải pháp xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở các đô thị thuộc các tỉnh ở Việt Nam.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

2.1. KHÁI NIỆM ĐÔ THỊ VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1.1. Khái niệm đô thị và đặc điểm của đô thị

2.1.1.1. *Khái niệm đô thị*

Theo từ điển Tiếng Việt, đô thị được hiểu là “nơi dân cư đông đúc, là trung tâm thương nghiệp và có thể cả công nghiệp (thành phố, thị xã hoặc thị trấn)” [133, tr.421].

Theo Điều 3 Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009 thì đô thị được định nghĩa là:

Khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp, là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, một địa phương, bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn [87].

Như vậy, đô thị được xác định theo hai cách:

Theo cấu trúc: Sử dụng hai tiêu chí là độ kết tụ (mức độ tập trung công trình và nhà ở) và ngưỡng dân số (số dân tối thiểu trong khu vực). Đô thị được xem là một khu vực khi các công trình nằm sát nhau trong không gian cấu trúc và đạt ngưỡng dân số nhất định.

Theo hành chính: Đánh giá ranh giới đô thị dựa trên quy định của Nhà nước, có thể không phù hợp với không gian cấu trúc đô thị. Ranh giới hành chính mang tính chủ quan, trong khi ranh giới cấu trúc mang tính khách quan.

Theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD, ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng, đô thị được định nghĩa là điểm dân cư tập trung với vai trò phát triển kinh tế-xã hội, có cơ sở hạ tầng thích hợp và yêu cầu dân số tối thiểu (4.000 người cho vùng thành thị, 2.800 cho vùng miền núi), trong đó tỷ lệ lao động phi nông nghiệp ít nhất 65%. Các loại đô thị bao gồm thành phố, thị xã và thị trấn, cùng với các khu chức năng đô thị [11].

Với các quy định như vậy, có thể hiểu: *Đô thị ở Việt Nam là tên gọi chung các thành phố, thị xã, thị trấn và được hiểu là nơi tập trung dân cư đông đúc, là trung tâm của một vùng lãnh thổ với hoạt động kinh tế chủ yếu là công nghiệp và dịch vụ.*

2.1.1.2. Về phân loại đô thị

Theo Nghị quyết 1210/2016/ UBTVQH ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “Phân loại đô thị” và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị” đã làm rõ các tiêu chuẩn cụ thể cho 6 loại đô thị ở Việt Nam:

- Đô thị loại đặc biệt

Vị trí, chức năng, vai trò là Thủ đô hoặc trung tâm tổng hợp cấp quốc gia, quốc tế về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước. Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 5.000.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 3.000.000 người trở lên. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 3.000 người/km² trở lên; khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 12.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 70% trở lên; khu vực nội thành đạt từ 90% trở lên.

- Đô thị loại I

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia, cấp vùng hoặc cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng liên tỉnh hoặc cả nước. Quy mô dân số: Đô thị là thành phố trực thuộc trung ương: quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 1.000.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 500.000 người trở lên; Đô thị là thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 500.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 200.000 người trở lên. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 2.000 người/km² trở lên; khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 10.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 65% trở lên; khu vực nội thành đạt từ 85% trở lên.

- Đô thị loại II

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành

cấp vùng, cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một tỉnh hoặc một vùng liên tỉnh. Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 200.000 người trở lên; khu vực nội thành đạt từ 100.000 người trở lên. 3. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.800 người/km² trở lên; khu vực nội thành tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 8.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 65% trở lên; khu vực nội thành đạt từ 80% trở lên.

- Đô thị loại III

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, vùng liên tỉnh. Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 100.000 người trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 50.000 người trở lên. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.400 người/km² trở lên; khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 7.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 60% trở lên; khu vực nội thành, nội thị đạt từ 75% trở lên.

- Đô thị loại IV

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh, cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, trung tâm hành chính cấp huyện, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện hoặc vùng liên huyện. Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 50.000 người trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 20.000 người trở lên. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.200 người/km² trở lên; khu vực nội thị (nếu có) tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 6.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 55% trở lên; khu vực nội thị (nếu có) đạt từ 70% trở lên.

- Đô thị loại V

Vị trí, chức năng, vai trò là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của

huyện hoặc cụm liên xã. Quy mô dân số toàn đô thị đạt từ 4.000 người trở lên. Mật độ dân số toàn đô thị đạt từ 1.000 người/km² trở lên; mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị đạt từ 5.000 người/km² trở lên. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị đạt từ 55% trở lên.

2.1.1.3. Các đặc điểm cơ bản của đô thị

Các đô thị có những đặc điểm khác nhau theo từng vùng miền, từng quốc gia, từng khu vực trên thế giới, song đều có đặc trưng chủ yếu như sau:

- *Về tiềm năng vị thế:* Khi lựa chọn địa điểm để xây dựng và phát triển đô thị, các nhà hoạch định chính sách về lãnh thổ thường chọn những khu vực có vị trí địa lý đảm bảo các tiêu chuẩn như sau:

+ Là nơi có đất đai tương đối bằng phẳng, thời tiết khí hậu tương đối ôn hòa và ổn định, thuận lợi cho xây dựng đô thị và phát triển kinh tế - xã hội.

+ Vị trí địa lý phải thuận lợi cho giao lưu, thương mại, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế, ổn định chính trị và đảm bảo được an ninh, quốc phòng.

+ Có những ưu thế, tiềm năng nhất định cho phát triển kinh tế: gần các trung tâm giao thông thủy, bộ; có thế mạnh về sản xuất và thương mại như gần nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp, có những danh lam thắng cảnh để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, gần vùng có khả năng sản xuất nông nghiệp lớn để đảm bảo an ninh lương thực.

- *Về cấu trúc không gian vật chất:*

Đô thị là một bộ phận không thể tách rời của vùng, lãnh thổ, cơ cấu lãnh thổ đô thị thường gồm có 2 thành phần chính: Đô thị lõi (urban) và vùng ngoại ô, ngoại thành (suburban).

Đô thị là nơi tập trung các công trình kiến trúc, công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật (như hệ thống giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc...), công trình hạ tầng xã hội (trường học, bệnh viện, nhà trẻ ...), cơ sở thương mại dịch vụ (Siêu thị, trung tâm thương mại, cung triễn lãm...), công trình văn hóa... do bàn tay và trí tuệ con người xây dựng nên với mật độ cao hơn nhiều so với các vùng xung quanh nó. Hệ số sử dụng đất và mật độ xây dựng công trình thường cao hơn khu vực nông thôn với nhiều công trình như các tòa nhà cao tầng, các tổ hợp lớn, hệ

thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật... Do đó, tại đô thị, quản lý quy hoạch không gian được chú trọng.

Quy hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng giao thông, các công trình kiến trúc có vai trò then chốt đối với các hoạt động kinh tế, phân bố việc làm và dân cư. Hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật được xây dựng là động lực lớn và quan trọng thúc đẩy quá trình đô thị hóa.

- *Về con người*. Dân số và mật độ dân số ở khu vực đô thị cũng cao hơn so với các vùng xung quanh. Trong đó, tỉ lệ dân số sinh sống bằng các ngành phi nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao, lao động tại đô thị có trình độ tay nghề cao hơn, tỉ lệ lao động qua đào tạo cao hơn so với khu vực nông thôn.

- *Về quản lý hành chính*, chính quyền đô thị được tập trung hóa và chuyên môn hóa cao phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội và hạ tầng kỹ thuật của đô thị.

- *Về khoa học công nghệ*, đô thị được ứng dụng các khoa học công nghệ hiện đại hơn khu vực nông thôn, từ khoa học xây dựng đến khoa học quản lý và các ngành khoa học khác, đáp ứng hiệu quả nhu cầu của con người tại đô thị.

Như vậy, đô thị là một khu vực lãnh thổ có đặc trưng rất khác so với khu vực nông thôn, đảm nhiệm vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ và phát triển văn hóa, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí, phát triển khoa học công nghệ, nguồn nhân lực, các ngành nghề mới; là trung tâm giao lưu thương mại trong và ngoài nước, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế đối ngoại, giữ vai trò quan trọng trong việc tăng thu ngân sách do Nhà nước và là nhân tố quan trọng trong việc đảm bảo an ninh, quốc phòng. Do những ưu thế đó, đô thị luôn có một sức hút lớn đối với các thành phần trong xã hội.

2.1.2. Thực trạng phát triển đô thị ở Việt Nam hiện nay

Từ sau Đổi mới (1986), quá trình đô thị hóa Việt Nam đã có những bước chuyển mình đáng kể. Giai đoạn 2000-2010, Việt Nam bắt đầu đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nằm trong số các nước có tỷ lệ tăng nhanh nhất khu vực (tăng 2,8% hàng năm). Về gia tăng dân số đô thị, đạt tốc độ tăng hơn 3%/năm.

Giai đoạn 2011-2020, tốc độ đô thị hoá tiếp tục tăng nhanh cùng với quá trình phát triển kinh tế, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đô thị hóa đã tạo ra khu vực đô thị với không gian

kinh tế được mở rộng và môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hạ tầng phát triển, nguồn lao động dồi dào và thị trường lớn, từ đó tạo điều kiện cho phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hút FDI và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng kinh tế. Hai vùng đô thị lớn (vùng Thủ đô Hà Nội và vùng Thành phố Hồ Chí Minh) ngày càng đóng vai trò là các cực tăng trưởng kinh tế chủ đạo. Các đô thị trung bình và nhỏ được quan tâm đầu tư phát triển trên cơ sở khai thác triệt để các lợi thế, tiềm năng của tất cả các vùng, liên kết hỗ trợ nhau kể cả khu vực nông thôn, làm cho tất cả các vùng đều phát triển; Tăng trưởng kinh tế đô thị bình quân ở mức 12 -15%/năm, gấp 1,2 đến 1,5 lần tăng trưởng của nền kinh tế. Năm 2020, ước tính kinh tế đô thị đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương mặc dù chỉ chiếm 2,9% về diện tích và khoảng 22% về dân số nhưng đã đóng góp tới 46,8% GDP cả nước, thu hút 30% tổng số vốn FDI lũy kế, 32,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Năng suất lao động của các thành phố lớn tại Việt Nam cao hơn mức trung bình của cả nước. Nguồn thu ngân sách của chính quyền đô thị tăng mạnh, đóng góp đáng kể vào hoạt động đầu tư phát triển đô thị và vào nguồn ngân sách của cả nước. Số địa phương tự chủ được ngân sách và điều tiết về ngân sách Trung ương ngày càng tăng, giai đoạn 2007-2010 có 11 địa phương, giai đoạn 2011-2015 có 13 địa phương, giai đoạn 2016-2020 có 16 địa phương [3].

Đô thị hóa không chỉ chuyển dịch về không gian đô thị, không gian kinh tế mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, kiến tạo hình ảnh đô thị khang trang xanh, sạch đẹp, cuộc sống đô thị văn minh hiện đại và giảm nghèo. Hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội và hạ tầng số đã được quan tâm đầu tư, tăng quy mô và cải thiện chất lượng phục vụ. Chất lượng sống tại đô thị từng bước được nâng cao, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ hộ nghèo ngày càng giảm; sự phát triển của đô thị đã tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi khu vực thành thị có xu hướng giảm dần, từ mức 4,3% năm 2010 xuống còn 3,1% năm 2019; tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động sáu tháng đầu năm 2024 là 2,27%, không đổi so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực thành thị là 2,68% và tại khu vực nông thôn là 2% [15]. Trong khu vực đô thị, tỉ lệ hộ nghèo 3% thấp hơn gần ba lần khu vực nông thôn. Tuổi thọ trung bình của

cả nước tăng từ 73,3 tuổi năm 2015 lên 73,7 tuổi năm 2020, trong đó các vùng có mức độ đô thị hóa lớn có tuổi thọ bình quân cao hơn các vùng khác [3].

Việt Nam là một trong những nước có tốc độ đô thị hóa nhanh trong khu vực Đông Á. Tính đến hết năm 2023, toàn quốc có 902 đô thị, trong đó có 02 đô thị loại đặc biệt (Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh), 22 đô thị loại I, 36 đô thị loại II, 45 đô thị loại III, 95 đô thị loại IV và 702 đô thị loại V. Dự kiến tỷ lệ đô thị hoá năm 2030 đạt trên 50%; năm 2050 đạt 70%; số lượng đô thị toàn quốc khoảng 1.000 - 1.200 đô thị; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN; kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 85%; xây dựng được mạng lưới đô thị thông minh trung tâm cấp quốc gia và cấp vùng kết nối quốc tế và 03 - 05 đô thị có thương hiệu được công nhận tầm khu vực và quốc tế vào năm 2030. Dân số đô thị tăng trung bình 3,37 - 4,13%/năm trong giai đoạn 2025 - 2030; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,9 - 2,3% [112].

Đô thị hóa ở Việt Nam đã đạt được những kết quả to lớn, nhưng hiện tại cũng bộc lộ nhiều vấn đề nghiêm trọng. Đó là đô thị hóa không đồng đều giữa các vùng, miền và tỷ lệ đô thị hóa còn thấp so với mức trung bình thế giới. Phát triển chủ yếu theo chiều rộng với mật độ thấp gây lãng phí đất đai. Nhiều khu vực nội thành chưa được khai thác hiệu quả, có tới 50%-60% diện tích thuộc đô thị còn dành cho nông nghiệp. Quá trình đô thị hóa chưa gắn kết tốt với công nghiệp hóa và hiện đại hóa, dẫn đến sự phân bố đô thị không cân đối và thiếu liên kết. Việc cải tạo, chỉnh trang tại các thành phố lớn như Hà Nội và Hồ Chí Minh còn rất hạn chế, chỉ đạt khoảng 1% tổng số nhà chung cư cũ. Sự phát triển đô thị mới chưa đáp ứng tiêu chí bền vững, thiếu nghiên cứu phù hợp với từng vùng, văn hóa và kiến trúc đặc trưng chưa được chú trọng. Hệ thống hạ tầng đô thị gặp khó khăn trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu và thường xuyên quá tải, cùng với tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Phát triển kinh tế khu vực đô thị còn phân tán, thiếu kết nối và nhiều đô thị nhỏ chưa phát huy nội lực. Thị trường bất động sản cũng bộc lộ sự mất cân đối, với dư thừa nhà ở trung, cao cấp trong khi thiếu nhà ở xã hội và thương mại giá thấp. Tổng thể, đô thị hóa tại Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều

thách thức, bao gồm tác động của biến đổi khí hậu làm trầm trọng thêm các vấn đề hiện tại [3]. Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu trên toàn cầu cũng đang làm trầm trọng hóa các thách thức ở đô thị.

2.2. CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM

2.2.1. Khái niệm chính quyền đô thị

Theo Từ điển tiếng Việt thì chính quyền được giải thích theo 2 nghĩa: “1. Quyền điều khiển bộ máy nhà nước. Nắm chính quyền. Chính quyền trong tay nhân dân.”, “2. Bộ máy điều khiển, quản lý công việc của nhà nước. Chính quyền dân chủ. Các cấp chính quyền” [133, tr.213]. Để phù hợp với đối tượng nghiên cứu luận án, chính quyền được quan niệm như sau: *Chính quyền là bộ máy điều hành và quản lý công việc của Nhà nước.*

Thuật ngữ “Chính quyền đô thị” là khái niệm phát sinh từ khái niệm “Chính quyền địa phương”. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 có một chương về “chính quyền địa phương ở đô thị”, đây cũng chính là “Chính quyền đô thị”. Tại Điều 4 quy định: “chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc Trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, phường, thị trấn” [89]. Như vậy là chính quyền đô thị được tổ chức ở cả 3 cấp hành chính: tỉnh, huyện, xã.

2.2.2. Sự giống và khác nhau giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn

Khác với đô thị với những đặc điểm được nêu ở phần trên, nông thôn có một số đặc điểm như:

Về kinh tế: nông thôn thường gắn hoạt động sản xuất nông nghiệp, tạo ra sự gắn kết của người dân với đất đai.

Về dân cư: gồm những tụ điểm quần cư thường có quy mô nhỏ về mặt số lượng, diện tích nhỏ nằm trong địa giới hành chính.

Về văn hóa: hương ước, lệ làng có vai trò lớn, quan hệ xóm làng sâu nặng, thường dựa trên quan hệ huyết thống, dòng tộc; tính cố kết cộng đồng, cung cách ứng xử xã hội nặng về luật tục, lễ nghi.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, chính quyền ở đô thị (hay là chính quyền đô thị) giống với chính quyền ở nông thôn là đều có HĐND và

UBND. Song do đặc điểm của đô thị nên Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định HĐND ở đô thị có các quyền như: quyết định quy hoạch về xây dựng và phát triển đô thị trong phạm vi được phân quyền, quyết định các biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị... UBND ở đô thị có nhiệm vụ tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý đô thị như: thực hiện chủ trương, biện pháp tạo nguồn tài chính, huy động vốn để phát triển đô thị; xây dựng và quản lý thống nhất công trình hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật...

Với nhiệm vụ như vậy, nên về mặt cơ cấu tổ chức chính quyền đô thị có điểm khác với chính quyền ở nông thôn là HĐND ở đô thị cấp tỉnh, huyện có Ban Kinh tế-Đô thị, UBND ở đô thị cấp tỉnh có Sở quy hoạch, kiến trúc.

2.2.3. Chủ trương của Đảng về sắp xếp hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Đổi mới hệ thống chính trị và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm nâng cao hơn nữa vai trò, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, xây dựng nền dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN là mục tiêu nhất quán từ Đại hội VI đến nay. Đi cùng với mục tiêu đó, Đảng ta đã nhiều lần đề cập tới chủ trương tinh gọn bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Đại hội Đảng lần thứ XII đã nêu:

Tiếp tục đổi mới bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy phải gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; xác định rõ quan hệ giữa tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Hoàn thiện và thực hiện nghiêm cơ chế kiểm soát quyền lực, ngăn ngừa sự lạm quyền, vi phạm kỷ luật, kỷ cương [25].

Ngày 07/8/2018, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 34-KL/TW về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu

quả”. Trong đó, Bộ Chính trị đã lấy tiêu chí tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả làm mục tiêu của việc đổi mới, sắp xếp hệ thống chính trị.

Trước và sau khi có Nghị quyết Trung ương, ở một số địa phương, do nhận thức được nhu cầu sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị, trong đó có các cơ quan chính quyền, nên đã thực hiện một số đổi mới, ví dụ:

- *Tỉnh Quảng Ninh*: theo Đề án 25 được xây dựng từ năm 2015, đến tháng 12/2016, đã nhất thể hóa chức danh bí thư kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân ở 7 huyện (50%) và 75 xã (40,32%). Đã giảm 686 biên chế so với giao, 1.921 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (48,9%), tổng cộng giảm 825 người (17,57%) ở thôn bản [18].

- *Tỉnh Long An*: Tính từ giữa năm 2017, tỉnh chủ động nghiên cứu và tổ chức hội nghị để sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Dự kiến giảm 03 cơ quan cấp sở, 69 phòng ban, 99 đơn vị sự nghiệp và nhiều chức danh lãnh đạo khác. Tổng số biên chế giảm khoảng 4.775 viên chức (15,72%) và tiết kiệm ngân sách địa phương khoảng 127 tỷ đồng mỗi năm [18].

- *Thành phố Hải Phòng*: Đến tháng 7/2018, bố trí bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban nhân dân ở 2 huyện, thực hiện bố trí trưởng ban Tuyên giáo đồng thời là giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị tại 12/15 quận, huyện. Dự kiến tiếp tục thực hiện mô hình này trong toàn thành phố trong năm 2018 [18].

Đánh giá về việc thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị ở một số địa phương có thể nhận thấy một số kết quả như sau:

- *Kết quả chính trị*: Nhiều địa phương tích cực thực hiện kiêm nhiệm và hợp nhất chức danh nhưng chưa có số liệu khách quan, khoa học để chứng minh hiệu quả chính trị. Chưa địa phương nào có minh chứng rõ ràng cho sự biến đổi giữa ý chí của cấp ủy đảng và hành động của chính quyền.

- *Kết quả hành chính*: Chưa thấy cải tiến rõ rệt trong thủ tục hành chính cũng như mức độ hài lòng của người dân. Những kết quả đạt được trước khi áp dụng việc nhất thể hóa vẫn chưa được coi như thành tựu riêng của hợp nhất chức danh.

- *Kết quả kinh tế*: Một số địa phương như Quảng Ninh và Long An đã ghi nhận tiết kiệm đáng kể trong chi tiêu công do giảm biên chế và tinh gọn bộ máy. Cụ

thể, Quảng Ninh tiết kiệm được 202 tỷ đồng và Long An dự tính tiết kiệm khoảng 105 tỷ đồng/năm sau năm 2020 [18].

Tuy nhiên, chưa có dữ liệu đáng tin cậy từ các địa phương khác về việc giảm chi phí công bền vững, và việc đánh giá hiệu quả kinh tế cần thời gian dài hơn. Ngoài hai tỉnh kể trên, chưa có địa phương nào nêu được các con số đáng tin cậy cho thấy sự giảm chi tiêu công một cách bền vững. Điều này về khách quan là khó, một phần vì thời gian thực hiện còn ngắn. Để thấy rõ hiệu quả kinh tế cần thời gian dài hơn, hơn nữa cần bóc tách hiệu quả do hợp nhất với hiệu quả kinh tế do tinh giản bộ máy, biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII nói chung.

Nhìn chung, chưa có đủ chứng cứ để khẳng định hiệu quả rõ rệt của các mô hình thí điểm ở các địa phương. Hơn nữa, một số địa phương ở cấp xã, huyện mới thí điểm nhưng đã không duy trì được lâu dài, phải quay trở lại như cũ. Để nhìn thấy rõ hơn, khách quan hơn hiệu quả trên các mặt như vậy, rất cần có bộ tiêu chí do cơ quan có trách nhiệm ban hành hoặc do cơ quan tư vấn độc lập cung cấp giúp cho các địa phương thực hiện thí điểm dựa vào để đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả.

2.3. CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

2.3.1. Quan niệm về chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Từ điển Tiếng Việt giải thích “tinh” là “1. có khả năng nhận biết cả những cái rất nhỏ, phức tạp, tế nhị. 2. Đạt được trình độ cao, nắm vững, thành thạo”. Còn “gọn” là “có sự cân đối, gây cảm giác không có gì thừa” [81].

Căn cứ theo Từ điển tiếng Việt thì một tổ chức chính quyền tinh gọn có thể được hiểu là tổ chức được sắp xếp cân đối, vừa đủ, các thành viên có trình độ cao, nắm vững và thành thạo chuyên môn.

Tương tự như vậy, hiệu lực là “tác dụng thực tế đúng như yêu cầu”, theo đó tổ chức chính quyền có hiệu lực là chính quyền thi hành pháp luật đúng, kịp thời, có kết quả phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hiệu quả là “kết quả thực của việc làm mang lại” [133, tr. 548], theo đó tổ chức chính quyền có hiệu quả có thể hiểu là chính quyền đạt được kết quả quản lý tương xứng với mức độ chi phí các nguồn lực, kể cả về mặt kinh tế và xã hội.

Theo tác giả Hồ Tấn Sáng và Mai Thị Hồng Liên thì “Nhà nước, Chính phủ

hoạt động hiệu lực, hiệu quả là Nhà nước, Chính phủ có khả năng kiến tạo phát triển; Nhà nước, Chính phủ thực sự phục vụ nhân dân, phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc... Quá trình đó phải quán triệt nguyên tắc được V.I. Lênin đề ra: “Thà ít mà tốt”, cùng với một xã hội cởi mở và năng động của mọi tầng lớp nhân dân”[99, tr.9]. Theo quan niệm này ta có thể hiểu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là Ít nhưng tốt, hoạt động với tính chất kiến tạo phát triển lấy phục vụ nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc lên hàng đầu.

Khi bàn về xây dựng chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tác giả Đặng Xuân Hoan cho rằng:

Chính phủ phải bảo đảm sự gọn nhẹ, bao quát các lĩnh vực quản lý, khắc phục được sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ hoặc cắt khúc các nhiệm vụ mà có sự giao thoa lẫn nhau giữa các ngành, lĩnh vực. Một bộ thay vì chỉ phụ trách một ngành, một lĩnh vực sẽ đảm nhiệm, bao quát đồng thời nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Một chính phủ không thể năng động và hoạt động hiệu quả nếu bản thân nó cồng kềnh, nặng nề [55, tr.21].

Từ những tham khảo trên, tác giả luận án quan niệm: *Chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là bộ máy điều hành và quản lý công việc của Nhà nước ở đô thị được tổ chức hợp lý, phù hợp với đô thị; là chính quyền kiến tạo, phát triển hướng tới phục vụ lợi ích của Nhân dân, quốc gia và dân tộc.*

2.3.2. Những tiêu chí đánh giá cụ thể của chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Thực tiễn phát triển đô thị và chính quyền đô thị hiện nay cho thấy nhu cầu về một chính quyền đô thị đạt được các yêu cầu chung như sau:

Thứ nhất, bộ máy có thể được rút bớt cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn có thể được tổ chức theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực.

Thứ hai, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động của chính quyền để thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Thứ ba, lấy công dân làm trọng tâm, các phòng, ban chức năng có thể kết nối với nhau để chia sẻ thông tin, cùng phối hợp thực hiện giao dịch một cách hiệu quả hơn với công dân, doanh nghiệp, cung cấp được các dịch vụ mà công dân cần, theo cách công dân muốn, vào thời điểm mà công dân thấy thích hợp.

Tuy nhiên để đạt được những yêu cầu trên, cần có những yêu cầu và tiêu chí cụ thể hơn:

2.3.2.1. Tính tinh gọn của chính quyền đô thị

- "Tinh gọn bộ máy chính quyền" là một mục tiêu quan trọng trong cải cách hành chính nhà nước, nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý. Nội hàm của "tinh gọn bộ máy chính quyền" bao gồm các yếu tố sau:

+ *Giảm bớt tầng nấc quản lý*: Giảm bớt các cơ quan, đơn vị trung gian không cần thiết. Phân cấp quản lý rõ ràng, giảm thiểu sự chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, phòng ban.

+ *Tối ưu hóa nhân sự*: Giảm biên chế, loại bỏ những vị trí không cần thiết. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua công tá đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng có chọn lọc.

+ *Cải cách thủ tục hành chính*: Đơn giản hóa các thủ tục, quy trình hành chính. Áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả và minh bạch trong quản lý.

+ *Nâng cao hiệu quả hoạt động*: Tăng cường trách nhiệm và tính minh bạch trong thực thi nhiệm vụ. Đảm bảo các cơ quan, đơn vị hoạt động hiệu quả, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

+ *Tiết kiệm ngân sách*: Giảm chi phí vận hành bộ máy. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và vật chất.

+ *Tăng cường tính chuyên môn hóa*: Tập trung phát triển các đơn vị có chuyên môn cao, giảm thiểu sự phân tán nguồn lực. Xây dựng các cơ quan chuyên trách, có khả năng xử lý các vấn đề phức tạp một cách chuyên nghiệp.

+ *Phát huy vai trò của địa phương*: Tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm của chính quyền địa phương. Đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các cấp, các ngành.

+ *Xây dựng môi trường làm việc tích cực*: Tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện. Khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong cách thức làm việc.

Với những nội hàm trên, có thể nhận thấy bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn phải bảo đảm hệ thống tổ chức hành chính được cấu trúc một cách khoa học và hợp lý, với cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, số lượng cấp quản lý và đơn vị trực thuộc được tối ưu hóa nhằm tránh chồng chéo về chức năng nhiệm vụ; có đội ngũ cán bộ, công chức tinh

nhuệ được tuyển chọn kỹ lưỡng, được phân công nhiệm vụ rõ ràng và làm việc hiệu quả; áp dụng công nghệ hiện đại đặc biệt là công nghệ thông tin trong quản lý điều hành; có quy trình, thủ tục hành chính đơn giản, minh bạch; hoạt động tiết kiệm, tối ưu trong sử dụng ngân sách và các nguồn lực; nhằm đáp ứng tốt yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đô thị.

- *Tiêu chí tinh gọn bộ máy chính quyền:*

Bộ máy chính quyền tinh gọn là một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách hành chính ở nhiều quốc gia. Dưới đây là 3 tiêu chí chính của bộ máy chính quyền tinh gọn:

+ Cấu trúc tổ chức đơn giản và linh hoạt: Bộ máy chính quyền tinh gọn cần có cấu trúc tổ chức đơn giản, linh hoạt và dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của môi trường. Điều này có nghĩa là: Số lượng cơ quan, đơn vị trực thuộc cần được giảm thiểu; Chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị cần được xác định rõ ràng và tránh trùng lặp; Các quy trình, thủ tục hành chính cần được đơn giản hóa và giảm thiểu.

+ Số lượng cán bộ, công chức được tối ưu hóa: Bộ máy chính quyền tinh gọn cần có số lượng cán bộ, công chức được tối ưu hóa, phù hợp với nhu cầu thực tế và hiệu quả trong công việc. Điều này có nghĩa là: Số lượng cán bộ, công chức cần được giảm thiểu thông qua việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy; Cán bộ, công chức cần được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao năng lực và hiệu quả công việc; Cơ chế tuyển dụng, sử dụng cán bộ, công chức cần được cải thiện để thu hút và giữ chân nhân tài.

+ Hiệu suất công việc cao: nghĩa là mọi công việc được giải quyết trong thời gian ngắn nhất có thể, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Các chỉ số đo lường hiệu suất công việc cần được thiết lập và theo dõi thường xuyên; Cơ chế kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc cần được thực hiện nghiêm túc; Các giải pháp cải thiện hiệu suất công việc cần được triển khai thường xuyên, như áp dụng công nghệ thông tin, cải thiện quy trình làm việc...

Như vậy, *bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn là một hệ thống quản lý nhà nước tại đô thị được tổ chức với cấu trúc đơn giản, linh hoạt, và dễ dàng thích ứng với sự thay đổi của môi trường. Bộ máy này có số lượng cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức được tối ưu hóa nhằm giảm thiểu sự trùng lặp chức năng, nhiệm vụ, và đảm bảo hiệu suất công việc cao. Chính quyền đô thị tinh gọn đảm bảo các quy*

trình, thủ tục hành chính đơn giản hóa, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực thông qua đào tạo và cải thiện cơ chế tuyển dụng, đồng thời áp dụng các công nghệ thông tin và cải tiến quy trình làm việc để đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

2.3.2.2. Tính hiệu lực của chính quyền đô thị

- “Hiệu lực” (effect) thể hiện sức mạnh của sự tác động, điều khiển hay định hướng mục tiêu của chủ thể điều khiển tới các đối tượng bị điều khiển [19, tr.181]. Hiệu lực quản lý nhà nước chính là sức mạnh nhà nước thể hiện qua quyền lực của bộ máy nhà nước có thể chi phối các đối tượng bị quản lý trong hệ thống bằng những công cụ pháp lý, chính sách, quyết định phù hợp với những quy luật khách quan nhằm đạt mục tiêu quản lý và thỏa mãn nhu cầu thực tiễn xã hội. Do đó, “Hiệu lực” thể hiện sức mạnh và năng suất của bộ máy. Biểu hiện của hiệu lực là hiệu năng của các quyết định hành chính, là cách ứng xử mạch lạc dứt điểm trước các vụ việc, là việc chấp hành mệnh lệnh cấp trên, phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan với nhau. “Hiệu lực” của bộ máy chính quyền đô thị là một khái niệm đa chiều, bao hàm khả năng của chính quyền trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao, đạt được các mục tiêu đề ra và đáp ứng nhu cầu của người dân. Nó không chỉ đơn thuần là việc ban hành luật lệ và chính sách, mà còn là khả năng biến những văn bản đó thành hành động cụ thể và mang lại kết quả thực tế trên thực địa. Có thể phân tích nội hàm của “hiệu lực” thông qua các khía cạnh sau:

+ Hiệu lực về pháp lý: Đây là nền tảng cơ bản, thể hiện tính hợp pháp của bộ máy chính quyền, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ được quy định rõ ràng bởi pháp luật. Hiệu lực pháp lý đảm bảo mọi hoạt động của chính quyền đều diễn ra trong khuôn khổ pháp luật, tránh tình trạng lạm quyền, vượt quyền. Tuy nhiên, hiệu lực pháp lý không tự động đồng nghĩa với hiệu lực thực thi.

+ Hiệu lực về thực thi: Đây là khả năng của bộ máy chính quyền trong việc triển khai, thực hiện các chính sách, pháp luật, quyết định đã ban hành. Hiệu lực thực thi thể hiện ở việc các chính sách được áp dụng một cách nhất quán, công bằng, đúng đối tượng và đạt được kết quả mong muốn. Khía cạnh này chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như năng lực của đội ngũ cán bộ, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, và sự phối hợp giữa các cơ quan.

+ Hiệu lực về đáp ứng nhu cầu của người dân: Hiệu lực của chính quyền không chỉ nằm ở việc thực thi công việc theo đúng quy định, mà còn phải đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của người dân. Điều này thể hiện ở việc chính quyền lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người dân, giải quyết các vấn đề bức xúc xã hội, cung cấp các dịch vụ công hiệu quả, và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người dân.

+ Hiệu lực về quản lý và điều phối: Một bộ máy chính quyền hiệu lực cần có khả năng quản lý, điều phối tốt các nguồn lực, hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống. Sự phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các bộ phận sẽ giúp tối ưu hóa nguồn lực, tránh chồng chéo, lãng phí, và nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

+ Hiệu lực về trách nhiệm giải trình: Trách nhiệm giải trình là một yếu tố quan trọng của hiệu lực chính quyền. Các cơ quan, cán bộ cần phải chịu trách nhiệm về những quyết định và hành động của mình trước người dân và các cơ quan giám sát. Việc công khai, minh bạch thông tin và tạo điều kiện cho người dân tham gia giám sát cũng góp phần nâng cao hiệu lực và trách nhiệm giải trình của chính quyền.

Như vậy, *Hiệu lực của chính quyền đô thị là khả năng và sức mạnh của chính quyền đô thị trong việc sử dụng quyền lực và các công cụ pháp lý, chính sách, quyết định nhằm chi phối và điều khiển các đối tượng bị quản lý. Điều này nhằm đạt được các mục tiêu quản lý, thỏa mãn nhu cầu thực tiễn xã hội, và mang lại kết quả thực tế. Hiệu lực của chính quyền đô thị thể hiện qua hiệu năng của các quyết định hành chính, khả năng ứng xử mạch lạc và dứt điểm trước các vụ việc, việc chấp hành mệnh lệnh cấp trên, và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan với nhau. Nó đồng thời bao hàm khả năng của chính quyền trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao, đạt được các mục tiêu đề ra và đáp ứng nhu cầu của người dân.*

- Từ những phân tích trên có thể chỉ ra các tiêu chí hiệu lực của bộ máy chính quyền đô thị cụ thể như sau:

+ *Khả năng thực thi chính sách và quyết định*: Đây là một yếu tố quan trọng đối với hiệu lực của bộ máy chính quyền. Nếu bộ máy chính quyền không có khả năng thực thi hiệu quả các chính sách và quyết định, thì dù có lập kế hoạch tốt đến đâu cũng sẽ không đạt được mục tiêu đề ra. Hiệu lực của bộ máy chính quyền phản ánh qua khả năng triển khai và thực thi các chính sách, kế hoạch và quyết định đã

được đề ra. Điều này bao gồm việc xác định rõ ràng các mục tiêu cần đạt được, triển khai các nguồn lực một cách hiệu quả và đảm bảo rằng các chính sách được hiểu rõ và thực hiện đúng mức độ.

+ *Phản ứng nhanh và linh hoạt*: Tính hiệu lực còn được biểu hiện qua khả năng ứng phó nhanh chóng và linh hoạt với các thay đổi hoặc nhu cầu mới của xã hội. Bộ máy chính quyền hiệu lực cần có cơ chế để theo dõi, đánh giá tình hình và điều chỉnh các hoạt động của mình một cách kịp thời nhằm đối phó với những vấn đề phát sinh hoặc nắm bắt cơ hội mới. Để thực hiện được tiêu chí này đòi hỏi bộ máy chính quyền cần phải sử dụng các công nghệ tiên tiến để thu thập, phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định. Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại giúp truyền đạt thông tin nhanh chóng và hiệu quả. Cụ thể hơn, để tăng cường tính hiệu lực của bộ máy chính quyền đô thị cần đẩy mạnh cải cách hành chính thông qua ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề phát sinh và đáp ứng nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của người dân và doanh nghiệp.

+ *Tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân*: Một bộ máy chính quyền hiệu lực phải hoạt động một cách minh bạch, có trách nhiệm giải trình với công chúng về các quyết định và hành động của mình. Điều này không chỉ giúp tăng cường lòng tin từ phía người dân mà còn tạo điều kiện cho việc giám sát và đánh giá hiệu quả công việc, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ công và quản lý nhà nước. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tiêu chí này cần đến các yếu tố sau: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai, minh bạch; Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công.

Những tiêu chí này không chỉ giúp đánh giá mức độ hiệu lực của hoạt động chính quyền mà còn là nền tảng quan trọng để tiếp tục cải cách và nâng cao hiệu suất làm việc của bộ máy hành chính nhà nước.

2.3.2.3. Tính hiệu quả của chính quyền đô thị

- “Hiệu quả là sự so sánh, đối chiếu các kết quả đạt được với toàn bộ các nguồn lực đã sử dụng, nhằm đánh giá kết quả đạt được với chi phí thấp nhất” [148, tr.134]. “Hiệu quả” trong bối cảnh của bộ máy chính quyền và quản lý công là một khái niệm đề cập đến khả năng sử dụng tài nguyên (như thời gian, nhân lực, tiền bạc, và vật lực) một cách tối ưu để đạt được các mục tiêu và kết quả mong muốn.

Hiệu quả không chỉ liên quan đến việc hoàn thành công việc mà còn đến việc hoàn thành công việc một cách tốt nhất với chi phí thấp nhất.

Như vậy, có thể thấy, để đánh giá được nội hàm tính hiệu quả của bộ máy chính quyền bao gồm các khía cạnh sau:

+ *Đạt được mục tiêu, nhiệm vụ*: Chính quyền được giao nhiều nhiệm vụ và mục tiêu khác nhau, từ phát triển kinh tế, xã hội đến bảo đảm an ninh, quốc phòng. Tính hiệu quả được thể hiện ở việc chính quyền có khả năng hoàn thành các nhiệm vụ này một cách xuất sắc, đúng tiến độ và đạt được kết quả mong muốn. Điều này có nghĩa là các chính sách phải thực sự mang lại thay đổi tích cực, giải quyết được các vấn đề của xã hội và đáp ứng được nhu cầu của người dân.

+ *Sử dụng tối ưu nguồn lực*: Nguồn lực của chính quyền bao gồm ngân sách nhà nước, nhân lực, thời gian, cơ sở hạ tầng, và các tài sản công khác. Tính hiệu quả đòi hỏi chính quyền phải sử dụng các nguồn lực này một cách tiết kiệm, tránh lãng phí, tham nhũng, và tối đa hóa lợi ích mang lại cho xã hội. Điều này bao gồm việc lựa chọn các giải pháp tối ưu, phân bổ nguồn lực hợp lý và quản lý chặt chẽ việc sử dụng ngân sách.

+ *Tính kịp thời và đáp ứng*: Chính quyền cần phải phản ứng nhanh chóng và hiệu quả trước những biến động của tình hình trong nước và quốc tế. Việc ra quyết định và thực hiện chính sách cần phải kịp thời, tránh trì trệ, để giải quyết các vấn đề phát sinh một cách nhanh chóng và hiệu quả. Khả năng thích ứng và linh hoạt là yếu tố quan trọng để đảm bảo tính hiệu quả.

+ *Tính công bằng và minh bạch*: Tính hiệu quả của chính quyền không chỉ thể hiện ở kết quả đạt được mà còn ở cách thức đạt được kết quả đó. Quá trình hoạt động của chính quyền cần phải công khai, minh bạch, đảm bảo tính công bằng và tuân thủ pháp luật. Điều này giúp tăng cường niềm tin của người dân vào chính quyền và tạo điều kiện cho sự tham gia giám sát của cộng đồng.

+ *Hướng đến người dân*: Mục tiêu cuối cùng của mọi hoạt động của chính quyền là phục vụ người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống. Tính hiệu quả của chính quyền được đánh giá dựa trên mức độ đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng chính đáng của người dân. Chính quyền cần phải lắng nghe, tiếp thu ý kiến của người dân và đặt lợi ích của người dân lên hàng đầu.

Như vậy, tính hiệu quả của bộ máy chính quyền đô thị có thể được khái niệm như sau: *Hiệu quả của bộ máy chính quyền đô thị là sự kết hợp hài hòa giữa việc đạt được các mục tiêu đề ra, sử dụng tối ưu nguồn lực, tính kịp thời và đáp ứng, tính công bằng và minh bạch thông qua hoạt động phối hợp của chủ thể sử dụng quyền lực của Nhà nước và các bên liên quan để định hướng, điều chỉnh, theo dõi, giám sát quá trình xây dựng, thực thi chính sách và kế hoạch phân bổ nguồn lực hợp lý ở khu vực đô thị.* Việc đánh giá hiệu quả quản trị đô thị dựa trên khía cạnh định hình đặc điểm của đô thị là: 1. Tính bền vững trong phát triển đô thị; 2. Quản trị đô thị đáp ứng sự hài lòng của người dân đô thị; 3. Cung ứng các dịch vụ công chất lượng cao; 4. Hiện đại hóa phương thức quản trị thông qua chuyển đổi số; 5. Sử dụng nguồn vật lực, tài nguyên đô thị và nhân lực trong quản trị đô thị để đạt được mục tiêu và kết quả mong đợi.

- Tiêu chí tính hiệu quả của bộ máy chính quyền đô thị:

+ *Tối ưu hóa nguồn lực:*

Phát triển bền vững trong đô thị gắn liền với các yếu tố như kinh tế, xã hội, môi trường, cơ sở hạ tầng và quản lý đô thị nhằm đảm bảo cuộc sống tốt đẹp và công bằng cho con người. Mục tiêu của phát triển đô thị bền vững là nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cân bằng nhu cầu giữa các thế hệ hiện tại và tương lai, đồng thời cam kết giảm nghèo đô thị. Để đạt được các yêu cầu này, việc tham vấn với các bên liên quan trong cộng đồng là rất cần thiết, từ đó xây dựng một sứ mệnh và tầm nhìn chiến lược lâu dài cho đô thị.

Như vậy, hiệu quả của bộ máy chính quyền đô thị thông qua phát triển bền vững trong đô thị được phản ánh qua việc sử dụng nguồn lực như tài chính, con người, vật liệu, và thông tin một cách tiết kiệm và thông minh. Điều này đòi hỏi việc quản lý chặt chẽ chi phí, tránh lãng phí và tối ưu hóa hiệu suất làm việc thông qua việc phân bổ nguồn lực phù hợp và cần thiết cho từng nhiệm vụ và dự án.

+ *Quản trị đô thị đáp ứng sự hài lòng của người dân đô thị:*

Mục tiêu của quản trị đô thị hiệu quả là đánh giá mối tương quan giữa các chủ thể tham gia để đạt được tính bền vững trong phát triển đô thị. Để thực hiện điều này, cần chú trọng vào các nhóm nội dung chính: phát triển cơ sở hạ tầng, bảo vệ môi trường, và quy hoạch xây dựng phát triển đô thị. Điều này không chỉ giúp

phát triển bền vững mà còn mang lại sự hài lòng cho người dân và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Để đáp ứng sự hài lòng của người dân đô thị, cần tập trung vào các khía cạnh như: Tiếp cận dịch vụ; Thủ tục hành chính; Công chức công vụ; Kết quả dịch vụ; Việc tiếp nhận và xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị.

+ *Cung cấp dịch vụ công chất lượng cao*: Bộ máy chính quyền hiệu quả phải đảm bảo cung cấp dịch vụ công cho người dân và các tổ chức một cách nhanh chóng, chính xác và đáng tin cậy. Điều này bao gồm việc giảm thiểu thời gian chờ đợi, đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua việc lắng nghe và phản hồi với phản ánh, kiến nghị từ công dân. Cung ứng dịch vụ cơ bản và tiện ích đô thị đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống của người dân tại các đô thị, bao gồm các dịch vụ thiết yếu như cấp điện, nước, thoát nước, giao thông, thu gom rác thải, đảm bảo an ninh trật tự, cùng với việc duy trì không gian công cộng và xanh. Những yếu tố này phải được cải thiện dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0.

Quản trị các dịch vụ đô thị có nhiều cấp độ khác nhau, với sự tham gia của nhiều chính quyền, cộng đồng, doanh nghiệp và tổ chức xã hội. Điều này tạo ra một hệ thống tiện ích công cộng phục vụ nhu cầu của cư dân. Để đánh giá chất lượng cung ứng, các tiêu chí như diện tích đất cho giao thông, mức độ cây xanh, cung cấp nước sạch, cơ sở giáo dục, bệnh viện công và trung tâm bảo trợ xã hội được xem xét. Đánh giá quản trị tiện ích đô thị còn dựa vào sự hài lòng của người dân, từ mức độ di chuyển, tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước máy, tới hiệu quả thu gom và xử lý rác thải cũng như tình trạng ô nhiễm không khí và nước. Tất cả những tiêu chí này đóng góp vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân đô thị.

+ *Hiện đại hóa phương thức quản trị thông qua chuyển đổi số*: Trong quản trị đô thị, chính quyền đô thị chú trọng vào việc phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội dựa trên nền tảng chuyển đổi số, nhằm nâng cao trình độ số cho công dân. Điều này giúp cho mọi giao dịch và tương tác giữa chính quyền và người dân diễn ra thuận lợi, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả, từ đó góp phần tạo sự hài lòng cho người dân. Chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết những vấn đề trong đô thị đông đúc, cải thiện quản lý cư trú, đất đai, y tế, giáo dục và cung cấp dịch vụ

công kịp thời cho người dân. Quá trình hiện đại hóa quản trị đô thị thông qua chuyển đổi số bao gồm sự ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức; sự tiếp cận công nghệ thông tin của người dân; cơ sở vật chất cho chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị thông minh.

+ *Đạt được mục tiêu và kết quả mong đợi*: Hiệu quả cũng được đánh giá thông qua khả năng đạt được các mục tiêu cụ thể, định lượng được và có thể đo lường, mà chính quyền đặt ra. Điều này có nghĩa là bộ máy chính quyền không chỉ hoàn thành nhiệm vụ theo kế hoạch mà còn đảm bảo rằng các kết quả đạt được phải có tác động tích cực đến cộng đồng và xã hội. Như vậy, hiệu quả của chính quyền đô thị thể hiện ở khả năng đem lại kết quả thực tiễn tương xứng với nỗ lực điều hành của chính quyền đô thị, thông thường cần dựa vào các chỉ số đo lường như PAPI, SIPAS, PAR INDEX, CPI... để đánh giá hiệu quả theo năm hoạt động của chính quyền.

Để đánh giá hiệu quả, cần xem xét cả việc sử dụng nguồn lực và kết quả cuối cùng của các nỗ lực và quyết định của bộ máy chính quyền. Một bộ máy chính quyền hiệu quả sẽ không chỉ hoàn thành các mục tiêu đã định mà còn làm được điều đó một cách có chi phí thấp nhất và tạo ra giá trị lớn nhất cho cộng đồng và xã hội.

2.3.3. Cơ sở chính trị, pháp lý và những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

2.3.3.1. Cơ sở chính trị của việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Vấn đề tổ chức chính quyền là một trong những vấn đề cốt lõi, là “xương sống” của chiến lược phát triển đô thị và mang tính quyết định đến sự thành công của việc xây dựng đô thị. Cụ thể, việc tổ chức chính quyền tốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả là một trong những điều kiện tiên quyết tạo đà cho việc áp dụng các chính sách kinh tế - xã hội đặc biệt là các chính sách đột phá, phù hợp với định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền. Ngược lại, có không ít trường hợp việc xây dựng các đô thị bị thất bại mà nguyên nhân đầu tiên đến từ việc tổ chức chính quyền không phù hợp với mục tiêu, định hướng và không gian phát triển đô thị; không bắt kịp hoặc không thích nghi tốt với các xu thế về các mô hình đô thị mang tính tiên tiến, đột phá trên thế giới.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Lần thứ X của Đảng chỉ ra “tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.... Nghiên cứu về tổ chức chính quyền đô thị”. Tiếp tục tư tưởng này, nhằm đẩy mạnh việc xác lập mô hình chính quyền phù hợp với đặc điểm quản lý đô thị, nông thôn, hải đảo, Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đề ra yêu cầu:

Tổ chức chính quyền đô thị phải bảo đảm tính thống nhất và liên thông trên địa bàn về quy hoạch đô thị, kết cấu hạ tầng (như điện, đường, cấp thoát nước, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường) và đời sống dân cư... Xác định cấp dân cư đô thị có HĐND: là HĐND thành phố trực thuộc trung ương, HĐND thành phố thuộc tỉnh, HĐND thị xã; không tổ chức HĐND ở quận và phường. Tại quận, phường có UBND là đại diện cơ quan hành chính cấp trên tại địa bàn để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và phân cấp của chính quyền cấp trên. Thực hiện thí điểm việc không tổ chức HĐND huyện, quận, phường. Qua thí điểm sẽ tổng kết, đánh giá và xem xét để có chủ trương sửa đổi, bổ sung Hiến pháp về tổ chức chính quyền địa phương cho phù hợp [4].

Ngày 25/10/2017 tại Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết 18-NQ/TW “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” xác định mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương [5].

Đây là Nghị quyết trọng tâm nhằm thúc đẩy xây dựng chính quyền địa

phương nói chung và chính quyền đô thị nói riêng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị trong tình hình mới.

Tiếp tục cụ thể hóa quan điểm trên về xây dựng đô thị trong tình hình mới, Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về “Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” của Bộ Chính trị được ban hành nhằm đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng đô thị được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy [10].

Quá trình xây dựng chính quyền đô thị chịu ảnh hưởng của quá trình đổi mới đất nước, xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ. Những Nghị quyết, quan điểm trên của Đảng là cơ sở chính trị quan trọng để tiến hành xây dựng chính quyền đô thị nói chung và chính quyền đô thị ở các tỉnh nói riêng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với các đặc điểm của đô thị.

2.3.3.2. Cơ sở pháp lý của việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Cơ sở pháp lý là hệ thống pháp chế gồm Hiến pháp, các bộ luật và các quy định, các quy tắc nhằm hài hòa các quyền lợi và trách nhiệm của mỗi công dân, mọi tổ chức trong một trật tự xã hội. Do đó, việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trước hết phải trên cơ sở những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Môi trường pháp lý có vai trò quyết định đối với việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả bởi vì trong Nhà nước pháp quyền mọi tổ chức và cá nhân đều phải tuân thủ pháp luật, pháp luật là tối thượng không được có tổ chức, cá nhân nào đứng trên pháp luật. Vì vậy, việc nhận thức đúng về vai trò của chính quyền đô thị theo

hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong điều kiện phát triển hiện nay để kịp thời hoàn thiện môi trường pháp lý sẽ thúc đẩy quá trình phát triển của các đô thị trở thành trung tâm kinh tế-xã hội của các tỉnh, làm cơ sở để chính quyền đô thị các cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, chuyển từ hình thức làm việc giấy tờ sang điều hành, xử lý công việc trên môi trường điện tử. Nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, xử lý thủ tục hành chính dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.

Xây dựng chính quyền đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển và thực tiễn quản lý đối với các đô thị trong cả nước đã được đặt ra tương đối sớm, tuy nhiên Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 chưa có bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào ở Chương IX về tổ chức và hoạt động của HĐND và UBND. Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, về cơ bản giữ nguyên mô hình tổ chức, và hoạt động, chỉ bổ sung một số nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến quản lý đô thị cho HĐND và UBND thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, phường.

Tiếp đó, theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị định 13/2008/NĐ-CP đã quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, thẩm quyền của địa phương cũng được quy định tại nhiều luật chuyên ngành (luật quy hoạch đô thị, luật xây dựng...) và nhiều nghị quyết từ năm 2000. Sau khi Quốc hội thông qua Nghị quyết số 26/2008/QH12 về thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường, tại 67 huyện, 32 quận, 483 phường thuộc 10 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Sau thời gian thực hiện (2009-2013), Báo cáo tổng kết bước 2 thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường của Ban Chỉ đạo Trung ương nhận định:

Tuy còn một số hạn chế, vướng mắc, nhưng đánh giá một cách tổng quát kết quả 3 năm thực hiện thí điểm không tổ chức HĐND huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố cho thấy bước đầu đã đạt một số mục tiêu, yêu cầu mà Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) đã đề ra, đã tạo được sự chuyển biến trong cải cách hành chính, nhằm từng bước tổ chức hợp lý chính quyền địa phương; đã có một số phân biệt về sự khác nhau giữa tổ chức chính quyền đô thị và nông thôn; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước từ cấp tỉnh xuống cơ sở từng bước được phát

huy theo hướng bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, linh hoạt và chủ động [86].

Hiến pháp năm 2013 đã có nhiều quy định tiên bộ về tổ chức chính quyền địa phương (trong đó có chính quyền đô thị) tạo cơ sở pháp lý cho các chiến lược phát triển đô thị. Đầu tiên phải nói đến điểm mới về tên chương và vị trí Chương IX: Chính quyền địa phương được đổi tên chương từ “Hội đồng nhân và Ủy ban nhân dân” (như trong các bản Hiến pháp trước đó) thành “Chính quyền địa phương” và di chuyển chương “Chính quyền địa phương” đặt sau các chương về Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân (các cơ quan trung ương) đã đánh dấu sự đổi mới quan trọng về nhận thức chính trị - pháp lý, bảo đảm tính thông suốt, thống nhất trong cả bộ máy nhà nước và tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương. Trên cơ sở thay đổi nhận thức chính trị về vị trí của chính quyền địa phương, Hiến pháp năm 2013 tiếp tục có những thay đổi quan trọng trong việc hình thành đơn vị hành chính [88].

Tại Điều 110 *Hiến pháp* năm 2013 quy định thành lập 3 cấp đơn vị hành chính gồm: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; huyện và xã. Trong đó, chính quyền đô thị được tổ chức ở các đơn vị hành chính: thành phố trực thuộc trung ương; quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; phường, thị trấn (tại khoản 3 Điều 4 *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2015). Ngoài ra, *Hiến pháp* cũng cho phép Quốc hội thành lập các “đơn vị hành chính tương đương”. Đây là tiền đề cho *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* năm 2015 thành lập các đơn vị hành chính có thể tổ chức chính quyền đô thị như thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương hay tại các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt [88].

Quy định của *Hiến pháp* năm 2013 vừa nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương, vừa có “độ mở” cho phép Quốc hội có quyền thành lập các đơn vị hành chính khác đã giúp việc xây dựng cơ chế pháp luật về chính quyền đô thị được đặt trên cơ sở vừa tuân thủ *Hiến pháp*, vừa kịp thời đáp ứng tình hình mới với việc xây dựng các đô thị đóng vai trò là “cực tăng trưởng mới” của các tỉnh, thành trong cả nước.

Mặc dù việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng “tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở các tỉnh” không được đề cập trong *Hiến pháp* năm 2013 song vẫn bảo đảm tính

hợp Hiến, hợp pháp cho việc tổ chức xây dựng trong thực tiễn với tư cách là mô hình mới phù hợp với đặc thù đô thị. Đây là tiền lệ quan trọng để Nhà nước ta tiến tới mở rộng mô hình chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả nhằm tạo đột phá, thúc đẩy kinh tế địa phương, kinh tế vùng nhưng vẫn bảo đảm tính pháp quyền XHCN. Tuy vậy, việc tổ chức chính quyền tại các đô thị hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc nhất là trong việc phân định rõ ràng giữa *chính quyền* và *cấp chính quyền* tại địa phương sao cho phù hợp theo hướng đô thị tách biệt với nông thôn.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đã cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2013 và các chủ trương, định hướng của Đảng về xây dựng chính quyền địa phương. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã phân định rõ chính quyền địa phương ở nông thôn (chương II) và chính quyền địa phương ở đô thị (chương III). Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “chính quyền địa phương ở đô thị gồm chính quyền địa phương ở thành phố trực thuộc trung ương, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, phường, thị trấn” (Khoản 3, Điều 4). Và Khoản 2, Điều 11 về việc phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương quy định một trong những nguyên tắc “phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo và đặc thù của các ngành, lĩnh vực”. Dù đã tăng thêm một số chức năng, nhiệm vụ nhưng nhìn chung các đô thị ở các tỉnh cũng được xem như các huyện khác về bộ máy và cơ cấu tổ chức của chính quyền [89]. Về phân quyền, phân cấp Khoản 4 Điều 2 Luật số 47/2019/QH14 về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền Địa phương” quy định “Việc phân quyền, phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác; gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế kiểm tra, thanh tra khi thực hiện phân quyền, phân cấp. Chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp”.

Thực hiện nhiệm vụ do Ban Bí thư Trung ương Đảng giao, Chính phủ đã tổ chức nghiên cứu xây dựng “*Đề án thí điểm mô hình tổ chức chính quyền đô thị*” ở các thành phố trực thuộc trung ương, trong đó đề xuất 3 phương án: (1). Thực hiện không

tổ chức HĐND huyện, quận, phường trong cả nước; (2). Thực hiện không tổ chức HĐND ở tất cả các đơn vị hành chính trực thuộc đô thị và (3). Tổ chức chính quyền đô thị theo mô hình Thị trưởng. Tuy nhiên, Đề án chưa được thông qua và Nghị quyết Đại hội XI tiếp tục yêu cầu “Nghiên cứu tổ chức, thẩm quyền của chính quyền ở nông thôn, đô thị, hải đảo. Tiếp tục thực hiện thí điểm chủ trương không tổ chức HĐND huyện, quận, phường”. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 8/11/2011 của Chính phủ đề ra nhiệm vụ “Tổng kết, đánh giá mô hình tổ chức và chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương nhằm xác lập mô hình tổ chức phù hợp, bảo đảm phân định đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sát thực tế, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng mô hình chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn phù hợp” [89].

Như vậy, cơ sở pháp lý của tổ chức, hoạt động chính quyền đô thị hiện nay căn cứ chủ yếu theo quy định của Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Văn bản hợp nhất 22/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương do Văn phòng Quốc hội ban hành và các văn bản pháp lý, cụ thể:

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức bộ máy

Việc triển khai mô hình chính quyền đô thị được quy định tại các nghị quyết của Quốc hội và nghị định của Chính phủ để áp dụng cho từng đô thị. Mô hình các đô thị của các tỉnh được quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015 và Văn bản hợp nhất 22/VBHN-VPQH 2019 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Qua những văn bản trên, có thể thấy:

Thứ hai, về cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương

Chính quyền địa phương ở thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương là cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và UBND thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở cấp này được quy định cụ thể như sau (Điều 52): 1. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Quyết định những vấn đề của thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền. 4. Kiểm tra, giám sát tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã. 5. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương cấp tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. 6. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

Thứ ba, về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ chính quyền địa phương ở phường

Chính quyền địa phương ở phường là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương. Cấp chính quyền địa phương ở phường gồm có HĐND phường và UBND phường.

Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở cấp này được quy định cụ thể như sau (Điều 59): 1. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn phường. 2. Quyết định những vấn đề của phường trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền. 4. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương ở quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở cấp này được quy định cụ thể như sau (Điều 52): ở phường. 5. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn phường.

Thứ tư, về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ chính quyền địa phương ở thị trấn

Chính quyền địa phương ở thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm có HĐND thị trấn và UBND thị trấn.

Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở cấp này được quy định cụ thể như sau (Điều 66): 1. Tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn thị trấn. 2. Quyết định những vấn đề của thị trấn trong phạm vi được phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. 3. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan hành chính nhà nước cấp trên ủy quyền. 4. Chịu trách nhiệm trước chính quyền địa phương ở huyện về kết quả thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở thị trấn. 5. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, huy động các nguồn lực xã hội để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thị trấn.

Thứ năm, về chính sách phân cấp cho chính quyền địa phương các đô thị: Sau khi Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được ban hành, Chính phủ đã ban hành các văn bản về phân cấp quản lý cho chính quyền đô thị, nổi bật như: Nghị quyết số 21/NQ-CP/2016 về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giữa UBND tỉnh với UBND thành phố, thị xã thuộc tỉnh. Tuy nhiên, các văn bản này vẫn tồn tại những hạn chế như: các văn bản nêu trên về cơ bản vẫn là sự kế thừa các văn bản về phân cấp cho chính quyền đô thị trước đây, không có sự vượt bậc đáng kể về nội dung; các cơ chế đặc thù này vẫn chỉ tập trung vào các đô thị lớn là các thành phố trực thuộc trung ương mà chưa đề cập đến các đô thị vừa và nhỏ khác như thành phố thuộc tỉnh, thị xã hay thị trấn. Như vậy, cùng là đô thị nhưng chỉ đô thị loại đặc biệt và loại 1 - tương ứng đơn vị hành chính lãnh thổ là thành phố trực thuộc trung ương mới được hưởng quy chế đặc thù, các đô thị còn lại vẫn áp dụng quy chế chung là không có cơ sở khoa học; chưa có văn bản đặc thù có tính vượt trội cho các đô thị ở các tỉnh như Nghị định số 48/2017/NĐ-CP về cơ chế, chính sách tài chính đặc thù cho Thành phố Hồ Chí Minh nên các đô thị chưa có tính tự chủ cao trong các hoạt động của mình.

2.3.3.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Thứ nhất, về hoàn thiện thể chế, chính sách để phát triển chính quyền đô thị.

Thể chế có vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển chính quyền đô thị. Thể chế gồm ba yếu tố chính: *thứ nhất*, hệ thống pháp luật, các quy tắc xã hội

điều chỉnh các mối quan hệ, hành vi được pháp luật thừa nhận ở quốc gia; *thứ hai*, các cơ chế, phương pháp, thủ tục thực hiện hoạt động xã hội, quản lý và điều hành sự vận hành xã hội; *thứ ba*, các chủ thể thực hiện và quản lý sự vận hành xã hội.

Như vậy, để hoàn thiện thể chế của chính quyền đô thị cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay cần rà soát lại hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có quy định về chính quyền đô thị để sửa đổi, bổ sung, hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới nhằm hoàn thiện quy định liên quan đến chính quyền đô thị phù hợp hơn trong bối cảnh mới; đồng thời tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn phát triển đô thị ngày càng nhanh ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, một trong những sự khác biệt giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn là việc phân cấp, phân quyền để chính quyền đô thị trong thẩm quyền của mình phát huy được lợi thế, đặc thù, tận dụng những thế mạnh từ bên trong và thu hút lợi thế từ bên ngoài để phát triển kinh tế, xã hội của mỗi đô thị. Thực hiện “Cởi trói” về thể chế cho chính quyền đô thị là một trong những yếu tố quan trọng có tính quyết định để chính quyền đô thị tự chủ, tự cân đối các khoản thu, chi, đầu tư công, kêu gọi vốn đầu tư... từ đó chính quyền đô thị mới phát triển theo đúng mục tiêu đã xác định. Việc hoàn thiện thể chế có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc hình thành và phát triển chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay. Khi thể chế hoàn thiện thì chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền đô thị sẽ được quy định một cách rõ ràng. Từ đó, tổ chức bộ máy sẽ được hình thành một cách khoa học, hoạt động hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở có những chế độ, chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc trong bộ máy của chính quyền đô thị...

Thứ hai, về vấn đề phân cấp, phân quyền ở chính quyền đô thị.

Điều 112 Hiến pháp năm 2013 quy định:

Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định, chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương

và của mỗi cấp chính quyền địa phương. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó [88].

Nghị quyết số 99/2020/NQ-CP, ngày 24/6/2020 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước theo ngành và lĩnh vực đã đề ra mục tiêu phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp, từng cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt là sự quản lý tập trung, thống nhất của Chính phủ. Việc phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương đảm bảo phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, khai thác tối đa các tiềm năng của địa phương. mỗi cấp chính quyền địa phương có thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước ở cấp trên, nhưng dựa trên cơ sở một việc không giao quá hai cấp hành chính quản lý dựa trên cơ sở những điều kiện thực hiện nhiệm vụ tương ứng, dựa trên sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước ở cấp trên đối với chính quyền địa phương.

Nghị quyết số 04/2022/NQ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước đề ra mục tiêu phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành và chính quyền địa phương gắn với hoàn thiện thể chế, bảo đảm quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cơ quan có thẩm quyền, nhất là người đứng đầu, tăng cường kiểm soát quyền lực bằng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Xuất phát từ thực tiễn cấp chính quyền thấp nhất là cấp có điều kiện gần dân và phục vụ dân tốt nhất, xu hướng của các nước là tăng cường quyền hạn và trách nhiệm cho chính quyền cấp thấp. Các công việc liên quan trực tiếp tới dân do chính quyền cơ sở giải quyết. Để có thể thực hiện việc phân cấp, phân quyền cần có một số điều kiện: 1) Hệ thống pháp luật đã hoàn thiện, xã hội vận hành theo luật, không cần nhiều các quyết định hành chính. Mọi tranh chấp được giải quyết bằng cơ quan xét xử, tranh tụng. Các hoạt động xã hội do đoàn thể (tổ chức quần chúng) hoặc cộng đồng dân cư đảm nhiệm. 2) Trình độ dân trí, ý thức thượng tôn pháp luật của

người dân đô thị đã cao. 3) Trình độ của cán bộ công chức đủ bảo đảm yêu cầu của công việc được phân cấp, 4) Trình độ tổ chức quản lý của chính quyền cấp đô thị du quán xuyên toàn bộ hoạt động của đô thị. Giao việc nhưng không khoán trắng cho cấp dưới, mối liên hệ từ đô thị tới cấp cơ sở phải chặt chẽ thông suốt. Cấp chính quyền đô thị phải quản lý nhiều đầu mối hơn, phức tạp hơn.

Thứ ba, điều kiện về nguồn nhân lực.

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố chủ chốt quyết định sự thành công hay thất bại của quá trình xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Trong bộ máy chính quyền đô thị phải có đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực, trình độ đáp ứng được yêu cầu để thực hiện các nhiệm vụ vận hành bộ máy ấy. Việc cần thiết phải có các chuyên gia công nghệ thông tin và truyền thông được đào tạo bài bản để quản lý, khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành bộ máy chính quyền điện tử. Bên cạnh đó, các công chức chuyên môn làm việc trong nền hành chính điện tử cũng cần được đào tạo bài bản về công nghệ thông tin để có thể khai thác và sử dụng tốt những thành quả công nghệ thông tin được ứng dụng trong quản lý hành chính nhà nước, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả làm việc. Việc triển khai một chiều từ trên xuống sẽ không đem lại thành công, mà cần phải có sự tham gia của người dân và doanh nghiệp đây là đối tượng chính của chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Thứ tư, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin và truyền thông.

Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ giữ một vai trò cốt lõi trong nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đô thị. Hạ tầng công nghệ bao gồm: công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ Internet, công nghệ điện tử (CNET), tiêu chuẩn công nghệ, công nghệ viễn thông (CNET), Hệ điều hành, hệ sinh thái công nghệ thông tin và truyền thông. Hạ tầng công nghệ thông tin bao gồm phần cứng, phần mềm, các dịch vụ để áp dụng và điều hành chính quyền nhằm mang lại hiệu quả kinh tế. Hạ tầng công nghệ viễn thông đòi hỏi công nghệ cao, dung lượng lớn, băng thông rộng, liên kết các mạng viễn thông quốc gia, kết nối trực tiếp với đường truyền quốc tế với nhiều loại hình dịch vụ viễn thông với chất lượng đường truyền cao, bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và giá thành, chi phí đầu tư, vận hành hợp lý. Hạ tầng công nghệ viễn thông đòi hỏi công nghệ cao, dung lượng lớn, băng thông rộng, liên

kết các mạng viễn thông quốc gia, kết nối trực tiếp với đường truyền quốc tế với nhiều loại hình dịch vụ viễn thông với chất lượng đường truyền cao, bảo đảm bảo mật, an toàn, an ninh thông tin và giá thành, chi phí đầu tư, vận hành hợp lý.

Thứ năm, điều kiện về kinh tế-xã hội.

Trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, yếu tố kinh tế, tài chính cũng được cân nhắc trước tiên. Bởi, nguồn lực về kinh tế có tác động đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng, thu hút, đào tạo nguồn nhân lực,... Do đó, việc cân nhắc, phân bổ nguồn lực kinh tế đầu tư cho xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả sao cho hài hòa với các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội khác là một trong những yếu tố cần được xem xét kỹ càng trong phân bổ ngân sách nhà nước. Chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần một hạ tầng kinh tế xã hội phát triển một cách đồng bộ. Trong đó các vấn đề quan trọng cần lưu ý giải quyết là: Mức sống của người dân, năng suất lao động.

Thứ sáu, sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.

Sự tham gia của người dân vào quy trình quản lý nhà nước ở đô thị là một nguyên tắc trong quản trị công và đem lại các giá trị như: thúc đẩy công khai, minh bạch; giảm trừ tham nhũng; kết nối tốt hơn giữa chính quyền với người dân... Đặc biệt, việc Nhà nước ghi nhận nguyên tắc này còn trở thành phương án tối ưu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của người dân ở các cấp chính quyền không có hoặc không tổ chức cơ chế dân chủ đại diện.

Trong bối cảnh đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, khắc phục tình trạng qua nhiều tầng nấc trung gian, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thì việc phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội càng đặc biệt quan trọng. Ngoài ra, ở những mô hình tổ chức chính quyền đô thị khi không tổ chức HĐND thì việc phát huy vai trò của các tổ chức xã hội giữ vị trí quan trọng nhằm kịp thời tiếp nhận, chuyển các ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của người dân ở đô thị đến với chính quyền, các cơ quan chuyên môn giải quyết kịp thời, thấu đáo, đem lại sự hài lòng cho người dân, doanh nghiệp.

Đặc biệt là các hình thức dân chủ đại diện vốn đang được sử dụng như là trụ cột cho toàn bộ hệ thống của bộ máy nhà nước. Từ thực tiễn cho thấy, chỉ khi nào tổ

chức xã hội chủ động, tích cực, thường xuyên đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế nhất là ở khu vực đô thị là nơi tập trung mật độ dân cư cao, làm nảy sinh nhiều vấn đề khó, phức tạp thì ảnh hưởng của tổ chức xã hội đối với quản trị đô thị là tích cực. Ngược lại, vai trò của tổ chức xã hội có phần hạn chế, chất lượng hoạt động chưa cao thì sẽ kìm hãm sự phát huy dân chủ, không phát huy được trí tuệ, nguồn lực trong Nhân dân thì hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị bị hạn chế; không đáp ứng được yêu cầu phát triển của đô thị và quản trị đô thị.

Thứ bảy, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền đô thị.

Công tác đổi mới chính quyền địa phương ở các đô thị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mục tiêu xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hiện nay. Trong đó, việc phát huy vai trò tổ chức đảng **các cấp ở (đối với)** chính quyền đô thị **cấp tỉnh Việt Nam là** là yếu tố quan trọng, tiên quyết, bảo đảm hiệu quả trong quản lý, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, góp phần phát huy lợi thế, tiềm năng của đô thị, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Nhiệm vụ đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương luôn được Đảng và Nhà nước chú trọng, thể hiện ở nhiều chủ trương, chính sách nhằm tạo cơ sở chính trị, nền tảng pháp lý vững chắc nhằm bảo đảm việc thực hiện, triển khai hoạt động cải cách bộ máy hành chính hiệu quả ở các địa phương. Hiện nay, mô hình chính quyền đô thị được triển khai thí điểm ở các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng hướng tới xây dựng mô hình chính quyền đô thị kiểu mới, bao gồm việc thí điểm không tổ chức hội đồng nhân dân (HĐND) cấp quận, huyện, phường. Tuy nhiên, việc xây dựng chính quyền đô thị **cấp tỉnh** ở các địa phương khác trong cả nước vẫn đang tiến hành thực hiện với nhiều mô hình khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của từng địa phương. Do đó, chưa có sự thống nhất trong xây dựng, quản lý, điều hành chính quyền đô thị **cấp tỉnh**.

Vì vậy, việc xây dựng chính quyền đô thị **cấp tỉnh** ở các địa phương trong cả nước có thể được thực hiện theo những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng và Nhà nước như: Nghị quyết số 17/NQ-TW, ngày 01/8/2007, của Hội nghị Trung ương 5 khóa X, “Về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước”; Nghị quyết số 26/2008/QH12, ngày 15/11/2008, của

Quốc hội, “Về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường”; Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12, ngày 16-1-2009, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về “Danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường”; Nghị quyết số 725/UBTVQH12, ngày 16/01/2009, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về “Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường” và Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021, của Ban Chấp hành Trung ương, về “thi hành Điều lệ Đảng” trong đó quy định:

Về hệ thống tổ chức của Đảng (Khoản 1, Điều 10): Hệ thống tổ chức của Đảng được lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước. Hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cấp Trung ương. Đây là hệ thống tổ chức cơ bản của Đảng có chức năng lãnh đạo toàn diện ở mỗi cấp và của toàn Đảng.

Khoản 10.3.1, Điều 10 quy định: Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng do cấp ủy cấp trên trực tiếp của các tổ chức này (cụ thể là tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương và Trung ương) quyết định thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ [8].

Trên đây là các yếu tố căn bản có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam. Việc xác định những yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa rất quan trọng trong đề ra các chiến lược xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở nước ra hiện nay.

2.4. KINH NGHIỆM XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GỢI Ý CHO VIỆT NAM

2.4.1. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Trung Quốc

Trung Quốc và Việt Nam đều áp dụng mô hình chính quyền theo kiểu Xô Viết, tuy nhiên, cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương của hai quốc gia này đều

có những điểm tương đồng và khác biệt riêng. Để xây dựng một cách hiểu đồng nhất và cải tiến hệ thống chính quyền địa phương nói chung cũng như chính quyền đô thị ở Việt Nam, cần thiết phải phân tích so sánh các mô hình tổ chức chính quyền địa phương của cả hai nước.

Trung Quốc là nhà nước đơn nhất với bộ máy nhà nước được tổ chức thành năm cấp từ trung ương đến địa phương, trong đó chính quyền địa phương có bốn cấp: tỉnh, địa khu, huyện và hương. Cụ thể, những mô hình tổ chức đơn vị hành chính địa phương ở Trung Quốc sẽ được xem xét để rút ra bài học kinh nghiệm cho việc phát triển chính quyền đô thị tại Việt Nam.

- *Mô hình một cấp*: bao gồm các đặc khu hành chính Hồng Kông và Ma Cao, không thiết lập các đơn vị hành chính dưới cấp đặc khu này.

- *Mô hình hai cấp*: thành phố trực thuộc trung ương (trực hạt thị) - quận (thị hạt khu). Ví dụ: Thành phố Thượng Hải - quận Hoàng Phố; hoặc Thành phố Bắc Kinh - quận Đông Thành.

- *Mô hình ba cấp*: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - huyện, quận, thị xã, huyện tự trị - hương, trấn. Ví dụ: Thành phố Bắc Kinh - quận Xương Bình - hương, trấn. Các đơn vị hành chính của thành phố Bắc Kinh cũng được tổ chức theo mô hình đa dạng, có thể là hai cấp hoặc ba cấp, không hoàn toàn thống nhất mà phụ thuộc vào đặc điểm của từng khu vực.

- *Mô hình bốn cấp*: tỉnh, khu tự trị - địa khu, châu tự trị, thành phố trực thuộc tỉnh - huyện, quận, thị xã, huyện tự trị - hương, trấn. Ví dụ: tỉnh Phúc Kiến - thành phố Phúc Châu - huyện Mân Hâu - trấn Thanh Khâu; hoặc tỉnh Quảng Đông - thành phố Quảng Châu - quận Bạch Vân - trấn Thái Hòa.

Như vậy, so sánh với mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam, mô hình tổ chức chính quyền địa phương ba cấp gần giống với mô hình tổ chức chính quyền địa phương ở Việt Nam: tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc thành phố trực thuộc trung ương - thị trấn, phường, xã. Ở Việt Nam không có cấp hương, trấn như ở Trung Quốc.

Tổ chức bộ máy nhà nước địa phương Trung Quốc hiện nay được tổ chức theo nguyên tắc “quan hệ điều - khối”. “Điều” có nghĩa là sự xuyên suốt từ trung ương đến địa phương, từ trung ương đến địa phương thành lập các cơ quan nhà nước theo chiều

đọc, có chức năng tương tự hoặc công tác nghiệp vụ tương đồng nhau; cấp trên có cơ quan nào, cấp dưới có cơ quan ấy. “Khối” là chỉ chính quyền địa phương các cấp (tức là khối chính quyền), bao gồm bốn cấp: tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh (địa khu), huyện và hương. Quan hệ điều - khối là mô hình tổ chức chính quyền “cùng kết cấu” trên cơ sở kết hợp giữa chế độ cấp bậc và chế độ chức năng, căn cứ vào nguyên tắc đối ứng trên dưới hình thành nên các cơ quan có tổ chức giống nhau từ trung ương đến các cấp địa phương.

Hiện nay, Trung Quốc đang theo xu hướng cải cách chính quyền địa phương bằng cách bỏ đơn vị hành chính cấp địa khu và thực hiện nguyên tắc "tỉnh quản huyện". Điều này nhằm tạo sự liên thông trực tiếp giữa cấp tỉnh và cấp huyện, loại bỏ khâu trung gian. Một số tỉnh như Phúc Kiến, Quảng Đông, và Sơn Tây đã thử nghiệm mô hình này. Xu hướng này có thể là bài học kinh nghiệm quý giá cho việc xây dựng và cải cách chính quyền địa phương ở Việt Nam.

Mô hình tổ chức bộ máy chính quyền địa phương của Trung Quốc hiện nay gặp phải vấn đề công kênh do áp dụng hệ thống “điều - khối”, tức là mỗi cơ quan trung ương đều yêu cầu có tương ứng tại các địa phương. Sự tương đồng này cũng xuất hiện trong hệ thống chính trị của Việt Nam, ví dụ như khi trung ương có Bộ Ngoại giao thì các tỉnh cũng thành lập sở Ngoại vụ. Hệ thống này dẫn đến tình trạng lãng phí trong hoạt động tổ chức nhà nước. Để cải thiện, việc thành lập cơ quan cần phải dựa trên đặc điểm và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cũng như an ninh - quốc phòng của từng địa phương. Chỉ qua đó, mới có thể giảm chi tiêu quản lý công mà vẫn bảo đảm hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước.

Chính quyền đô thị các tỉnh ở Trung Quốc có chức năng chính là quản lý kinh tế khu vực. Họ can thiệp vào nền kinh tế qua việc cung cấp điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, như chuyển giao chức năng chính phủ, xác định dự án, giải quyết vấn đề thiếu nhân sự, cung cấp bảo lãnh tín dụng, cải thiện cơ sở hạ tầng và mở cửa thị trường nước ngoài. Ngoài quản lý kinh tế, họ còn thực hiện các chức năng về văn hóa, giáo dục, xây dựng nông thôn và thành thị, tài chính, an sinh xã hội, y tế và nhiều lĩnh vực khác. Sự cải cách hệ thống chính trị sẽ biến đổi tổ chức chính quyền đô thị theo hướng thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, chuyển từ can thiệp sang bồi dưỡng thị trường và đảm bảo hoạt động bình thường của nó.

2.4.2. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Hoa Kỳ

Ở Hoa Kỳ chính quyền địa phương được tổ chức thành Bang, Tiểu bang, các tiểu bang được tổ chức theo quy định trong các đạo luật của các tiểu bang hết sức chặt chẽ. Ở các Tiểu bang có các thành phố trực thuộc, ở các thành phố này chủ yếu được tổ chức theo ba mô hình: Mô hình “hội đồng và quản đốc”, mô hình “hội đồng và thị trưởng” và mô hình “hội đồng thành phố”.

Cả hai nước đều có cấu trúc chính quyền địa phương gắn liền với đơn vị hành chính lãnh thổ, nhưng tổ chức của chúng khác nhau.

Việt Nam: chính quyền địa phương chia thành ba cấp (tỉnh, huyện, xã), mỗi cấp đều có HĐND và UBND. Mô hình này chưa thể hiện rõ tính tự quản và áp dụng phân cấp hợp lý.

Hoa Kỳ: chính quyền địa phương được thiết kế linh hoạt với mô hình hội đồng và thị trưởng, cho phép thị trưởng được bầu hoặc thuê, mang lại tính thích ứng và chịu trách nhiệm cao hơn từ bộ máy hành chính đến cộng đồng.

Nghiên cứu mô hình của Hoa Kỳ có thể giúp Việt Nam cải thiện tổ chức chính quyền địa phương, tăng cường tính dân chủ, minh bạch và hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ tại các địa phương.

Ở Mô hình “hội đồng và thị trưởng”, bên cạnh hội đồng được cử tri trực tiếp bầu ra còn có thiết chế thị trưởng là người điều hành và chịu trách nhiệm trước hội đồng và cử tri bầu ra tại địa phương. Do đó, so với mô hình hội đồng và quản đốc thì mô hình hội đồng và thị trưởng khác nhau ở đặc trưng cơ bản là: cử tri của thành phố bầu ra các thành viên hội đồng thành phố và trực tiếp bầu thị trưởng. Việc bầu ra hai thiết chế ở địa phương này cho thấy điểm nổi trội hơn về cơ chế bảo đảm dân chủ. Hội đồng không bầu ra thị trưởng mà do cử tri trực tiếp bằng lá phiếu của mình bầu ra người thay mặt nhân dân địa phương làm việc. Thẩm quyền của thị trưởng được quy định trong hiến chương của thành phố.

Hiến chương của các thành phố quy định về quyền hạn của thị trưởng có sự khác biệt. Có những thành phố trao nhiều quyền cho thị trưởng, được gọi là "thị trưởng mạnh", nơi mà thị trưởng là người đứng đầu và thực thi quyền hành pháp tại địa phương. Trong mô hình này, thị trưởng có quyền chỉ đạo các cơ quan hành chính, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và miễn nhiệm khi có vi phạm. Ngược lại, ở những

thành phố mà hiến chương quy định hội đồng giữ cả quyền lập quy và quyền hành chính, thị trưởng không có quyền phủ quyết các quyết định của hội đồng. Mô hình này được gọi là "thị trưởng yếu".

Một số thành phố tiêu biểu áp dụng mô hình hội đồng - thị trưởng bao gồm Houston, Philadelphia, Indianapolis, Louisville - Jefferson, Detroit, Memphis, Baltimore, Boston, Seattle, Denver, và Milwaukee.

Như vậy, ở Hoa Kỳ, chính quyền đô thị ở các địa phương được tổ chức mang tính thực dụng hơn khi thiết kế theo mô hình hội đồng và thị trưởng, hội đồng và quản đốc và hội đồng thành phố. Đặc biệt, chế độ thị trưởng do dân bầu hoặc thị trưởng được thuê để điều hành hoạt động hành chính ở địa phương cụ thể tại Hoa Kỳ thể hiện sự linh hoạt, tính thích ứng, tính hiệu quả và tính chịu trách nhiệm của bộ máy hành chính ở địa phương với hội đồng và cư dân địa phương.

2.4.3. Kinh nghiệm xây dựng chính quyền đô thị ở Cộng hòa Liên bang Đức

Ở Cộng hòa Liên bang Đức, quản trị địa phương được quy định bởi Luật Cơ bản năm 1949 (sửa đổi năm 1993), Luật Chính quyền địa phương và các luật của từng bang. Pháp luật Đức thiết lập một hệ thống quản lý đa tầng cho chính quyền địa phương, tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa liên bang, bang và tự quản địa phương.

Ở Đức, bộ máy tổ chức chính quyền đô thị có bốn mô hình quy chế địa phương khác nhau: hội đồng Bắc Đức, hội đồng Nam Đức, hành chính hội đồng thành phố và thị trưởng. Ví dụ, một số thành phố ở bang Schleswig - Holstein áp dụng quy chế hành chính hội đồng thành phố, trong đó Hội nghị đại biểu được bầu bởi người dân có quyền lực cao nhất để quyết định các vấn đề của đô thị, trong khi cơ quan hành chính là Hội đồng thành phố do Hội nghị này bầu ra, gồm thị trưởng và các ủy viên tư vấn. Thị trưởng làm việc chuyên trách, trong khi các ủy viên tư vấn có thể vừa chuyên trách vừa kiêm nhiệm.

Mô hình chính quyền liên bang ở Đức thể hiện sự phụ thuộc lẫn nhau: chính quyền bang dựa vào chính quyền địa phương để thực hiện quản lý nhà nước. Một điểm nổi bật là không có cơ quan giám sát từ cấp trên đối với cấp dưới, mà hệ thống chính quyền địa phương hoạt động theo nguyên tắc phân quyền. Cụ thể, cấp địa phương sẽ đảm nhận những nhiệm vụ mà họ làm tốt, trong khi cơ quan trung ương chỉ can thiệp khi cần thiết. Điều này mang lại tính chủ động, sáng tạo và tự chủ cho chính quyền địa

phương, cho phép họ kiểm soát nhân quyền, tổ chức, quy hoạch, lập pháp, tài chính và thuế một cách độc lập.

Như vậy, có thể thấy hệ thống tổ chức chính quyền địa phương của Cộng hòa Liên bang Đức hoạt động với hiệu quả cao, tạo nên sự tự quản địa phương. Đây cũng chính là vấn đề quan trọng để Việt Nam rút kinh nghiệm trong quá trình tổ chức, quản lý, vận hành chính quyền địa phương, nhất là chính quyền đô thị. Tự chủ ở các địa phương nói chung, đặc biệt là ở đô thị, nơi chính quyền cần hơn nhiều quyền tự chủ, tự quyết để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội là vấn đề Việt Nam cần phải rút kinh nghiệm từ việc xây dựng, quản lý chính quyền địa phương ở Cộng hòa Liên bang Đức là rất cần thiết. Đặc biệt ở chính quyền đô thị, cần phải giao quyền tự chủ cao hơn, những vấn đề nào chính quyền đô thị có thể giải quyết được thì cần phải chủ động và tự quyết thì có thể đẩy nhanh quá trình giải quyết công việc, có thể thúc đẩy, đẩy nhanh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

2.4.5. Những kinh nghiệm rút ra đối với xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam

Một là, không có một mô hình mẫu về chính quyền đô thị áp dụng chung cho tất cả các quốc gia. Mỗi đô thị, tùy thuộc đặc điểm địa lý, số lượng, mật độ dân cư để lựa chọn mô hình chính quyền phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý địa phương. Điều kiện kinh tế - xã hội, thể chế nhà nước, đặc điểm dân cư, truyền thống lịch sử, văn hóa khác nhau của các quốc gia cũng như các đô thị trong một quốc gia là cơ sở tạo nên sự đa dạng về mô hình tổ chức của chính quyền đô thị.

Hai là, bộ máy chính quyền đô thị ở các nước thường được tổ chức theo hướng tinh gọn, giảm bớt các tầng nấc trung gian, đảm bảo tính nhanh nhạy trong công tác quản lý đô thị. Tùy theo việc phân vùng hành chính của từng quốc gia, chính quyền đô thị có thể trực thuộc Trung ương hoặc có thể trực thuộc chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chính quyền đô thị tại các thành phố là cấp chính quyền hoàn chỉnh gồm cơ quan đại diện nhân dân và cơ quan chấp hành, hành chính tại thành phố. Các cấp chính quyền trực thuộc (trung gian, cơ sở) có thể chỉ có cơ quan hành chính, không nhất thiết phải có cơ quan đại diện nhân dân.

Ba là, để định hướng và giúp các quốc gia, đô thị, khu đô thị mới tránh được những rủi ro không đáng có, hướng tới cơ sở dữ liệu hợp nhất trên toàn cầu để có

mặt bằng chung đánh giá, phát triển hệ thống quản trị, nhiều tổ chức trên thế giới như Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (International Organization for Standardization-ISO), Liên minh viễn thông quốc tế (International Telecommunication Union-ITU),... và một số tổ chức quốc gia như Viện Tiêu chuẩn Anh (British Standards Institution - BSI), Hiệp hội Tiêu chuẩn hóa và Chứng nhận Tây Ban Nha (Asociacion Espanola de Normalizacion y Certificacion - AENOR) đã nghiên cứu và đưa ra các khuyến nghị, tài liệu hướng dẫn triển khai đô thị thông minh bền vững gồm khung kiến trúc công việc, bộ chỉ tiêu và chỉ số chính (KPO và KPI), khung kiến trúc hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông thông minh với kiến trúc dựa trên nền tảng, các công nghệ tiềm năng.

Hiện nay, đã có nhiều quốc gia trên thế giới phát triển mô hình đô thị theo hướng xây dựng đô thị thông minh bền vững như New York (Hoa Kỳ), London (Anh), Seoul (Hàn Quốc), Nam Kinh (Trung Quốc), Singapore... Các mô hình đô thị được đưa ra dưới những nhìn góc nhìn khác nhau, các phương pháp luận có tính khoa học cao giúp các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định chính sách, chính quyền có những ý tưởng cho việc tổ chức, xây dựng, vận hành, khai thác và bảo trì bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của đô thị thông minh cũng như các dịch vụ của đô thị thông minh. Các mô hình hướng tới xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu năng đô thị ở nhiều công đoạn, khía cạnh khác nhau như: Mô hình trưởng thành; Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá; Phương pháp đánh giá; Mô hình kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông; Mô hình tài chính; Mô hình xây dựng chính sách; Mô hình triển khai dự án. Mỗi mô hình đều có ưu điểm riêng nhưng về cơ bản đều hướng đến một xã hội thông minh, giảm sức lao động của con người.

Từ kinh nghiệm mô hình tổ chức chính quyền đô thị của một số nước, có thể nghiên cứu vận dụng vào thực tiễn xây dựng mô hình tổ chức chính quyền đô thị tại Việt Nam trên một số vấn đề như: nghiên cứu mô hình tổ chức chính quyền đô thị hai cấp ở thành phố; áp dụng chế độ thủ trưởng hành chính trong cơ quan hành chính các cấp; phân biệt rõ nội dung quản lý, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của chính quyền đô thị thể hiện được đặc trưng trong quản lý mang tính riêng có của đô thị, được phân cấp quản lý ngân sách lớn hơn, tổ chức bộ máy, biên chế nhiều hơn so với chính quyền nông thôn.

Tiểu kết chương 2

Luận án đã góp phần làm rõ thêm lý luận và bản chất của xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước đã trở thành yêu cầu cấp thiết đang đặt ra từ thực tiễn cuộc sống, đặc biệt trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và từ thực tiễn đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

Chính quyền đô thị cần được tổ chức hợp lý, hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ vị trí, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp chính quyền địa phương trong hệ thống; thẩm quyền và trách nhiệm quản lý phù hợp với các yếu tố đặc trưng của đối tượng quản lý; thực hiện điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tăng cường phân cấp cho chính quyền đô thị; thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị trong phạm vi được phân cấp.

Trong Chương 2, tác giả đã nghiên cứu làm rõ được các vấn đề có cốt lõi như: quan niệm, đặc trưng, cơ sở chính trị - pháp lý, tham khảo kinh nghiệm tổ chức, hoạt động của mô hình chính quyền đô thị ở một số nước trên thế giới, bài học kinh nghiệm rút ra cho xây dựng tổ chức chính quyền đô thị tại Việt Nam. Đặc biệt, tác giả đã chỉ ra nội hàm và tiêu chí để xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

Thông qua việc làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, luận án cho thấy rằng, việc nghiên cứu công tác xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là một yêu cầu tất yếu trong giai đoạn hiện nay, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương nói chung, của quốc gia nói riêng.

Chương 3
THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG
TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HIỆN NAY
(QUA NGHIÊN CỨU Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG)
VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

3.1. HIỆN TRẠNG ĐÔ THỊ VÀ CHÍNH QUYỀN CỦA CÁC ĐÔ THỊ Ở BÌNH DƯƠNG

3.1.1. Khái quát về tỉnh Bình Dương

Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam Bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, giáp ranh với các địa phương như Bình Phước, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh và Tây Ninh. Tỉnh có diện tích tự nhiên 2.694,64 km², gồm 5 thành phố (Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát) và 4 huyện (Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên). Vị trí địa lý thuận lợi giúp Bình Dương trở thành động lực quan trọng trong sự phát triển chung của vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ và giáo dục.

Về kinh tế - xã hội, Bình Dương đã đạt nhiều thành tựu đáng kể, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh chóng. Đến tháng 6/2024, GRDP của tỉnh tăng 6,19% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 5,81%, dịch vụ tăng 7,36%, và nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,29%. Hoạt động xuất nhập khẩu có bước phát triển đáng kể, với kim ngạch xuất khẩu đạt 16,298 tỷ USD (tăng 10,3%) và kim ngạch nhập khẩu đạt 11,521 tỷ USD (tăng 9,9%).

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 68.949 tỷ đồng, tăng 6,8% so với cùng kỳ, trong đó vốn đầu tư trong nước và nước ngoài đều có sự gia tăng đáng kể. Bình Dương cũng thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư, với 2.971 doanh nghiệp đăng ký mới và 96 dự án đầu tư nước ngoài [140].

Tỷ lệ đô thị hóa của Bình Dương đạt 84,4%, với hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được hiện đại hóa và nâng cấp. Mục tiêu của tỉnh đến năm 2030 là trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, xây dựng thành phố thông minh, phát triển bền vững, và trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực Đông Nam Á.

Những yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi để Bình Dương thúc đẩy quá trình đô thị hóa và xây dựng chính quyền đô thị hiện đại, thích ứng với xu hướng phát triển mới.

3.1.2. Phát triển đô thị ở tỉnh Bình Dương trong giai đoạn từ 2016 đến nay

Tình hình phát triển đô thị ở Bình Dương đang diễn ra nhanh chóng cùng với sự tiến bộ của kinh tế - xã hội. Tỉnh ủy Bình Dương luôn chú trọng đến việc quản lý đô thị hóa và đã thực hiện nhiều nghị quyết trong các kỳ Đại hội Đảng bộ Tỉnh. Kể từ năm 2016, tỉnh đã tiến hành quy hoạch và quản lý đơn vị hành chính để kiểm soát quá trình đô thị hóa, hướng tới sự phát triển bền vững. Đến ngày 21/3/2024, Bình Dương bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện và 91 đơn vị hành chính cấp xã, với dân số hơn 2,8 triệu người, trong đó có gần 1,3 triệu người là từ địa phương khác chuyển đến sinh sống, làm việc và học tập (Bảng 3.1).

Bảng 3.1. Quy hoạch và quản lý đơn vị hành chính của tỉnh Bình Dương qua các giai đoạn từ 2017 - 2024

Năm	Đơn vị hành chính cấp huyện				Đơn vị hành chính cấp xã				Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ ĐTH (%)
	Tổng	Thành phố	Thị xã	Huyện	Tổng	Xã	Phường	Thị trấn		
1997	4	0	1	3	77	67	3	7	661.200	24%
2010	7	0	3	4	89	75	6	8	1.550.000	31,66%
2020	9	3	2	4	91	45	42	4	2.456.319	82%
2024	9	5	0	4	91	41	45	5	2.834.500	84,4%

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo Tỉnh ủy Bình Dương [103].

Bình Dương hiện có 5 thành phố thuộc tỉnh và các thị trấn của 4 huyện, đảm bảo tiêu chí đô thị Việt Nam. Tỉnh đang phát triển Đề án Thành phố thông minh Bình Dương theo mô hình Ba nhà (Nhà nước - Nhà doanh nghiệp - Nhà khoa học) để thúc đẩy nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp. Quản lý phát triển đô thị được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ với Chương trình phát triển đô thị quốc gia. Hiện tại, Bình Dương có 1 đô thị loại I, 1 đô thị loại II, 3 đô thị loại III và 4 đô thị loại V (Bảng 3.8).

3.1.3. Cơ cấu tổ chức chính quyền ở các đô thị tỉnh Bình Dương hiện nay

3.1.3.1. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của HĐND và UBND các cấp của chính quyền đô thị

- Đối với HĐND các cấp

Ở thành phố thuộc tỉnh: Ở Bình Dương hiện nay HĐND ở các thành phố thuộc tỉnh được tổ chức đúng theo Văn bản hợp nhất 22/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương do Văn phòng Quốc hội ban hành, gồm: Thường trực HĐND 1 Chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 2 ủy viên là 2 Trưởng ban của HĐND (Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế). Đối với cơ cấu các ban gồm Trưởng ban và 01 phó Trưởng ban. Về số lượng đại biểu: HĐND thành phố Bến Cát có 30 đại biểu; HĐND các thành phố Thủ Dầu Một (33 đại biểu), Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên (32 đại biểu).

Cơ chế hoạt động của HĐND thành phố thuộc tỉnh theo cơ chế giám sát và quyết định tập thể chức năng, nhiệm vụ: Ngoài giám sát và quyết định tập thể nhiệm vụ của HĐND cấp huyện thì HĐND các thành phố của tỉnh có thêm nhiệm vụ:

+ Quyết định quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị: Dựa trên quy hoạch của tỉnh, các thành phố phải trình cơ quan nhà nước xét duyệt và phê duyệt các dự án đầu tư công trình đô thị.

+ Chính sách thu hút đầu tư: Đề ra các cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy đầu tư phát triển đô thị, trong đó bao gồm kế hoạch xây dựng hạ tầng đô thị và giao thông.

+ Quản lý dân cư và đời sống đô thị: Thiết lập biện pháp quản lý để đảm bảo trật tự công cộng và cảnh quan đô thị.

Những nhiệm vụ này phản ánh quyền tự chủ nhất định của HĐND ở thành phố thuộc tỉnh trong quản lý đô thị, tập trung vào việc đưa ra chính sách, giải quyết vấn đề như xây dựng hạ tầng giao thông, giảm tệ nạn xã hội, xử lý ô nhiễm môi trường, và hỗ trợ nhà ở cho người có thu nhập thấp.

Ở cấp phường, thị trấn: Ở Bình Dương hiện nay HĐND ở các phường, thị trấn cũng được tổ chức đúng theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Văn bản hợp nhất số 22/VBHN-VPQH gồm: Thường trực HĐND 1 Chủ tịch, 1 phó chủ tịch và 2 ủy viên là 2 Trưởng ban của HĐND (Ban Kinh tế - xã hội và Ban Pháp chế). Đối với cơ cấu các ban gồm Trưởng ban và 01 phó Trưởng ban. Về số lượng đại biểu: HĐND các phường, thị trấn của các đô thị có từ 25 đến 27 đại biểu số lượng đại biểu được cơ cấu đúng với tiêu chí về số lượng dân cư theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Cơ chế hoạt động của HĐND phường, thị trấn cũng theo cơ chế giám sát và quyết định tập thể chức năng, nhiệm vụ với các nhiệm vụ cụ thể sau:

- + Ban hành nghị quyết: Xác định vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐND phường.
- + Bầu cử tổ chức: Thực hiện bầu, miễn nhiệm các vị trí như Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, cũng như lãnh đạo UBND phường.
- + Quản lý ngân sách: Quyết định dự toán thu chi ngân sách địa phương; điều chỉnh và phê chuẩn quyết toán ngân sách, cùng chủ trương đầu tư cho các chương trình, dự án theo pháp luật.
- + Giám sát thực thi pháp luật: Theo dõi việc tuân thủ Hiến pháp, nghị quyết của HĐND và hoạt động của Thường trực Hội đồng, UBND cấp phường.
- + Lấy phiếu tín nhiệm: Đối với nhân sự do Hội đồng bầu theo quy định.
- + Bãi nhiệm đại biểu: Quyết định bãi nhiệm hoặc chấp nhận đại biểu xin thôi nhiệm vụ.
- + Xử lý văn bản trái pháp luật: Bãi bỏ các văn bản không hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND phường.

Ngoài ra, có sự chồng chéo trong chức năng nhiệm vụ giữa HĐND ở cấp phường và HĐND thành phố thuộc tỉnh, điều này cần được xem xét trong bối cảnh đô thị hóa với sự liên thông cao giữa các khu vực.

- Đối với UBND các cấp

Về tổ chức và hoạt động của UBND các đô thị, Bình Dương thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và hiện nay là theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015. Theo đó, việc thiết lập UBND gắn với từng cấp hành chính đã giúp cho chính quyền thành phố thực hiện tốt công tác quản lý trên từng địa bàn.

Ở các đô thị Bình Dương, lãnh đạo UBND các đô thị gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch (2 Phó Chủ tịch) và các ủy viên UBND. Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, ủy viên UBND các đô thị là người đứng đầu các Phòng chức năng, ủy viên phụ trách quân sự, ủy viên phụ trách công an.

Khảo sát thực tiễn tại các đô thị Bình Dương cho thấy Chủ tịch UBND thành phố chịu trách nhiệm lãnh đạo và điều hành các công việc của UBND.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch bao gồm: Chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng hạ tầng đô thị; Quản lý đất đai và tài nguyên đô thị, sử dụng quỹ đất cho phát triển hạ tầng; Quản lý nhà ở và kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở; Thực hiện quản lý dân cư và tổ chức đời sống đô thị; Sắp xếp mạng lưới thương mại, dịch vụ, du lịch; Lập kế hoạch giải quyết việc làm và phòng chống tệ nạn xã hội; Đảm bảo trật tự công cộng, an toàn giao thông, và chống ùn tắc; Bảo vệ không gian kiến trúc và cảnh quan đô thị. Các nhiệm vụ này nhằm phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống cho cư dân đô thị.

Hiện nay mô hình, cơ cấu tổ chức bộ máy UBND ở các thành phố thuộc tỉnh và các huyện của tỉnh cơ bản giống nhau, không có sự khác biệt rõ nét giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn. Chính quyền ở các thành phố cũng thành lập số lượng cơ quan chuyên môn thống nhất như chính quyền ở các huyện, số lượng cơ quan chuyên môn được thành lập theo đặc điểm, yêu cầu của địa phương nhất là ở các thành phố hầu như không có. Một số phòng chức năng và đơn vị sự nghiệp của đô thị được tổ chức độc lập nhưng lại có chức năng nhiệm vụ trùng nhau như: Phòng Giáo dục và Đào tạo với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên; Phòng Văn hóa thông tin với Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Đài Truyền thanh; Phòng Kinh tế với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp ... tạo nên bộ máy đô thị khá chồng chéo, nhiều tầng nấc (**Bảng 3.9**). Ngoài ra các cơ quan ngành dọc như Công an, Ban Chỉ huy quân sự, Tòa án, Viện Kiểm sát... cũng được tổ chức tương tự.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của chính quyền đô thị tại tỉnh Bình Dương đã tuân thủ theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Văn bản hợp nhất 22/VBHN-VPQH năm 2019. Điều này đã nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh, đáp ứng kịp thời nguyện vọng của cử tri. UBND các cấp thực hiện tốt chức năng lãnh đạo, điều hành nhiệm vụ chính trị địa phương. Việc phân cấp quản lý cho UBND các thành phố, phường, thị trấn giúp phát huy tính chủ động và sáng tạo của từng địa phương, nâng cao vai trò trong quản lý và điều hành. Các cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương ngày càng được kiện toàn, sắp xếp tinh gọn, hoạt động hiệu quả, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

3.1.3.2. Cơ chế quản lý hành chính của chính quyền đô thị

- Đối với chính quyền đô thị các thành phố thuộc tỉnh Bình Dương

Cơ cấu của UBND thành phố thuộc tỉnh Bình Dương bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng Phó Chủ tịch không vượt quá ba, và các ủy viên bao gồm đại diện từ các cơ quan chuyên môn, quân sự và công an. Thành phố vẫn giữ vai trò thực thi trong hệ thống hành chính tỉnh, tương tự như các huyện khác. Chế độ quản lý hành chính chủ yếu tuân theo các quy định xác định thẩm quyền cũng như tổ chức, hoạt động của HĐND, UBND và các phòng chức năng. Cơ chế này vận hành như sau:

(1) Trung tâm ra quyết định là UBND thành phố: Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố.

(2) Các cơ quan chuyên môn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước gồm: Văn phòng UBND - HĐND; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Quản lý Đô thị; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Y tế; Phòng Thanh tra.

Cơ chế quản lý hành chính tại các thành phố chủ yếu tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của UBND thành phố, dựa trên các quy định về quản lý nhà nước và pháp luật. Mặc dù có sự hỗ trợ từ tổ chức, quy trình và thủ tục nhất định, cơ chế này vẫn bị ảnh hưởng bởi các mối quan hệ đa chiều. Hiện nay, mô hình quản lý hành chính tại cấp thành phố tương tự như chính quyền huyện và thiếu tính tự chủ, chiến lược so với các đô thị phát triển hơn. Để nâng cao hiệu quả quản lý hành chính đô thị, cần có một quy mô và nguồn lực hợp lý, điều này hiện đang vượt quá khả năng của cấu trúc hành chính ở cấp huyện.

- Đối với chính quyền đô thị phường/ thị trấn

Cấp phường/thị trấn là cấp hành chính gần gũi nhất với người dân, đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi các chính sách và quản lý xã hội. Các cơ chế quản lý hành chính tại cấp này được thể hiện rõ thông qua thẩm quyền và tổ chức ở địa phương. Thông qua các tổ dân phố, khu phố và đoàn thể, thông tin về nhu cầu và tình hình kinh tế-xã hội của người dân được chuyển tải đến các cơ quan nhà nước.

Ngoài những quy định chính thức như Thông tư 04/2012/TT-BNV về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, còn có nhiều định chế không chính thức ảnh hưởng đến quản lý hành chính ở cấp phường/thị trấn. Tại tỉnh Bình Dương, chính quyền cấp phường/thị trấn thực hiện các nhiệm vụ dựa vào các quy chế cụ thể, với chủ tịch UBND phường/thị trấn là người ra quyết định trung tâm:

(1) UBND cấp phường/thị trấn chịu sự chỉ đạo của UBND cấp trên. UBND cấp UBND phường/ thị trấn chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn cấp trên, chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy cùng cấp, phối hợp với UBMTTQ và các đoàn thể nhân dân. Địa bàn phường/ thị trấn được phân thành khu phố, tổ dân phố, theo đó các khu vực được chủ tịch UBND phường/ thị trấn phân công thành viên UBND phụ trách, chỉ đạo để nắm tình hình mọi mặt.

(2) Chủ tịch UBND phường/thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức việc giải quyết công việc chung của công dân và tổ chức theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ tiếp nhận nhu cầu, hồ sơ đến trả kết quả thông qua một đầu mối duy nhất là bộ phận nhận và trả kết quả tại UBND phường/ thị trấn; ban hành quy trình về tiếp nhận hồ sơ, xử lý, trình ký, trả kết quả cho công dân.

Nắm bắt nhanh và trực tiếp xử lý các thông tin về tình hình trên địa bàn, báo cáo cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền các thông tin quan trọng, có ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, độc lập, chủ quyền quốc gia... Các kênh thông tin được thiết lập chính thức theo chế độ báo cáo và không chính thức theo mối quan hệ liên lạc, trao đổi thông tin giữa phường/ thị trấn và UBND cấp trên.

Khối lượng công việc ở cấp phường/ thị trấn nhiều, đa dạng, phức tạp về tính chất do quy mô và điều kiện đô thị. Nhiệm vụ cấp phường/ thị trấn chủ yếu là triển khai, tổ chức thực hiện cụ thể tới người dân các chủ trương, chính sách không phải là cấp đặc trưng cho hoạch định chính sách vì vậy có thể không cần tổ chức HĐND ở cấp này ở các đô thị thuộc tỉnh. Tuy nhiên, ranh giới hành chính nhân tạo trên địa bàn đô thị làm mờ đi các nội dung về tự quản cộng đồng, tạo nên các lát cắt quản lý với trách nhiệm phân nhỏ nhưng không có cơ quan cụ thể chịu trách nhiệm, địa bàn giáp ranh không ai chịu trách nhiệm...

3.2. THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

3.2.1. Chủ trương của tỉnh Bình Dương xây dựng chính quyền theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khi nói về xây dựng chính quyền địa phương đã xác định:

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả [26, tr. 167].

Đối với tỉnh Bình Dương, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI chỉ ra: “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả [27, tr.126].

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" được Tỉnh ủy Bình Dương xác định là nhiệm vụ trọng tâm, cần thực hiện quyết liệt nhưng có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Với tốc độ đô thị hóa nhanh trong những năm qua, để các đô thị đóng vai trò là trung tâm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh thì nhất thiết phải xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm lãnh thổ, quy mô dân số, kinh tế và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền ở các đô thị.

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW, Tỉnh ủy Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 43-KH/TU ngày 12/02/2018 và Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (gọi tắt là Đề án 711) đặt nền móng quan trọng để các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở nhanh chóng bắt tay vào thực hiện. Đề án 711 được xem là cuộc “cải cách” nhằm tăng

cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

Với mục tiêu phấn đấu đến năm 2021, giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015, đến nay, tỉnh đã giảm được 27 đơn vị trong tổng số 556 đơn vị sự nghiệp công lập.

Công cuộc "Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả" vẫn là nhiệm vụ quan trọng, then chốt cho cả nhiệm kỳ 2020-2025 và những nhiệm kỳ tiếp theo. Với kết quả bước đầu và những bài học sâu sắc được rút ra từ thực tiễn, tỉnh Bình Dương hoàn toàn có thể tin tưởng vào lộ trình thực hiện Đề án 711, thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

Mục tiêu của tỉnh Bình Dương là đến năm 2030 trở thành đô thị thông minh, đứng đầu cả nước về đổi mới sáng tạo và phát triển công nghiệp hiện đại. Đến năm 2045, Bình Dương phấn đấu trở thành đô thị thông minh không chỉ trong vùng mà còn toàn quốc. Các mục tiêu cụ thể bao gồm: Xây dựng hệ thống đô thị tăng trưởng xanh, thông minh và bền vững; Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ, hiện đại; Cải thiện môi trường và chất lượng sống cho người dân; Nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu; Thiết kế kiến trúc đô thị tiên tiến và bản sắc; củng cố vai trò, vị thế trong mạng lưới đô thị khu vực và gia tăng sức cạnh tranh trong phát triển kinh tế - xã hội. Những nỗ lực này nhằm hướng tới việc biến Bình Dương thành đô thị thông minh hàng đầu trong cả nước.

3.2.2. Những nỗ lực xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh Bình Dương

3.2.2.1. Thực hiện tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị

- Tinh gọn bộ máy chính quyền

Qua cơ cấu lại bộ máy, kết quả rà soát sắp xếp lại các tổ chức hành chính thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện trong giai đoạn từ ngày 30/6/2017 đến ngày 31/12/2020, theo tinh thần Nghị quyết 18 của Ban chấp hành Trung ương, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh từ 18 sở và 2 Ban Quản lý khu công nghiệp với 16 chi cục và

154 phòng được rà soát sắp xếp lại. Kết quả vẫn duy trì 18 sở, 1 Ban Quản lý khu công nghiệp (giảm 1 Ban) với cơ cấu tổ chức bên trong gồm 13 chi cục (giảm 3 chi cục: Tài chính doanh nghiệp, Phòng chống tệ nạn xã hội, Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản) và 115 phòng (giảm 39 phòng) [106].

Đáp ứng mục tiêu tinh gọn bộ máy góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp, từ năm 2017 đến nay tỉnh đã thực hiện tinh giản biên chế từ 27% đến hơn 31%, cụ thể: Khối đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể giảm 342 biên chế (27,14%); Khối hành chính Nhà nước giảm 803 biên chế (31,09%); Cấp xã giảm 1.156 người (30,32%) (**Bảng 3.2**).

Bảng 3.2. Kết quả tinh giản biên chế đội ngũ cán bộ các cấp

(Đơn vị tính: người)

Đơn vị	2017	2021	Mức độ tinh giản	
			SL	%
Khối đảng, Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể	1.260	918	342	27,14
Khối hành chính nhà nước	2.582	1.779	803	31,09
Cấp xã (bao gồm cả người không chuyên trách)	3.813	2.657	1.156	30,32

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 291-BC/TU [106].

Việc thực hiện thí điểm kiêm nhiệm các chức danh ở cấp huyện và xã đang gặp một số vấn đề, như việc giảm số lượng cấp phó và biên chế trong khi khối lượng công việc lại gia tăng. Ở cấp tỉnh, Trưởng Ban Dân vận cũng đảm nhiệm vị trí Chủ tịch UBMTTQ VN tỉnh. Ở cấp huyện, đã có sự kiêm nhiệm như Trưởng Ban Tổ chức kiêm Trưởng phòng Nội vụ tại 2/9 địa phương, Chủ nhiệm UBKT kiêm Chánh Thanh tra tại 6/9 địa phương, và Trưởng Ban Dân vận kiêm Chủ tịch UBMTTQ VN tại 9 địa phương [106]. Việc hoàn thành nhiệm vụ của Trưởng Ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm chính trị ở cấp huyện đang gặp nhiều thách thức. Tình hình thực tế tại cơ sở ngày càng phức tạp, gây áp lực lớn cho các cán bộ lãnh đạo và quản lý được phân công kiêm nhiệm. Hơn nữa, công tác củng cố và kiện toàn nhân sự quản lý tại một số địa phương diễn ra chậm hơn so với yêu cầu và nhiệm vụ đã đề ra. Do đó, hiệu lực và hiệu quả hoạt động của một số phòng, ban cùng cấp ủy và chính quyền tại một số xã, phường vẫn còn hạn chế trong nhiều lĩnh vực.

Các đơn vị sự nghiệp công lập đã thực hiện sắp xếp lại nhằm giảm đầu mối, tăng hiệu quả sử dụng nhân lực và cơ sở vật chất, phát huy tính chủ động của đơn vị trong hoạt động, giảm bớt sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với yêu cầu phục vụ công tác quản lý nhà nước của địa phương cũng như tăng cường chất lượng, hiệu quả hoạt động cung cấp dịch vụ công trên các ngành lĩnh vực. Kết quả thực hiện như sau:

+ Đối với cấp tỉnh: (1) Giải thể Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh; (2) Hợp nhất Đài Phát thanh - Truyền hình Bình Dương và Báo Bình Dương; (3) Hợp nhất 03 văn phòng: Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng HĐND và Văn phòng UBND tỉnh; (4) Thực hiện Trưởng Ban Tổ chức kiêm Giám đốc Sở Nội vụ; (5) Chủ nhiệm UBKT kiêm Chánh Thanh tra tỉnh; (6) Trưởng Ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Sở Thông tin và truyền thông; (7) Thực hiện Văn phòng dùng chung khối Đảng, (8) Văn phòng dùng chung khối MTTQ, đoàn thể tỉnh.

+ Đối với cấp huyện: (1) Hợp nhất Ban Tổ chức và phòng Nội vụ cấp huyện; (2) Hợp nhất UBKT và Thanh tra cấp huyện; (3) Hợp nhất Ban Dân vận - MTTQ và đoàn thể cấp huyện; (4) Hợp nhất văn phòng cấp ủy huyện và văn phòng HĐND - UBND cấp huyện; (5) Thực hiện Văn phòng cơ quan MTTQ cấp huyện phục vụ chung cho các đoàn thể cấp huyện.

+ Chuyển sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo loại hình đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên đối với các đơn vị: Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Dương, Viện Quy hoạch phát triển đô thị, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng, 02 Phòng Công chứng, Trung tâm Bán đấu giá tài sản, Trung tâm Đào tạo - sát hạch lái xe, Trung tâm Quan trắc kỹ thuật Tài nguyên Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ, Trung tâm Giám định y khoa, Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Phát triển quỹ đất.

Bên cạnh đó, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả việc tinh gọn bộ máy theo tinh thần của Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương và Đề án 711 của Tỉnh ủy Bình Dương, chính quyền đô thị ở các thành phố, phường và thị trấn cũng đã tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ và đạt những kết quả như sau:

- Thành phố Thủ Dầu Một:

Bảng 3.3. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thành phố Thủ Dầu Một

	Tại thời điểm 30/6/2017				Tại thời điểm 31/12/2020			
Số lượng cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy	06 cơ quan	06 cấp trưởng,	12 cấp phó	42 người CBCC, NLĐ	05 cơ quan	05 cấp trưởng	8 cấp phó	38 người CBCC, NLĐ
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội	06 cơ quan	05 cấp trưởng	10 cấp phó	37 người CBCC, NLĐ	05 cơ quan	04 cấp trưởng	8 cấp phó	31 người CBCC, NLĐ
Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một	12 cơ quan	12 cấp trưởng	20 cấp phó	120 người CBCC, NLĐ	12 cơ quan	12 cấp trưởng	17 cấp phó	92 người CBCC, NLĐ
14 đơn vị hành chính cấp phường				581 người CBCC, NLĐ				398 người CBCC, NLĐ
Các đơn vị sự nghiệp công lập	03 đơn vị	5 cấp trưởng	5 cấp phó	23 người CBCC, NLĐ	05 đơn vị	5 cấp trưởng	7 cấp phó	20 người CBCC, NLĐ

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 86- BC/TU Thành ủy Thủ Dầu Một [108]

- Thành phố Tân Uyên:

Bảng 3.4. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thành phố Tân Uyên

	Tại thời điểm 30/6/2017	Tại thời điểm 31/12/2020
Số lượng cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc	05 cơ quan và 01 đơn vị sự nghiệp	05 cơ quan và 01 đơn vị sự nghiệp
Số lượng cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội	06 cơ quan	06 cơ quan
HĐND thị xã	Thường trực HĐND, 02 Ban HĐND	Thường trực HĐND, 02 Ban HĐND
Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND	12 phòng, ban và 12 đơn vị sự nghiệp trực thuộc	12 phòng, ban và 10 đơn vị sự nghiệp trực thuộc

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 283- BC/TU Thị ủy Tân Uyên [109].

- Phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên:

Bảng 3.5. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên

	Tại thời điểm 6/2017	Tại thời điểm 12/2020
Số lượng CBCC, VC, NLĐ	23 người	22 người
Cán bộ không chuyên trách	20 người	14 người

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 320- BC/ĐU (Đảng ủy phường Tân Hiệp, Tân Uyên, 2021) [28].

- Thị trấn Tân Bình - Bắc Tân Uyên:

Bảng 3.6. Kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên

	Tại thời điểm 6/2017	Tại thời điểm 12/2020
Số lượng CBCC, VC, NLĐ	22 người	21 người
Cán bộ không chuyên trách	23 người	15 người

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 217-BC/ĐU (Đảng ủy thị trấn Tân Bình, Bắc Tân Uyên, 2021) [30]

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu phát triển của các đô thị

Công tác xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, công chức tại tỉnh đã có những cải cách đáng kể. Việc tổ chức thi tuyển các chức danh lãnh đạo và quản lý được thực hiện một cách công bằng, giúp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Trong giai đoạn 2015-2020, trung bình mỗi năm có khoảng 8.000 cán bộ được cử đi đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, lý luận chính trị và kỹ năng. Năm 2021 và 2022, tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo lên tới 21.044, bao gồm việc đào tạo cho nhiều nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực khác nhau như y tế, quân sự. Qua những nỗ lực này, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp cơ sở đã được cải thiện, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc của chính quyền các cấp [107].

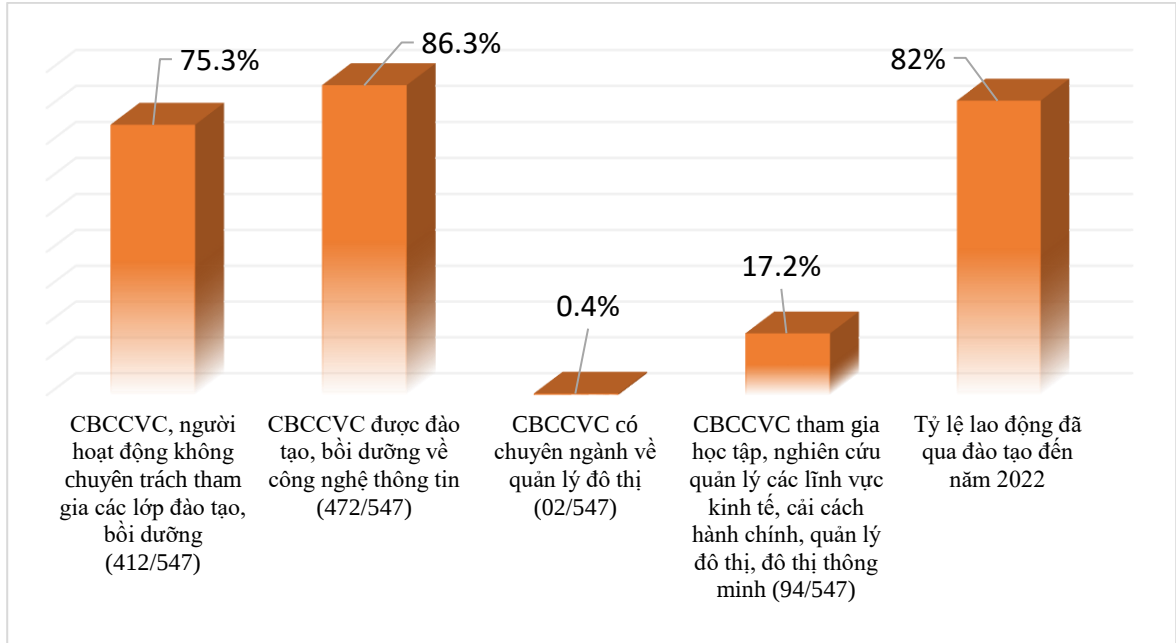
Tỉnh Bình Dương đang chú trọng vào việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đặc biệt là các cán bộ chủ chốt tại cấp phường và thị trấn. Đến nay, tỉnh đã gửi 286 cán bộ tham gia đào tạo quân sự và 334 người ở trung cấp chuyên nghiệp ngành công an.

Tổng cộng có 716 học viên đã tham gia 07 khóa đào tạo lãnh đạo. Tính đến năm 2022, Bình Dương có 1.766 cán bộ, công chức cấp cơ sở, trong đó có 893 cán bộ và 873 công chức. Về trình độ chuyên môn: 86,01% có trình độ đại học; 8,09% có trình độ sau đại học; 1,13% có trình độ sơ cấp. Về lý luận chính trị: 95,98% đã qua đào tạo, trong đó 14,09% có trình độ cao cấp. Về tin học: 95,97% được đào tạo, đa số đạt chứng chỉ A trở lên. Ngoại ngữ: 94,56% đã qua đào tạo. Cuối cùng, 33,91% cán bộ có trình độ quản lý từ ngạch chuyên viên trở lên, với 62,40% cán bộ dưới 40 tuổi và 40,99% là nữ [97].

Về đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài: Từ năm 2018 đến nay đã cử 765 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ tại: Nhật Bản, Đức, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Hàn Quốc, trong đó có 231 cán bộ, công chức, viên chức của các thành phố, thị xã của tỉnh. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng đa số đều quay lại phục vụ địa phương và góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền các cấp nói chung, chính quyền đô thị nói riêng.

Đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Bình Dương mặc dù đã được chuẩn hóa và nâng cao trình độ, nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong việc xây dựng "thành phố thông minh". Chính quyền đô thị và đô thị thông minh yêu cầu con người, quản trị, công nghệ và kinh tế thông minh hơn, nhưng hiệu suất làm việc của một số cán bộ vẫn thấp. Nhiều cán bộ thiếu chủ động, chất lượng thực hiện nhiệm vụ không cao, trình độ tin học, ngoại ngữ, kỹ năng số hóa còn hạn chế, nhất là kỹ năng quản trị đô thị.

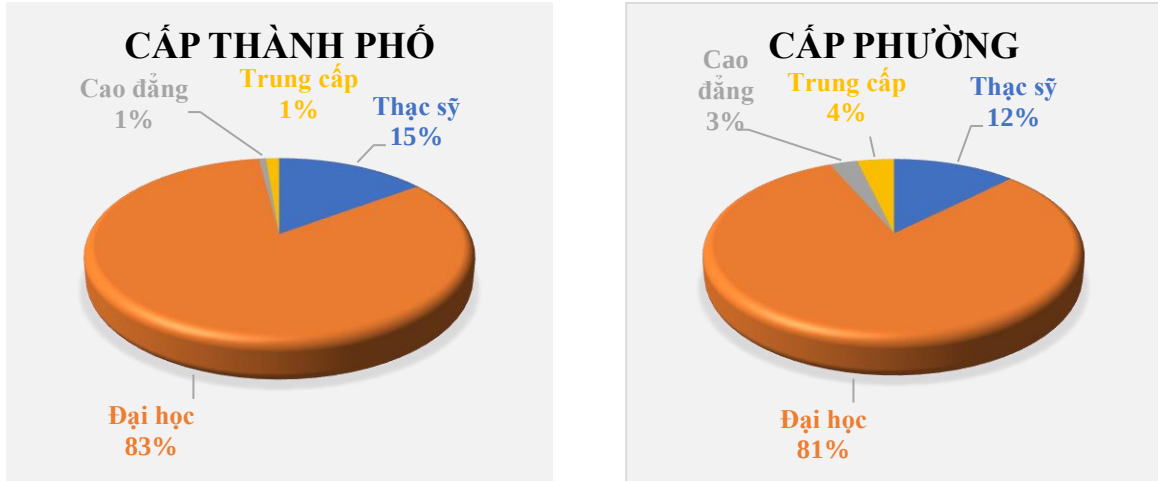
Các địa phương đi đầu như Thủ Dầu Một, Thuận An, và Dĩ An có tỷ lệ cán bộ chưa qua bồi dưỡng quản lý nhà nước cao, từ 70% đến 76%. Mặc dù các hoạt động bồi dưỡng hàng năm được tổ chức nhiều hơn, nhưng vẫn chưa đủ để đáp ứng yêu cầu mới. Nội dung bồi dưỡng chủ yếu tập trung vào kiến thức cơ bản như trình độ thạc sĩ, đại học, trung cấp hay công nghệ thông tin mà chưa chú trọng đến nâng cao trình độ ngoại ngữ, số hóa, nhất là những lĩnh vực liên quan đến quản lý đô thị, quản lý đô thị thông minh. **(Biểu đồ 3.1 và 3.2)**



Biểu đồ 3.1. Kết quả thực hiện đào tạo nguồn nhân lực ở thành phố Thủ Dầu Một

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 416-BC/TU (Thành ủy Thủ Dầu Một, 2023) [110].

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tại các đô thị của Bình Dương đã đạt tiêu chuẩn theo quy định của Chính phủ, đảm bảo đủ số lượng cho hoạt động của hệ thống chính trị. Công tác sắp xếp lại bộ máy được thực hiện theo Nghị quyết số 18-NQ/TW nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động. Để đạt được kết quả này, Bình Dương đã áp dụng mô hình (4C): Chủ trương đúng dẫn từ Đảng bộ tỉnh; Chỉ đạo thực hiện sát sao với việc kiểm tra, giám sát chặt chẽ; Chế độ, chính sách linh hoạt; Cá nhân tích cực và năng động. Trong việc tổ chức thực hiện, tỉnh cũng chú trọng tới 3 Bám: Bám sát chỉ đạo của Trung ương trong công tác cán bộ; Bám sát thực tiễn ở cơ sở để điều chỉnh chính sách; Bám sát nhu cầu và nguyện vọng của cán bộ cơ sở để ban hành chế độ thích hợp.



Biểu đồ 3.2. Trình độ cán bộ, công chức, viên chức thành phố Thủ Dầu Một

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 416-BC/TU (Thành ủy Thủ Dầu Một, 2023) [115]

3.2.2.2. Nâng cao hiệu lực của bộ máy của chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương

- Khả năng thực thi chính sách và quyết định của chính quyền đô thị

Khả năng thực thi chính sách và quyết định là yếu tố cốt lõi để đảm bảo hiệu lực quản lý của chính quyền đô thị. Để đạt được điều này, cần có sự kết hợp giữa xây dựng chính sách phù hợp, nâng cao năng lực tổ chức, tăng cường phối hợp, giám sát chặt chẽ, và tạo sự đồng thuận từ cộng đồng. Đồng thời, việc ứng dụng công nghệ hiện đại và học hỏi kinh nghiệm quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống cho người dân. Vì vậy, để nâng cao khả năng thực thi chính sách và quyết định nhằm đảm bảo hiệu lực quản lý của chính quyền đô thị, chính quyền đô thị tỉnh Bình Dương đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

+ Xây dựng chính sách rõ ràng, khả thi và phù hợp: Bình Dương đã ban hành "Đề án phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030", trong đó xác định rõ các mục tiêu như phát triển hạ tầng số, giao thông thông minh, và quản lý đô thị hiệu quả. Đề án này được xây dựng dựa trên thực tiễn là tỉnh có nhiều khu công nghiệp và dân số nhập cư lớn. Chính sách thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp được thiết kế phù hợp với đặc thù của tỉnh, như ưu đãi thuế, hỗ trợ thủ tục hành chính, và phát triển hạ tầng đồng bộ (điện, nước, giao thông).

+ Tăng cường năng lực tổ chức và thực thi: Bình Dương đã triển khai đào tạo cán bộ quản lý đô thị thông qua các chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như JICA (Nhật Bản) và các trường đại học trong nước. Các khóa học tập trung vào quản lý quy hoạch đô thị, ứng dụng công nghệ thông tin, và quản lý môi trường.

Tỉnh đã phân cấp rõ ràng trong quản lý đô thị, ví dụ: các thành phố trực thuộc như Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An chịu trách nhiệm quản lý các dự án hạ tầng đô thị tại địa phương, trong khi tỉnh tập trung vào các chính sách chiến lược và giám sát.

+ Tăng cường sự phối hợp giữa các bên liên quan: Phối hợp liên ngành: Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, và Sở Tài nguyên Môi trường phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai các dự án giao thông kết nối (như đường Mỹ Phước - Tân Vạn) và quản lý môi trường tại các khu công nghiệp. Hợp tác công-tư (PPP): Bình Dương đã hợp tác với các doanh nghiệp tư nhân như Becamex IDC để phát triển các khu đô thị mới (như Thành phố mới Bình Dương) và các dự án hạ tầng giao thông, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

+ Giám sát, đánh giá và điều chỉnh chính sách: Bình Dương thường xuyên tổ chức các cuộc họp đánh giá tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng đô thị, như dự án cải tạo hệ thống thoát nước tại thành phố Dĩ An để giảm ngập úng. Các báo cáo định kỳ được công khai trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. Sau khi triển khai Đề án đô thị thông minh, tỉnh đã đánh giá tác động của các dịch vụ công trực tuyến (như cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh) và điều chỉnh để nâng cao hiệu quả, giảm thời gian xử lý hồ sơ.

+ Đảm bảo nguồn lực và cơ chế tài chính: Bình Dương đã phân bổ ngân sách hợp lý cho các dự án trọng điểm, như xây dựng Trung tâm Hành chính tập trung tại thành phố Thủ Dầu Một, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Tỉnh huy động nguồn lực xã hội thông qua các dự án BOT (xây dựng - kinh doanh - chuyển giao) trong lĩnh vực giao thông, ví dụ: tuyến đường Mỹ Phước - Tân Vạn được đầu tư bởi Becamex IDC.

+ Tăng cường pháp chế và thực thi pháp luật: Bình Dương đã ban hành các quy định chặt chẽ về quản lý đất đai và xây dựng, như xử lý nghiêm các trường hợp xây dựng trái phép tại các khu đô thị mới (ví dụ: khu vực thành phố Dĩ An, Thuận

An). Tỉnh tăng cường thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp trong khu công nghiệp về việc tuân thủ quy định bảo vệ môi trường, xử lý nghiêm các trường hợp xả thải không đúng quy định. Các lực lượng chức năng như thanh tra xây dựng, cảnh sát giao thông thường xuyên tuần tra, giám sát để đảm bảo thực thi pháp luật trong quản lý đô thị.

+ Xây dựng niềm tin và sự đồng thuận của người dân: Bình Dương đã triển khai các kênh truyền thông như cổng thông tin điện tử, ứng dụng "Bình Dương Smart", và đường dây nóng để người dân phản ánh các vấn đề đô thị (như ngập úng, ùn tắc giao thông, rác thải). Tỉnh tổ chức các hội nghị đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo và người dân, doanh nghiệp để giải quyết các vấn đề bức xúc, như đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án giao thông.

+ Học hỏi kinh nghiệm quốc tế và áp dụng sáng tạo: Bình Dương đã học hỏi mô hình đô thị thông minh từ Singapore và Hàn Quốc, áp dụng vào việc xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và phát triển các dịch vụ công trực tuyến. Tỉnh hợp tác với các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB) và JICA để triển khai các dự án hạ tầng, như hệ thống xử lý nước thải tại thành phố Thuận An, nhưng điều chỉnh để phù hợp với điều kiện địa phương. Mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ của Bình Dương (do Becamex IDC phát triển) được học hỏi từ các nước phát triển, nhưng được sáng tạo để phù hợp với đặc thù kinh tế và dân số của tỉnh.

Bình Dương là một ví dụ điển hình về việc áp dụng các nguyên tắc quản lý đô thị hiệu quả, từ xây dựng chính sách phù hợp, nâng cao năng lực tổ chức, đến tăng cường phối hợp và giám sát. Tuy nhiên, tỉnh vẫn đối mặt với các thách thức như áp lực dân số nhập cư, ùn tắc giao thông, và ô nhiễm môi trường. Do đó, việc tiếp tục đổi mới, ứng dụng công nghệ, và tăng cường sự tham gia của cộng đồng sẽ là chìa khóa để Bình Dương duy trì hiệu lực quản lý đô thị và phát triển bền vững trong tương lai.

- *Tính minh bạch của chính quyền, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân*

Bảng 3.7. Đánh giá chỉ số tính minh bạch của chính quyền và sự tham gia của người dân ở tỉnh Bình Dương từ năm 2017 - 2023

Lĩnh vực \ Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tham gia của người dân ở cấp cơ sở	4,33	5,28	4,8	4,29	5,28	5,95	5,91
Công khai, minh bạch	5,54	5,23	5,65	5,09	6,25	6,21	5,88
Trách nhiệm giải trình với người dân	5,05	4,86	4,58	4,65	4,72	4,54	4,66
Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công	4,99	6,82	6,9	6,6	8,15	7,94	8,15
Thủ tục hành chính công	6,97	7,44	7,26	7,52	7,63	7,48	7,64

Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo website Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh tại Việt Nam [150].

Qua kết quả tổng hợp số liệu về tính minh bạch của chính quyền, sự tham gia của người dân và một số lĩnh vực khác nhằm thể hiện hiệu lực của chính quyền tỉnh Bình Dương, trong đó có chính quyền đô thị có thể nhận thấy:

+ Tham gia của người dân ở cấp cơ sở: Chỉ số tăng từ 4,33 năm 2017 lên 5,91 năm 2023. Điều này cho thấy sự gia tăng trong việc tham gia của người dân vào các hoạt động ở cấp cơ sở qua các năm.

+ Công khai, minh bạch: Chỉ số dao động quanh mức 5,0 đến 6,25, với mức cao nhất là năm 2021 (6,25) và giảm nhẹ xuống 6,21 năm 2022 và đến năm 2023 tiếp tục giảm xuống 5,88. Tính công khai và minh bạch có xu hướng tăng từ 2017 đến 2021, nhưng các năm sau đó có xu hướng ổn định hoặc giảm nhẹ.

+ Trách nhiệm giải trình với người dân: Chỉ số dao động quanh mức 4,58 đến 4,66 từ 2017 đến 2023. Không có sự thay đổi đáng kể, cho thấy trách nhiệm giải trình với người dân có vẻ ổn định nhưng không có cải thiện đáng kể.

+ Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công: Chỉ số tăng mạnh từ 4,99 năm 2017 lên 8,15 năm 2021, sau đó giảm nhẹ xuống 7,94 năm 2022 và đến năm 2023 tăng lại bằng với số điểm năm 2021 là 8,15. Điều này cho thấy sự cải thiện đáng kể trong việc kiểm soát tham nhũng, mặc dù có xu hướng giảm nhẹ gần đây.

+ Thủ tục hành chính công: Chỉ số tăng từ 6,97 năm 2017 lên 7,63 năm 2021, sau đó giảm nhẹ xuống 7,48 năm 2022 và đến năm 2023 lại tăng lên 7,64. Điều này cho thấy sự cải thiện trong thủ tục hành chính công qua các năm, mặc dù gần đây có xu hướng ổn định hoặc giảm nhẹ.

Như vậy, đánh giá tổng thể các chỉ số cho thấy sự cải thiện đáng kể trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kiểm soát tham nhũng và thủ tục hành chính công. Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở có xu hướng tăng, điều này có thể phản ánh sự quan tâm và tham gia chính trị của công chúng ngày càng cao. Tuy nhiên, một số chỉ số khác như trách nhiệm giải trình với người dân và tính công khai, minh bạch có xu hướng ổn định hoặc giảm nhẹ gần đây, cho thấy cần có nỗ lực tiếp tục để duy trì và cải thiện chất lượng trong các lĩnh vực này.

- Công tác cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu lực của chính quyền đô thị

Trong những năm qua, tỉnh Bình Dương đã chú trọng cải cách hành chính, đặc biệt tại các đô thị, nhằm tạo động lực cho sự phát triển chung. Các thủ tục hành chính được rà soát và đơn giản hóa để rút ngắn thời gian giải quyết và nâng cao tính công khai, minh bạch. Mô hình "Chính quyền thân thiện vì nhân dân phục vụ" đã thu hút sự hưởng ứng từ cả chính quyền và người dân. Trung tâm Hành chính công và bộ phận một cửa đã hoạt động hiệu quả trong việc hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, mức độ phục vụ của chính quyền đô thị vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu của người dân, dẫn đến chỉ số PAPI của tỉnh có xu hướng tăng không bền vững trong giai đoạn từ 2017 đến 2022. Cụ thể, năm 2017 chỉ đạt 33,50 điểm (xếp thứ 62/63), cải thiện lên 43,50 điểm vào năm 2018 (thứ 39/63), nhưng lại giảm xuống 40,76 điểm vào năm 2020 (thứ 57/63). Đến năm 2021 và 2022, tỉnh đã vươn lên với 47,17 và 47,46 điểm [16].

Tỉnh Bình Dương đang chú trọng cải cách hành chính gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền lợi của người dân và doanh nghiệp. UBND tỉnh đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm triển khai hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính, góp phần vào hoàn thành mục tiêu phát triển bền vững. Thời gian qua, UBND tỉnh thực hiện đồng bộ các chương trình và kế hoạch của Trung ương, như: công tác ngành Tư pháp, thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, kiểm tra và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt, tỉnh chú trọng đánh giá thực hiện tại các đô thị, coi đây là điểm mấu chốt trong quá trình cải cách.

Số lượng thủ tục hành chính cấp tỉnh có tính chất liên thông ngang, liên thông dọc đã cập nhật là 276 thủ tục thuộc thẩm quyền của 17 sở, ban, ngành (03 sở, ngành không có thủ tục hành chính có tính chất liên thông). Số lượng thủ tục hành chính các đô thị có tính chất liên thông ngang, liên thông dọc đã cập nhật là 68 thủ tục thuộc 13/46 lĩnh vực cấp thành phố/thị xã. Số lượng thủ tục hành chính cấp phường/ thị trấn có tính chất liên thông ngang, liên thông dọc đã cập nhật là 16 thủ tục thuộc 6/36 lĩnh vực.

Bảng đánh giá cải cách hành chính của các thành phố thuộc tỉnh Bình Dương cho thấy sự tự đánh giá của mỗi thành phố ở các lĩnh vực khác nhau như sau (**Bảng 3.10**):

- + Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính: Tất cả các thành phố đều đạt điểm tối đa: 12.00 điểm.
- + Cải cách thể chế: Điểm số của các thành phố đồng đều, mỗi nơi đạt 5.50 điểm.
- + Cải cách thủ tục hành chính: Thành phố Thủ Dầu Một, Bến Cát, và Dĩ An đạt 8.00 điểm. Thành phố Tân Uyên đạt 7.10 điểm. Thành phố Thuận An ghi nhận 7.70 điểm.
- + Cải cách bộ máy hành chính nhà nước: Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Bến Cát, Dĩ An đồng đạt 6.00 điểm, trong khi Thuận An đạt 5.85 điểm.
- + Cải cách chế độ công vụ: Thành phố Thủ Dầu Một đạt 8.00 điểm, trong khi Tân Uyên và Thuận An đạt 7.50 điểm. Bến Cát và Dĩ An đạt 7.25 điểm.
- + Cải cách tài chính công: Thủ Dầu Một đạt 5.00 điểm. Các thành phố khác đạt từ 4.10 đến 4.50 điểm.
- + Chính quyền số, chính quyền điện tử: Thủ Dầu Một cao nhất với 8.50 điểm. Các thành phố còn lại có điểm số thấp hơn từ 6.57 đến 8.35 điểm.
- + Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Thủ Dầu Một đạt 8.96 điểm, trong khi các thành phố khác có điểm số từ 6.43 đến 8.83 điểm.
- + Tác động cải cách hành chính: Tân Uyên đạt 14.58 điểm, cao nhất so với các thành phố khác, tiếp theo lần lượt là Bến Cát (13.95), Dĩ An (13.14), Thủ Dầu Một (12.74) và Thuận An (11.82).

Qua kết quả tổng hợp số liệu công tác cải cách hành chính ở 5 thành phố thuộc tỉnh Bình Dương cho thấy các thành phố đều thực hiện tốt trong nhiều lĩnh vực cải

cách hành chính, trong đó, thành phố Thủ Dầu Một đạt nhiều điểm tối đa trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, cũng có sự chênh lệch trong một số lĩnh vực cụ thể giữa các thành phố, đặc biệt là trong cải cách thủ tục hành chính và tài chính công.

- Công tác ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý của chính quyền đô thị.

Trong những năm gần đây, tỉnh Bình Dương đã chú trọng vào việc xây dựng chính quyền điện tử để tiến tới phát triển chính quyền số. Năm 2021, tỉnh đã công bố kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025 với tầm nhìn đến 2030, đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển thành phố thông minh. Tỉnh cũng đã ban hành kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0. Bình Dương đã đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật thông tin tại các cơ quan hành chính, cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa hoạt động của các cơ quan nhà nước. Nhờ đó, các dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp được cải thiện đáng kể.

Bình Dương đang tích cực đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan hành chính. Từ năm 2015, tỉnh đã phát triển các trung tâm dữ liệu cho chính quyền điện tử và nâng cấp hạ tầng truyền dẫn mạng chuyên dụng, phủ sóng đến cấp xã. 100% cơ quan ở cấp tỉnh, huyện và xã đã được trang bị hệ thống mạng nội bộ hoàn chỉnh. Trung tâm dữ liệu của tỉnh được nâng cấp nhằm hỗ trợ các cơ quan nhà nước, với mạng truyền số liệu băng thông rộng kết nối tới hơn 184 điểm tại các cơ quan Đảng và nhà nước, bao phủ đến cấp xã. Trung tâm hành chính công tỉnh đã được đầu tư hiện đại về cả thiết bị lẫn phần mềm. Hiện nay, tất cả các đơn vị hành chính cấp thành phố và huyện đều có Bộ phận một cửa hiện đại và các Bộ phận một cửa tại xã, phường cũng đang được triển khai nâng cao chất lượng dịch vụ.

Việc triển khai phần mềm tác nghiệp nhằm cải cách hành chính tại tỉnh đã nhận được sự quan tâm và đầu tư đáng kể. Hiện nay, tất cả các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và hầu hết các đơn vị hành chính địa phương đều đã áp dụng phần mềm một cửa điện tử phiên bản tập trung. Hiện tại, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và 8/9 đơn vị hành chính địa phương đã sử dụng phần mềm một cửa điện tử. Phần mềm được phát triển để phù hợp với yêu cầu từ Bộ Nội vụ trong việc đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ công. Người dân có thể đánh giá mức độ hài

lòng ngay sau khi giao dịch thủ tục hành chính thông qua các máy tính bảng đặt tại quầy giao dịch. Mức độ hài lòng của người dân đạt trên 80%. Những nỗ lực này cho thấy cam kết của tỉnh trong cải thiện chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

Ngoài ra, để tăng cao tính hiệu lực của chính quyền đô thị, Bình Dương đã ban hành khung kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 và đưa vào khai thác dự án trang thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến giữa cấp tỉnh và huyện, cùng quy chế quản lý, vận hành hệ thống này. Đồng thời, tất cả các cơ quan hành chính từ cấp tỉnh đến cấp huyện đều có cổng/trang thông tin điện tử cung cấp thông tin hoạt động và dịch vụ công. 100% cơ quan từ tỉnh đến xã đã kết nối phần mềm quản lý văn bản, đảm bảo liên thông đến 4 cấp. Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin trong nhiều lĩnh vực như hồ sơ người có công, y tế, và tài nguyên môi trường. Hơn 100 chữ ký số đã được cấp cho các cơ quan chức năng và triển khai trong giao dịch điện tử. 100% cơ quan chuyên môn và đơn vị hành chính cấp huyện đã áp dụng phần mềm đánh giá cán bộ. Đã ban hành danh mục thủ tục hành chính triển khai trực tuyến mức độ 3 và 4, hiện có 321 dịch vụ mức độ 3 và 12 dịch vụ mức độ 4 trên Trang thông tin Hành chính công. Các cơ quan đã tiếp nhận 812.444 hồ sơ thủ tục hành chính với tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt từ 97% trở lên [43].

Những cải cách này nhằm nâng cao hiệu quả làm việc của các cơ quan nhà nước, góp phần phát triển chính quyền điện tử và nâng cao hiệu lực hoạt động của chính quyền đô thị các cấp tại Bình Dương.

3.2.2.3. Nâng cao hiệu quả điều hành của bộ máy của chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương

Với quan niệm hiệu quả là “kết quả thực của việc làm mang lại” [133, tr.548], khi gắn với tổ chức chính quyền thì hiệu quả là kết quả quản lý đạt được của chính quyền trong sự tương quan với mức độ chi phí các nguồn lực, trong mối quan hệ giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Từ đó, hiệu quả của chính quyền đô thị chính là kết quả đạt được của chính quyền trong điều hành hoạt động của đô thị, với cách hiểu này tác giả tiến hành khảo sát hiệu quả của chính quyền đô thị trên các khía cạnh sau:

- *Về kết quả phát triển kinh tế - xã hội ở chính quyền đô thị*

Bình Dương đang chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội một cách toàn diện và luôn đứng đầu cả nước về chỉ số cơ sở hạ tầng theo báo cáo PCI hàng năm. Hiện tại, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh chủ yếu đến từ các đô thị, chiếm $\frac{3}{4}$ tổng sản phẩm toàn tỉnh. Trong năm 2020, GRDP của Bình Dương (theo giá so sánh 2010) tăng 6,91% so với năm 2019 (năm trước đó tăng 10%). Trong 6 tháng đầu năm 2024, GRDP tăng 6,19% so với năm 2023. Cụ thể, ngành công nghiệp - xây dựng tăng 5,81%; dịch vụ tăng 7,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,2%; và nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,29%.

Về quy mô, Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng 7,48% (năm 2023 tăng 5,00%, kế hoạch tăng 8,0 - 8,5%); GRDP bình quân đầu người đạt 181,2 triệu đồng (kế hoạch 185,5 triệu đồng); cơ cấu kinh tế: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp - thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm với tỉ trọng tương ứng là 64,93% - 25,08% - 2,73% - 7,26% (kế hoạch 65,95% - 24,35% - 2,51% - 7,19%) [141].

Tỉnh Bình Dương đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong phát triển kinh tế - xã hội nhờ vào việc sử dụng hiệu quả nguồn tài lực từ các chủ thể tham gia quản trị đô thị. Điều này đóng góp quan trọng vào sự phát triển đô thị bền vững, đáp ứng sự hài lòng của cư dân. Cụ thể, thành phố Thủ Dầu Một đã có những thành tựu nổi bật trong năm 2023, với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 305.260,46 tỷ đồng, tăng 28,03% so với cùng kỳ. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng 3,01%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 28,03% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 27,87% [144]. Đạt được những kết quả như trên đã góp phần thúc đẩy phát triển Thành phố ngày càng văn minh, hiện đại và đạt được sự đồng thuận cao của người dân.

Trên cơ sở tổng hợp số liệu từ các báo cáo của một số chính quyền đô thị, điển hình ở thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương vấn đề *về sử dụng hiệu quả nguồn tài lực của đô thị* được thể hiện cụ thể như sau (**Phụ lục 2**):

Thứ nhất, về thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Qua kết quả tổng hợp các chỉ tiêu về kinh tế - tài chính có thể thấy được hầu hết các tiêu chí được khảo sát đều đạt hoặc vượt kế hoạch nhiệm kỳ của chính quyền đô thị thành phố Thủ Dầu Một đặt ra. Cụ thể: Có 3 tiêu chí đạt so với mục

tiêu nhiệm kỳ (Cơ cấu kinh tế về Dịch vụ, Cơ cấu kinh tế về Công nghiệp, Cơ cấu kinh tế về Nông nghiệp); 6 tiêu chí vượt hơn so với mục tiêu nhiệm kỳ (Tăng trưởng kinh tế, Giá trị dịch vụ tăng, Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng, Giá trị sản xuất công nghiệp tăng, Thu ngân sách nhà nước đạt, Chi ngân sách nhà nước đạt). Những kết quả trên đã thể hiện được kết quả khả quan trong quá trình phát triển kinh tế của chính quyền đô thị ở Bình Dương nói chung và chính quyền đô thị ở thành phố Thủ Dầu Một nói riêng.

Thứ hai, thực hiện chỉ tiêu về xã hội

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, công tác an sinh xã hội, các hoạt động chăm lo, thăm tặng quà, hỗ trợ đời sống vật chất, tinh thần cho các đối tượng chính sách, xã hội, người có công, công nhân, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn từ thành phố đến các phường nhân dịp Lễ, Tết được triển khai kịp thời, hiệu quả. Rà soát, phê duyệt 1.100 hộ nghèo năm 2023 (chuẩn nghèo Bình Dương 727, chuẩn nghèo Trung ương 373) và phân bổ chỉ tiêu giảm nghèo cho các phường. Qua rà soát, bình xét cuối năm, toàn thành phố còn 999 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 0,72%; số cận nghèo 344 hộ, tỷ lệ 0,25% [144].

Thứ ba, thực hiện chỉ tiêu về môi trường

Báo cáo môi trường chỉ ra rằng ba tiêu chí quan trọng liên quan đến quản lý nước thải và chất thải rắn đô thị chưa đạt yêu cầu. Cụ thể, tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý, tỷ lệ đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, và tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom đều không đáp ứng mục tiêu đề ra. Điều này cho thấy vấn đề môi trường là một thách thức lớn trong quản lý đô thị hiện nay.

Để khắc phục tình hình này, thành phố đã triển khai kế hoạch “Thành phố không rác” cho giai đoạn 2023-2025, bao gồm các quy định về thu gom chất thải và nỗ lực tuyên truyền người dân tham gia bảo vệ môi trường. Những hoạt động này đã đem lại chuyển biến tích cực về ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng. Ngoài ra, thành phố Thủ Dầu Một cũng đã thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về việc đầu nối nước thải sinh hoạt, giai đoạn 1 đã đạt 92,1%, trong khi giai đoạn 2 mới đạt 18,5%.

Thứ tư, thực hiện chỉ tiêu về xây dựng phát triển đô thị

Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu về xây dựng phát triển đô thị, tác giả đã

khảo sát 2 vấn đề là: Số phường đạt chuẩn văn minh đô thị, Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người. Qua khảo sát, có 1 vấn đề không đạt mục tiêu nhiệm kỳ đề ra đó là Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người ($37/39 \text{ m}^2/\text{người}$); còn 1 vấn đề không tiếp tục thực hiện khảo sát do thực hiện theo quyết định 04/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nên năm 2023 không chấm điểm đối với chỉ tiêu này (đi theo giai đoạn đăng ký 2022-2024), năm 2023 chỉ thực hiện đánh giá các tiêu chí xem có đạt không và 2024 sẽ thực hiện xét. Tuy nhiên, qua tổng hợp các tiêu chí thì 14/14 phường của thành phố Thủ Dầu Một vẫn đạt được chuẩn văn minh đô thị.

Thành phố Thủ Dầu Một đang thúc đẩy nhanh chóng Đề án Cây xanh đô thị với nhiều hoạt động cụ thể. Ngoài ra, thành phố đã thi công 04 công viên và hoa viên, trong đó 03 hoa viên đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ nguồn đầu tư của UBND phường, cùng với 01 công viên do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng làm chủ đầu tư. Tính đến nay, Thủ Dầu Một đã xây dựng tổng cộng 118 công viên và hoa viên, đồng thời bàn giao 06 công viên, hoa viên cho UBND các phường quản lý.

Thứ năm, thực hiện chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh

Chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh tại đô thị Thủ Dầu Một được đánh giá qua hai vấn đề chính: tỷ lệ kéo giảm tội phạm (5,13/3) và tiêu chí giảm tai nạn giao thông (2/3). Kết quả khảo sát cho thấy việc giảm tai nạn giao thông là một thách thức cần giải quyết đối với cả cơ quan quản lý nhà nước của bất kỳ địa phương nào. Để nâng cao hiệu quả an ninh trật tự và an toàn giao thông, thành phố đã triển khai Đề án Camera giám sát.

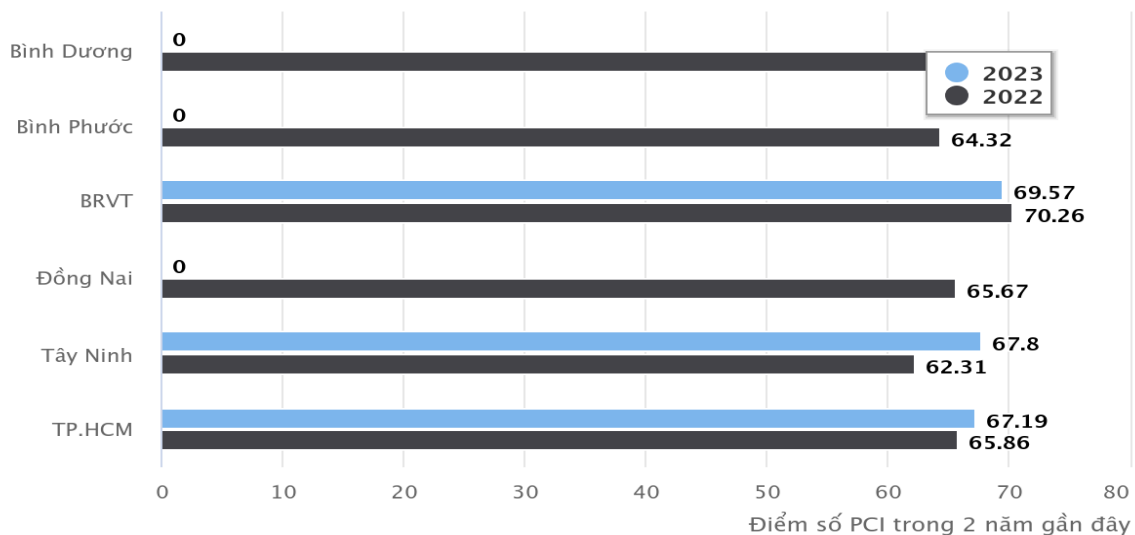
Như vậy, đánh giá về các chỉ tiêu phát triển kinh tế, chỉ tiêu về xã hội, chỉ tiêu về môi trường, chỉ tiêu về xây dựng phát triển đô thị, chỉ tiêu về quốc phòng - an ninh trong đánh giá về sử dụng hiệu quả nguồn tài lực của đô thị, kết quả cho thấy đa số các tiêu chí đều đạt hoặc vượt mục tiêu đề ra trong nhiệm kỳ, ngoại trừ một số chỉ tiêu như tỷ lệ nước thải sinh hoạt xử lý, tỷ lệ chất thải rắn thu gom, diện tích sàn nhà ở bình quân và việc giảm tai nạn giao thông. Mặc dù cơ quan quản lý đô thị đã đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân, vẫn còn nhiều vấn đề cần giải quyết để cải thiện đời sống cư dân, đòi hỏi sự cần thiết phải có cơ chế chính sách phù hợp và phối hợp hiệu quả giữa các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân để xử lý các vấn đề "đặc thù đô thị".

- Về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI)

Theo kết quả công bố, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), giai đoạn từ năm 2017 - 2023, tỉnh Bình Dương luôn nằm trong nhóm địa phương dẫn đầu về chỉ số này (năm 2017: xếp hạng 14 với 64,47 điểm; năm 2018: xếp hạng 6 với 66,09 điểm; năm 2019: xếp hạng 13 với 67,38 điểm; năm 2020: xếp hạng 4 với 70,16 điểm; năm 2021: xếp hạng 6 với 69,61 điểm. Đến năm 2022, Bình Dương xếp vị trí thứ 36 trong cả nước với 65,13/100 điểm, thuộc nhóm "Tốt", nhưng đã giảm 30 bậc so với năm 2021 (hạng 6 với 69,61 điểm) [151]. Đến năm 2023, với sự nỗ lực của Đảng bộ và chính quyền, tỉnh Bình Dương đã vươn lên xếp hạng thứ 22 toàn quốc về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Như vậy, Bình Dương vẫn là địa phương tiếp tục đứng đầu bảng xếp hạng PCI năm 2022 và 2023 ở khu vực Đông Nam bộ, tiếp theo là Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Đồng Nai, Tây Ninh, Ninh Thuận và Bình Phước.

Trong 10 chỉ số thành phần PCI năm 2023, Bình Dương có 06 chỉ số tăng điểm gồm: Gia nhập thị trường, Chi phí thời gian, Tính năng động, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, Đào tạo lao động và Thiết chế pháp lý.

So sánh – Bình Dương với các tỉnh thuộc khu vực Đông Nam Bộ



Biểu đồ 3.3. So sánh xếp hạng PCI của Bình Dương với các tỉnh Đông Nam bộ năm 2022 và 2023

Nguồn: Website Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam [82]

Thời gian qua, Bình Dương luôn nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Bình Dương phấn đấu các chỉ tiêu về môi trường kinh doanh tiếp tục đạt và vượt so với năm 2020; duy trì Chỉ số PCI năm 2021 trong nhóm Top 10 và đã tăng tốc vươn lên vị trí cao hơn trong bảng xếp hạng 63 tỉnh thành vào năm 2023; đẩy mạnh việc công khai, minh bạch các chính sách, thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của đơn vị... Mục tiêu không chỉ là việc nâng thứ hạng PCI mà còn để Bình Dương luôn là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư.

- Về Chỉ số cải cách hành chính PAR Index

Chỉ số PAR Index là công cụ để theo dõi, đánh giá hoạt động cải cách hành chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chỉ số cải cách hành chính được xác định trên 8 lĩnh vực, gồm: công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy hành chính Nhà nước; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.

Chỉ số PAR Index năm 2023, tỉnh Bình Dương đạt 87,64%, đứng thứ 24/63 tỉnh, thành; tăng 11 bậc so với năm 2022 [153]. Tuy nhiên, thứ hạng của tỉnh Bình Dương vẫn chưa cao, chưa vào top 10 trên 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nguyên nhân do tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến thực hiện còn thấp; công khai thủ tục hành chính cũng như tiến độ kết quả giải quyết hồ sơ trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính còn chưa kịp thời; tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa cao. Mức độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước trong năm của tỉnh còn chậm...

Đối với cấp huyện: Thành phố Thủ Dầu đạt chỉ số PAR Index năm 2022 cao nhất với 96,89 điểm, kế đến là thành phố Tân Uyên và thành phố Thuận An đứng cuối bảng với 79,83 điểm. Đối với cấp xã: năm 2022, chỉ số trung bình PAR Index của các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh đạt 89,64%, tăng 1,59% so với năm 2021 (năm 2021 là 88,05%). Đứng đầu bảng xếp hạng là phường Hoà Phú đạt 97,67 điểm.

Việc thực hiện tinh giảm đơn vị sự nghiệp, thực hiện tự chủ đối với đơn vị sự

nghiệp công lập còn chậm, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến còn thấp. Theo kết quả chỉ số cải cách hành chính năm 2022, tỉnh Bình Dương chỉ đạt 88,78/100 điểm. So với năm 2021, Bình Dương giảm 3,09 điểm, đứng thứ 35/63 tỉnh thành cả nước.

- Về Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước Sipas

Bảng 3.8. Chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thời gian 2017-2022

Đơn vị: %

Yếu tố	Năm	2017	2018	2019	2020	2021	2022
Sự phục vụ hành chính nói chung		79,58	85,03	88,02	88,07	87,78	85,52↓
1. Tiếp cận dịch vụ		77,40	82,11	89,14	90,56	88,92	87,30
2. Thủ tục hành chính		80,92	82,47	88,64	91,76	86,90	87,46
3. Công chức		79,00	86,82	89,29	83,49	88,29	86,77
4. Kết quả dịch vụ		81,77	88,21	92,07	91,02	88,73	87,01
5. Việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị		80,36	86,09	79,84	86,00	86,06	85,00

Qua số liệu tổng hợp Chỉ số Sipas của tỉnh Bình Dương qua các năm (trón đồ có chính quyền đô thị) đã thể hiện tỷ lệ phần trăm sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trong thời gian từ 2017 đến 2022. Sự phục vụ hành chính nói chung đã có xu hướng tăng lên cho đến năm 2019, đạt đỉnh cao là 88,02%, sau đó giảm nhẹ ở hai năm tiếp theo. Các yếu tố cụ thể bao gồm:

+ Tiếp cận dịch vụ: Tăng đều từ 77,40% (2017) lên 90,56% (2020), sau đó giảm về 87,30% (2022).

+ Thủ tục hành chính: Cũng tăng từ 80,92% (2017) lên 91,76% (2020), và gần như ổn định với 87,46% vào năm 2022.

+ Công chức: Sự hài lòng tăng từ 79,00% (2017) lên 89,29% (2019) nhưng giảm đôi chút xuống 86,77% (2022).

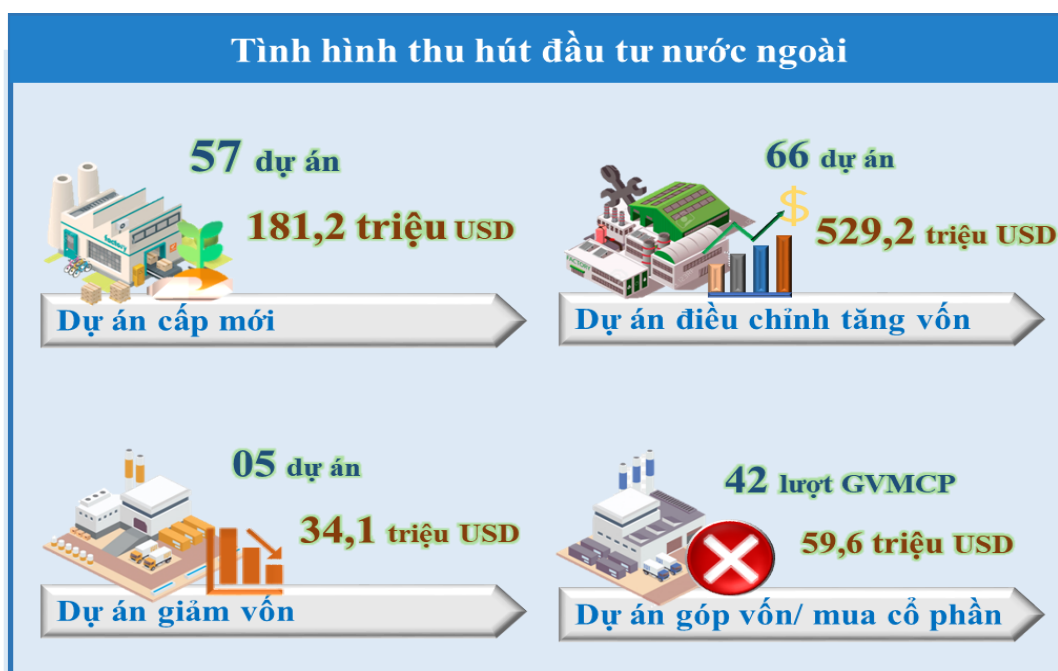
+ Kết quả dịch vụ: Tăng mạnh từ 81,77% (2017) lên 92,07% (2019) nhưng cũng giảm xuống 87,01% (2022).

+ Việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị: Đạt mức tốt nhất 86,09% (2018) nhưng cũng giảm dần vào năm 2022, chỉ còn 85,00%.

Nhìn chung, mặc dù có những biến động trong sự hài lòng, xu hướng chung cho thấy sự cải thiện đáng kể trong dịch vụ hành chính trong giai đoạn 2017-2019, tuy nhiên đã có sự giảm nhẹ từ năm 2020 đến 2022.

- Thu hút đầu tư

Trong Quý IV năm 2024, Bình Dương đã thu hút được 260,5 triệu USD vốn đầu tư nước ngoài (FDI) thông qua 53 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Bên cạnh đó, 25 dự án đã điều chỉnh tăng vốn đầu tư thêm 56,8 triệu USD, trong khi 2 dự án điều chỉnh giảm vốn đầu tư với tổng giá trị 1,1 triệu USD. Ngoài ra, 23 lượt góp vốn, mua cổ phần (GVMCP) từ nhà đầu tư nước ngoài đã mang về 27,9 triệu USD. Trong đó, nếu theo địa phương đầu tư thì tất cả các dự án đầu tư nước ngoài cơ bản tập trung đầu tư vào 4 thành phố (Thủ Dầu Một, Tân Uyên, Thuận An, Dĩ An) và thị xã Bến Cát, bao gồm:



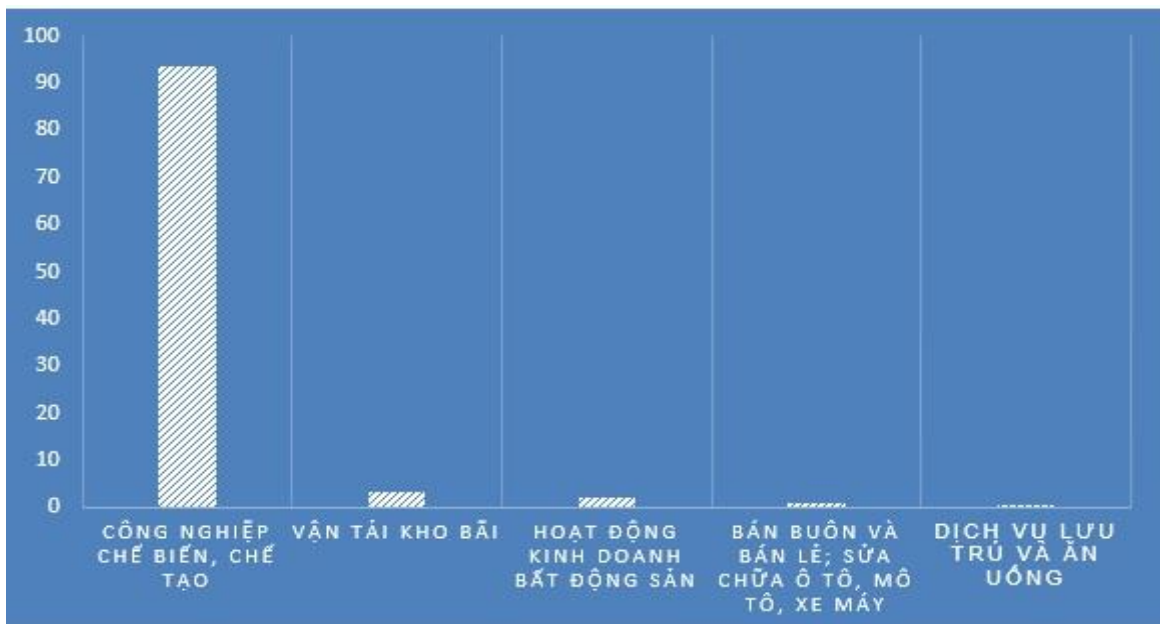
Hình 3.1. Tỷ trọng thu hút FDI tính trong Quý IV/2024 theo hình thức đầu tư.

Nguồn: Website: <https://sokhdt.binhduong.gov.vn>

Theo lĩnh vực đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vốn vào 5 ngành. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục là điểm sáng thu hút sự

quan tâm của đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đầu tư đạt 322,1 triệu đô la Mỹ, chiếm 93,6% tổng vốn đầu tư đăng ký.

Lĩnh vực vận tải kho bãi đứng thứ 2 với tổng vốn 11 triệu đô la Mỹ, chiếm 3,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Đứng thứ 3 là hoạt động kinh doanh bất động sản với tổng vốn 7,1 triệu đô la Mỹ, chiếm 2,1% tổng vốn đầu tư đăng ký. Các lĩnh vực Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng thu hút được một phần vốn đầu tư.



Biểu đồ 3.4. Tình hình thu hút FDI trong Quý IV/2024 theo lĩnh vực đầu tư

Nguồn: Website: <https://sokhdt.binhduong.gov.vn>

Theo đối tác đầu tư, đã có 19 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Bình Dương. Trong đó, các nhà đầu tư từ Samoa dẫn đầu với 121,3 triệu đô la Mỹ, chiếm 35,9% tổng vốn đăng ký. Đài Loan đứng thứ 2 với 76 triệu đô la Mỹ, chiếm 22,5% tổng vốn đăng ký. Singapore đứng thứ 3 với 38,8 triệu đô la Mỹ, chiếm 11,5% tổng vốn đăng ký. Tiếp theo lần lượt là Hồng Kông, Malaysia, Nhật Bản,...

Theo địa bàn đầu tư, các nhà đầu tư nước ngoài tập trung vào các khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư đạt 320,8 triệu đô la Mỹ, chiếm 93,2% tổng vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh. Bao gồm: 45 dự án đầu tư đăng ký mới, 22 lượt điều chỉnh tăng vốn, 01 lượt điều chỉnh giảm vốn và 08 lượt dự án đăng ký góp vốn, mua cổ phần.

Lũy kế đến nay, Bình Dương đứng thứ 2 cả nước về thu hút FDI (sau thành phố Hồ Chí Minh) với 4.399 dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực, tổng số vốn đăng ký đầu tư đạt 42,4 tỷ đô la Mỹ, chiếm khoảng 8,5% tổng vốn đầu tư cả nước.

Bình Dương tiếp tục khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư nước ngoài với những ưu thế về hạ tầng, nguồn nhân lực và chính sách thu hút đầu tư. Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn giữ vai trò chủ đạo trong thu hút FDI. Việc thu hút vốn đầu tư từ Samoa, Đài Loan, Singapore cùng với các quốc gia và vùng lãnh thổ khác cho thấy sự đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư vào Bình Dương.

- Công tác cung ứng dịch vụ công của chính quyền đô thị

Công tác quản lý phát triển đô thị tại tỉnh Bình Dương được chú trọng và điều chỉnh theo tình hình kinh tế - xã hội của từng giai đoạn. Tỉnh đã phê duyệt các chương trình phát triển đô thị cho toàn khu vực cũng như các urban như Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên. Những chương trình này không chỉ là công cụ để quản lý phát triển đô thị mà còn hỗ trợ trong việc nâng cấp loại đô thị và đánh giá khả năng cung ứng dịch vụ công. Trong giai đoạn từ năm 2017 đến nay, dựa trên báo cáo của UBND tỉnh, có thể thấy hầu hết các lĩnh vực cung ứng dịch vụ đô thị đều đạt hoặc vượt chỉ tiêu đề ra (**Phụ lục 1**). Cụ thể có thể nhận thấy:

+ Công tác đầu tư, xây dựng khu đô thị mới

Các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu nhà ở có hệ thống hạ tầng kỹ thuật được triển khai đồng bộ, tạo nên bộ mặt khang trang của đô thị và đem lại sự tiện ích cho người dân. Nhiều công trình kiến trúc, cảnh quan đô thị đã được đầu tư, hình thành những không gian đô thị theo hướng hiện đại, văn minh (Dự án Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, Becamex City, Sora Garden, Midori Park, Hiraki...) góp phần nâng cao chất lượng đời sống cho người dân ở các đô thị tại Bình Dương.

+ Công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị gắn với phát triển các dự án tại các đô thị hiện hữu

Công tác rà soát và điều chỉnh quy hoạch tại các địa phương đã được triển khai, với mục tiêu cải thiện môi trường sống và phát triển kinh tế - xã hội. Các dự án cải tạo đô thị gắn với nhà ở đã nâng cao chất lượng đời sống người dân, đồng thời thu hút đầu tư. Một phần trong kế hoạch này là chuyển đổi công năng các khu

đất của cơ quan nhà nước thành công viên và hoa viên cây xanh, với hơn 96 công trình được chuyển đổi. Đồng thời, các công viên hiện có cũng được nâng cấp để phục vụ cộng đồng. Những nỗ lực này đang nhận được đánh giá tích cực từ phía người dân [142].

Công tác cải tạo hạ tầng kỹ thuật đô thị được quan tâm thực hiện, trong đó các tuyến đường được mở rộng, nâng cấp; cải tạo vỉa hè và lắp đặt bổ sung hệ thống chiếu sáng trên các trục đường giao thông đô thị. Công tác vệ sinh đường phố, dịch vụ hạ tầng kỹ thuật đô thị được duy trì; bổ sung mở rộng phạm vi cấp nước sạch; đầu tư cải tạo dòng chảy các trục thoát nước chính đô thị kết hợp với chỉnh trang hai bên bờ kênh theo dự án.

+ Về phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị tại tỉnh Bình Dương đang được đầu tư nâng cấp và mở rộng mạnh mẽ để đáp ứng nhu cầu phát triển chung. Các trục giao thông kết nối vùng, như đường Mỹ Phước - Tân Vạn, đường Bắc Tân Uyên - Phú Giáo - Bàu Bàng, và các tuyến đường khác, nhận được sự quan tâm đặc biệt từ tỉnh. Hệ thống thoát nước mưa cũng được cải thiện để kết nối tốt hơn với hệ thống thoát nước đô thị. Bên cạnh đó, việc huy động nguồn lực đầu tư vào hệ thống cấp điện là ưu tiên hàng đầu, nhằm đảm bảo cung cấp điện ổn định cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Ngoài ra, tỉnh còn tiếp tục đầu tư vào hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải ở nhiều thành phố như Thủ Dầu Một, Dĩ An, và Thuận An, nhằm nâng cao chất lượng môi trường sống.

Các cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học tại tỉnh liên tục được đầu tư xây dựng mới. Toàn tỉnh có 86 cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn đô thị, vượt quy định tối thiểu. Hiện tại, tổng cộng có 654 trường học và trung tâm giáo dục thường xuyên, với 73,8% (284/385) các cơ sở công lập được lầu hoá, cho thấy mạng lưới trường lớp được quy hoạch hợp lý và phát triển đồng bộ.

Hiện nay, tỉnh Bình Dương đã chú trọng đầu tư xây dựng và thu hút các dự án công trình y tế như: Bệnh viện 1500 giường, Quốc tế Hạnh Phúc, Colombia, Quốc tế Becamex, Hoàn Hảo... Khu vực nội thị trên toàn tỉnh có Tiêu chuẩn về cơ sở y tế cấp đô thị đạt 23 giường/1000 dân (so với tiêu chuẩn quy định đối với đô thị loại I đạt từ 2,4 - $\geq 2,8$ giường/1000 dân).

Bình Dương đã thành công trong việc thu hút nhiều dự án đầu tư vào hạ tầng

thương mại và dịch vụ, phục vụ sự phát triển đô thị của các thành phố như Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An và Bến Cát. Tỉnh đã có 14 công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị đạt tiêu chuẩn, trong đó có 11 siêu thị (45,8%) và 3 trung tâm thương mại (8,1%) theo quy hoạch đến năm 2020. Những dự án này không chỉ nâng cao diện mạo đô thị mà còn góp phần giúp Bình Dương nhanh chóng trở thành một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất cả nước, đặc biệt là trong khu vực vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Khu vực nội thị của tỉnh hiện có 44 công trình văn hóa cấp đô thị, vượt tiêu chuẩn tối thiểu cho đô thị đặc biệt. Ngoài các công trình công lập của nhà nước, nhiều doanh nghiệp và cá nhân cũng tham gia đầu tư vào các lĩnh vực như thể dục - thể thao, giải trí (câu lạc bộ, sân bóng đá mini, cầu lông, tennis, bóng bàn).

Về phát triển nhà ở, tỉnh đã thực hiện theo kế hoạch đề ra. Dự kiến đến năm 2019, diện tích nhà ở bình quân đạt 28,9m²/người, và đến nay là 30m²/người, đáp ứng tiêu chuẩn sàn nhà ở cho đô thị loại I [142].

+ Về nâng cao chất lượng sống của người dân

Chăm sóc sức khỏe cộng đồng tại Bình Dương đã được thực hiện hiệu quả thông qua việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và đội ngũ nhân lực của ngành y tế. Hiện nay, 100% các thành phố, phường và thị trấn đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Hệ thống y tế tư nhân cũng phát triển mạnh mẽ, với nhiều trang thiết bị hiện đại và kỹ thuật cao được áp dụng để đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân. Những nỗ lực này đã không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ y tế mà còn củng cố niềm tin của người dân, góp phần hướng tới mục tiêu bảo hiểm y tế toàn dân.

Tỉnh đã chú trọng đầu tư xây dựng các công trình giáo dục phục vụ nâng cao chất lượng giáo dục, toàn tỉnh hiện có 08 Trường đại học (trong đó có 03 trường nghề công lập); 01 Trung tâm ngoại ngữ tin học - Bồi dưỡng nghiệp vụ tỉnh; 71 Trung tâm và 20 Chi nhánh ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hóa và luyện thi đại học; 03 Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập; 06 Cơ sở hoạt động giáo dục kỹ năng sống được ban hành Quyết định thành lập và cấp phép hoạt động [142].

+ Về xây dựng nếp sống văn minh đô thị

Bình Dương đang triển khai Đề án thành phố Thông minh với quy định xét chọn và công nhận "Tuyến phố văn minh đô thị". Đây là cơ sở để xác định tiêu chí và thủ tục cho giai đoạn 2017-2020 và trong những giai đoạn tiếp theo, tạo điều kiện để

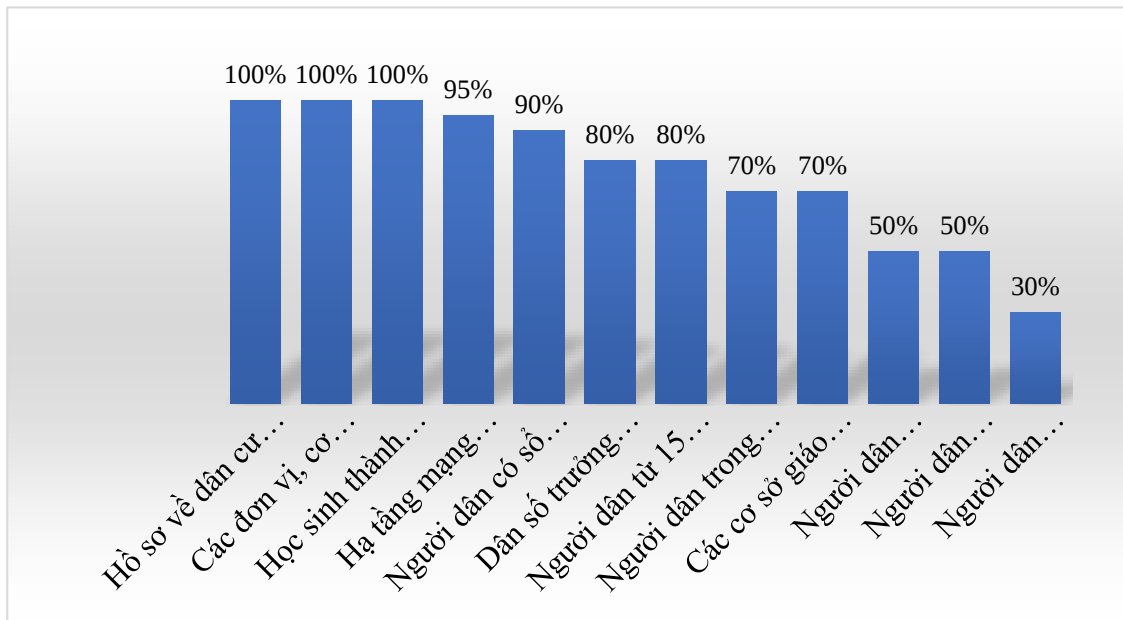
quản lý trật tự xây dựng và đô thị hiệu quả, giảm thiểu vi phạm.

Ngoài ra, tỉnh cũng chú trọng công khai thủ tục hành chính, giúp người dân dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Các sở, ngành đã triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4, đồng thời đầu tư vào bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, ứng dụng công nghệ thông tin qua phần mềm quản lý văn bản và hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Về hiện đại hóa quản trị đô thị thông qua chuyển đổi số

Nhằm xây dựng, xây dựng và hoàn thiện Chính quyền số gắn liền với cải cách hành chính và công vụ, đồng bộ với phát triển đô thị thông minh, kinh tế số và xã hội số gắn với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong phát triển kinh tế số, đồng thời thay đổi cách sống và làm việc của người dân, tạo điều kiện bình đẳng cho mọi người trong việc tiếp cận dịch vụ, đào tạo và tri thức, nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển, tại tỉnh Bình Dương, các cơ quan chính quyền địa phương đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong chuyển đổi số với mục tiêu rõ ràng đến năm 2030. Điều này bao gồm việc từng bước xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh. Kết quả tổng hợp thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở một số cấp chính quyền đô thị tại tỉnh Bình Dương như sau:

** Thành phố Thủ Dầu Một:*



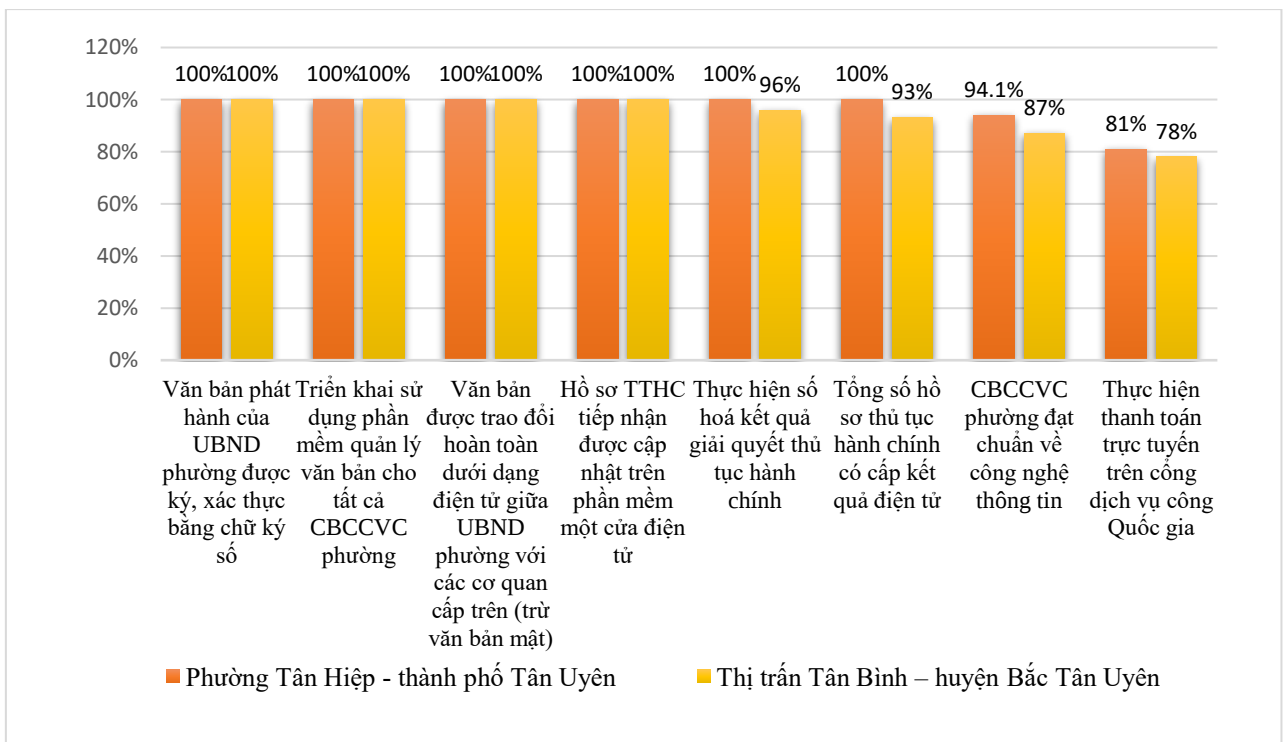
Biểu đồ 3.5. Kết quả thực hiện chuyển đổi số ở thành phố Thủ Dầu Một

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 424-BC/TU (Thành ủy Thủ Dầu Một, 2023) [142]

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ người dân ở thành phố Thủ Dầu Một được hưởng các tiện ích xã hội trên nền tảng số rất cao, đạt trên 70%. Tuy nhiên, có ba lĩnh vực mà tỷ lệ người dân tiếp cận dịch vụ số hóa còn thấp. Cụ thể, hơn 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân, hơn 50% sử dụng dịch vụ công trực tuyến, và chỉ trên 30% sử dụng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến. Điều này cho thấy cần cải thiện công tác tuyên truyền và khuyến khích người dân tham gia vào các dịch vụ công trực tuyến để nâng cao tỷ lệ tiếp cận. Chính quyền cần rà soát và tăng cường các hoạt động tuyên truyền để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

** Phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên và Thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên:*

Chuyển đổi số là một trong những chủ trương lớn Nhà nước, của tỉnh Bình Dương, vì vậy thực hiện chuyển đổi số không chỉ là nhiệm vụ của tỉnh, của các thành phố trực thuộc tỉnh Bình Dương mà ở chính quyền đô thị cấp phường, thị trấn cũng đang tập trung đẩy nhanh thực hiện nhiệm vụ này. Cụ thể ở phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên và thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên đã thực hiện chuyển đổi số trên nhiều lĩnh vực và đạt những kết quả sau:



Biểu đồ 3.6. Kết quả thực hiện chuyển đổi số ở phường Tân Hiệp - thành phố Tân Uyên và thị trấn Tân Bình - huyện Bắc Tân Uyên

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo số 472-BC/ĐU (Đảng ủy phường Tân Hiệp, 2023)[29] và Báo cáo số 512-BC/ĐU (Đảng ủy thị trấn Tân Bình, 2023) [31]

Như vậy, qua kết quả tổng hợp số liệu về chuyển đổi số ở chính quyền đô thị cấp phường và thị trấn cho thấy, hầu hết các lĩnh vực đều có kết quả chuyển đổi số khác cao (trên 75%). Cụ thể:

Ở cấp phường/thị trấn: Trên 8 lĩnh vực được tổng hợp số liệu cho thấy, hầu hết các lĩnh vực đều đạt mức độ chuyển đổi số từ 90% trở lên. Có 2 lĩnh vực đạt mức độ chuyển đổi số thấp hơn, nhưng đều trên 78%, đó là: cán bộ, công chức phường đạt chuẩn về công nghệ thông tin; Thực hiện thanh toán trực tuyến trên cổng dịch vụ công Quốc gia.

Bên cạnh đó, có thể dễ dàng nhận thấy, các lĩnh vực được thực hiện chuyển đổi số ở cấp phường thuộc thành phố có tỷ lệ cao hơn so với cấp thị trấn thuộc huyện. Điều này có thể lý giải được là do ở thị trấn là cấp chính quyền đô thị nhưng thuộc huyện nên việc đầu tư cho việc chuyển đổi số còn hạn chế. Vì vậy, việc đầu tư và triển khai chuyển đổi số ở một số cấp chính quyền còn chưa thật sự đồng bộ. Qua đó, vẫn còn một số lĩnh vực chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ người dân, doanh nghiệp và chính ngay ở các cơ quan quản lý nhà nước với nhau.

Qua đó có thể thấy được, việc phát triển đô thị nhanh chóng ở Bình Dương như hiện nay cũng chính là điều kiện, động lực để thúc đẩy kinh tế Bình Dương phát triển. Bên cạnh đó, xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả góp phần tạo điều kiện để các đô thị ở Bình Dương ngày càng phát triển thông qua việc thu hút đầu tư trên các lĩnh vực.

3.2.3. Nguyên nhân đạt được những thành tựu về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương

- Một là, sự lãnh đạo đúng đắn và quyết sách kịp thời từ Đảng bộ và chính quyền tỉnh nhằm tinh gọn bộ máy và cải cách thể chế hiệu quả

Tỉnh Bình Dương đã thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết 18-NQ/TW về tiếp tục tinh gọn bộ máy bộ máy chính quyền, trong đó có chính quyền ở các đô thị. Các định hướng chiến lược phát triển đô thị được xây dựng rõ ràng, phù hợp với tình hình thực tiễn, như đề án phát triển đô thị thông minh và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Việc rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, tổ chức hành chính đã giúp giảm đầu

mối, tăng tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động. Các cơ chế phối hợp giữa các cơ quan được cải thiện, giúp giảm thiểu chồng chéo trong chức năng, nhiệm vụ, từ đó nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

- Hai là, đẩy mạnh cải cách hành chính và phát triển chính quyền điện tử

Bình Dương đã chú trọng cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các quy trình, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho người dân và doanh nghiệp.

Việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đã mang lại hiệu quả cao, góp phần hiện đại hóa bộ máy chính quyền.

- Ba là, chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức được đẩy mạnh, đặc biệt là các chương trình nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý và sử dụng công nghệ. Việc thu hút nhân tài và tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp đã góp phần cải thiện chất lượng đội ngũ lãnh đạo và quản lý tại các cơ quan đô thị.

- Bốn là, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho quản lý đô thị

Tỉnh Bình Dương đã đạt được những thành tựu lớn trong phát triển kinh tế, đặc biệt là từ các khu công nghiệp, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, tạo nguồn lực mạnh mẽ cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

Các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc y tế, giáo dục và phúc lợi được chú trọng, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân và tạo sự đồng thuận xã hội.

- Năm là, hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm

Bình Dương đã tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm trong quản lý đô thị, phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ. Việc tham khảo các mô hình quản lý đô thị từ các quốc gia phát triển như Singapore, Hàn Quốc, Hà Lan đã giúp tỉnh xây dựng các dự án đô thị thông minh và hiện đại.

- Sáu là, sự tham gia tích cực của người dân và doanh nghiệp

Chính quyền tỉnh đã tạo điều kiện để người dân và doanh nghiệp tham gia

vào quá trình quản lý và giám sát các dự án đô thị, từ đó tăng tính minh bạch và hiệu quả trong thực thi chính sách. Các kênh thông tin, dịch vụ công và các chương trình tương tác với người dân được cải thiện, góp phần nâng cao nhận thức và sự tham gia của cộng đồng.

- Tám là, tập trung phát triển hạ tầng đô thị và giao thông

Bình Dương đã đầu tư mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng giao thông, cải thiện môi trường sống và kết nối các khu vực trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý và phát triển đô thị. Các dự án lớn như đường Vành đai, các khu đô thị mới và hệ thống giao thông thông minh đã góp phần hiện đại hóa đô thị và hỗ trợ hiệu quả quản lý.

Những nguyên nhân trên đã tạo nên những thành tựu đáng kể trong công tác xây dựng và phát triển bộ máy chính quyền đô thị tại tỉnh Bình Dương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phát triển đô thị bền vững.

3.3. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN PHẢI GIẢI QUYẾT

3.3.1. Những hạn chế về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương

Một là, trước yêu cầu của thực tiễn, tốc độ đô thị hóa diễn ra nhanh trong những năm vừa qua, Bình Dương hiện có 5 thành phố (Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên, Bến Cát). Ở các thành phố này, quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ với quy mô lớn và ngày càng được mở rộng, đóng vai trò là trung tâm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội ở các cấp độ khác nhau của tỉnh. Quá trình này diễn ra đồng thời với quá trình chuyển đổi nền kinh tế, thể chế kinh tế - chính trị và hiện đại hóa về nhiều mặt nên các thành phố, thị xã này có sự khác biệt nông thôn cả về lãnh thổ, quy mô dân số, kinh tế và cơ sở hạ tầng. Trong khi đó, hiện nay ở Bình Dương chính quyền ở các thành phố và các huyện có cơ cấu tổ chức tương đồng nhau làm cho năng lực điều hành và quản lý các địa phương có mặt chưa cao, nhất là ở các thành phố, thị xã của tỉnh. Do vậy, vấn đề xây dựng chính quyền đô thị tại tỉnh Bình Dương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả phù hợp với điều kiện đô thị còn nhiều vấn đề cần giải quyết, nhất là về thể

ché để có thể phân biệt giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn.

Hai là, việc hợp nhất, sáp nhập một số cơ quan văn phòng cấp ủy cấp huyện thành Văn phòng phục vụ chung; thực hiện bộ phận giúp việc chung các cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện và các đoàn thể (trừ Liên đoàn Lao động); sáp nhập một số đơn vị khối Đảng và Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như: chưa có cơ chế, quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ, cơ sở vật chất chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ để đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị sau khi hợp nhất, sáp nhập đi vào hoạt động. Việc thực hiện thí điểm kiêm nhiệm các chức danh ở cấp huyện, cấp xã một số vị trí chưa phù hợp, tình hình biến động dân số thực tế ở cơ sở gây áp lực cho cán bộ lãnh đạo, quản lý được phân công kiêm nhiệm, trong khi số lượng cấp phó giảm, biên chế giảm, khối lượng công việc ngày càng tăng theo tốc độ phát triển chung của tỉnh.

Ngoài ra, việc thực hiện định hướng kiêm nhiệm các chức danh ở ấp, khu phố theo định hướng Đề án (Bí thư hoặc Phó Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng ấp, khu phố; Phó Trưởng ấp đồng thời là công an viên) đối với các địa phương có mật độ dân cư đông, địa bàn phức tạp, nhiều khu cụm công nghiệp, tốc độ phát triển kinh tế nhanh như thành phố Dĩ An, thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Thuận An, thành phố Tân Uyên gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo thực hiện tốt các yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Trong quá trình thực hiện, do yêu cầu của tình hình thực tế hoạt động, một vài đơn vị đã đề nghị cấp trên xem xét, điều chỉnh nhiệm vụ cho phù hợp. Một số địa phương, đơn vị gặp khó khăn về khối lượng công việc, về nhân sự, về thời điểm thực hiện,... nên đã làm chậm quá trình thực hiện sắp xếp theo Kế hoạch đề ra.

Ba là, đô thị là nơi tập trung rất cao với các điều kiện sinh sống đa dạng và phức tạp, nên quản lý hành chính nhà nước ở đô thị phải phù hợp với tính chất này, cũng như phù hợp đặc thù về cơ sở hạ tầng đô thị. Đô thị càng lớn, phạm vi khối lượng công việc đòi hỏi phải giải quyết càng nhiều, xu hướng ngày càng tăng, nhịp độ, mức độ phức tạp của công việc càng cao, việc tuân thủ quy trình, quy chuẩn, quy hoạch, kế hoạch, pháp luật càng phải triệt để, chính xác, kịp thời. Tuy nhiên, do việc phân cấp, phân quyền chưa phân biệt rõ sự khác nhau giữa khối lượng, tính chất, nhiệm vụ, quyền hạn được chuyển giao và năng lực thực tế về tài chính, nhân

sự ở địa phương nên lãnh đạo chính quyền đô thị chưa chủ động giải quyết những vấn đề lớn, những vấn đề mới phát sinh ở đô thị mà còn trông chờ vào ý kiến của lãnh đạo chính quyền cấp trên. Vì vậy, vô hình chung đã kiềm chế tính năng động, sáng tạo của một chính quyền mang đặc điểm, bản chất của đô thị là tiên phong, nhanh nhạy, kịp thời, là đầu tàu trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bốn là, chính quyền đô thị phải bảo đảm cung cấp dịch vụ hạ tầng kỹ thuật và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, cung ứng các loại phúc lợi công cộng gắn với đặc điểm đô thị và đặc điểm của không gian đô thị, như: quản lý hạ tầng kỹ thuật thông nhất về cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng công cộng, giáo dục, bảo vệ sức khỏe, nhà ở cho người dân, vệ sinh môi trường, giao thông, thông tin liên lạc, giáo dục đào tạo, nghiên cứu khoa học, chăm sóc sức khỏe, văn hóa, thể dục thể thao, ăn uống, giải trí, nghỉ dưỡng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, tội phạm, tệ nạn xã hội,.. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số lĩnh vực ở đô thị vẫn chưa đảm bảo cung ứng cho người dân như: tỷ lệ rác thải sinh hoạt được xử lý, hệ thống cây xanh ở đô thị, cơ sở hạ tầng giao thông ở đô thị chưa đảm bảo và lạc hậu, tỷ lệ bác sĩ/người dân còn thấp,... Đây là những vấn đề cốt lõi mà mỗi đô thị cần giải quyết để đảm bảo chất lượng cuộc sống của người dân ở đô thị, thể hiện được hiệu quả hoạt động của một chính quyền đô thị.

Năm là, trong tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị, đội ngũ cán bộ, công chức có vai trò hết sức quan trọng. Mặc dù, đội ngũ cán bộ, công chức đã được thường xuyên học tập, đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao và tốc độ phát triển của các đô thị. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy năng lực chuyên môn và trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức chính quyền đô thị vẫn còn những hạn chế, bất cập. Đặc biệt, trước yêu cầu đổi mới, cải cách, hội nhập quốc tế, và quản lý một số lĩnh vực đặc thù ở khu vực đô thị, đội ngũ cán bộ, công chức thuộc chính quyền đô thị vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, vẫn bộc lộ một số hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn, về khả năng tư duy mới, cách thức làm việc mới, kỹ năng thực thi công vụ cụ thể, kỹ năng mềm trong quan hệ giao tiếp với người dân... Những biểu hiện này đang làm mất uy tín của Nhà nước, làm giảm niềm tin của người dân đối với chính quyền đô thị, dẫn đến hạn chế năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động

của chính quyền đô thị.

3.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương

- Thứ nhất, về vấn đề cơ cấu tổ chức và thể chế chính quyền đô thị

Thiếu sự phân biệt rõ ràng giữa chính quyền đô thị và nông thôn: Cơ cấu tổ chức tương đồng giữa chính quyền thành phố, thị xã và huyện dẫn đến năng lực điều hành và quản lý chưa cao ở các đô thị. Thiếu thể chế riêng biệt cho chính quyền đô thị khiến việc phân bổ nguồn lực, giải quyết vấn đề đô thị trở nên khó khăn. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý mà còn làm chậm quá trình đô thị hóa bền vững.

Thiếu cơ chế, quy định rõ ràng về hợp nhất, sáp nhập: Việc hợp nhất các cơ quan, đơn vị gặp nhiều vướng mắc do thiếu cơ chế, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ và cơ sở vật chất. Điều này dẫn đến hoạt động chồng chéo, thiếu hiệu quả sau khi sáp nhập.

Chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về cơ sở vật chất và nhân sự: Việc sáp nhập các đơn vị đòi hỏi sự đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực. Thiếu sự chuẩn bị này gây ra khó khăn trong quá trình hoạt động sau khi sáp nhập, ảnh hưởng đến hiệu quả công việc.

Kiểm nhiệm chức danh chưa phù hợp: Việc kiểm nhiệm ở cấp huyện, xã và ấp, khu phố, đặc biệt trong các đô thị phát triển nhanh, gây quá tải cho cán bộ, ảnh hưởng đến chất lượng công việc và gây áp lực lớn trong bối cảnh biên chế giảm, khối lượng công việc tăng. Điều này không chỉ giảm hiệu quả công việc mà còn làm giảm chất lượng dịch vụ công.

- Thứ hai, vấn đề tinh gọn bộ máy chính quyền đô thị

Về phía địa phương:

Những khó khăn và thách thức trong việc nhất thể hóa chức danh và hợp nhất các cơ quan Đảng và chính quyền ở địa phương tại Việt Nam nói chung và ở chính quyền đô thị nói riêng, nhất là từ sau Đại hội Đảng lần thứ XII có những nguyên nhân chính sau đây:

Nhiều cấp ủy địa phương không quyết tâm thực hiện thí điểm, chủ yếu chờ động thái từ Trung ương. Ví dụ: Quảng Ninh là địa phương tiên phong trong việc thực

hiện sáp nhập, tinh gọn bộ máy chính quyền theo tinh thần Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII nhưng chỉ mới thử nghiệm ở mức huyện.

Việc tinh gọn bộ máy chính quyền các cấp tuy đã có sự chỉ đạo và hướng dẫn từ Trung ương, nhưng khi thực hiện các địa phương gặp nhiều khó khăn hơn dự kiến, cần thời gian và công sức lớn. Một số biện pháp như tinh gọn cấu trúc bên trong đã được Hội nghị Trung ương 6 khóa XII khuyến nghị nhưng chưa được thực hiện ở quy mô rộng.

Có nhiều ý kiến trái chiều về việc nên hợp nhất các cơ quan nào. Một số ý kiến đề xuất giữ Mặt trận Tổ quốc như một thiết chế độc lập, trong khi những ý kiến khác cho rằng hợp nhất Ban Tuyên giáo với Ban Dân vận là hợp lý hơn.

Các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm những người đủ phẩm chất lãnh đạo cho các chức vụ mới, cũng lo ngại về vấn đề kiểm soát quyền lực để tránh tình trạng tập trung quyền lực quá lớn dẫn đến lạm quyền. Ngoài ra, ở chính quyền đô thị việc lựa chọn lãnh đạo phù hợp và am hiểu để giải quyết những vấn đề mang tính chất đặc thù ở đô thị lại càng khó khăn, đòi hỏi phải có quá trình xem xét, tuyển chọn kỹ lưỡng.

Qua đó, cần có nghiên cứu sâu hơn và chọn ra mô hình thí điểm phù hợp nhằm thúc đẩy cải cách hiệu quả trong chính quyền địa phương, nhất là ở chính quyền đô thị.

Về phía Trung ương:

Đối với cấp Trung ương, các cơ quan nghiên cứu lý luận chính trị và pháp lý tại Việt Nam chưa có bằng chứng thuyết phục để ủng hộ việc nhất thể hóa chức danh lãnh đạo cấp ủy đảng với người đứng đầu cơ quan hành chính. Điều này đặt ra nhiều câu hỏi về khả năng kiểm soát quyền lực cá nhân và vai trò của Hội đồng nhân dân. Nhiều quan điểm phản đối việc hợp nhất vì lo ngại về kiểm soát quyền lực trong bối cảnh một đảng duy nhất lãnh đạo xã hội như Việt Nam. Họ nhấn mạnh rằng việc này có thể dẫn đến sự thiếu kiểm soát đối với các cá nhân lãnh đạo.

Tại Việt Nam, việc bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân có thể tạo ra mâu thuẫn và khó khăn trong kiểm soát quyền lực. Sự giám sát từ hội đồng nhân dân thường yếu do thiếu thông tin và quyền lực. Mặc dù việc bí thư kiêm chủ tịch hội đồng nhân dân được xem là phù hợp hơn, nhiều vấn đề vẫn tồn tại

trong việc thực thi và kiểm tra các chức danh này.

Việc duy trì mô hình hiện tại khiến cho việc giám sát quyền lực trở nên khó khăn, kèm theo đó là các vướng mắc về thủ tục, quy định pháp luật chưa được giải quyết triệt để đã dẫn đến sự dè dặt trong việc thực hiện hợp nhất. Để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, cần có những chỉ dẫn cụ thể và văn bản tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện thí điểm. Để thúc đẩy hiệu quả trong tổ chức và quản lý, cần phải có chỉ đạo mạnh mẽ từ cơ quan có thẩm quyền, thiết lập điều kiện thuận lợi cho nghiên cứu, thực hiện các mô hình thử nghiệm trong việc hợp nhất chức danh và cơ quan.

Mặc dù có một số nỗ lực từ cấp trên, nhưng vẫn cần có thêm văn bản hướng dẫn cụ thể để giải quyết vướng mắc trong quá trình thí điểm tinh gọn bộ máy ở chính quyền địa phương, trong đó có chính quyền đô thị ở cấp tỉnh. Sự thiếu hoàn thiện về lý thuyết và thực tiễn đang gây khó khăn cho việc triển khai các mô hình mới trong quản lý hành chính địa phương.

- Thứ ba, về vấn đề phân cấp, phân quyền và năng lực lãnh đạo

Phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng: Việc phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng giữa các cấp chính quyền dẫn đến lãnh đạo cấp dưới thiếu chủ động trong giải quyết vấn đề, phải chờ ý kiến cấp trên, làm giảm tính năng động, sáng tạo của chính quyền đô thị.

Năng lực tài chính và nhân sự hạn chế ở địa phương: Sự chênh lệch về năng lực tài chính và nhân sự giữa các địa phương dẫn đến sự khác biệt trong khả năng giải quyết các vấn đề đô thị. Các đô thị phát triển nhanh cần nhiều nguồn lực hơn nhưng chưa được đáp ứng đầy đủ.

Thiếu sự chủ động trong giải quyết vấn đề của lãnh đạo chính quyền đô thị: Sự thiếu chủ động của lãnh đạo chính quyền đô thị trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh ở đô thị làm chậm quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Thứ tư, về vấn đề cung cấp dịch vụ công và hạ tầng đô thị

Thiếu đầu tư cho hạ tầng đô thị: Việc đầu tư cho hạ tầng đô thị (xử lý rác thải, cây xanh, giao thông,...) chưa đáp ứng nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị.

Thiếu nguồn lực cho các lĩnh vực dịch vụ công: Thiếu đầu tư cho các lĩnh

vực dịch vụ công như y tế (tỷ lệ bác sĩ/dân số thấp) ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của người dân.

- Thứ năm, về vấn đề năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Năng lực chuyên môn và đạo đức công vụ chưa đáp ứng yêu cầu: Năng lực chuyên môn, trách nhiệm và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức chính quyền đô thị chưa đáp ứng yêu cầu của đô thị hóa nhanh, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế và quản lý các lĩnh vực đặc thù của đô thị.

Thiếu kỹ năng mềm và khả năng thích ứng: Cán bộ, công chức thiếu kỹ năng mềm trong giao tiếp với người dân, khả năng tư duy mới và cách thức làm việc hiện đại, dẫn đến giảm niềm tin của người dân và hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị. Việc đào tạo, bồi dưỡng chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn.

Tóm lại, nguyên nhân của các hạn chế trên là sự kết hợp giữa những yếu kém về thể chế, phân cấp, phân quyền, thiếu nguồn lực (vốn, nhân lực, cơ sở vật chất), và năng lực cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu của đô thị hóa nhanh và hội nhập quốc tế. Để khắc phục, cần có sự thay đổi toàn diện về thể chế, chính sách, đầu tư và đào tạo nguồn nhân lực.

3.3.3. Những vấn đề nảy sinh cần giải quyết

Từ thực tế như trên, những vấn đề đặt ra cần giải quyết khi thực hiện xây dựng đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở các tỉnh hiện nay:

3.3.3.1. Về quyết tâm của Tỉnh uỷ, HĐND; khả năng, kinh nghiệm quản lý của UBND

Với tốc độ đô thị hóa nhanh trong những năm qua, để các đô thị đóng vai trò là trung tâm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của tỉnh thì nhất thiết phải xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm của từng địa phương nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý tại các đô thị, đặc biệt là ở tỉnh Bình Dương. Theo Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, tỉnh đã xác định cần đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị để hoạt động trở nên hiệu quả hơn. Kế hoạch số 43-KH/TU được ban hành để thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW cùng với Đề án 711, với mục tiêu cải cách hệ thống chính trị, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, và xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực.

Việc xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả được coi là

nhiệm vụ quan trọng, nhận được sự quan tâm từ các cấp chính quyền. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn mới mẻ, thiếu rõ ràng về chủ trương chính sách và cơ sở pháp lý đòi hỏi Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh cần giải quyết những vấn đề cụ thể như sau:

- Tỉnh ủy và HĐND chưa thể hiện rõ quyết tâm đột phá trong việc xây dựng chính quyền đô thị, nhất là khi đây là mô hình mới, cần sự dám nghĩ, dám làm. Việc triển khai Nghị quyết 18-NQ/TW và Kế hoạch 43-KH/TU còn chậm, thiếu cơ chế giám sát chặt chẽ để đảm bảo tiến độ. Chưa chủ động đề xuất cơ chế đặc thù cho Bình Dương để thí điểm chính quyền đô thị, dù tỉnh có tốc độ đô thị hóa nhanh. Việc ban hành nghị quyết, quy định của HĐND còn chung chung, chưa đủ chi tiết để UBND triển khai.

- UBND tỉnh còn thiếu chuyên môn sâu về quy hoạch đô thị, quản lý hạ tầng kỹ thuật, và dịch vụ công đô thị (giao thông, môi trường, cấp thoát nước...). Công tác dự báo, phòng ngừa các vấn đề đô thị (ùn tắc giao thông, ngập úng, ô nhiễm) còn bị động.

- Chậm giải quyết mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế (công nghiệp, dịch vụ) và đảm bảo an sinh xã hội (nhà ở, việc làm cho người nhập cư). Việc phối hợp liên ngành (giữa các sở, ban, ngành) còn thiếu đồng bộ, dẫn đến chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- Phương thức điều hành vẫn theo lối truyền thống, chậm chuyển sang mô hình dịch vụ công linh hoạt, lấy người dân làm trung tâm. Thiếu sáng kiến trong huy động nguồn lực xã hội (PPP, hợp tác với doanh nghiệp).

Để đạt được kết quả khả quan trong tương lai, cần có sự quyết tâm và kế hoạch cụ thể từ Tỉnh ủy, HĐND và UBND các cấp trong việc triển khai xây dựng chính quyền đô thị nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh. Quyết tâm của Tỉnh ủy, HĐND và năng lực quản lý của UBND là hai yếu tố then chốt để xây dựng thành công mô hình chính quyền đô thị tại Bình Dương. Nếu thiếu sự đồng lòng từ lãnh đạo và đổi mới trong điều hành, tỉnh sẽ khó tận dụng cơ hội từ làn sóng đô thị hóa để phát triển bền vững.

3.3.3.2. Vấn đề về thể chế và chính sách

- *Hoàn thiện khung pháp lý cho chính quyền đô thị:* Hiện nay, khung pháp lý chưa phân biệt rõ ràng giữa chính quyền đô thị và nông thôn. Cần xây dựng bộ luật hoặc các văn bản pháp luật riêng cho chính quyền đô thị, quy định rõ ràng về quyền

hạn, trách nhiệm, cơ cấu tổ chức, nguồn lực tài chính, và cơ chế hoạt động phù hợp với đặc thù của đô thị. Điều này bao gồm việc xác định rõ ràng các chức năng, nhiệm vụ của từng cấp chính quyền đô thị, từ cấp tỉnh đến cấp phường/xã, tránh chồng chéo và thiếu sót. Ngoài ra, trong quá trình quản lý, điều hành ở đô thị còn có sự chưa hợp lý giữa nguyên tắc tập trung dân chủ (kiểm soát từ trung ương) và nhu cầu phân quyền để đô thị tự chủ; giữa quy định cứng nhắc và tính linh hoạt cần thiết để giải quyết vấn đề đô thị đa dạng.

- *Cơ chế tài chính cho đô thị*: Trong cơ chế tự chủ tài chính cho chính quyền đô thị còn gặp nhiều vấn đề cần giải quyết như: Nguồn thu chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách trung ương, thiếu cơ chế huy động vốn từ thị trường (trái phiếu, PPP); Hạn chế trong quyền quyết định về thuế/phí địa phương (ví dụ: thuế bất động sản, phí ùn tắc giao thông); Ngân sách đô thị bị chia nhỏ theo nhiều chương trình, dẫn đến thiếu tập trung cho dự án trọng điểm. Do đó, cần có cơ chế phân bổ tài chính hợp lý, đảm bảo nguồn lực đủ để đầu tư cho hạ tầng đô thị, dịch vụ công và hoạt động quản lý đô thị. Cơ chế này cần tính đến quy mô, tốc độ phát triển và đặc điểm riêng của từng đô thị, không chỉ dựa trên cơ chế phân bổ chung hiện nay. Cần nghiên cứu các mô hình tài chính mới, như cơ chế chia sẻ lợi ích từ phát triển đô thị, thu hút đầu tư tư nhân vào hạ tầng đô thị, v.v...

- *Cơ chế quản lý đất đai đô thị*: Quản lý đất đai ở đô thị là vấn đề quan trọng cần giải quyết, tuy nhiên thời gian qua còn gặp phải nhiều vấn đề tồn đọng, vướng mắc như: Quy hoạch đất đai thiếu tính liên kết vùng, dẫn đến phát triển manh mún, lãng phí tài nguyên; Cơ chế bồi thường, giải phóng mặt bằng phức tạp, gây chậm trễ dự án và khiếu kiện; Tham nhũng trong chuyển đổi mục đích sử dụng đất, phân lô bán nền trái phép; Mâu thuẫn giữa quy hoạch "cứng" và nhu cầu điều chỉnh linh hoạt phát triển đô thị theo biến động kinh tế - xã hội;...

Quản lý đất đai hiệu quả là yếu tố then chốt cho phát triển đô thị bền vững. Cần hoàn thiện cơ chế quản lý đất đai, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, tránh lãng phí và thất thoát tài nguyên. Điều này bao gồm việc rà soát, cập nhật quy hoạch sử dụng đất, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.

- *Cơ chế quản lý đầu tư công*: Trong quá trình quản lý đầu tư công ở chính

quyền đô thị vẫn còn xảy ra nhiều vấn đề cần giải quyết như: Phân tán nguồn lực do thiếu cơ chế giám sát tập trung, dẫn đến đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp; Quy trình phê duyệt dự án rườm rà, gây chậm tiến độ (đặc biệt với các dự án sử dụng vốn ODA); Thiếu cơ chế đánh giá hậu đầu tư, dẫn đến lãng phí khi hạ tầng xuống cấp hoặc không phát huy công năng. Cần cải cách cơ chế quản lý đầu tư công, đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, tránh lãng phí và tham nhũng. Điều này bao gồm việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án, tăng cường giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư.

- *Cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền*: Cơ chế phối hợp tốt, mang lại hiệu quả cao đánh dấu sự thành công trong quản lý, điều hành của một chính quyền đô thị, qua đó góp phần nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền, đồng thời phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Tuy nhiên, vấn đề này hiện nay vẫn còn nhiều bất cập như: Thiếu cơ chế ràng buộc trách nhiệm giữa chính quyền đô thị và các bộ/ngành trung ương (ví dụ: Giao thông, Xây dựng), giữa chính quyền đô thị các cấp; Xung đột về quyền lực giữa HĐND và UBND trong các quyết sách phát triển ở đô thị; Hệ thống thông tin chia sẻ dữ liệu không đồng bộ, gây khó khăn trong quản lý liên ngành;... Cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền (tỉnh, thành phố, huyện, xã) để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý và phát triển đô thị. Việc này cần được thể chế hoá rõ ràng trong các văn bản pháp luật.

3.3.3.3. Vấn đề về tổ chức (bộ máy) và hoạt động

- *Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền đô thị*: Từ khi thực hiện Nghị quyết 18 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Bình Dương đã tích cực cải cách, tinh gọn bộ máy chính quyền các cấp, tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp phải nhiều vướng mắc như: Bộ máy hành chính vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc trung gian, gây chậm trễ trong giải quyết thủ tục; Chồng chéo chức năng giữa các sở/ban/ngành; Thiếu mô hình tổ chức linh hoạt để đáp ứng đặc thù từng đô thị (thành phố lớn với đô thị vệ tinh); Giữa mô hình tập trung quyền lực và yêu cầu phân cấp, phân quyền mạnh mẽ cho địa phương còn nhiều bất cập cần giải quyết.

Vì vậy, cần tinh giản bộ máy, sắp xếp lại chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, tránh chồng chéo và trùng lặp. Cần xây dựng mô hình tổ chức bộ máy phù hợp với đặc thù của từng đô thị, đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiệu quả. Việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị cần có kế hoạch bài bản, đảm bảo sự chuyển giao trơn tru và không làm gián đoạn hoạt động.

- *Nâng cao năng lực cán bộ, công chức*: Để xây dựng mô hình chính quyền đô thị hoạt động hiệu quả thì yếu tố về năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức và là một yêu cầu cấp thiết. Tuy nhiên, hiện nay vấn đề này vẫn còn nhiều tồn tại như: Thiếu đội ngũ cán bộ có chuyên môn sâu về quản lý đô thị (quy hoạch, hạ tầng thông minh, ứng phó biến đổi khí hậu); Cơ chế tuyển dụng, đào tạo cứng nhắc, chưa gắn với nhu cầu thực tế; Chế độ đãi ngộ chưa hấp dẫn, dẫn đến chảy máu chất xám sang khu vực tư nhân.

Cần đầu tư mạnh mẽ vào đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức để nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng quản lý đô thị, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề. Chương trình đào tạo cần được thiết kế phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đô thị, chú trọng đến việc cập nhật kiến thức mới, công nghệ mới.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin*: công nghệ thông tin là yếu tố then chốt để xây dựng mô hình chính quyền đô thị hoạt động hiệu quả hơn. Trong quá trình điều hành, quản lý, các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương đã ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào trên nhiều lĩnh vực, tuy nhiên vẫn còn nhiều bất cập như: Hệ thống công nghệ thông tin thiếu đồng bộ, không kết nối liên thông giữa các sở/ban/ngành; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ còn hạn chế, đặc biệt ở cấp cơ sở; Thiếu cơ chế bảo mật thông tin, tiềm ẩn rủi ro về an ninh mạng; Giữa đầu tư lớn cho hạ tầng số và hiệu quả sử dụng thấp do thiếu nhân lực vận hành; Giữa xu hướng số hóa toàn diện và nguy cơ loại trừ nhóm yếu thế (người già, dân tộc thiểu số).

Do đó, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị là rất cần thiết để nâng cao hiệu quả, minh bạch và tiện ích cho người dân. Điều này bao gồm việc xây dựng hệ thống thông tin quản lý đô thị, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hạ tầng đô thị, v.v.

- *Xây dựng chính quyền minh bạch, liêm chính*: Xây dựng chính quyền minh

bạch, liêm chính trong xây dựng chính quyền đô thị là tạo dựng môi trường quản lý công khai, trong sạch. Điều này giúp tăng cường sự tin tưởng của công dân vào chính quyền đô thị. Thông qua công khai thông tin, chống tham nhũng, chính quyền đô thị trở nên tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện ở Bình Dương vẫn còn những hạn chế như: Thiếu cơ chế giám sát độc lập (như thanh tra nội bộ, kiểm toán dân sự) để ngăn tham nhũng; Minh bạch thông tin chưa đầy đủ, đặc biệt trong các dự án đầu tư công, quy hoạch đất đai; Xử lý vi phạm chưa nghiêm, tạo tâm lý "được làm, được bỏ qua" trong một bộ phận cán bộ.

Cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong quản lý đô thị. Việc này góp phần xây dựng niềm tin của người dân đối với chính quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị.

- *Tăng cường tham gia của người dân*: Tăng cường sự tham gia của người dân vào xây dựng chính quyền đô thị là tạo điều kiện để người dân được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra các công việc của chính quyền. Điều này giúp chính quyền đưa ra quyết định phù hợp với thực tiễn, tăng tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, đồng thời phát huy vai trò chủ thể của người dân trong phát triển đô thị. Tuy nhiên, trong điều kiện thực tiễn thực hiện vẫn có những hạn chế như: Cơ chế phản ánh ý kiến (hòm thư góp ý, cổng thông tin) mang tính hình thức, thiếu phản hồi cụ thể; Người dân thiếu hiểu biết về quyền tham gia và cách thức giám sát chính quyền; Các tổ chức xã hội dân sự chưa được tạo điều kiện để đóng vai trò cầu nối.

Cần tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình quản lý và phát triển đô thị, thông qua các hình thức như tham vấn công dân, đóng góp ý kiến, giám sát hoạt động của chính quyền.

3.3.3.4. Vấn đề về hạ tầng và dịch vụ

- *Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị*:

Hiện nay, việc phát triển hạ tầng đô thị còn gặp phải nhiều vướng mắc như: Quy hoạch thiếu đồng bộ, các dự án hạ tầng (giao thông, cấp thoát nước) thường được triển khai riêng lẻ, thiếu kết nối liên vùng, dẫn đến lãng phí và kém hiệu quả (ví dụ: đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chậm tiến độ do vướng giải phóng mặt bằng); Phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, thiếu cơ chế huy động vốn tư nhân (PPP) hoặc phát hành trái phiếu đô thị; Một số dự án bị đội vốn, chất

lượng thấp do thiếu giám sát minh bạch.

Cần đầu tư mạnh mẽ vào phát triển hạ tầng đô thị, bao gồm hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện, chiếu sáng, xử lý rác thải, cây xanh, v.v. Đầu tư cần được lập kế hoạch bài bản, đảm bảo tính bền vững, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị.

- *Cải thiện chất lượng dịch vụ công*: Cải thiện chất lượng dịch vụ công là một mục tiêu quan trọng trong xây dựng chính quyền đô thị. Điều này được thực hiện thông qua việc đơn giản hóa thủ tục, tăng cường ứng dụng công nghệ và nâng cao năng lực của cán bộ. Nhờ đó, người dân và doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ công nhanh chóng, tiện lợi và hiệu quả.

Hiện nay, việc thực hiện nhiệm vụ này vẫn còn có những hạn chế như: Công nghệ lạc hậu, hệ thống dịch vụ trực tuyến (e-government) chưa thân thiện, thiếu kết nối liên thông giữa các sở/ngành; Nhiều dịch vụ (cấp phép xây dựng, đăng ký kinh doanh) vẫn yêu cầu giấy tờ thủ công, gây phiền hà cho người dân; Chênh lệch chất lượng dịch vụ, khu vực trung tâm được ưu tiên, trong khi vùng ngoại ô thiếu trường học, bệnh viện đạt chuẩn.

Vì vậy, cần nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân đô thị. Điều này bao gồm việc cải thiện chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, an ninh trật tự.

- *Quản lý môi trường đô thị*:

Quản lý môi trường đô thị hiệu quả là việc chính quyền áp dụng các biện pháp đồng bộ, minh bạch để kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ tài nguyên, phát triển không gian xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu. Mục tiêu là tạo ra môi trường sống trong lành, an toàn, bền vững cho cư dân đô thị, góp phần nâng cao chất lượng sống và phát triển đô thị bền vững.

Tuy nhiên, trên thực tế quản lý môi trường ở đô thị vẫn còn những vấn đề phải giải quyết như: Xử lý rác thải kém hiệu quả, tỷ lệ chôn lấp trực tiếp vẫn cao (60-70%), thiếu nhà máy đốt rác hoặc tái chế (ví dụ: ô nhiễm tại bãi rác Nam Sơn, Hà Nội); Khí thải từ phương tiện giao thông, nước thải công nghiệp chưa qua xử lý đổ ra sông hồ (ví dụ: sông Tô Lịch, Hà Nội); Phá bỏ cây xanh để xây dựng cao ốc, làm giảm khả năng chống ngập và điều hòa khí hậu.

Cần có giải pháp hiệu quả để quản lý môi trường đô thị, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân. Điều này bao gồm việc xử lý rác thải, giảm khí thải, bảo vệ nguồn nước, cây xanh.

3.3.3.5. Vấn đề về nguồn lực

- *Thu hút đầu tư*: Thu hút đầu tư trong xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là quá trình khuyến khích các nhà đầu tư, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia vào việc cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương. Điều này bao gồm việc sử dụng công nghệ thông tin, tối ưu hóa quy trình làm việc, và tăng cường minh bạch để đáp ứng nhu cầu của cư dân một cách nhanh chóng và hiệu quả. Kết quả là một chính quyền đô thị hiện đại, linh hoạt và có khả năng phản hồi tốt hơn đối với các thách thức đô thị.

Tuy nhiên qua thực tiễn thực hiện còn gặp phải nhiều vấn đề vướng mắc cần giải quyết như: Thiếu cơ chế huy động vốn tư nhân (PPP, trái phiếu đô thị) và nguồn lực địa phương; Quy trình phê duyệt dự án chậm, thiếu minh bạch, gây mất niềm tin cho nhà đầu tư, đặc biệt là FDI; Nhiều địa phương đưa ra ưu đãi quá mức (miễn giảm thuế, giá thuê đất thấp) để thu hút dự án, ảnh hưởng đến tính bền vững;... Do đó, cần có chính sách thu hút đầu tư tư nhân vào phát triển đô thị, đặc biệt là vào các lĩnh vực hạ tầng, dịch vụ công.

- *Quản lý nguồn lực hiệu quả*: Quản lý nguồn lực hiệu quả trong xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đảm bảo việc sử dụng tối ưu các nguồn lực như nhân lực, tài chính và vật chất. Điều này giúp chính quyền đô thị hoạt động mà không bị lãng phí, đồng thời tăng cường khả năng phản hồi nhanh chóng đối với các yêu cầu và thách thức của cộng đồng. Kết quả là một chính quyền đô thị bền vững, có khả năng cung cấp các dịch vụ chất lượng cao một cách liên tục.

Việc thực hiện nhiệm vụ này vẫn còn những hạn chế như: Phân bổ ngân sách thiếu cân đối, chỉ tập trung vào dự án "bề nổi" (cầu đường, trung tâm thương mại) mà bỏ qua hạ tầng cơ bản (xử lý rác, chống ngập); Thiếu cơ chế giám sát minh bạch, dẫn đến lãng phí nguồn lực (ví dụ: đội vốn, chất lượng công trình thấp); Nhiều khu đất công bị bỏ hoang hoặc sử dụng sai mục đích; Giữa quyền tự chủ của đô thị và sự kiểm soát từ trung ương trong phân bổ ngân sách còn chưa hợp lý.

- *Phát triển nguồn nhân lực*: Phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng chính

quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả nhằm đào tạo và nâng cao kỹ năng cho các công chức, giúp họ có khả năng thích ứng với các yêu cầu mới và công nghệ hiện đại. Điều này đảm bảo rằng chính quyền đô thị luôn có đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, sáng tạo và có khả năng cung cấp các dịch vụ công chất lượng cao. Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục như: Thiếu nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ thiếu chuyên môn về quản lý đô thị hiện đại (quy hoạch thông minh, công nghệ xanh); Đào tạo không đáp ứng thực tế, chương trình đào tạo lạc hậu, chưa gắn với nhu cầu thị trường và xu hướng toàn cầu; Chế độ đãi ngộ thấp khiến nhân tài chuyển sang khu vực tư nhân hoặc nước ngoài.

Việc giải quyết các vấn đề trên đòi hỏi sự nỗ lực của cả chính quyền các cấp, doanh nghiệp và người dân. Cần có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bên để xây dựng đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đặc biệt, cần ưu tiên việc xây dựng thể chế và chính sách phù hợp với đặc thù của đô thị, tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đô thị hoá.

Từ những vấn đề nảy sinh cần giải quyết, Việt Nam cần đa dạng hóa mô hình tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với tính chất của từng loại hình đơn vị hành chính, đặc điểm của cộng đồng dân cư và yêu cầu quản trị địa phương ở từng địa bàn cụ thể. Đặc biệt, cần khẩn trương xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại và hiệu quả. Theo đó, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý về mô hình chính quyền đô thị. Trước hết, cần đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của UBND phù hợp với đặc trưng và yêu cầu của chính quyền đô thị. Với năm thành phố đang thực hiện mô hình chính quyền đô thị, UBND nên được tổ chức và hoạt động theo mô hình Thị trưởng. Bởi trên thực tế, vai trò của Chủ tịch UBND trong điều hành thường xuyên, trực tiếp các hoạt động của UBND, có tiếng nói chi phối, quyết định trong tập thể lãnh đạo UBND. Với mô hình Thị trưởng, tên gọi UBND nên đổi thành Tòa Thị chính do Thị trưởng đứng đầu, Thị trưởng có quyền quyết định các chức danh cấp phó và bộ máy tham mưu giúp việc. Theo đó, chức năng chủ yếu của Tòa Thị chính là quản trị đô thị, cung cấp dịch vụ công thiết yếu, triển khai thực hiện các văn bản của HĐND thành phố và chịu trách nhiệm trước HĐND thông qua cơ chế bãi miễn.

Ngoài ra, mô hình tổ chức chính quyền đô thị cần khắc phục được những yếu

kém, bất cập hiện đang tồn tại trong cách thức tổ chức chính quyền thành phố hiện hành như: sự chồng chéo, nhiều tầng nấc, tính kém hiệu quả trong hoạt động quản lý của chính quyền. Mô hình chính quyền đô thị ít cấp thực hiện chức năng lãnh đạo, quản lý, phát triển xã hội; đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân địa phương sẽ phần nào khắc phục được những yếu kém, hạn chế trong cách thức tổ chức chính quyền đô thị hiện hành, giảm nguy cơ chồng chéo về nhiệm vụ và quyền hành giữa các cấp chính quyền; đề cao vai trò, tính chịu trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu; giảm các thủ tục hành chính.

Như vậy, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nói chung và chính quyền đô thị nói riêng ở Việt Nam đang đứng trước yêu cầu cải cách mạnh mẽ, nhất là dưới tác động to lớn của xu hướng toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Các giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị nằm trong định hướng tổng thể về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Tiểu kết chương 3

Qua điều tra thực trạng về việc tổ chức xây dựng chính quyền đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn hiện nay, kết quả đã cho thấy. công tác xây dựng chính quyền đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã được tăng cường một bước. Tổ chức, hoạt động của chính quyền đô thị cũng như hoạt động quản lý nhà nước tại đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã có những bước phát triển mới. Trong bối cảnh cải cách nền hành chính nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay, chính quyền đô thị ở nước ta có những tiến bộ nhất định về năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phục vụ nhân dân trên địa bàn.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị vẫn còn một số hạn chế, bất cập cần sớm khắc phục. Vì vậy cần thiết phải đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng chính quyền đô thị tỉnh Bình Dương theo hướng tinh gọn hiệu lực, hiệu quả được trình bày tại Chương 4.

Chương 4

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO HƯỚNG TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

4.1. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ

Từ thực tiễn xây dựng chính quyền đô thị ở Bình Dương với những kết quả đạt được và những hạn chế, để xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần thực hiện tốt các quan điểm sau:

4.1.1. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là khách quan, cấp bách và lâu dài, phù hợp xu hướng hiện đại của thế giới, có ý nghĩa toàn diện cả chính trị và hành chính, kinh tế, xã hội

Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là một yêu cầu khách quan, cấp bách và lâu dài, phù hợp với xu hướng hiện đại của thế giới. Điều này không chỉ mang lại những giá trị toàn diện về mặt chính trị, hành chính mà còn tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Về mặt chính trị và hành chính, việc xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn giúp cải thiện cơ cấu tổ chức và quản lý nhà nước, tăng hiệu quả điều hành, giảm thiểu các thủ tục hành chính phức tạp và chồng chéo. Một hệ thống chính quyền đô thị tinh gọn sẽ giúp giảm bớt bộ máy công kênh, tạo điều kiện cho việc ra quyết định nhanh chóng và linh hoạt, từ đó đáp ứng kịp thời nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh đô thị hóa diễn ra nhanh chóng, khi mà các đô thị ngày càng phải đối mặt với áp lực về dân số, dịch vụ công cộng và hạ tầng. Một bộ máy quản lý hiệu quả sẽ giúp chính quyền địa phương giải quyết tốt hơn các vấn đề phức tạp của đô thị lớn và đông dân cư, đồng thời nâng cao năng lực điều hành, tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Về kinh tế, chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả sẽ tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư. Khi bộ máy hành chính được cải thiện, các thủ tục pháp lý liên quan đến kinh doanh, đầu tư và phát triển hạ tầng được đơn giản hóa, các doanh nghiệp sẽ tiết kiệm được thời gian và chi phí, từ đó gia tăng năng suất và hiệu quả kinh tế. Điều này thúc đẩy sự phát triển của các

ngành công nghiệp, dịch vụ và công nghệ cao, đặc biệt trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Hơn nữa, một hệ thống chính quyền đô thị hiệu quả còn giúp tối ưu hóa việc phân bổ và sử dụng nguồn lực, từ đó tạo nên sự phát triển bền vững và toàn diện cho nền kinh tế đô thị.

Về xã hội, chính quyền đô thị tinh gọn giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Khi các dịch vụ công được cung cấp một cách nhanh chóng, hiệu quả, người dân sẽ được hưởng lợi từ các tiện ích công cộng như y tế, giáo dục, giao thông, an ninh trật tự. Đặc biệt, trong bối cảnh đô thị hóa, vấn đề an sinh xã hội như nhà ở, việc làm, và môi trường sống trở nên cấp bách, thì một chính quyền đô thị hiệu quả sẽ giúp giải quyết tốt hơn những thách thức này, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ công bằng và minh bạch. Ngoài ra, việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng hiện đại còn giúp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào quá trình quản lý đô thị, từ đó tăng cường sự gắn kết xã hội và tạo ra môi trường sống hài hòa, ổn định.

Về lâu dài, việc xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả không chỉ đáp ứng các yêu cầu trước mắt mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của đô thị trong tương lai. Sự phát triển của các đô thị hiện nay phải đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và cạn kiệt tài nguyên. Để đối phó với những thách thức này, một chính quyền đô thị hiện đại và hiệu quả cần có khả năng thích ứng nhanh chóng, linh hoạt trong việc đưa ra các chính sách phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường sống.

Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả là xu hướng tất yếu, phù hợp với sự phát triển của thời đại và mang lại những lợi ích toàn diện cả về chính trị, hành chính, kinh tế và xã hội. Đây không chỉ là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng mà còn là chiến lược lâu dài để đảm bảo sự phát triển bền vững và thịnh vượng cho các đô thị trong tương lai.

4.1.2. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với thể chế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị

Sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền địa phương và đặc biệt là chính

quyền đô thị thể hiện rõ ràng cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ". Đây là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo hoạt động của chính quyền địa phương phù hợp với "ý Đảng, lòng dân". Điều này cũng phản ánh nguyên tắc lãnh đạo của Đảng được quy định trong Hiến pháp năm 2013 (Điều 4). Việc tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền đô thị không chỉ bảo đảm cam kết của Đảng mà còn là căn cứ để hoạch định chính sách phát triển đất nước và địa phương, thông qua việc lắng nghe ý kiến từ Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ:

Khi đặt ra khẩu hiệu và chỉ thị, luôn luôn phải dựa vào điều kiện thiết thực và kinh nghiệm cách mạng ở các nước, ở trong nước và ở địa phương... Phải luôn luôn do nơi quần chúng mà kiểm soát những khẩu hiệu và chỉ thị có đúng hay không [73].

Việc xây dựng mô hình chính quyền đô thị dưới sự lãnh đạo của Đảng, cần phù hợp với truyền thống và bản sắc văn hóa từng vùng miền, từng địa phương. Cần đổi mới và nâng cao năng lực quản trị nội bộ của đảng bộ các cấp, đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Bên cạnh đó, việc ban hành cơ chế và chính sách phù hợp sẽ giúp các địa phương chủ động hơn trong việc hoạch định các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng và lợi thế của từng nơi, đặc biệt là ở các đô thị lớn, tỉnh thành có khả năng phát triển kinh tế, du lịch.

Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nói chung và chính quyền đô thị nói riêng luôn được Đảng ta quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII đã xác định nhiệm vụ nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trong đó có yêu cầu đối với chính quyền địa phương và cũng chính trong giai đoạn này, Hội nghị lần thứ Sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đã xác định mục tiêu tổng quát là:

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng

hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương [5].

Tiếp theo đó Hội nghị lần sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 "về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới" (Nghị quyết số 27-NQ/TW) đề ra mục tiêu và định hướng tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời đối với chính quyền đô thị, cần tiếp tục quan triệt tinh thần của Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XIII của Đảng tiếp tục định hướng xây dựng và hoàn thiện chính quyền địa phương trên cơ sở các quan điểm, đường lối trước đây như: “Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng, vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Qua đó, chính quyền đô thị cấp tỉnh triển khai thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần chú trọng thực hiện một số nhiệm vụ sau: hoàn thiện chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn đô thị, đồng thời mở rộng nghiên cứu mô hình chính quyền đô thị ở các đô thị trực thuộc cấp tỉnh; xây dựng mô hình quản trị chính quyền đô thị phù hợp với từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển các vùng, liên vùng, khu kinh tế; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030; hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị hành chính phù hợp với tiêu chuẩn về quy mô diện tích tự nhiên và dân số tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, tinh gọn tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng cơ chế, thể chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước ở các đô thị cấp tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đảm bảo khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách

nhiệm của người đứng đầu chính quyền đô thị, đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với bảo đảm nguồn lực, năng lực thực hiện pháp luật cho các địa phương ở đô thị; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm quản lý thống nhất của Chính phủ, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị cấp tỉnh.

4.1.3. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Hiến pháp là luật cơ bản và có hiệu lực pháp lý cao nhất của một quốc gia, mọi chính sách và cấu trúc tổ chức nhà nước phải tuân thủ Hiến pháp. Việc tổ chức bộ máy nhà nước, bao gồm chính quyền đô thị, cần dựa trên các nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp để đảm bảo tính hợp hiến. Tuân thủ Hiến pháp giúp duy trì sự ổn định và nhất quán trong hệ thống chính trị, đồng thời tạo ra một khung pháp lý cho các cải cách, đặc biệt là việc xây dựng chính quyền đô thị. Hiến pháp cũng quy định các cơ chế kiểm soát quyền lực, nhằm tránh lạm quyền trong tổ chức chính quyền. Sự phù hợp với Hiến pháp không chỉ bảo đảm tính chính danh mà còn tăng cường niềm tin của người dân đối với hệ thống chính trị. Tóm lại, việc xây dựng chính quyền đô thị phải luôn phù hợp với Hiến pháp để đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững và hợp pháp của toàn xã hội Việt Nam.

Như Điều 110 Hiến pháp năm 2013 quy định:

Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phân định như sau: Nước chia thành tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Tỉnh chia thành huyện, thị xã và thành phố thuộc tỉnh; thành phố trực thuộc trung ương chia thành quận, huyện, thị xã và đơn vị hành chính tương đương; Huyện chia thành xã, thị trấn; thị xã và thành phố thuộc tỉnh chia thành phường và xã; quận chia thành phường. Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội thành lập [88].

Bên cạnh đó, Việc thành lập "thành phố trong thành phố" trực thuộc Trung ương không vi phạm quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và các sửa đổi, bổ sung năm 2019. Điều 74 của luật này cho phép Quốc hội quyết định thành lập các đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt với cơ chế và chính sách riêng về kinh tế - xã hội, phù hợp với mục tiêu phát triển của từng đơn vị. Do đó,

không nên so sánh "thành phố trong thành phố" với các cấp chính quyền như quận, huyện hay thị xã, vì mỗi cấp đã được pháp luật quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn. Mục tiêu chính của việc thành lập này là thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho thành phố trực thuộc Trung ương và vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời là bước khởi đầu quan trọng trong việc xây dựng chính quyền đô thị tại Việt Nam.

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là khi thành lập thành phố trong thành phố thì cần phải có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tối ưu hóa sự phát triển để đạt được mục tiêu quản lý nhà nước. Mà những cơ chế, chính sách đặc thù này được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền như: Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ... Những cơ quan có thẩm quyền này phải tuân thủ Hiến pháp và hệ thống pháp luật. Do đó, việc thành lập đơn vị hành chính thành phố trong thành phố đòi hỏi phải có quá trình thí điểm, rút kinh nghiệm để từng bước hoàn thiện.

4.1.4. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải nhất quán, đồng bộ trong mỗi địa phương và gắn liền với phát huy dân chủ, nâng cao tính tự chủ của chính quyền địa phương

Cần thiết phải đẩy mạnh phân cấp và phân quyền trong quản lý nhà nước, đảm bảo tính khoa học và hợp lý. Cùng với đó là việc nâng cao trách nhiệm và đảm bảo nguồn lực cho các địa phương. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát để duy trì sự thống nhất trong quản lý của Chính phủ, đồng thời khuyến khích tính chủ động và sáng tạo của từng địa phương. Cũng cần xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ, các bộ và cơ quan địa phương, nhằm khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ. Vai trò cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu các cơ quan hành chính, được đề cao, nhất là ở chính quyền tại các đô thị. Để triển khai chính quyền đô thị tại Việt Nam, hệ thống thể chế cần hoàn thiện đồng bộ, từ đó kiện toàn tổ chức bộ máy để thực hiện hiệu quả.

Hiện nay, tổ chức bộ máy chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn về cơ bản là giống nhau, đều có tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, thực hiện các thẩm quyền và nhiệm vụ tương đồng với nhau theo quy định của pháp luật. Điều này dẫn đến bất cập trong tổ chức chính quyền đô thị, khó khai thác được các nguồn lực. Tổ chức bộ máy của chính quyền đô thị vẫn còn cồng kềnh, thực hiện

chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo... dẫn tới việc phân tán quyền lực, khó truy trách nhiệm.

Với những đặc trưng về truyền thống văn hóa của người Việt, từ nền nông nghiệp lúa nước, việc thành lập, xây dựng và phát triển chính quyền đô thị cần có thời gian để vừa làm, vừa rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc thành lập các cơ quan chuyên môn của chính quyền đô thị cần bảo đảm tính tổng quát, đa ngành, đa lĩnh vực, tránh chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ nhằm phát huy tối đa vị trí, vai trò của từng cơ quan, đơn vị, đồng thời có sự kết hợp hài hòa và hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong chính quyền đô thị.

Do vậy, việc tổ chức chính quyền đô thị nhằm tạo ra một bộ máy chính quyền thành phố tinh gọn và hiệu quả hơn. Cơ quan hành chính các cấp cần chủ động, nhanh chóng trong việc giải quyết các vấn đề khẩn cấp, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân. Các cơ quan chuyên môn cũng cần được đơn giản hóa và nên thúc đẩy việc phân cấp, ủy quyền để nâng cao tính tự chủ của chính quyền đô thị. Điều này không chỉ giúp quản lý đô thị phát triển mà còn đảm bảo ứng phó hiệu quả trong các tình huống khẩn cấp như thiên tai, dịch bệnh. Việc triển khai mô hình chính quyền đô thị cần thực hiện thận trọng, giữ ổn định cho các tổ chức chính quyền hiện tại.

4.1.5. Xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả phải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và đặc thù của địa phương

Các tỉnh nghiên cứu xây dựng đề án chính quyền đô thị và nông thôn phù hợp với đặc điểm, điều kiện của tỉnh, với phương hướng ở các thành phố, thị xã, thị trấn là chính quyền đô thị với cơ cấu tổ chức giảm mạnh ở cấp trung gian, tập trung hoàn thiện cấp cơ sở để tinh gọn bộ máy nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành.

Tổ chức bộ máy chính quyền đô thị cần dựa trên đặc thù và mức độ phát triển của từng đô thị, tạo ra cơ cấu bộ máy đa dạng và linh hoạt. Việc tổ chức cần rõ ràng về chức năng và nhiệm vụ, không nhất thiết phải theo một quy định cứng mà đem lại tính tự chủ cho chính quyền đô thị. Các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân thành phố và quận, thị xã cần được sắp xếp gọn nhẹ và phù hợp với chức năng. Cụ thể, số lượng cơ quan chuyên môn không vượt quá 20 đơn vị cho thành phố và 12 đơn vị cho quận, ngoài ra số cán bộ phường không quá 25 người, mọi

người cần được phân công phù hợp với vị trí việc làm.

Việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị sẽ giúp bộ máy chính quyền trở nên tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Cụ thể, cơ quan hành chính ở cấp phường sẽ chủ động hơn trong việc xử lý các vấn đề cấp bách trên địa bàn, nhờ vào sự phân định rõ trách nhiệm. Các cơ quan chuyên môn cũng sẽ được sắp xếp lại để nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm. Chính quyền đô thị sẽ có khả năng ứng phó tốt hơn không chỉ trong quản lý đô thị mà còn trong những tình huống khẩn cấp, như thiên tai hay dịch bệnh, nhờ vào sự đẩy mạnh phân cấp và ủy quyền cho các cơ sở.

4.2. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ TINH GỌN, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

4.2.1. Cần có quyết tâm cao trong chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Để các đô thị trở thành trung tâm phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của tỉnh, cần xây dựng mô hình chính quyền đô thị phù hợp với đặc điểm địa phương. Việc này đòi hỏi một hệ thống chính quyền tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, với quyết tâm cao từ Tỉnh ủy, HĐND và UBND các tỉnh. Dù Đảng đã có chủ trương qua Nghị quyết số 18-NQ/TW, nhưng các mô hình và cơ chế thực hiện vẫn chưa rõ ràng. Sự nhận thức về chính quyền đô thị còn mơ hồ trong đội ngũ cán bộ công chức, khiến không phải ai cũng tận tâm thực hiện. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của chính quyền là cần thiết, tuy nhiên trình độ chuyên môn của đội ngũ này vẫn còn hạn chế. Do đó, để thành công trong xây dựng chính quyền đô thị hiệu quả, cần có sự quyết tâm chính trị mạnh mẽ. Các nội dung thể hiện quyết tâm này bao gồm: Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo từ các cấp; Thúc đẩy đào tạo năng lực cho cán bộ công chức; Xây dựng cơ sở pháp lý và mô hình chính quyền đô thị rõ ràng hơn. Để thực hiện các nội dung này cần thực hiện các giải pháp sau:

- Đối với Tỉnh ủy cần quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng nhanh chóng thống nhất trong Ban Thường vụ tỉnh ủy để xây dựng Nghị quyết về xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả làm cơ sở lãnh đạo thực hiện. Nghị quyết phải chỉ rõ quan điểm, mục tiêu, nội dung và biện pháp thực hiện xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh nói chung và chính quyền đô thị nói riêng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả đặt nền móng quan trọng để các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở nhanh chóng bắt tay vào thực hiện. Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh nói chung và chính quyền các đô thị nói riêng theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả được xem là cuộc "cải cách" nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, chính quyền các đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao.

- HĐND tỉnh với chức năng, nhiệm vụ của mình cần thống nhất ra Nghị quyết, chủ trương về thực hiện xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các cấp các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả. UBND cấp tỉnh cần có Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện nghiêm túc, quyết liệt Nghị quyết, đề án, chủ trương của tỉnh ủy, HĐND tỉnh trong việc xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện, định kỳ tổ chức sơ, tổng kết để điều chỉnh mô hình cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của các đô thị.

Như vậy, để xây dựng chính quyền đô thị ở cấp tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực hiệu quả cần sự nhận thức đúng đắn, quyết tâm cao của Tỉnh ủy, HĐND và UBND các cấp cần có chủ trương, kế hoạch triển khai thực hiện một cách quyết liệt khi đó mới xây dựng được chính quyền đô thị ở cấp tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả nhằm thúc đẩy nhanh sự phát triển kinh tế-xã hội ở các đô thị.

4.2.2. Sớm xác định mô hình và thống nhất áp dụng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền cho mỗi loại đô thị

Cần thiết phải tìm kiếm mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động phù hợp cho chính quyền địa phương tại các đô thị. Sự khác biệt giữa nhu cầu quản lý đô thị và nông thôn, cùng với sự phát triển đa dạng về kinh tế, xã hội và văn hóa trong môi trường đô thị, đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với mô hình chính quyền hiện tại. Mô hình ba cấp truyền thống (tỉnh, huyện, xã) không còn hiệu quả trong bối cảnh này, vì sự phát triển và các mối quan hệ xã hội đang ngày càng phức tạp. Do đó, chính quyền đô thị cần một mô hình tổ chức gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo tập trung điều

hành thống nhất để quản lý hiệu quả các hoạt động liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội. Để đáp ứng yêu cầu này, cần nghiên cứu xây dựng chính quyền đô thị theo mô hình đặc thù và thúc đẩy soạn thảo luật tổ chức chính quyền đô thị nhằm tạo ra cơ sở pháp lý thích hợp cho hoạt động của chính quyền tại các thành phố và thị xã.

Tập trung vào việc hoàn thiện thể chế cho chính quyền đô thị. Để làm điều này, cần tiếp tục nghiên cứu và đánh giá mô hình chính quyền đô thị hiện tại nhằm tạo ra một hệ thống tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả, phù hợp với nguyên tắc nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Một trong những giải pháp là sửa đổi Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thống nhất mô hình tổ chức giữa các chính quyền đô thị và nông thôn trên toàn quốc.

Hơn nữa, đổi mới hoạt động của chính quyền địa phương gắn liền với việc cải cách tổ chức bộ máy là yếu tố then chốt trong quá trình cải cách hành chính địa phương. Chính phủ đã đưa ra các nghị định như Nghị định số 24/2014/NĐ-CP và các nghị định sửa đổi để giảm bớt đầu mối các cơ quan trực thuộc UBND, từ đó xác định rõ chức năng và nhiệm vụ của chúng. Việc cải cách này nhằm tăng cường khả năng quản lý và phục vụ của chính quyền cấp tỉnh, huyện trong các lĩnh vực quản lý chuyên môn.

Bên cạnh đó, sự đổi mới đối với tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc HĐND và UBND các đô thị cũng sẽ được tiến hành theo các hướng cơ bản được đề xuất như sau:

Một là, thống nhất áp dụng mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tất cả các đô thị trong một tỉnh. Cần xây dựng, hoàn thiện cơ sở khoa học về tổ chức chính quyền đô thị, phân biệt giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về tổ chức bộ máy và hoạt động của chính quyền đô thị trên địa bàn tỉnh, tạo hành lang pháp lý đảm bảo cho chính quyền đô thị hoạt động hiệu quả, tổ chức bộ máy tinh gọn, năng động. Trước mắt, các cơ quan nhà nước có liên quan thực hiện rà soát, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy chính quyền của mỗi cấp hành chính theo mô hình chính quyền đô thị bảo đảm tính hợp pháp, hợp lý, thống nhất, liên thông nhằm hạn chế tình trạng chồng chéo, hoặc không còn phù hợp. Xuất phát từ tình hình thực

tiền xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương, tác giả đề xuất mô hình cụ thể cho chính quyền đô thị ở các tỉnh như sau:

- *Đối với HĐND*: Ở các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh chỉ tổ chức HĐND ở cấp thành phố, thị xã mà không tổ chức HĐND ở cấp phường mà ở các phường có các tổ đại biểu HĐND cấp thành phố, thị xã hoạt động để tránh trùng lặp nhiệm vụ của HĐND các cấp như hiện nay. Cụ thể:

+ Chủ tịch HĐND: Đại diện cho nhân dân, giám sát hoạt động của UBND.

+ Phó Chủ tịch HĐND Thường Trực: Kiêm nhiệm chức vụ Trưởng ban Dân vận hoặc Chủ nhiệm Ủy Ban Kiểm Tra của MTTQ Thành Phố.

+ Phó Chủ tịch HĐND: Phụ trách các ban chuyên môn như ban kinh tế, ban xã hội, ban giáo dục, ban y tế.

Văn Phòng HĐND: Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch.

- *Đối với UBND cấp thành phố thuộc tỉnh*: vẫn tổ chức UBND như hiện nay nhưng cơ cấu lại các cơ quan chức năng trực thuộc với phương châm: Rà soát chức năng, nhiệm vụ các Phòng chức năng tiến hành sáp nhập một số phòng có chức năng nhiệm vụ tương đồng, đảm bảo nguyên tắc phòng phụ trách lĩnh vực; bảo đảm tinh gọn bộ máy, giảm đầu mối. Cụ thể:

+ Chủ tịch UBND: Đảm nhiệm chức năng quản lý chung, điều phối các hoạt động của thành phố.

+ Phó Chủ tịch UBND: Phụ trách các lĩnh vực cụ thể như kinh tế, xã hội, giao thông, môi trường, văn hóa, giáo dục, y tế.

+ Văn Phòng UBND: Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Phó Chủ tịch.

- *Các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố thuộc tỉnh*: Thực hiện hợp nhất các phòng ban. Cụ thể như:

+ Phòng Tài Chính - Kế Hoạch và Phòng Kinh Tế: thành phòng Tài chính, Kế hoạch và Kinh tế: Quản lý tài chính, kế hoạch và phát triển kinh tế.

+ Phòng Tài nguyên - Môi trường và Phòng Quản lý Đô thị: thành phòng Tài nguyên, Môi trường và Quản lý Đô thị: Quản lý tài nguyên, môi trường và quản lý đô thị.

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và phòng Y tế: thành phòng Lao động, Thương binh, Xã hội và Y tế: Quản lý lao động, thương binh, xã hội và y tế.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Thông tin: thành phòng

Giáo dục, Đào tạo và Văn hóa - Thông tin: Quản lý giáo dục, đào tạo và văn hóa, thông tin.

+ Phòng Nội vụ và phòng Tư pháp: thành phòng Nội vụ và Tư pháp: Quản lý nội vụ và tư pháp.

+ Phòng Thanh tra: Giữ nguyên phòng Thanh tra: Đảm nhiệm chức năng thanh tra, kiểm tra.

- Các đơn vị sự nghiệp của thành phố thuộc tỉnh:

+ Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng và Trung tâm Phát triển Quỹ đất: Thành Trung tâm Quản lý Dự án và Phát triển Đất đai: Quản lý dự án đầu tư, xây dựng và phát triển quỹ đất.

+ Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Đài Truyền thanh: Thành Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông: Quản lý văn hóa, thể thao và truyền thông.

+ Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên: Giữ nguyên Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên: Quản lý giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên.

+ Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp: Giữ nguyên Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp: Cung cấp dịch vụ cho ngành nông nghiệp.

- Đối với UBND cấp phường: cũng nghiên cứu tinh gọn tương tự như UBND cấp thành phố thành phố thuộc tỉnh. Gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên. Trong đó: Chủ tịch là người đứng đầu chính quyền phường, do Hội đồng nhân dân phường bầu. Phó Chủ tịch và các Ủy viên được Chủ tịch chỉ định và phê duyệt. Bộ máy UBND phường được tinh gọn, hợp nhất các cơ quan chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ liên quan. Văn phòng Ủy ban nhân dân Phường là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND phường, có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định, chỉ đạo của UBND phường.

- Đối với đô thị là thị trấn của các huyện: Vì xuất phát từ đặc điểm đô thị vẫn áp dụng mô hình chỉ tổ chức UBND cấp thị trấn mà không tổ chức HĐND cấp thị trấn, tuy nhiên đối với UBND cần nghiên cứu để tổ chức các cơ quan trực thuộc phù hợp với điều kiện đô thị chứ không tổ chức giống với UBND cấp xã như hiện nay.

Mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả đòi hỏi một cuộc cải cách toàn diện từ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, nhân sự cho đến việc áp dụng

công nghệ và thay đổi pháp luật. Sự thành công của mô hình này phụ thuộc vào sự quyết tâm chính trị, sự hợp tác của tất cả các bên liên quan và sự chuẩn bị kỹ lưỡng cho quá trình chuyển đổi. Xây dựng thành công chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả sẽ giúp cho việc quản trị địa phương nói chung và quản trị ở chính quyền đô thị nói riêng đạt những kết quả nhất định như:

- Tăng cường hiệu quả quản lý: Bằng cách tinh gọn bộ máy và hợp nhất các cơ quan chuyên môn, mô hình giúp giảm thiểu sự trùng lặp, tăng cường sự liên kết và phối hợp giữa các cơ quan, từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện chính sách.
- Tiết kiệm chi phí: Mô hình giúp giảm bớt số lượng cán bộ, công chức, và chi phí vận hành bộ máy chính quyền, đồng thời tối ưu hóa sử dụng nguồn lực công.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ công: Với bộ máy tinh gọn và hiệu quả hơn, chính quyền có thể cung cấp dịch vụ công nhanh chóng, chính xác và tiện ích hơn cho người dân.
- Tăng cường sự tham gia của công chúng: Mô hình khuyến khích sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội trong quá trình ra quyết định và giám sát hoạt động của chính quyền, từ đó tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm.

Hai là, tăng cường phân cấp cho các cơ quan trong chính quyền đô thị.

Hoàn thiện thể chế phân cấp quản lý nhà nước tại các địa phương, trong đó nhấn mạnh sự cần thiết phải cải cách giữa các cấp chính quyền đô thị từ tỉnh tới phường. Quá trình này bao gồm tăng cường phân cấp và ủy quyền nhằm nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của chính quyền, từ đó cải thiện hiệu quả quản lý đô thị. Tiếp tục sửa đổi Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành để thực hiện phân cấp rõ ràng hơn đối với các vấn đề đặc trưng tại đô thị như quản lý đất đai và phát triển cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, một cơ chế phân cấp về ngân sách cho chính quyền đô thị cũng cần được nghiên cứu.

Ngoài ra, có sự phân biệt giữa tổ chức chính quyền đô thị và nông thôn là rất quan trọng. Điều này giúp xác định rõ hơn cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ phù hợp cho từng loại hình, đảm bảo hoạt động linh hoạt và hiệu quả theo đúng thực tiễn.

Bên cạnh đó, cần tăng cường các hình thức phát huy dân chủ cho người dân tại đô thị. Đề xuất nghiên cứu và bổ sung các hình thức dân chủ đại diện, cho phép người

dân bầu chọn đại diện trong cơ quan chính quyền. Cần tiến tới quy định dân chủ trực tiếp trong bầu cử người lãnh đạo chính quyền đô thị, với chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp phê chuẩn kết quả bầu cử của người dân thay vì quy định bổ nhiệm như hiện nay. Ngoài ra, cũng cần khuyến khích hình thức dân chủ trực tiếp trong những quyết định quan trọng liên quan đến đời sống cộng đồng đô thị.

Ba là, đổi mới cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của UBND thành phố/ thị xã, UBND phường/ thị trấn.

Cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của UBND thành phố/ thị xã, UBND phường/ thị trấn trong các mô hình chính quyền đô thị và hoàn thiện mô hình tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố/ thị xã theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn giúp UBND thành phố/ thị xã quản lý các ngành, lĩnh vực ở đô thị như đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng, kiểm soát phát triển đô thị... Điều chỉnh nhiệm vụ của các sở, ngành, phòng và tương đương để khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ theo hướng chính quyền thành phố tăng cường quản lý theo ngành, lĩnh vực; UBND thành phố/ thị xã, UBND phường/ thị trấn chỉ thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền của chính quyền cấp trên.

4.2.3. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương với chính quyền các đô thị trực thuộc

Phân cấp quản lý nhà nước giữa chính quyền tỉnh và các thành phố thuộc tỉnh là một vấn đề quan trọng trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay. Thông qua việc phân cấp, vai trò của mỗi cấp chính quyền được xác định rõ, giúp giải quyết hiệu quả các vấn đề quốc gia và nhiệm vụ địa phương. Việc phân cấp cần có sự phối hợp giữa các cấp, sở, ngành để tránh chồng chéo và khai thác tính năng động, sáng tạo từ chính quyền địa phương. Đặc biệt, chính quyền đô thị cần có quyền tự chủ cao để phát huy lợi thế và thu hút nguồn lực bên ngoài nhằm phát triển kinh tế - xã hội. Cần quy định rõ ràng về thẩm quyền và trách nhiệm của các cấp chính quyền trong các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo hiệu quả quản trị nhà nước. Thực tiễn quản lý đô thị hiện nay đối mặt nhiều vấn đề như quản lý dân cư, bảo vệ môi trường và quyền công dân, do đó yêu cầu tính tự chủ cao từ chính quyền đô thị là cần thiết để nhanh chóng giải quyết các vấn đề này.

Để tăng cường phân cấp và phân quyền cho chính quyền đô thị, cần thiết phải có những biện pháp phù hợp và đồng bộ. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, xác định rõ vị trí và tính chất của chính quyền đô thị trong mối quan hệ với chính quyền cấp trên. Chính quyền đô thị có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định cũng như thực hiện các chính sách, pháp luật được phân cấp. Cần quán triệt nguyên tắc giao quyền hợp lý: cấp nào có khả năng thực hiện tốt nhất thì sẽ được giao đầy đủ quyền hạn đi kèm với những điều kiện cần thiết. Các cơ quan cấp trên phải tăng cường kiểm tra, giám sát mà không can thiệp quá sâu vào công việc của cấp dưới.

Việc phân quyền cho chính quyền đô thị là cần thiết, nhằm đảm bảo quyền tự chủ trong nhiều lĩnh vực như ngân sách, tài chính, tổ chức bộ máy, quản trị dân cư và bảo vệ môi trường. Mỗi loại đô thị cần mô hình tổ chức chính quyền phù hợp để đáp ứng yêu cầu phát triển. Đối với đô thị lớn, tổ chức bộ máy phức tạp hơn và trao quyền rộng rãi; trong khi đô thị nhỏ thì cần tổ chức bộ máy tinh gọn và tự chủ ở mức độ thấp hơn.

Thứ hai, phân quyền và phân cấp giữa chính quyền trung ương và chính quyền đô thị là một trong những nội dung quan trọng để đảm bảo sự hiệu quả trong quản lý nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh phát triển đô thị hóa nhanh chóng. Việc phân quyền, phân cấp hợp lý sẽ giúp nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và năng lực của từng cấp chính quyền, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững. Vì vậy, cần đề xuất về phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương và chính quyền các đô thị trực thuộc (thành phố, thị xã) cụ thể như sau:

- Phân quyền theo nguyên tắc tự chủ và tự chịu trách nhiệm

Chính quyền đô thị cần được trao quyền tự chủ cao hơn trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, quản lý hạ tầng, quy hoạch đất đai và ngân sách. Điều này giúp chính quyền đô thị phản ứng nhanh nhạy hơn với các vấn đề thực tế của khu vực đô thị, nơi có mật độ dân cư cao và tốc độ đô thị hóa nhanh.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh nên giữ vai trò định hướng, giám sát và hỗ trợ về mặt pháp lý, chính sách và phát triển nguồn lực, thay vì can thiệp quá sâu vào các quyết định cụ thể của chính quyền đô thị.

- Phân cấp thẩm quyền ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật

Để nâng cao tính chủ động và sáng tạo trong công tác quản lý đô thị cấp tỉnh, cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với đặc thù của khu vực. Điều này bao gồm việc quy định về các khoản thu chi và phí lệ phí tương thích với điều kiện kinh tế - văn hóa - xã hội tại địa phương. Ngoài ra, cần thiết lập các quy định xử lý hành vi gây mất an ninh trật tự và mỹ quan đô thị mà hiện nay chưa được coi là vi phạm hành chính. Lãnh đạo cơ quan quản lý có thể ban hành văn bản xử lý các trường hợp vi phạm này với mức phạt cao hơn so với các địa phương khác, nhưng vẫn phải tuân thủ các quy định chung của pháp luật Việt Nam.

- Phân cấp thẩm quyền tổ chức, nhân sự ở chính quyền đô thị cấp tỉnh

Để đảm bảo hoạt động của chính quyền đô thị ở cấp tỉnh được thông suốt và hiệu quả, chính quyền đô thị có quyền quyết định về bộ máy giúp việc và các cơ quan chuyên môn theo đặc thù đô thị. Chính quyền đô thị ở cấp thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ cho các bộ phận giúp việc và phân cấp một số nhiệm vụ cho chính quyền cấp dưới.

Ví dụ, HĐND thành phố Thủ Đức đã ban hành Nghị quyết về việc tổ chức lại và đổi tên các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố. Các phòng ban được đổi tên để phù hợp hơn với chức năng như Phòng Tài chính và Phòng Kinh tế - Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, thành phố Thủ Đức còn thành lập thêm hai cơ quan mới: Phòng Giao thông Công chính và Trung tâm Hành chính công để đảm bảo quản lý đô thị hiệu quả.

Về nhân sự, chính quyền đô thị cấp tỉnh có quyền tự quyết định về số lượng cán bộ, công chức, viên chức dựa trên khả năng ngân sách của địa phương, thay vì phụ thuộc vào Bộ Nội vụ. Họ cũng được phép tổ chức thi tuyển, nâng ngạch công chức và quy định chế độ đãi ngộ phù hợp với nhu cầu. Mục tiêu là xây dựng đội ngũ cán bộ công chức viên chức chuyên nghiệp, trách nhiệm và năng động.

Cần triển khai các biện pháp linh hoạt trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý nhân sự, đảm bảo phù hợp với đặc điểm đô thị. Đồng thời, yêu cầu đội ngũ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC phải nắm vững chủ trương, chính sách, nâng cao chuyên môn và năng lực thực thi công vụ để phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp, góp phần phát triển đô thị thông minh.

- Phân cấp trong quản lý quy hoạch và phát triển hạ tầng

Chính quyền đô thị cần được trao quyền lớn hơn trong việc xây dựng và quản lý quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch đất đai, giao thông, nhà ở và hạ tầng kỹ thuật. Điều này đảm bảo rằng quy hoạch đô thị phản ánh đúng nhu cầu phát triển của khu vực, đồng thời giúp chính quyền đô thị có thể thực hiện các dự án hạ tầng một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh có trách nhiệm phê duyệt các quy hoạch mang tính chiến lược, liên vùng và giám sát việc thực hiện quy hoạch, đảm bảo sự liên kết và hài hòa phát triển giữa đô thị và vùng nông thôn, tránh tình trạng phát triển quá mức hoặc thiếu cân đối.

- Phân cấp trong quản lý ngân sách và tài chính công

Chính quyền đô thị cần có quyền tự chủ cao hơn trong việc quản lý và sử dụng ngân sách địa phương, bao gồm việc phân bổ và ưu tiên nguồn lực cho các dự án phát triển đô thị, dịch vụ công và hạ tầng. Điều này sẽ giúp chính quyền đô thị linh hoạt và chủ động hơn trong việc giải quyết các nhu cầu cấp bách của người dân và doanh nghiệp.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh cần có vai trò giám sát và đảm bảo tính minh bạch trong việc quản lý tài chính công, đồng thời hỗ trợ cân bằng ngân sách đối với những đô thị còn thiếu nguồn lực hoặc gặp khó khăn trong phát triển kinh tế.

Cần phân cấp rõ ràng trong thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách giữa ngân sách thành phố, phường và thị trấn nhằm tránh sự chồng chéo. Ngoài ra, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền trong cung cấp dịch vụ công, phù hợp với nhu cầu cải thiện chất lượng dịch vụ. Đề xuất của văn bản bao gồm việc tạo điều kiện về cơ chế pháp lý cho cơ quan nhà nước cấp tỉnh tăng thu để đáp ứng yêu cầu phát triển và cho phép tạo nguồn thu mới từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chính phủ cũng nên phân cấp một số nội dung chi đặc thù liên quan đến quản lý đô thị và quan hệ quốc tế, đồng thời tính toán cho các nhiệm vụ chi này vào dự toán ngân sách.

Ngoài ra, đề xuất cho phép các thành phố trực thuộc tỉnh thực hiện chức năng đầu tư đối với các dự án có khả năng thu hồi vốn và mở rộng chức năng của công ty đầu tư tài chính mà không ảnh hưởng đến ngân sách địa phương, như đầu tư cho giáo dục, y tế, nhà ở xã hội, cấp nước sạch và giao thông.

- Phân quyền trong quản lý dân cư và an sinh xã hội

Chính quyền đô thị cần được trao quyền nhiều hơn trong việc quản lý dân cư, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến nhập cư, đăng ký hộ khẩu, quản lý nhà ở xã hội và các chương trình an sinh xã hội. Điều này giúp chính quyền đô thị ứng phó nhanh chóng hơn với sự gia tăng dân số và các vấn đề xã hội phức tạp trong các khu vực đô thị.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh nên tập trung vào việc xây dựng các chính sách vĩ mô và hỗ trợ về mặt tài chính, kỹ thuật cho các chương trình an sinh xã hội, đảm bảo mọi người dân, dù sống trong đô thị hay nông thôn, đều được hưởng các quyền lợi cơ bản về y tế, giáo dục và phúc lợi xã hội.

- Phân cấp trong quản lý môi trường

Chính quyền đô thị cần có quyền quyết định lớn hơn trong việc quản lý môi trường đô thị, bao gồm các vấn đề về xử lý rác thải, chống ngập úng, cải thiện chất lượng không khí và bảo vệ môi trường sống. Điều này giúp chính quyền đô thị có thể triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với thực tế địa phương.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh cần định hướng và ban hành các tiêu chuẩn, quy định chung về bảo vệ môi trường, đồng thời giám sát việc thực hiện các cam kết về môi trường tại các đô thị. Điều này giúp đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển và bảo vệ môi trường trên toàn tỉnh.

- Phân quyền trong quản lý hành chính, tổ chức bộ máy

Chính quyền đô thị cần được trao quyền tự chủ trong việc tổ chức và điều hành bộ máy hành chính, từ việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ đến việc phân công nhiệm vụ cụ thể. Điều này giúp nâng cao tính linh hoạt và hiệu quả trong quản lý hành chính đô thị.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh nên tập trung vào việc giám sát, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và đề ra các quy tắc, tiêu chuẩn nhằm đảm bảo chất lượng quản lý hành chính tại các đô thị.

- Phân quyền trong quản lý an ninh trật tự và phòng chống thiên tai

Chính quyền đô thị nên được trao quyền tự chủ cao hơn trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, và ứng phó với các tình huống khẩn cấp như thiên tai, tai nạn lớn. Điều này giúp chính quyền đô thị có thể phản ứng nhanh

chóng hơn trước các tình huống khẩn cấp trong bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng.

Chính quyền địa phương cấp tỉnh cần đóng vai trò hỗ trợ, điều phối nguồn lực và đưa ra các chỉ đạo về chiến lược, kế hoạch dài hạn nhằm phòng chống thiên tai và bảo đảm an ninh trật tự trên phạm vi toàn tỉnh.

- Tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền

Cần xây dựng cơ chế phối hợp rõ ràng giữa chính quyền địa phương cấp tỉnh và chính quyền đô thị nhằm bảo đảm quá trình thực hiện các nhiệm vụ được thông suốt và hiệu quả. Điều này có thể thông qua các cơ chế đối thoại, trao đổi thông tin và phối hợp trong việc thực thi các chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Chính quyền đô thị cũng cần có trách nhiệm báo cáo thường xuyên với chính quyền cấp tỉnh về những vấn đề quan trọng, đảm bảo sự giám sát và hỗ trợ kịp thời từ cấp trên.

- Tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội

Chính quyền đô thị cần được hỗ trợ để đẩy mạnh việc huy động sự tham gia của người dân và các tổ chức xã hội trong quá trình ra quyết định và thực thi các chính sách công tại đô thị. Điều này giúp nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và tạo điều kiện để các quyết định chính sách phản ánh đúng nguyện vọng của người dân đô thị.

Việc phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương và chính quyền đô thị cần dựa trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đồng thời vẫn giữ được sự kiểm soát, hỗ trợ từ cấp trên. Điều này giúp tối ưu hóa năng lực quản lý của từng cấp chính quyền, đồng thời tạo điều kiện cho đô thị phát triển một cách bền vững, hiệu quả và hài hòa với tổng thể quốc gia.

Thứ ba, đề xuất hoàn thiện cơ chế phân quyền giữa HĐND và UBND các cấp tại đô thị nhằm tăng cường trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương. Mục tiêu của việc này là đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian và quy trình xử lý. UBND và Chủ tịch UBND đô thị tiến hành ủy quyền cho các cơ quan và đơn vị sự nghiệp công lập về những nội dung ít phức tạp như ban hành kế hoạch, quy định pháp lý chuyên môn. Các quyết định liên quan đến vấn đề chuyên môn đã được chuẩn hóa sẽ được phê duyệt một cách nhanh chóng cùng với các hoạt động kiểm tra, đánh giá và trao đổi thông tin trong quản lý.

Đồng thời, phân quyền cho các cơ quan, thủ trưởng cơ quan chuyên môn và các Ban Quản lý trong những lĩnh vực như đô thị, kinh tế, tài nguyên, văn hóa - xã hội và tư pháp. Đô thị: Gồm quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, xây dựng, quy hoạch đô thị; Kinh tế - Ngân sách: Liên quan đến dự án đầu tư, quản lý vốn nhà nước và nhân sự tại doanh nghiệp nhà nước; Tài nguyên: Thực hiện công tác ủy quyền liên quan đến đất đai, đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường; Văn hóa - xã hội - khoa học công nghệ: Ủy quyền trong các thủ tục tiếp nhận thông tin, cấp phép hoạt động theo quy định; Tư pháp: Bao gồm công tác báo cáo, tuyên truyền, hướng dẫn và kiểm tra trong lĩnh vực tư pháp. Chủ tịch UBND thành phố sẽ chịu trách nhiệm chính về việc triển khai các nội dung này.

4.2.4. Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho mô hình chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả vận hành

Để xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả thì các điều kiện hỗ trợ xây dựng đóng vai trò không thể thiếu. Hai trong các điều kiện quan trọng hàng đầu là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chuyển đổi số. Cụ thể xây dựng từng yếu tố bảo đảm cần thực hiện như sau:

- Đảm bảo nguồn tài lực ở chính quyền đô thị cấp tỉnh

Để thu hút nguồn tài lực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương, đặc biệt ở khu vực đô thị, nhiều quốc gia đã áp dụng cơ chế và chính sách tài chính đặc thù. Những cơ chế này chủ yếu tập trung vào phân cấp ngân sách, ưu đãi thuế, chính sách tín dụng và quản lý tài chính đất đai. Nhờ đó, các địa phương có thể huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Văn kiện Đại hội XIII đã nhấn mạnh: “Lựa chọn một số địa điểm, đô thị, vùng có lợi thế đặc biệt để xây dựng trung tâm kinh tế, tài chính với thể chế, cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế cao”, một số tỉnh, thành phố ở Việt Nam thời gian qua cũng đã được áp dụng các cơ chế, chính sách tài chính đặc thù, như cơ chế quản lý tài chính, ngân sách có tính đột phá, đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng...

Trong bối cảnh phát triển chính quyền đô thị cấp tỉnh, việc xây dựng cơ chế đặc thù nhằm tối ưu hóa nguồn tài chính chưa được quan tâm đúng mức. Để tăng

cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị, cần thiết lập các cơ chế tự chủ tài khóa cho chính quyền địa phương thông qua việc tự thu một số loại thuế. Một số giải pháp được đề xuất bao gồm:

- + Tăng vai trò của thuế nhà, đất: Phát triển thuế bất động sản như một nguồn thu bền vững để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng.

- + Nâng cao tính tự chủ trong quyết định thu phí dịch vụ: Quyền quyết định mức phí gắn liền với dịch vụ cung cấp sẽ giúp địa phương tăng tự chủ tài chính.

- + Thay đổi cách phân chia nguồn thu giữa trung ương và địa phương: Áp dụng cách phân chia công bằng dựa trên dân số và trình độ phát triển kinh tế của mỗi vùng.

- + Rõ ràng về nhiệm vụ chi ngân sách: Tránh chồng chéo trong phân cấp chi ngân sách và cải thiện phối hợp giữa các chính quyền.

- + Quy định về khoản chi và định mức chi: Nghiên cứu cho phép chính quyền đô thị xác định các khoản chi phù hợp với điều kiện địa phương và danh ngân sách cho những lĩnh vực ưu tiên như giáo dục, khoa học công nghệ, và môi trường.

Những giải pháp này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách mà còn khuyến khích sự chủ động của các địa phương trong việc phát triển kinh tế.

- Đảm bảo cung ứng dịch vụ công ở chính quyền đô thị cấp tỉnh

Chính quyền đô thị cấp tỉnh cần tiếp tục cải cách và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công cùng mạng lưới cung ứng dịch vụ công để đáp ứng quá trình hội nhập theo Nghị quyết số 18/NQ TW. Mục tiêu là nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm gánh nặng ngân sách và tối ưu hóa hoạt động theo nguyên tắc thị trường.

Các cơ quan chức năng nên tăng cường phân cấp quyền hạn giữa các cấp chính quyền nhằm bảo đảm tính tự chủ và kiểm soát hiệu quả trong việc cung ứng dịch vụ công như y tế, giao thông và môi trường.

Cần xây dựng quy định về quyền được thông tin của người dân để họ tham gia giám sát các dịch vụ hành chính công. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn liền với cải cách ngân sách và cải thiện đời sống cán bộ.

Hệ thống quản trị phải đổi mới trong các lĩnh vực dịch vụ công và cần rà soát những thủ tục hành chính không cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cá nhân.

Cuối cùng, sẽ xử lý nghiêm các vi phạm quy định pháp luật, đồng thời công khai các thủ tục giải quyết công việc để người dân dễ dàng thực hiện quyền lợi của mình.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức viên chức của chính quyền đô thị theo tinh thần chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ và toàn diện công tác cán bộ, Đảng xác định xây dựng đội ngũ cán bộ là nhiệm vụ then chốt. Cán bộ có vai trò quyết định trong sự thành bại của cách mạng, do đó việc nâng cao chất lượng đội ngũ, đặc biệt ở cấp chiến lược, là rất quan trọng. Đảng yêu cầu tập trung vào việc xây dựng chính sách phát hiện và thu hút nhân tài, đồng thời bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo và xử lý nghiêm các vi phạm.

Trong điều kiện khoa học - công nghệ phát triển và hội nhập quốc tế, đội ngũ cán bộ, công chức đô thị đang gặp nhiều hạn chế về năng lực và kỹ năng. Việc sắp xếp lại đội ngũ khi tổ chức lại, hợp nhất hoặc giải thể đòi hỏi một phương pháp khoa học và hợp lý để tối ưu hóa năng lực thực hiện nhiệm vụ. Ngoài ra, cán bộ cần tiếp tục đổi mới tư duy và phương pháp làm việc để nắm vững chủ trương của Đảng và cập nhật kiến thức.

Để đáp ứng yêu cầu của chính quyền đô thị, cần thực hiện các giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực xây dựng đội ngũ cán bộ công chức viên chức, đảm bảo tính chuyên nghiệp, trách nhiệm và năng động. Cụ thể như sau:

Trước hết, thực hiện nghiêm túc và nhất quán vai trò lãnh đạo của Đảng trong công tác cán bộ. Đảng cần tập trung vào nguyên tắc tập trung dân chủ, cụ thể hóa các giải pháp nhằm siết chặt kỷ luật cũng như tạo môi trường thuận lợi để đổi mới, sáng tạo. Cần gắn phân công, phân cấp với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra và xử lý sai phạm. Công tác cán bộ phải luôn được đổi mới phù hợp với thực tế, xây dựng đội ngũ cán bộ từ yêu cầu của thời kỳ mới, dựa trên hoạt động cách mạng của nhân dân. Xây dựng bộ máy tổ chức chính trị tinh gọn, hiệu quả, nâng cao dân trí và thu hút nhân tài để phục vụ cho sự nghiệp phát triển chung.

Hai là, xây dựng quy hoạch cán bộ, đào tạo và bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cơ bản và lâu dài. Việc này kết hợp nhiều hình thức đào tạo tại trường và thực tiễn công tác, nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và đảng viên. Quá

trình này cần được thực hiện một cách hiệu quả, dựa trên việc đánh giá cán bộ toàn diện và cụ thể, với mục tiêu bố trí và sử dụng cán bộ đúng vị trí và yêu cầu nhiệm vụ. Cần kiên quyết đưa ra khỏi vị trí lãnh đạo những cán bộ thiếu phẩm chất và năng lực ở những đơn vị làm việc kém hiệu quả.

Ngoài ra, trong bối cảnh hiện nay, việc đánh giá đạo đức, lối sống và mối quan hệ với nhân dân của cán bộ cũng rất quan trọng, đặc biệt là trong việc chống tiêu cực và tham nhũng. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần công tâm và khách quan trong đánh giá, từ đó đưa ra quyết định bổ nhiệm, đào tạo, rèn luyện cán bộ, đồng thời loại bỏ những người không đủ tiêu chuẩn khỏi bộ máy lãnh đạo của Đảng.

Ba là, thực hiện tốt chế độ quản lý cán bộ, nhất là quản lý chất lượng chính trị; bảo vệ vững chắc chính trị nội bộ. Đây vừa là giải pháp vừa là yêu cầu kết hợp biểu dương khen thưởng đúng mức các cán bộ có thành tích với việc kiên quyết xử lý nghiêm những cán bộ thoái hoá biến chất, vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Phải đào tạo, rèn luyện, thử thách mới có được cán bộ tốt. Theo đó:

Kiên quyết đấu tranh loại bỏ những phần tử hư hỏng, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; chống mọi biểu hiện chạy chức, chạy quyền, cục bộ, ưu ái tuyển dụng người nhà, người thân không đủ tiêu chuẩn. Phát huy dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm, nêu gương, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức. Sớm nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích và bảo vệ những tổ chức và cá nhân dám đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm [130].

Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực của cán bộ. Nghiêm khắc nhìn nhận những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác cán bộ ở từng cấp, từng cơ quan, đơn vị để rút ra những bài học kinh nghiệm cho thời gian tới.

Bốn là, đẩy mạnh công tác luân chuyển cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách cán bộ trong thực tiễn. Đây là giải pháp quan trọng trong công tác quy hoạch, luân chuyển cán bộ, cần chú trọng bảo đảm sự liên thông, gắn kết. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo và cấp ủy là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, việc luân chuyển bố trí một số chức danh cán bộ lãnh đạo không là người địa phương. “Làm

tốt hơn nữa công tác cán bộ, nhất là việc quản lý, nhận xét, đánh giá cán bộ để lựa chọn, bố trí đúng những người thật sự có đức, có tài; thật sự “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”; thật sự tâm huyết vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo của bộ máy chính phủ và chính quyền các cấp” [130]. Cùng với đó, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị yêu cầu tiếp tục thực hiện việc bố trí một số chức danh lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh, cấp huyện không là người địa phương.

Thực hiện việc phân công cán bộ trong quy hoạch các chức danh cấp chiến lược đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo chủ chốt ở các địa bàn, lĩnh vực quan trọng, vùng đồng bào dân tộc, vùng có nhiều khó khăn để đào tạo, thử thách, tích lũy kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

Cùng với đó, việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị phải sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại hoặc bị giải thể sẽ dẫn đến một số cán bộ, công chức phải chuyển đổi công tác hoặc bị dôi dư, từ đó, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và chế độ, chính sách đối với số cán bộ, công chức này.

Do vậy, đòi hỏi phải triển khai các biện pháp đồng bộ để giải quyết ba mục tiêu trước mắt là: (1) Giải quyết tốt chế độ, chính sách cho số cán bộ, công chức, viên chức dôi dư do quá trình đổi mới, sắp xếp, tinh gọn bộ máy, sáp nhập, hợp nhất tổ chức, đơn vị. (2) Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cần tiếp tục đổi mới tư duy, tác phong, phương pháp làm việc; nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, am hiểu pháp luật và xu thế phát triển, hội nhập quốc tế; tinh thông nghiệp vụ, có đủ năng lực để bắt kịp quá trình phát triển theo hướng phục vụ người dân, doanh nghiệp, xây dựng đô thị thông minh và hội nhập quốc tế. (3) Chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như công chức, viên chức kế cận có đủ đức, tài để đảm đương tốt nhiệm vụ xây dựng, phát triển chính quyền đô thị.

- Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chuyển đổi số

Để xây dựng chính quyền điện tử và đô thị thông minh, cần hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến giao dịch và dịch vụ điện tử, cũng như bảo mật thông tin. Việc phát triển hạ tầng băng rộng và kết nối số giữa các ngành là vô cùng quan trọng. Cần ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động của

các cơ quan nhà nước, đồng thời tạo mối quan hệ chặt chẽ với người dân.

Chính quyền các cấp cần thúc đẩy việc kết nối và trao đổi thông tin thường xuyên nhằm nâng cao chất lượng phục vụ. Cần đầu tư hợp lý nguồn lực, cải cách thủ tục hành chính, và tinh giản bộ máy quản lý để nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật.

Ở cấp độ địa phương, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số và kinh tế số đóng vai trò then chốt trong sự thành công chung của chuyển đổi số quốc gia. Điều này yêu cầu sự quyết tâm từ toàn hệ thống chính trị và sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung ương và địa phương. Các cấp chính quyền cần nhận thức đúng vấn đề để triển khai hiệu quả công cuộc chuyển đổi số và tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Thứ nhất, chuyển đổi nhận thức (nhận thức số). Nhận thức đóng vai trò quyết định trong chuyển đổi số, muốn chuyển đổi số trước hết phải chuyển đổi nhận thức. Tham gia vào tiến trình chuyển đổi số, mỗi cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp cần cảm nhận, thấy rõ, nhận thức rõ về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trước khi có hành động cụ thể để thực hiện. Chuyển đổi số không phải là một khái niệm trừu tượng, xa vời, không thiết thực với bản thân. Trên thực tế chúng ta đang sống trong thời kỳ mà chuyển đổi số là xu thế tất yếu; nhiều cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân đã và đang tham gia vào quá trình chuyển đổi số trên các lĩnh vực quản lý, giáo dục, y tế, kinh tế... nhưng vẫn chưa ý thức được những gì đang diễn ra chính là biểu hiện của thực hiện chuyển đổi số và mình đã và đang làm gì ở đâu, trong quá trình chuyển đổi số. Tuy nhiên, giữa tham gia quá trình chuyển đổi số và tiến tới đạt được các mục tiêu Chương trình chuyển đổi số đặt ra là quá trình lâu dài, việc nâng cao nhận thức, chuyển đổi nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, mỗi người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số vẫn cần triển khai ngay những giải pháp cụ thể. Chìa khóa để đẩy nhanh sự chuyển đổi nhận thức nằm ở trong “nhận thức”, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu.

Thứ hai, phát triển hạ tầng số, nền tảng số. Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số là nhiệm vụ hàng đầu, là giải pháp đột phá thúc đẩy sự phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số. Các thành phần của hạ tầng số phục vụ chính phủ số liên quan và tác động lẫn nhau, như kết nối liên thông phải đi cùng chia sẻ dữ liệu và phải được bảo đảm bởi pháp luật. Công tác xây

dựng hạ tầng số là việc cần kiên trì, sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, doanh nghiệp và người dân từ trung ương đến địa phương.

Trong quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số ở các địa phương, hạ tầng số phải được xem là yếu tố nền tảng cần được quan tâm, ưu tiên đầu tư sớm đảm bảo sự đồng bộ, hiện đại. Kế hoạch xây dựng hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số ở từng địa phương phải trên cơ sở kế thừa, phát triển từ các nền tảng hạ tầng sẵn có; xác định rõ mục tiêu, ưu tiên bố trí nguồn lực để tập trung thực hiện đồng bộ nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin trọng yếu, như: hạ tầng băng thông rộng, hạ tầng Internet vạn vật (IoT); hạ tầng điện toán đám mây; ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) Trung tâm tích hợp dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh, Trung tâm giám sát an toàn thông tin; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh; Hệ thống Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng; nền tảng thanh toán trực tuyến, di động...

Thứ ba, xây dựng, phát triển dữ liệu số. Yếu tố quan trọng đầu tiên của bất kỳ quá trình chuyển đổi số nào chính là dữ liệu số. Nếu không có dữ liệu số, sẽ không thể xác định mô hình hoạt động số và tiến hành chuyển đổi số. Để công cuộc chuyển đổi số thành công, mỗi địa phương trong quá trình triển khai xây dựng dữ liệu phải có chiến lược cụ thể, phù hợp với chiến lược dữ liệu quốc gia, tuân thủ nguyên tắc thu thập dữ liệu một lần (once-only) nghĩa là, khi dữ liệu đã được cơ quan nhà nước thu thập, quản lý và chia sẻ thì cơ quan nhà nước sẽ không được yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại.

Quá trình triển khai, xây dựng, phát triển dữ liệu số bao gồm: xác định mục đích sử dụng dữ liệu, thu thập nguồn dữ liệu, số hóa dữ liệu; triển khai kết nối liên thông dữ liệu từ các hệ thống, chuẩn hóa, tái cấu trúc cơ sở dữ liệu đang hoạt động (trong và ngoài địa phương) thông qua các hệ thống, nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu của địa phương (LGSP), của quốc gia (NGSP); hình thành, xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của địa phương trên cơ sở vừa cung cấp dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ở các lĩnh vực đang triển khai, cũng như khai thác trực tiếp để phục chuyển đổi số ở các lĩnh vực mới.

Thứ tư, phát triển ứng dụng số hóa (hoạt động số). Sự biểu hiện cụ thể của quá trình chuyển đổi số ở mỗi lĩnh vực chính là việc xác định mô hình chuyển đổi,

lựa chọn các ứng dụng số (các phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ...) để tổ chức hoạt động số dựa trên các yếu tố hạ tầng số, nền tảng số, nguồn dữ liệu số, cơ sở pháp lý, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, nguồn nhân lực... Việc phát triển ứng dụng số - hoạt động số cần được quan tâm triển khai thực hiện trên cả 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó, tập trung ưu tiên cho phát triển các ứng dụng số hóa trong hoạt động của chính quyền để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số ở các địa phương.

Ngoài những vấn đề cơ bản nêu trên, để công cuộc chuyển đổi số ở các địa phương thành công còn phụ thuộc vào các yếu tố: Hoàn thiện cơ sở pháp lý, nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số; đảm bảo an toàn và an ninh thông tin; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng, hình thành văn hóa số...

4.2.5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức tư vấn, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Kiểm tra giám sát và sơ kết, tổng kết là những hoạt động thiết yếu trong lãnh đạo và chỉ đạo của tổ chức Đảng và chính quyền địa phương nhằm xây dựng chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đây là quá trình quan trọng để thúc đẩy thực hiện và nắm bắt kết quả, từ đó điều chỉnh kịp thời cho các giai đoạn tiếp theo.

Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và bảo vệ chính trị nội bộ. Điều này không chỉ là giải pháp mà còn là yêu cầu nghiêm ngặt đối với việc kiểm soát quyền lực trong xây dựng chính quyền đô thị, nhằm ngăn chặn các hiện tượng như chạy chức, chạy quyền và lạm dụng chức quyền. Cần kiểm soát chặt chẽ quyền lực trong công tác cán bộ, đặc biệt là với các vị trí lãnh đạo như Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân đô thị từ các tỉnh. Mục tiêu cuối cùng là siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác cán bộ, thường xuyên kiểm tra và đôn đốc, tạo ra chuyển biến tích cực trong thực thi công vụ, nâng cao đạo đức, văn hóa và tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, và người dân tại các đô thị thuộc tỉnh. Mục tiêu là phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của họ. Cần đảm bảo vai trò phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

đối với hoạt động của Ủy ban nhân dân, cùng với việc phối hợp giải quyết các vấn đề địa phương, nhất là trong việc xây dựng chính quyền đô thị. Bên cạnh đó, phải thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát hành chính đối với tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước để phân công và kiểm soát quyền lực một cách minh bạch, hiệu quả.

Ngoài ra, cần tăng cường phát huy dân chủ cho người dân ở đô thị, đặc biệt là nghiên cứu và bổ sung những hình thức dân chủ đại diện, như quyền bầu cử trực tiếp Chủ tịch UBND cấp thành phố/thị xã và phường/thị trấn. Chủ tịch UBND cấp trên cần phê duyệt kết quả bầu cử thay vì quy định bổ nhiệm như hiện nay. Đồng thời, cũng cần khuyến khích hình thức dân chủ trực tiếp cho người dân trong các quyết định quan trọng liên quan trực tiếp đến đời sống của họ.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, sự gương mẫu, tinh thần vì nhân dân phục vụ của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt và người đứng đầu các cấp. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh PCTN, lãng phí, tiêu cực gắn với đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách để “không thể, không dám, không muốn, không cần tham nhũng” [130]. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, không bảo đảm đủ các tiêu chuẩn, điều kiện, có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực, suy thoái về đạo đức vào đội ngũ cán bộ đương chức và cán bộ quy hoạch cấp chiến lược. Xử lý nghiêm, đồng bộ giữa kỷ luật đảng với kỷ luật của Nhà nước và xử lý bằng pháp luật đối với cán bộ vi phạm, những cán bộ có động cơ sai trái, tư tưởng cục bộ, bè phái, “lợi ích nhóm”, gây mất đoàn kết nội bộ, kể cả khi đã chuyển công tác. Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác cán bộ trong nhiệm kỳ mới. Theo đó: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ cán bộ.

Cần tiếp tục nghiên cứu và tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần tiếp tục phối hợp giữa các cơ quan chức năng. Nội dung sơ tổng kết phải hướng đến việc thực hiện mô hình trong thực tiễn, ghi nhận những vướng mắc, từ đó đưa ra kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với

thực tế tại các đô thị, đồng thời đảm bảo tuân thủ đường lối của Đảng và Hiến pháp.

Kết quả của các cuộc sơ tổng kết sẽ được dùng làm căn cứ để hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị, xác định đây là một phần trong chính quyền địa phương theo nguyên tắc nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nếu cần thiết, có thể đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương để thống nhất mô hình chính quyền đô thị và nông thôn, nhằm cải thiện quản lý và điều hành đô thị hiệu quả hơn trên toàn quốc.

Tiểu kết chương 4

Từ thực tiễn xây dựng chính quyền đô thị trong cả nước và ở tỉnh Bình Dương, từ kết quả đạt được và những hạn chế bộc lộ qua thực trạng ở các đô thị của tỉnh, nhất là thành phố Bình Dương, tác giả đã đề xuất 4 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng chính quyền đô thị ở các tỉnh Việt Nam hiện nay theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Bao gồm:

- Tỉnh uỷ, HĐND cần có quyết tâm cao trong chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền ở các đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả
- Xác định mô hình và thống nhất áp dụng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền cụ thể cho các đô thị cấp tỉnh;
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương với chính quyền các đô thị trực thuộc;
- Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả vận hành;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức tư vấn, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ với nhau. Ở mỗi biện pháp cũng đã đề cập được cơ sở đề ra biện pháp, mục tiêu của biện pháp và cách thức tổ chức thực hiện để đạt được hiệu quả.

KẾT LUẬN

Với hướng tiếp cận hệ thống, trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng và lịch sử, mặc dù không thể tiến hành khảo sát toàn diện tất cả các đô thị trên phạm vi cả nước, nhưng luận án đã tập trung nghiên cứu sâu rộng tại tỉnh Bình Dương. Qua quá trình nghiên cứu và quan sát các mô hình tổ chức chính quyền đô thị cấp tỉnh khác nhau trên cả nước, tỉnh Bình Dương đã được xác định là một ví dụ điển hình cho việc áp dụng các nguyên tắc tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả trong tổ chức chính quyền đô thị. Những phát hiện và kết luận rút ra từ tỉnh Bình Dương không những cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức thực hiện và những thách thức cụ thể mà còn mang tính ứng dụng rộng rãi, có thể được coi là bài học kinh nghiệm quý báu cho việc cải tổ chính quyền đô thị ở các tỉnh thành khác tại Việt Nam. Những kết luận này, do đó, không chỉ có giá trị với Bình Dương mà còn có ý nghĩa phổ biến, góp phần vào công cuộc cải cách hành chính và tăng cường hiệu quả quản lý đô thị trên toàn quốc. Cụ thể luận án đã giải quyết những nhiệm vụ nghiên cứu mà đề tài đặt ra dưới góc độ chính trị học. Đó là:

1. Luận án đã làm sáng tỏ khái niệm, vị trí, đặc điểm, tính chất và chức năng của chính quyền địa phương, chính quyền đô thị, xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả với những tiêu chí cụ thể. Đây là một trong những vấn đề lý luận quan trọng, giải mã vấn đề mô hình tổ chức cũng như cơ chế hoạt động của các cơ quan chính quyền đô thị.

2. Sự phong phú, đa dạng của các nguyên tắc tổ chức, xây dựng mô hình chính quyền đô thị trên thế giới cũng như các địa phương tại Việt Nam thể hiện tính chất linh hoạt, phù hợp với những điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội khác nhau của từng địa phương, từng quốc gia. Tuy nhiên, xu hướng chung của các quốc gia trên thế giới là tiến đến xây dựng một mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Qua phân tích các nguyên tắc, đặc điểm, mục tiêu của các mô hình trên thế giới, luận án đã khái quát những đặc điểm chung và bài học kinh nghiệm trong quá trình xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam nói chung, ở tỉnh Bình Dương nói riêng.

3. Luận án đã mô tả tổ chức và hoạt động của các cơ quan chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam nói chung, ở tỉnh Bình Dương nói riêng theo quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời khảo sát, đánh giá thực trạng, phân tích những ưu điểm cũng như những bất cập trong từng vấn

đề của công tác này. Việc đánh giá dựa trên cơ sở tính chất, chức năng nhiệm vụ và những tiêu chí đánh giá đã được xác định ở Chương 2.

4. Từ thực trạng công tác xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh Bình Dương hiện nay, luận án đã xác định các điểm đạt được cũng như những vấn đề còn bất cập, hạn chế trong quá trình xây dựng chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở tỉnh Bình Dương hiện nay. Bên cạnh đó, từ yêu cầu thực tiễn nói chung về công tác xây dựng chính quyền đô thị ở nước ta, dựa trên quan điểm, đường lối của Đảng cùng điều kiện chính trị, kinh tế- xã hội cụ thể, tác giả tiến hành đề xuất các quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương trong giai đoạn tiếp theo. Trong đó, các quan điểm, giải pháp đưa ra sao cho nhiệm vụ xây dựng mô hình chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương phù hợp với địa bàn của tỉnh; hướng tới mô hình tổ chức hợp lý, chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức hoạt động phù hợp với thực tiễn tỉnh Bình Dương để phục vụ tốt hơn cho người dân trên địa bàn, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành xã hội của các cấp quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Vấn đề xây dựng chính quyền đô thị trên địa bàn các tỉnh ở Việt Nam theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả cần được nghiên cứu sâu hơn, phát triển cụ thể hơn ở nhiều nội dung mà luận án chỉ mới dừng lại ở mức độ phác thảo. Trong đó cần tập trung nghiên cứu sâu hơn các vấn đề sau:

- Tỉnh uỷ, HĐND cần có quyết tâm cao trong chuyển đổi mô hình tổ chức chính quyền ở các đô thị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả
- Xác định mô hình và thống nhất áp dụng mô hình tổ chức bộ máy chính quyền cụ thể cho các đô thị cấp tỉnh;
- Tiếp tục hoàn thiện thể chế về phân quyền, phân cấp giữa chính quyền địa phương với chính quyền các đô thị trực thuộc;
- Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả vận hành;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp các cơ quan chức năng tổ chức tư vấn, sơ kết và tổng kết kinh nghiệm, hoàn thiện bộ máy chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả;

Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ với nhau. Ở mỗi biện pháp cũng đã đề cập được cơ sở đề ra biện pháp, mục tiêu của biện pháp và cách thức tổ chức thực hiện để đạt được hiệu quả.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Quản trị địa phương trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (11), tr.37-42.
2. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội thành phố Hồ Chí Minh*, (285), tr.15-25.
3. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng chính quyền đô thị ở Mỹ và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, (01), tr.107-110.
4. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng đô thị thông minh ở Bình Dương hiện nay - thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (12), tr.147-152.
5. Nguyễn Thế Vinh (2023), “Xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hướng đến sự phát triển ổn định, bền vững”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (334), tr.42-46.
6. Nguyễn Thế Vinh (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền địa phương ở đô thị”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/01/09/van-dung-tu-tuong-ho-chi-minh-trong-xay-dung-chinh-quyen-dia-phuong-o-do-thi/>.
7. Nguyễn Thế Vinh (2024), “Xây dựng chính quyền điện tử phiên bản 2.0 - động lực phát triển đô thị thông minh của tỉnh Bình Dương”, *Tạp chí Nghiên cứu dân tộc*, (13), tr.142-147.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Việt Anh (2018), “Hà Nội xây dựng mô hình chính quyền đô thị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, *Tạp chí Cộng sản*, (11).
2. Nguyễn Thị Quế Anh, Vũ Công Giao, Vũ Ngọc Anh, Nguyễn Thị Minh Hà (2019), *Chính phủ mở, Chính phủ điện tử và Quản trị nhà nước hiện đại*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.
3. Trần Thị Lan Anh (2022), *Phát triển đô thị Việt Nam - những vấn đề đặt ra trong giai đoạn tới*. Công Thông tin điện tử Bộ Xây dựng, ngày 16/11/2022.
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2007), *Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa X) về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN*, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), *Nghị quyết số 18-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 về “Một số vấn đề về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022), *Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 Kết luận của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2023), *Kết luận số 50-KL/TW, ngày 28/02/2023 Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy*, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương (2021), *Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021, của, về “thi hành Điều lệ Đảng”*, Hà Nội.
9. Bộ Chính trị (2015), *Nghị quyết 39-NQ/TW của về “Tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”*, Hà Nội.
10. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về “Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”*, Hà Nội.

11. Bộ Xây dựng (2008), *Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD, ngày 03/4/2008 về việc ban hành “quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”*, Hà Nội.
12. Bộ Xây dựng (2023), *Bình Dương đang là một trong những địa phương tiên phong trong việc phát triển đô thị thông minh*. Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng, ngày 14/12/2023.
13. Nguyễn Văn Bình (2019), *Chủ trương chính sách của Việt Nam chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4*, Hà Nội.
14. Đỗ Bang (2014), *Đô thị Thừa Thiên Huế - Tiến trình phát triển và giải pháp quy hoạch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Báo Nhân dân (2024), *6 tháng đầu năm 2024: Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,27%*, Trang Thông tin điện tử Báo Nhân dân, ngày 29/06/2024.
16. Cục Thống kê Bình Dương (2022), *Niên giám thống kê tỉnh Bình Dương từ năm 2018 - 2022*, Bình Dương.
17. Phạm Ngọc Côn (1999), *Kinh tế học đô thị*, Nxb khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.
18. Vũ Hoàng Công (2020), *Thực trạng thí điểm hợp nhất một số cơ quan đảng, nhà nước và một số chức danh đảng, chính quyền cấp tỉnh, huyện ở nước ta hiện nay*, Nxb Lý luận Chính trị, Hà Nội.
19. Võ Kim Cương (2002), *Chính sách đô thị - tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị*. Nxb Xây dựng, Hà Nội .
20. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030*, Hà Nội.
21. Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam*, Hà Nội.
22. Phạm Di (2021), *Quản lý đô thị và quản trị thành phố thông minh*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
23. Lê Ngọc Duy (2021), “Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (9).

24. Nguyễn Đăng Dung (1997), *Tổ chức chính quyền nhà nước ở địa phương*, Nxb Đồng Nai, Đồng Nai.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Đảng bộ Tỉnh Bình Dương (2020), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ IX*, Bình Dương.
28. Đảng ủy phường Tân Hiệp (2021), *Báo cáo số 320-BC/ĐU về Tổng kết Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị Phường Tân Hiệp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII*, Bình Dương.
29. Đảng ủy phường Tân Hiệp (2023), *Báo cáo số 472-BC/ĐU về Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số năm 2023*, Bình Dương.
30. Đảng ủy thị trấn Tân Bình (2021), *Báo cáo số 217-BC/ĐU về Tổng kết Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thị trấn Tân Bình tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII*, Bình Dương.
31. Đảng ủy thị trấn Tân Bình (2023), *Báo cáo số 521-BC/ĐU về Kết quả thực hiện công tác chuyển đổi số năm 2023*, Bình Dương.
32. Địa chí Bình Dương (2010), *Địa chí Bình Dương, Tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
33. Nguyễn Văn Đại (2021), *Nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương cấp xã ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Bùi Xuân Đức (2000), “Một số vấn đề cần hoàn thiện trong tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân các cấp”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (7).
35. Đỗ Xuân Đông (1996), *Đổi mới tổ chức bộ máy hành chính đô thị trong cải cách nền hành chính quốc gia hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội.
36. Nguyễn Hữu Đoàn (2003), *Giáo trình quản lý đô thị của trường Đại học Kinh tế quốc dân*, Nxb Thống kê, Hà Nội.

37. Nguyễn Việt Định (2020), “Di dân từ nông thôn đến thành thị - Một số khuyến nghị chính sách”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (12).
38. Lê Cẩm Hà (2018), “Chính Quyền Đô thị ở Việt Nam - Từ góc độ thực tiễn quản lý”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (9).
39. Lê Thị Hà (2023), “Nâng cao vai trò của tổ chức Đảng các cấp trong thực hiện thí điểm chính quyền đô thị ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, (6).
40. Trương Thị Hồng Hà (2017), *Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
41. Tô Tử Hạ, Nguyễn Hữu Trị và Nguyễn Hữu Đức (1998), *Cải cách hành chính địa phương - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Long Hồ (2018), “Thành phố Hồ Chí Minh: Chính quyền đô thị được tiến hành khẩn trương, tinh gọn, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả hoạt động”, *Trang tin Điện tử Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh*.
43. Hội đồng đánh giá Chỉ số Cải cách hành chính tỉnh Bình Dương (2024), *Báo cáo số 49/BC-HĐĐG về việc Tóm tắt kết quả Chỉ số Cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
44. Thảm Vinh Hoa (2006), *Nghiên cứu chính quyền địa phương Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội Văn Hiến, Hà Nội.
45. Tô Văn Hòa (2023), “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền thành phố Thủ Đức trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (01).
46. Trần Phương Hoa (2023), “Thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội - Kết quả bước đầu và nhiệm vụ trong thời gian tới”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (5).
47. Nguyễn Việt Huy, Nguyễn Quốc Thông và Vũ Thị Hương Lan (2023). “Một vài nghiên cứu về kinh nghiệm phát triển đô thị thích ứng với các yếu tố bản địa”, *Tạp chí Kiến trúc*, (5).
48. Lương Thị Thu Hương (2022), “Sự tham gia của người dân Thành phố Hồ Chí Minh vào quy trình ngân sách nhà nước trong bối cảnh áp dụng mô hình chính quyền đô thị”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (3).
49. Nguyễn Minh Hòa (2012), *Đô thị học - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

50. Võ Trí Hào (2023), *Hội thảo về chính quyền đô thị ở TP.HCM*, ngày 03/11/2023
51. Hội đồng đánh giá Chỉ số Cải cách hành chính (2024), *Báo cáo số 49/BC-HĐĐG về việc Tóm tắt kết quả Chỉ số Cải cách hành chính năm 2023 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
52. Đỗ Thị Hiện (2021), “Mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*.
53. Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Việt Long (2021), *Thành phố thông minh - Những vấn đề lý thuyết và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
54. Nguyễn Ngọc Hiến (2021), *Nghiên cứu các giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh cải cách hành chính ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Nội vụ, Hà Nội.
55. Đặng Xuân Hoan (2019), “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (10).
56. Nguyễn Hữu Hoàn (2009), *Vận dụng phương pháp phân tích đa tiêu chí đánh giá mức độ đô thị hoá nhằm góp phần xây dựng các quan điểm phát triển đô thị ở Việt Nam đến năm 2020, lấy Hà Nội làm ví dụ*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
57. Nguyễn Thị Hường (2023), “Hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH đất nước”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (7).
58. Lê Thị Thu Hường (2022), *Tổ chức bộ máy chính quyền đô thị ở các thành phố lớn ở Việt Nam*, *Tạp chí Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, (8).
59. Nguyễn Thị Thanh Huyền (2019), *Tinh gọn tổ chức bộ máy nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
60. Nguyễn Thị Hoàng (2017), “Tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị một số nước”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (3).
61. Jay M.Shafritz (2002), *Tự điển về Chính quyền và Chính trị*, Hà Nội, Hoa Kỳ, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

62. Trung Kiên (2022), “Bình Dương: Đề xuất cơ chế đặc thù để phát triển kinh tế”, *Tạp chí điện tử của Bộ Xây dựng*.
63. Đào Thị Thanh Lam (2020), *Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến việc quản lý và sử dụng đất*, Luận văn thạc sĩ quản lý công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
64. Hồ Huệ Lâm, Trần Hân, Vương Phương Hoa (2011), *Nghiên cứu văn hóa đô thị Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
65. Vũ Trọng Lâm - Nguyễn Thị Diễm Hằng (2021), “Phát triển đô thị ở Việt Nam hướng tới mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, *Tạp chí Cộng sản (online)*.
66. Hoàng Xuân Lâm (2023), “Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý đô thị ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (01).
67. Phạm Tiến Luật (2022), *Chính quyền đô thị thông minh cấp tỉnh tại Việt Nam giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện hành chính quốc gia, Hà Nội.
68. Nguyễn Tô Lăng (2017), *Quản lý đô thị ở các nước đang phát triển*, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
69. Nguyễn Duy Lợi (2020), *Thể chế vượt trội để phát triển vùng - Kinh nghiệm Hàn Quốc, Trung Quốc, Pháp, Canada và đề xuất chính sách cho Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
70. Phùng Trọng Lượng (2015), *Một số nét về chính quyền đô thị của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và đề xuất cải cách của giới học giả*, tại trang <http://isos.gov.vn/>.
71. Nguyễn Thị Hoa Mai (2014), *Nhận diện những thách thức tăng trưởng của đô thị Bình Dương*, Luận văn thạc sĩ chính sách công, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
72. Đinh Văn Mậu và Phạm Hồng Thái (2001), “Vài nét về nền hành chính Việt Nam từ Cách mạng tháng tám đến nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (10).
73. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
74. Phạm Quang Minh, Nguyễn Văn Sửu, Ien Ang, Gay Hawkins (2016), *Toàn cầu*

- hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam đương đại*, Nxb Tri thức, Hà Nội.
75. Đặng Tiểu Minh, Lý Nghiệp Hưng (2004), *Chính quyền địa phương và quản trị thất nghiệp (地方政府与失业治理)*, Nxb Khoa học xã hội Trung Quốc.
 76. Nguyễn Văn Minh (2018), “Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phân cấp giữa chính quyền đô thị và chính quyền địa phương”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (5).
 77. Ngân hàng thế giới (2005), *Phân cấp ở Đông Á - để chính quyền địa phương phát huy tác dụng*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
 78. Tiêu Thị Trang Ngân và Nguyễn Minh Hưng (2023), “Tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh: thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Công thương*, (2).
 79. Đỗ Văn Nhân, Võ Văn Lợi (2017), *Quản lý nhà nước đối với đất đô thị của thành phố Đà Nẵng*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
 80. Trần Thị Diệu Oanh (2013), *Về tác động của phân cấp quản lý đến địa vị pháp lý của chính quyền địa phương trong đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 81. Hoàng Phê (chủ biên) (2000), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học, Hà Nội - Đà Nẵng.
 82. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2022), *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam năm 2021, 2022*, Hà Nội.
 83. Nguyễn Thị Liên Phương (2023), *Phương hướng, giải pháp xây dựng mô hình tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hồ Chí Minh hiện nay* Luận án tiến sĩ chuyên ngành chính trị học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
 84. Nguyễn Thị Phụng (2018), *Quản trị địa phương từ lý thuyết đến thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 85. Quách Thị Minh Phượng (2020), *Chính quyền đô thị ở một số quốc gia trên thế giới và những kinh nghiệm đối với Việt Nam*, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
 86. Quốc hội (2008), *Nghị quyết số 26/2008/QH12*, Hà Nội.
 87. Quốc hội (2009), *Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12*, Hà Nội.
 88. Quốc hội (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Hà Nội.

89. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015*, Hà Nội.
90. Quốc hội (2019), *Nghị quyết số 97/2019/QH14 về tổ chức thí điểm chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội*, Hà Nội.
91. Quốc hội (2020), *Nghị quyết số 131/2020/QH14 về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
92. Sở Nội vụ Bình Dương (2020), *Báo cáo số 39/BC-SNV Phân tích kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2019 (PAPI 2019) của tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
93. Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương (2020), *Văn bản số 395/SNV-XDCQ-CCHC-CTTN, ngày 10/7/2020 báo cáo về đô thị hóa và phát triển đô thị ở tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
94. Sở Nội vụ Bình Dương (2021), *Báo cáo số 31/BC-SNV Phân tích kết quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh năm 2020 (PAPI 2020) của tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
95. Sở Nội vụ Bình Dương (2022), *Báo cáo số 70/BC-SNV Đánh giá, phân tích kết quả Chỉ số Cải cách hành chính tỉnh Bình Dương năm 2021 (Par Index 2021)*, Bình Dương.
96. Sở Nội vụ Bình Dương (2024), *Báo cáo số 48/BC-SNV Kết quả Chỉ số HÀi lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Dương năm 2023 (SIPAS tỉnh Bình Dương)*, Bình Dương.
97. Sở Nội vụ (2022), *Báo cáo số lượng chất lượng cán bộ, công chức phường, thị trấn năm 2022*, Bình Dương.
98. Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Dương (2020), *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương 2015 - 2020*, Bình Dương.
99. Hồ Tấn Sáng và Mai Thị Hồng Liên (2018), “Tổ chức bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam - Yêu cầu và giải pháp”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (8).
100. Lâm Quang Sinh (2022), “Xây dựng chính quyền đô thị trong công cuộc cải cách thể chế hành chính”, *Tạp chí Công thương*, (3).
101. Tô Tử Tạ, Nguyễn Hữu Trị và Nguyễn Hữu Đức (2018), *Cải cách hành chính*

- địa phương - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
102. Tỉnh ủy Bình Dương (2018), *Quyết định số 711-QĐ/TU, ngày 11/5/2018 về phê duyệt đề án sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết 18-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII*, Bình Dương.
 103. Tỉnh ủy Bình Dương (2020), *Báo cáo số 456-BC/TU, ngày 24/7/2020 báo cáo về đô thị hóa và phát triển đô thị của tỉnh Bình Dương*, Bình Dương.
 104. Tỉnh ủy Bình Dương (2020), *Báo cáo số 438-BC/TU Tổng kết Chương trình số 22-CTr/TU, ngày 15/8/2016 về phát triển đô thị theo hướng văn minh, giàu đẹp và nâng cao chất lượng sống của nhân dân gắn với sơ kết Đề án xây dựng thành phố thông minh Bình Dương đến năm 2020*, Bình Dương.
 105. Tỉnh ủy Bình Dương (2021), *Tổng hợp từ Báo cáo số 726-BC/TU (Tỉnh ủy Bình Dương)*, Bình Dương.
 106. Tỉnh ủy Bình Dương (2023), *Báo cáo số 291-BC/TU về Tổng kết Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; triển khai thực hiện Thông báo số 16-TB/TW, ngày 07/7/2022 của Bộ Chính trị; Kết luận số 50-KL/TW, ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị và định hướng mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương trong thời gian tới*, Bình Dương.
 107. Tỉnh ủy Bình Dương (2023), *Báo cáo số 340 -BC/TU Sơ kết thực hiện Chương trình số 19-CTr/TU ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tỉnh ủy về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, Bình Dương.
 108. Thành ủy Thủ Dầu Một (2021), *Báo cáo số 86-BC/TU về Tổng kết Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thành phố Thủ Dầu Một tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII (Đề án 605). Báo cáo số 86-BC/TU*, Bình Dương.

109. Thị ủy Tân Uyên (2021), *Báo cáo số 283-BC/TU về Tổng kết việc thực hiện Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thị xã Tân Uyên tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XII*, Bình Dương.
110. Thành ủy Thủ Dầu Một (2023), *Báo cáo số 416-BC/TU về Kết quả triển khai Chương trình số 37-CTr/TU, ngày 26/01/2022 của BTV Thành ủy Thủ Dầu Một về việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu xây dựng thành phố Thủ Dầu Một phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*, Bình Dương.
111. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 28-KL/TW về xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ*, Hà Nội.
112. Thủ tướng Chính phủ (2024), *Quyết định số 891/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Bình Dương.
113. Lê Anh Tuấn (2020), “Thực trạng và giải pháp xây dựng hiệu quả chính quyền đô thị ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (5).
114. Phạm Hồng Thái (2003), *Thiết lập mô hình tổ chức chính quyền đô thị*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Nội vụ, Mã số 2001-54-057, Hà Nội.
115. Thái Vĩnh Thắng (2017), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động của HĐND địa phương, (Góp phần sửa đổi chế định HĐND trong Hiến pháp 1992)*, tập 2, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
116. Nguyễn Duy Thăng (2018), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị trực thuộc trung ương ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, (9).
117. Trần Văn Thiện và Phạm Kiên (2021), “Phát triển Đô thị thông minh ở Bình Dương - Một điển hình tham khảo”, *Tạp chí Công Thương*, (15).
118. Lê Sỹ Thiệp (1996), *Đổi mới thể chế và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, Bộ Nội vụ, Hà Nội.
119. Lê Minh Thông (1999), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân

- dân và Ủy ban nhân dân các cấp”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (6).
120. Lê Minh Thông (2008), "Cải cách tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương đáp ứng các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân", *Tạp chí Quản lý nhà nước*, (5).
 121. Lê Minh Thông (2014), *Xây dựng mô hình chính quyền đô thị ở nước ta hiện nay - Cơ sở lý luận và thực tiễn*, Đề tài khoa học cấp bộ, Bộ Nội vụ, Hà Nội.
 122. Vũ Thư (2019), *Tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 123. Nguyễn Thị Thủy (2020), “Định hướng xây dựng chính quyền đô thị ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Chính trị*, (8).
 124. Bùi Phương Thảo (2023), “Tăng cường hoạt động giám sát của hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện thực hiện chính quyền đô thị”, *Tạp chí Khoa học chính trị*, (4).
 125. Vũ Thư (2019), *Tổ chức quyền lực nhà nước ở địa phương*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 126. Vũ Xuân Thủy (2023), “Triển khai thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng - Kết quả bước đầu và giải pháp trong thời gian tới”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, (3).
 127. Nguyễn Trọng Thừa (2022), *Xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân*, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
 128. Phạm Thị Thanh Trà (2020), “Xây dựng nền hành chính Nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (1+2).
 129. Phạm Thị Thanh Trà (2021), *Tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*, Cổng thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông.
 130. Nguyễn Phú Trọng (2021), *Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Phiên họp đầu tiên của Chính phủ nhiệm kỳ 2021-2026*, Hà Nội.
 131. An Trân (2020), “Tinh gọn, hiệu quả từ chính quyền đô thị”, *Báo Nhân Dân*, (9).
 132. Tôn Nữ Quỳnh Trân, Nguyễn Văn Hiệp (2015), *20 năm đô thị hóa Nam bộ - Lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

133. Trung tâm từ điển học (2008), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
134. Đào Trí Úc (2010), *Mô hình tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở nước ta trong thời kỳ công nghiệp, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
135. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2016), *Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH* ngày 25/5/2016, Hà Nội.
136. UBND tỉnh Bình Dương (2012), *Quyết định số 1064/QĐ-UBND*, ngày 20/4/2012 về việc phân loại đơn vị hành chính các xã, phường, thị trấn tỉnh Bình Dương, Bình Dương.
137. UBND tỉnh Bình Dương (2020), *Báo cáo số 320/BC-UBND Công tác cải cách hành chính năm 2020 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2021*, Bình Dương.
138. UBND tỉnh Bình Dương (2023), *Báo cáo số 402/BC-UBND Công tác cải cách hành chính năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024*, Bình Dương.
139. UBND tỉnh Bình Dương (2024), *Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh bình dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Bình Dương.
140. UBND tỉnh Bình Dương (2024), *Báo cáo số 201-BC/UBND về Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng đầu năm và những nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024*, Bình Dương.
141. UBND tỉnh Bình Dương (2024), *Báo cáo số 377/BC-UBND Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2024, phương hướng, nhiệm vụ 2025*, Bình Dương.
142. UBND Thành phố Thủ Dầu Một (2023), *Báo cáo số 424/BC-UBND Sơ kết 01 năm thực hiện Chương trình số 57-CTr/TU ngày 11/11/2022 của Thành ủy Thủ Dầu Một về thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 19/5/2022 Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một*, Bình Dương
143. UBND Thành phố Thủ Dầu Một (2023), *Báo cáo số 458-BC/UBND về Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 2024*, Bình Dương.
144. UBND thành phố Thủ Dầu Một (2024), *Báo cáo số 189/BC-UBND Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ 2024*, Bình Dương.

145. Nguyễn Thế Vinh (2022), “Xây dựng chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội*, (5).
146. Nguyễn Thế Vinh (2024), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền đô thị”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (1).
147. Viện Khoa học Tổ chức Nhà nước - Bộ Nội vụ (2015), *Đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Nội vụ, Hà Nội.
148. Viện Nghiên cứu hành chính – Học viện Hành chính Quốc gia (2002), Sđd.
149. Website UBND tỉnh Bình Dương: binhduong.gov.vn
150. Website Chỉ số hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh tại Việt Nam: <https://papi.org.vn/ho-so-tinh/?tinh=binh-duong>
151. Website pcivietnam.vn: <https://pcivietnam.vn/> <https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/binh-duong>
152. Website Vov.vn (2025). *Tổng Bí thư Tô Lâm: Kết quả sắp xếp tinh gọn bộ máy vừa qua mới chỉ bước đầu*, tại trang: <https://vov.vn/chinh-tri/tong-bi-thu-to-lam-ket-qua-sap-xep-tinh-gon-bo-may-vua-qua-moi-chi-buoc-dau-post1150216.vov>, [truy cập ngày 9/12/2024].
153. Website: Binhduong.gov.vn. <https://www.binhduong.gov.vn/thong-tin-tuyen-truyen/2024/04/154-binh-duong-tang-11-bac-ve-chi-so-cai-cach-hanh-chin>, [truy cập ngày 7/11/2024].

Tiếng Anh

154. Amin, Ash, và Nigel Thrift (2012), *Reimagining the urban Các thành phố: Tạo phong cách mới cho đô thị*, Cambridge, U.K.: Polity.,
155. ADB (2010), *Why is Access to basic Services is Not Inclusive ?* Guanghua Wan and Ruth.
156. Berkeley (1987), *Urban Fortunes*, University of California Press.
157. Brenner, Neil, David J. Madden và David Wachsmuth (2010), “Đô thị học về hiện tượng tụ tập và các thách thức của lý thuyết chủ chốt về đô thị”, *Tạp chí Thành phố (City)*, 15, no. 2: 225 - 40., 2010.
158. Brenner, Neil và Christian Schmid (2012), “Planetary urbanization,” in Matthew Gandy ed., *Urban Constellations*. Berlin: Jovis, 2012, 10-13.,

159. Bernd Stöver, Berlin (2013), “A Short History, C.H. Beck”, p. 20, ISBN 978-3-406-65633-0.
160. Carlos Nunes Silva (2017), *Local and Urban Governance*.
161. Curtis H. Wood (2005), *The Nature of Metropolitan Governance in Urban America: A Study of Cooperation, Conflict, and Avoidance in the Kansas City Region*. Bài viết này được trình bày tại Hội nghị Tạo dựng Cộng đồng Hợp tác được tổ chức tại Đại học Bang Wayne, Detroit, MI, từ ngày 31 tháng 10 đến ngày 1 tháng 11 năm 2005.
162. Carlos Nunes Silva (2024), *Local Government and Governance in Germany*.
163. Carlos Nunes Silva (2024), *Urban Governance in Southeast Asia*.
164. Frank Staniszewski (2007), *Ideology and practice in municipal government reform: A case study of Austin (Studies in politics / University of Texas at Austin. Series I: Studies in urban political economy)*.
165. Houbing Song, Ravi S. Srinivasan, Tamim I. Sookoor, Sabina Jeschke (2018), *Smart Cities: Foundations, Principles, and Applications*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
166. Hongshan Yang (2021), *Urban Governance in Transition*.
167. J. Sharpe, ed (1995), *The Government of World Cities: The Future of the MetroModel*, New York: John Wiley and Sons.
168. Jiejing Wang (2020), *Urban government capacity and economic performance: An analysis of Chinese cities*.
169. James E. Rauch (1995), *Evidence from US Cities During the Progressive Era* tại trang http://econweb.ucsd.edu/~jrauch/pdfs/AER_Sept_1995.pdf,
170. J. Logan và H. Molotch, *Urban Fortunes*, Berkeley (1987), *University of California Press*.
171. Kathy Hayes, Semoon Chang (1990), “The Relative Efficiency of City Manager and Mayor-Council Forms of Government”, *Southern Economic Journal*, 57 (1), p. 167-177, DOI: 10.2307/1060487. JSTOR 1060487.
172. Kris Hartley, Glen Kuecker, Michael Waschak, Jun Jie Woo, Charles Chao Rong Phua (2020), *Governing Cities: Asia's Urban Transformation (Routledge Advances in Regional Economics, Science and Policy)*.

173. L. J. Sharpe, ed (1995), *The Government of World Cities: The Future of the MetroModel*, (New York: John Wiley and Sons, 1995).
174. Li Hezhong (2012), *Studying the structure and size of local government in China, Beijing*, Science Publishing House.
175. Metropolitan (1998), *Metropolitan Governance and Planning in Transition, Asia - Pacific cases - UNCRD&NCUA*.
176. Mike Barlow và Cornelia Lévy-Bencheton (2020), *Smart cities, smart future*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
177. Newton (1984), “Urban System Theory, and Urban Policy and Expenditures in England and Wales”, *European Journal of Political Research*, Volume 12, Issue 4, pages 357-369.
178. Neil Brenner and Christian Schmid (2012), “Planetary urbanization,” in *Matthew Gandy ed, Urban Constellations*. Berlin: Jovis, 10-13.
179. Peter B. Lewis (2012), “Arthur Schopenhauer”, *Reaktion Books*. p. 57, ISBN 978-1-78023-069-6., 2012.
180. Simon Parker (2015), “Urban Theory and the Urban Experience: Encountering the city”, *University Oxford press*.
181. Simon Parker (2015), “Urban Theory and the Urban Experience: Encountering the city”, *University Oxford press*.,
182. Seeing Like a City by Ash Amin, Nigel Thrift (2018), *Urban Studies*, Vol. 55, No. 4, pp. 938-940
183. Tan Yigitcanlar, J. Corchado, Rashid Mehmood, R. Li, K. Mossberger, K. Desouza (2021), *Responsible Urban Innovation with Local Government Artificial Intelligence (AI): A Conceptual Framework and Research Agenda*.
184. Wirth, Louis (2011), *Đô thị hóa như một cách sống, in trong Các tiểu luận kinh điển về văn hóa của các thành phố*, Richard Sennett biên soạn, 143 - 64. Englewood Cliffs, N.J.: Prentice- Hall.
185. W. Paul Strassmann (2009), “The Strassmanns: Science, Politics and Migration in Turbulent Times (1793 - 1993)”, *Berghahn Books*, p. 26, ISBN 978-1-84545-416.

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
SỐ LIỆU CÁC BẢNG BIỂU KHẢO SÁT

**Bảng 3.8. Các đơn vị hành chính thuộc tỉnh Bình Dương hiện có tính đến ngày
01/3/2024 phân theo huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh**

STT	Đơn vị HC	Dân số (người)	Diện tích (km ²)	Mật độ dân số	Số đơn vị hành chính	Năm thành lập	Loại đô thị
1	Thành phố Thủ Dầu Một	336.705	118,67	2.832	14 phường	2012	I
2	Thành phố Dĩ An	463.023	60,1	7.711	7 phường	2020	II
3	Thành phố Thuận An	618.984	83,71	7.394	9 phường, 1 xã	2020	III
4	Thành phố Tân Uyên	466.053	191,76	2.430	10 phường, 2 xã	2023	III
5	Thành phố Bến Cát	355.663	234,35	1.518	7 phường, 1 xã	2024	III
6	Huyện Dầu Tiếng	130.813	719,84	181	1 thị trấn, 11 xã	1999	V
7	Huyện Phú Giáo	95.433	543	176	1 thị trấn, 10 xã	1999	V
8	Huyện Bàu Bàng	114.396	399,15	337	1 thị trấn, 6 xã	2013	V
9	Huyện Bắc Tân Uyên	87.532	400,08	220	2 thị trấn, 8 xã	2013	V

*Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tỉnh bình dương thời kỳ 2021-
2030, tầm nhìn đến năm 2050 [139]*

**Bảng 3.9. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân thành phố và huyện của tỉnh
Bình Dương**

TT	Cơ cấu tổ chức	Các thành phố	Các huyện
1	Các phòng trực thuộc	Văn phòng Ủy ban nhân dân - Hội đồng nhân dân; Phòng Tài chính - Kế hoạch; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Quản lý Đô thị; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Y tế; Phòng Thanh tra	Văn phòng Ủy ban nhân dân - Hội đồng nhân dân; Phòng Tài chính Kế hoạch; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Phòng Kinh tế; Phòng Văn hóa - Thông tin; Phòng Nội vụ; Phòng Tư pháp; Phòng Y tế; Phòng Thanh tra
2	Đơn vị sự nghiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Văn hóa - Thể thao; Đài Truyền thanh; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng; Trung tâm Phát triển quỹ đất; Trung tâm Văn hóa - Thể thao; Đài Truyền thanh; Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ website UBND tỉnh Bình Dương [149].

Bảng 3.10: Kết quả điểm đạt được theo từng lĩnh vực của Chỉ số cải cách hành chính các đô thị

NĂM 2023					
Đơn vị Lĩnh vực	Thành phố Thủ Đầu Mộc	Thành phố Tân Uyên	Thành phố Bến Cát	Thành phố Dĩ An	Thành phố Thuận An
Chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính (tự đánh giá tối đa 12 điểm)	12.00	12.00	12.00	12.00	12.00
Cải cách thể chế (tự đánh giá tối đa 5.5 điểm)	5.50	5.50	5.50	5.50	5.50
Cải cách thủ tục hành chính (tự đánh giá tối đa 8 điểm)	8.00	7.10	8.00	8.00	7.70
Cải cách bộ máy hành chính nhà nước (tự đánh giá tối đa 6 điểm)	6.00	6.00	6.00	6.00	5.85
Cải cách chế độ công vụ (tự đánh giá tối đa 8 điểm)	8.00	7.50	7.25	7.25	7.50
Cải cách tài chính công (tự đánh giá tối đa 5 điểm)	5.00	4.25	4.10	4.50	4.35
Chính quyền số, chính quyền điện tử (tự đánh giá tối đa 9.5 điểm)	8.50	6.57	7.48	8.35	7.40
Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông (tự đánh giá tối đa 9 điểm)	8.96	8.06	7.58	8.83	6.43
Tác động cải cách hành chính (tối đa 15 điểm)	12.74	14.58	13.95	13.14	11.82

Nguồn: Tác giả tổng hợp Báo cáo số 49/BC-HĐĐG Chỉ số Cải cách hành chính năm 2023 [51]

PHỤ LỤC 2
PHỤ LỤC KẾT QUẢ TỔNG HỢP KHẢO SÁT TIÊU CHÍ CỦA
CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ

Phụ lục 1. Đánh giá mức độ phục vụ các dịch vụ công của CHÍNH QUYỀN ĐÔ
THỊ tỉnh Bình Dương

STT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Tiêu chuẩn đạt được	Đánh giá
		Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn tối đa		
1.	Diện tích sàn nhà ở bình quân (m ² sàn/ người)	26,5	>29	26,5	Đạt tối thiểu
2.	Tỷ lệ nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố cho khu vực nội thị (%)	90	>95	95,2	Đạt tối đa
3.	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m ² /người)	4	>5	11,96	Đạt tối đa
4.	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/1000 dân)	2,4	>2,8	23	Đạt tối đa
5.	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	20	>30	86	Đạt tối đa
6.	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	10	> 14	44	Đạt tối đa
7.	Công trình thể dục, thể thao cấp đô thị (công trình)	7	>10	28	Đạt tối đa
8.	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị (công trình)	10	> 14	14	Đạt tối đa
9.	Mật độ đường trong khu vực nội thị (tính đến đường có chiều rộng đường đo $\geq$ 7,5m). (km/km ²)	10	>13	7,23	Chưa đạt
10.	Diện tích đất giao đô thị thông tính trên dân số (m ² /người)	13	>15	52,99	Đạt tối đa
11.	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng ở đô thị (%)	15	>20	9,2	Chưa đạt
12.	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	95	100	96,8	Đạt tối đa
13.	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	>85	60	54,4	Đạt
14.	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	95	100	100	Đạt tối đa
15.	Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số (%)	95	100	100	Đạt tối đa

16.	Mật độ đường cống thoát nước chính khu vực nội thị (km/km ²)	4	>4,5	6,57	Đạt tối đa
17.	Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy (%)	70	85	100	Đạt tối đa
18.	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định (%)	40	>50	31,6	Chưa đạt
19.	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	90	95	>95	Đạt tối đa
20.	Tỷ lệ chất thải sinh hoạt được xử lý (chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác) (%)	80	90	100	Đạt tối đa
21.	Nhà tang lễ (cơ sở)	2	4	3	Đạt
22.	Đất cây xanh đô thị (m ² /người)	10	>15	17,14	Đạt tối đa
23.	Đất cây xanh công cộng (m ² /người)	5	>6	11,26	Đạt tối đa
24.	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị / tổng số đường chính khu vực nội thị (%)	50	>60	43,9	Chưa đạt
25.	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị (khu)	4	>6	27	Đạt tối đa
26.	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	5	>7	31	Đạt tối đa
27.	Trường học (%)	50	>60	83,67	Đạt tối đa
28.	Cơ sở vật chất văn hóa (%)	45	>60	85,71	Đạt tối đa
29.	Nhà ở dân cư (%)	80	90	100	Đạt tối đa
30.	Giao thông	50	>60	87,75	Đạt tối đa
31.	Điện	85	>90	97,96	Đạt tối đa

Nguồn: Từ kết quả tổng hợp Báo cáo số 438-BC/TU của Tỉnh ủy Bình

Dương [104]

Phụ lục 2. Đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội thực hiện năm 2023

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu Nghị quyết 01-NQ/TU nhiệm kỳ 2020-2025	Thực hiện năm 2023
1	Cơ cấu kinh tế về Dịch vụ	%	60,90	60,90
2	Cơ cấu kinh tế về Công nghiệp	%	39,07	39,07
3	Cơ cấu kinh tế về Nông nghiệp	%	0,03	0,03
4	Tăng trưởng kinh tế	%	27,39	27,59
5	Giá trị dịch vụ tăng	%	27,50	27,61
6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng	%	27,68	Tăng 28,03% so với cùng kỳ
7	Giá trị sản xuất công nghiệp tăng	%	27,20	Tăng 27,55 % so với cùng kỳ
8	Thu ngân sách nhà nước đạt	Triệu đồng	8%	11.826.911
9	Chi ngân sách nhà nước đạt	Triệu đồng	8%	4.679, 085
10	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới của tỉnh	%	<1	<1 (0.72%)
11	Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được xử lý	%	≥80	76
12	Tỷ lệ đầu nối nước thải sinh hoạt vào hệ thống thu gom nước thải	%	Không có	90,10
13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	100	99,8
14	Số phường đạt chuẩn văn minh đô thị	phường	9	Không đánh giá trong năm 2023
15	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² /người	39	37
16	Tỷ lệ kéo giảm tội phạm	%	≥3	5,13
17	Tiêu chí về giảm tai nạn giao thông	tiêu chí	3	2/3

Nguồn: Từ kết quả tổng hợp Báo cáo số 458-BC/UBND của UBND Thành phố Thủ Dầu Một [143]

PHỤ LỤC 3 BIÊN BẢN PHỎNG VẤN SÂU

I. Biên bản PVS số 1

Thời gian: ngày 15/12/2023

Đối tượng PV: Ông Nguyễn Văn Sum - Phó Chủ tịch HĐND thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1. Trên cương vị là một lãnh đạo HĐND thành phố Thủ Dầu Một, ông đánh giá như thế nào về hoạt động của HĐND thành phố Thủ Dầu Một hiện nay?

Theo cá nhân tôi thấy thì hiện nay tốc độ đô thị hóa ở tỉnh Bình Dương nói chung và ở thành phố Thủ Dầu Một đang rất nhanh. Cơ cấu tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó có HĐND thành phố cũng như 14 phường trực thuộc cơ bản là hợp lý, đảm bảo cho hoạt động của chính quyền thành phố được thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Với tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, sự điều hành quyết liệt, linh hoạt của UBND thành phố, kinh tế - xã hội của Thủ Dầu Một đã đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực, các chỉ tiêu về kinh tế và thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tiếp tục có sự tăng trưởng so với cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng - thương mại - dịch vụ đều tăng; lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm; quốc phòng - an ninh được giữ vững...

Công tác giám sát của HĐND thành phố phát huy hiệu quả thông qua hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, tăng cường trách nhiệm của UBND thành phố liên quan việc giải quyết những vấn đề tồn tại trong quá trình quản lý, chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội thành phố được nâng cao, thu hút sự quan tâm của đại biểu HĐND và cử tri thành phố.

2. Theo ông hoạt động của HĐND thành phố và các phường trực thuộc đã hoạt động hiệu quả chưa và có những khó khăn, hạn chế nào?

Hiện nay, đối với HĐND ở các đô thị ở tỉnh Bình Dương nói chung và ở Thủ Dầu Một nói riêng, được tổ chức đúng theo Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2015. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động của HĐND các cấp ở đô thị nhận thấy có nhiều bất cập, nhất là trùng lặp chức năng, nhiệm vụ của các tổ đại biểu HĐND cấp thành phố với HĐND cấp xã, phường.

3. Như vậy ông đó đề xuất gì để nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND thành phố và ở cấp phường hiện nay không?

Theo tôi, với CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ xuất phát từ đặc điểm liên thông của đô thị có thể chỉ cần tổ chức một cấp HĐND ở thành phố mà không tổ chức HĐND ở cấp phường nhằm tinh gọn bộ máy và hạn chế trùng lặp chức năng, nhiệm vụ khi

hoạt động. Không tổ chức Hội đồng Nhân dân ở cấp phường là thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tổ chức hợp lý CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG ở Việt Nam trên cơ sở phân biệt rõ đặc điểm đặc thù, sự khác nhau về chức năng nhiệm vụ, quản lý trên hai địa bàn đô thị và nông thôn để chọn mô hình tổ chức và cách thức điều hành, quản lý cho phù hợp.

4. Xin ông cho biết, thành phố Thủ Dầu Một đã thực hiện tinh gọn bộ máy theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW Hội nghị lần thứ 6 BCHTW khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (HTCT) tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả như thế nào trong thời gian qua?

Qua một thời gian triển khai thực hiện tinh giản bộ máy chính quyền thành phố Thủ Dầu Một theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố đảm bảo theo quy định Trung ương, bố trí số lượng cấp phó của các cơ quan, đơn vị phù hợp tình hình thực tế và có giảm so với trước khi thực hiện Đề án (giảm 10), số lượng cán bộ công chức cấp thành phố giảm 38 người, cấp phường giảm 183 người. Thành phố cũng đã đổi mới việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp thành phố thông qua việc tổ chức thi tuyển công khai, minh bạch. Tính đến thời điểm hiện nay, thành phố Thủ Dầu Một cơ bản thực hiện đạt các mục tiêu sắp xếp lại bộ máy chính quyền đã đề ra.

5. Bên cạnh những kết quả đạt được việc thực hiện tinh gọn bộ máy có gặp những khó khăn, hạn chế nào hay không?

Đối với các cơ quan của thành phố đã thực hiện đúng lộ trình tinh giản biên chế và đảm bảo số lượng theo Đề án của Thành ủy Thủ Dầu Một. CÁN BỘ, CÔNG CHỨC các cơ quan đã rất nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, với khối lượng công việc ngày càng nhiều do đặc thù của thành phố là đô thị loại 1, trong khi biên chế ít nên việc thực hiện nhiệm vụ của các CÁN BỘ, CÔNG CHỨC có nhiều khó khăn, nhất là không có thời gian để đầu tư, nghiên cứu và thời gian đi thực tế.

Các phường của thành phố cũng đã rất quyết tâm và thực hiện tốt Đề án tinh giản biên chế, tuy nhiên, sau khi hoàn thành việc sắp xếp đã phát sinh những khó khăn như: một người kiêm nhiều việc dẫn đến việc bị quá tải, phải làm việc ngoài giờ gây ảnh hưởng đến năng suất lao động và cuộc sống gia đình, không có thời gian nghiên cứu, đầu tư sâu cho công việc, khi một nhân sự đi vắng sẽ ảnh hưởng đến 2,3 vị trí công việc; số lượng biên chế còn ít nên việc Quy hoạch cán bộ ở cấp phường không đảm bảo được số lượng theo quy định; việc tạo nguồn cán bộ kế thừa của Đoàn thanh niên phường bị thiếu hụt; việc khoán kinh phí hoạt động theo quy định hiện nay chưa hợp lý, thu nhập của cán bộ công chức không tăng so với trước khi thực hiện Đề án.

II. Biên bản PVS số 2

Thời gian: Ngày 18/12/2023

Đối tượng PV: Ông Phạm Văn Bảy - Phó Chủ tịch UBND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Xin chào ông! Xin ông cho biết một số thông tin về vấn đề xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ ở thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1. Xin cho biết, ông đánh giá như thế nào về hoạt động của UBND thành phố Dĩ An theo Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2019?

Cơ cấu tổ chức của hệ thống chính trị, trong đó có UBND thành phố Dĩ An cũng như 7 phường trực thuộc cơ bản là hợp lý, tuân theo đúng quy định của Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2019, đảm bảo cho hoạt động của chính quyền thành phố được thông suốt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Thành phố Dĩ An đã trở thành đô thị loại II trực thuộc tỉnh Bình Dương, hạ tầng đô thị của thành phố ngày càng khang trang, hiện đại. UBND thành phố đã đẩy mạnh quản lý nhà nước ở ngành, lĩnh vực của địa phương bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội của toàn thành phố, mức thu nhập của người dân đã được cải thiện đáng kể. Dĩ An là một trong những địa phương có bình quân thu nhập đầu người cao trong tỉnh Bình Dương. Khát vọng của Dĩ An trong tương lai là đến cuối năm 2025 hoàn thành các tiêu chí để trở thành đô thị loại I. Nỗ lực hơn nữa để trở thành đô thị năng động, giàu đẹp, văn minh, nghĩa tình, hiện TP Dĩ An đang tập trung thực hiện công tác quy hoạch đô thị. Cơ bản thành phố đã thực hiện xong việc điều chỉnh quy hoạch phát triển đô thị giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Xin ông cho biết, với cơ cấu tổ chức hiện nay, trong quá trình quản lý, điều hành UBND thành phố Dĩ An có gặp những khó khăn, hạn chế nào hay không?

Quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động của UBND các cấp ở đô thị Dĩ An nhận thấy có nhiều bất cập, nhất là trùng lặp chức năng, nhiệm vụ của các phòng chức năng và các đơn vị sự nghiệp; cơ cấu tổ chức giống với các huyện mà chưa thể hiện rõ sự khác nhau giữa chính quyền đô thị và chính quyền nông thôn như Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG đã chỉ ra.

Khối lượng công việc tại các phường khá nhiều, gây áp lực trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công chức phường. Bên cạnh đó, cán bộ, công chức phường ngoài nhiệm vụ chuyên môn phải đảm nhận thêm việc theo dõi các tổ dân phố trong khi chế độ chính sách không thay đổi.

3. Theo ông, cần phải làm gì để khắc phục những khó khăn, hạn chế hiện nay trong cơ cấu tổ chức nhằm đảm bảo cho UBND thành phố Dĩ An hoạt động được hiệu lực, hiệu quả?

Theo tôi thấy, với chính quyền đô thị xuất phát từ đặc điểm liên thông của đô thị có thể đề nghị cấp có thẩm quyền tạo cơ chế để tổ chức chính quyền đô thị theo đặc trưng của đô thị, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp trùng chức năng nhiệm vụ... để bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hiện nay.

Cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của UBND thành phố, UBND phường trong các mô hình CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ và hoàn thiện mô hình tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố theo hướng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn giúp UBND thành phố quản lý các ngành, lĩnh vực ở đô thị như đất đai, xây dựng cơ sở hạ tầng, kiểm soát phát triển đô thị... Điều chỉnh nhiệm vụ của các phòng và tương đương để khắc phục sự chồng chéo chức năng, nhiệm vụ theo hướng chính quyền thành phố tăng cường quản lý theo ngành, lĩnh vực; UBND phường chỉ thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp, ủy quyền của chính quyền cấp trên.

4. Theo ông, yếu tố nào được coi là yếu tố then chốt khi xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ ở thành phố Dĩ An theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả?

Theo tôi, để xây dựng được CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả thì yếu tố ứng dụng CÔNG NGHỆ THÔNG TIN trong quản lý, điều hành ở đô thị là rất quan trọng, là điều kiện cần của nền hành chính thông minh, nhưng mà nói đến yếu tố then chốt quyết định trong việc xây dựng CQTM thì vẫn phải là yếu tố con người. Bởi lẽ là con người mới tạo ra được các thành tựu CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, con người mới có thể ứng dụng được CÔNG NGHỆ THÔNG TIN trong công việc của mình. Đơn giản hơn thì nếu như có CÔNG NGHỆ THÔNG TIN như vậy, nhưng nếu những nhà lãnh đạo không chịu đổi mới tư duy để ứng dụng nó vào trong CCHC thì rõ ràng là một mình CÔNG NGHỆ THÔNG TIN không cũng không thể giải quyết được vấn đề. Mà khi ứng dụng CÔNG NGHỆ THÔNG TIN vào trong công việc rồi mà các cá nhân trong cơ quan, bộ máy ấy lại không có khả năng, năng lực thì rõ ràng là cũng không thể làm được việc.

5. Theo ông, để một chính quyền đô thị hoạt động hiệu lực, hiệu quả thì chính quyền đó phải đảm bảo được các yếu tố gì?

Chính quyền phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, đơn giản hoá các TTHC, cung ứng và tạo điều kiện thuận lợi để người dân và doanh nghiệp tiếp cận với các dịch vụ công.

6. Xin ông cho biết, khi xây dựng thành công CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả người dân sẽ được hưởng lợi như thế nào?

Theo tôi, đem lại lợi ích cho nhân dân là động lực lớn nhất của việc xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ. Trong CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ thì các TTHC sẽ được công khai, minh bạch, thời gian giải quyết công việc cũng sẽ nhanh hơn, công dân được quyền nêu lên quan điểm của mình và hệ thống cán bộ, công chức trong nền chính quyền ấy cũng phải đảm bảo được năng lực làm việc và thái độ, tác phong làm việc. Nói đơn giản thì người dân sẽ được phục vụ giống như những khách hàng, họ có quyền biết được giá cả, họ có quyền đưa ra những nhận xét, đánh giá về chất lượng dịch vụ.

Vâng, rất cảm ơn ông về những trao đổi vừa rồi.

III. Biên bản PVS số 3

Thời gian: Ngày 19/12/2023

Đối tượng PV: Ông Nguyễn Văn Thanh - Phó Chánh Văn phòng của Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương.

Xin chào ông! Xin ông cho biết một số thông tin về công tác sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

1. Xin ông cho biết, sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW Tỉnh ủy Bình Dương đã chỉ đạo triển khai, quán triệt và tổ chức thực hiện như thế nào?

Sau khi ban hành Đề án, Tỉnh ủy đã tổ chức Hội nghị triển khai Đề án (Đề án 711) sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) và việc thực hiện thí điểm mô hình sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An.

Trên cơ sở Đề án 711 của Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tỉnh; các huyện, thị, thành ủy đã chủ động xây dựng kế hoạch, đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế phù hợp với đặc điểm, tình hình của cơ quan, đơn vị, song vẫn đảm bảo yêu cầu chung của tỉnh. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt đến các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý về các nội dung của Đề án để nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận về chủ trương và thống nhất triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

2. Ông đánh giá như thế nào về kết quả triển khai thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Bình Dương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) trong những năm qua?

Xác định việc sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế là yêu cầu nhiệm vụ đặc biệt quan trọng và là quyết tâm rất lớn của cả hệ thống chính trị trong tình hình hiện nay. Đây cũng là vấn đề khó khăn, phức tạp, nhạy cảm, vừa là cấp bách vừa là lâu dài, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, thường xuyên chỉ đạo sâu sát, quyết liệt với tinh thần "khẩn trương, chặt chẽ, ổn định và hiệu quả" đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đi vào thực tiễn, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong giai đoạn hiện nay và theo định hướng phát triển trong thời gian tới.

Kết quả là đến nay tỉnh Bình Dương đã giảm 04 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các sở, ngành cấp tỉnh đã thực hiện giảm từ 1- 2 phòng chuyên môn. Về con số cụ thể tôi sẽ cung cấp sau.

3. Theo ông, đối với chính quyền ở các đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương có cần phải sắp xếp lại theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) và Đề án của Tỉnh ủy Bình Dương hay không? Tại sao?

Chính quyền đô thị ở tỉnh Bình Dương như các thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên và các phường, thị trấn cũng nằm trong tổng thể chính quyền của tỉnh Bình Dương, vì vậy thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước và theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) và Đề án 711 thì các cấp CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ cũng cần phải sắp xếp tinh gọn lại bộ máy. Hơn thế nữa, CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ là đầu tàu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho nên cần phải xây dựng một bộ máy hoạt động chuyên nghiệp, linh hoạt, hiện đại nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.

4. Theo ông, trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ tại tỉnh Bình Dương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả còn gặp phải những khó khăn, hạn chế nào?

Hoạt động tinh giản bộ máy hệ thống chính trị của tỉnh nói chung và chính quyền ở các đô thị nói riêng ở tỉnh Bình Dương thời gian quan triển khai và thực hiện khá quyết liệt và đã đạt được những thành tựu khả quan. Tuy nhiên, việc tinh giản bộ máy chính quyền ở các đô thị của tỉnh còn có những hạn chế, nhất là việc sáp nhập các phòng, các đơn vị sự nghiệp mặc dù đã được triển khai nhưng sau khi sáp nhập vẫn còn các phòng, các đơn vị sự nghiệp trùng lặp chức năng, nhiệm vụ như Phòng Giáo dục và Đào tạo với Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Phòng Kinh tế với Trung tâm dịch vụ nông nghiệp ... làm cho bộ máy chính quyền ở đô thị chưa bảo đảm tính tinh gọn làm giảm hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền.

5. Theo ông nguyên nhân của những hạn chế hiện nay là gì?

Theo tôi, có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu tập trung vào các nguyên nhân sau:

- Biên chế của tỉnh thấp, không được bổ sung trong thời gian dài, gây khó khăn cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong từng cơ quan, đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

- Nhiều vấn đề như sáp nhập, hợp nhất chưa được quy định, hướng dẫn rõ; các mô hình làm điểm rút kinh nghiệm chưa được tổng kết đánh giá để thấy tính khả thi, hiệu quả.

- Tình hình phát triển của tỉnh thời gian qua nhanh, tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa cao, tỷ lệ người ngoài tỉnh làm việc chiếm trên 50% dân số, đặt ra nhiều vấn đề về an sinh xã hội, an ninh trật tự phải giải quyết, tạo áp lực rất lớn cho đội ngũ cán bộ, công chức, kể cả người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở, nhất là các địa bàn trọng điểm, giáp ranh, khu, cụm công nghiệp.

- Công tác cải cách hành chính tuy đạt nhiều kết quả, nhưng thủ tục hành chính một số lĩnh vực còn nhiều, ứng dụng công nghệ vào quản lý, điều hành thiếu đồng bộ... gây áp lực đối với cán bộ, công chức, làm ảnh hưởng trực tiếp đến thời gian, tiến độ, kết quả giải quyết công việc của tổ chức và công dân.

6. Xin ông cho biết, cần có giải pháp nào để xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở Bình Dương hiện nay?

Các cấp chính quyền của tỉnh Bình Dương, trong đó có CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ các cấp cần tập trung các giải pháp sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối cơ quan hành chính, ĐVSNCL và cơ cấu tổ chức bên trong, thực hiện tinh giản biên chế theo các Nghị quyết 18, Nghị quyết 19 của Ban chấp hành Trung ương khóa XII, Kết luận 28-KL/TW ngày 28/02/2022 của Bộ Chính trị, Quyết định số 1046/QĐ-TTg ngày 06/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các Nghị định của Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế.

- Tiếp tục rà soát và kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng cấp phó trong cơ quan hành chính, ĐVSNCL theo tiêu chí quy định; Ban hành quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan hành chính, ĐVSNCL sau khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn; Sắp xếp, tổ chức lại hoặc giải thể đơn vị hoạt động không hiệu quả, chuyển giao nhiệm vụ cho đơn vị khác đảm nhận; Thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện.

Vâng, rất cảm ơn ông về những trao đổi vừa rồi.

IV. Biên bản PVS số 4

Thời gian: Ngày 26/12/2023

Đối tượng PV: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Phó Chủ tịch UBND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Xin chào ông! Xin ông cho biết một số thông tin về vấn đề xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả ở thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1. Xin cho biết, ông đánh giá như thế nào về cơ cấu tổ chức và hoạt động của UBND thành phố Thuận An theo Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG năm 2015?

Cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của UBND các cấp ở đô thị nói chung và UBND thành phố Thuận An nói riêng được thực hiện theo đúng khuôn mẫu chung của cả nước, dựa trên các quy định quản lý nhà nước trong các ngành, lĩnh vực được hỗ trợ bởi công cụ về tổ chức, quy trình, thủ tục, tổng thể chúng tạo nên cơ chế quản lý hành chính trên địa bàn đô thị. Cụ thể là tuân theo đúng Luật Tổ chức CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2015 và Văn bản hợp nhất 22/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Tổ chức chính quyền địa phương do Văn phòng Quốc hội ban hành.

2. Theo ông, với cơ cấu tổ chức hiện nay, trong quá trình quản lý, điều hành UBND thành phố Thuận An có bảo đảm được tính tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả hay không?

Với cơ cấu tổ chức hiện tại, UBND thành phố Thuận An cơ bản đã thực hiện ngày càng tốt hơn chức năng là cơ quan chấp hành của HĐND cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, khắc phục các khó khăn, thách thức, tận dụng tốt các thời cơ để tập trung công tác chỉ đạo, điều hành; có sự phân định trách nhiệm của cá nhân và tập thể UBND, trong đó đề cao vai trò, trách nhiệm của Chủ tịch UBND.

3. Xin ông cho biết, với cơ cấu tổ chức hiện nay, trong quá trình quản lý, điều hành UBND thành phố Thuận An có gặp những khó khăn, hạn chế nào hay không?

Theo tôi, hạn chế lớn nhất là cơ chế quản lý hành chính chủ yếu thiên về tổ chức thực hiện, vận dụng và thừa hành giống như chính quyền ở các huyện mà không nghiêng về thiết kế hoạch định chiến lược, xây dựng quy tắc xử sự có tính tự chủ cao như các đô thị khác trên thế giới. Bên cạnh đó, việc tổ chức quản lý hành chính đô thị cần một quy mô thích hợp và điều kiện nguồn lực, đặc thù của địa bàn đô thị nhằm nâng cao tính tự chủ của chính quyền đô thị thì lại vượt quá thẩm quyền và ranh giới hành chính với cấu trúc hành chính dàn đều.

4. Theo ông, cần phải làm gì để khắc phục những khó khăn, hạn chế hiện nay trong cơ cấu tổ chức nhằm đảm bảo cho UBND thành phố Thuận An hoạt động

hiệu lực, hiệu quả?

Theo tôi, để các đô thị cấp tỉnh nói chung hay UBND thành phố Thuận An nói riêng hoạt động hiệu quả cần thiết kế cơ chế theo hướng hoạch định chiến lược phát triển, phân cấp, phân quyền mạnh hơn cho chính quyền đô thị bảo đảm cho chính quyền điều hành một cách linh hoạt, hiệu quả với tính tự chủ cao. Nhất là, cần có cơ chế trao quyền mạnh để CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ Thuận An chủ động đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội; chủ động điều tiết nguồn vốn để đầu tư các dịch vụ công thiết yếu; chủ động trong việc đào tạo tuyển dụng CÁN BỘ, CÔNG CHỨC phù hợp với yêu cầu phát triển của đô thị.

5. Ông đánh giá như thế nào về kết quả thực hiện tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị thành phố Thuận An theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW (khóa XII) và Đề án của Tỉnh ủy Bình Dương?

Nhìn chung, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền từ thành phố Thuận An đến cơ sở có nhiều chuyển biến tích cực, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và người lao động đã ý thức được trách nhiệm, tích cực trong công tác; tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, đứng đầu cơ quan, đơn vị nhất là đối với các phường được phát huy, kịp thời quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy của địa phương kết hợp thường xuyên việc duy trì thực hiện Quy chế làm việc của cấp ủy, của cơ quan, đơn vị, xây dựng và triển khai kế hoạch công tác hàng năm gắn với thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách thường xuyên, từ đó góp phần vào việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị thị xã.

Do yêu cầu nhiệm vụ chính trị đòi hỏi cán bộ khi thực hiện kiêm nhiệm các chức danh phải chủ động sắp xếp, bố trí công việc theo khoa học. Tuy nhiên việc đảm nhận cùng lúc nhiều vị trí, vai trò cũng phát sinh những khó khăn nhất định, nhất là khâu tập trung thực hiện các nhiệm vụ kiêm nhiệm, trong khi chế độ, chính sách đối với cán bộ kiêm nhiệm chưa tương xứng với tính chất, hiệu quả công việc được giao.

Việc thực hiện tinh giản biên chế chủ yếu vẫn là cắt giảm số lượng biên chế chưa sử dụng kết hợp vận động cán bộ, công chức, viên chức sắp đến tuổi nghỉ hưu, một vài cấp ủy chưa quyết liệt trong việc tinh giản các trường hợp năng lực còn hạn chế; số lượng biên chế giảm sâu, khối lượng công việc ngày càng tăng, yêu cầu ngày càng cao đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả, tiến độ thực hiện công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong điều kiện kinh tế - xã hội thị xã ngày càng phát triển.

Vâng, rất cảm ơn ông về những trao đổi vừa rồi.

V. Biên bản PVS số 5

Thời gian: Ngày 28/12/2023

Đối tượng PV: Ông Trần Khắc Tuấn - Phó Trưởng phòng Cải cách hành chính - Địa giới hành chính, Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương.

Xin chào ông! Xin ông cho biết một số thông tin về kết quả cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền tỉnh Bình Dương thời gian qua.

1. Xin cho biết, tỉnh Bình Dương đã triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh như thế nào?

Công tác cải cách hành chính được Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh thường xuyên quan tâm và chỉ đạo sâu sát; lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính, tập trung khắc phục những hạn chế, thiếu sót, đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập để cải thiện mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân. Các ngành, các cấp luôn xem công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong quản lý, điều hành; công tác triển khai, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC theo Chương trình, Kế hoạch của Trung ương và của tỉnh luôn được đặt lên hàng đầu; hiệu quả công tác CCHC là thước đo, là công cụ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và qua đó, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác CCHC từ cấp tỉnh tới cấp xã.

2. Ông đánh giá như thế nào về kết quả triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh Bình Dương trong thời gian qua?

Công tác cải cách TTHC được quan tâm tập trung chỉ đạo quyết liệt, các TTHC đã được thường xuyên kiểm tra, rà soát gắn với thực hiện chuyển đổi số; dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần được các cơ quan, địa phương tập trung triển khai. 100% TTHC sau khi Chủ tịch UBND tỉnh công bố đã được cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC và công bố, công khai quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC. Cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ hành chính cho tổ chức, cá nhân được duy trì nề nếp; Trung tâm Hành chính công tỉnh và Trung tâm phục vụ hành chính công cấp huyện tiếp tục phát huy hiệu quả được tổ chức, cá nhân đồng tình ủng hộ.

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, thông tin tuyên truyền về hoạt động cải cách TTHC, một cửa, một cửa liên thông, hành chính công được triển khai thực hiện đồng bộ theo định hướng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, tập trung vào rà soát, nâng cấp, thuê, mua sắm trang thiết bị phần cứng, phần mềm để đáp ứng yêu cầu về an toàn bảo mật, yêu cầu về bản quyền, tốc độ xử lý, dung lượng lưu trữ máy tính... đáp ứng yêu cầu của việc kết nối cơ sở dữ liệu của Đề án 06, Cổng dịch vụ công

tỉnh và Công dịch vụ công quốc gia.

3. Theo ông, với những kết quả đạt được trên lĩnh vực cải cách hành chính của tỉnh Bình Dương thời gian qua, CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ các cấp của tỉnh đã triển khai và đạt được những kết quả như thế nào?

Hoạt động cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực của chính quyền đô thị của tỉnh Bình Dương thời gian qua triển khai và thực hiện khá quyết liệt và đã đạt được những thành tựu khả quan giảm nhiều thủ tục hành chính không cần thiết, nâng cao hiệu lực điều hành của chính quyền đô thị.

4. Theo ông, đâu là những hạn chế, khó khăn khi thực hiện cải cách hành chính ở CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ các cấp của tỉnh Bình Dương hiện nay?

Theo tôi, việc cải cách hành chính và nâng cao hiệu lực CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ của tỉnh vẫn còn có những hạn chế, nhất là các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đô thị, quản lý đất đai còn khá rườm rà, nhiều kẽ hở nên còn bị các tổ chức cá nhân lợi dụng để tiến hành các hoạt động vi phạm pháp luật

5. Xin ông cho biết, khi thực hiện cải cách hành chính sẽ gây ảnh hưởng như thế nào đến việc xây dựng thành công CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả?

Theo tôi, CCHC sẽ đem lại nhiều lợi ích cho nhân dân là động lực lớn nhất của việc xây dựng CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ. Trong CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ thì các TTHC sẽ được công khai, minh bạch, thời gian giải quyết công việc cũng sẽ nhanh hơn, công dân được quyền nêu lên quan điểm của mình và hệ thống cán bộ, công chức trong nền chính quyền ấy cũng phải đảm bảo được năng lực làm việc và thái độ, tác phong làm việc. Nói đơn giản thì người dân sẽ được phục vụ giống như những khách hàng, họ có quyền biết được giá cả, họ có quyền đưa ra những nhận xét, đánh giá về chất lượng dịch vụ.

Vâng, rất cảm ơn ông về những trao đổi vừa rồi.